BỘ 2 • SỐ 11 • THÁNG BA, 1990

THẾ KỶ 21

CHÍNH TRỊ • VĂN HỌC • LỊCH SỬ

Liên Xô sửa hiến pháp Rồi sao đây?

VƯƠNG HỮU BỘT

Xem triển lãm ảnh "Việt Nam Hôm Nay" của Huỳnh Tâm

LÊ TAM CA

TRANG BỊ MÁY MÓC TỐI TÂN & ÁP DỤNG KỸ THUẬT CAO

Kim Luu PHOTO STUDIO

10495 BOLSA AVE # 102 - WESTMINSTER, CA 92683

(góc Bolsa & Ward trong khu Thương Xá Nguyễn Huệ, quay mặt đường Ward)

Tel: (714) 775-6720

PROFESSIONAL CHÂN DUNG, ĐÁM CƯỚI

- ** Rửa hình màu 1 giờ lấy ngay*
- ** Rọi hình trắng đen và màu đủ cỡ*
- ** Ghép hình mỹ thuật*
- ** Biến hình cũ thành hình mới không cần phim*
- ** Chụp hình thẻ xanh, quốc tịch, Passport Photo chờ lấy ngay.*

OPEN 7 DAYS A WEEK: 9AM — 8PM

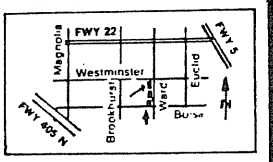

1 HOUR FASHION PHOTO

ĐẶC BIỆT:

RỬA 1 CUỐN PHIM SIZE 4X6
CHỈ CÓ: $8.99

CHỤP NGUYÊN 1 CUỐN FASHION PHOTO (SPECIAL EFFECT GRAPHIC BACK GROUND) CHỈ CÓ $35.00
LẤY TRONG 1 GIỜ

CÁC BẠN CHỤP XONG CHỈ CHỜ 1 TIẾNG LÀ THẤY HÌNH NGAY

QUÝ VỊ ĐỘC GIẢ KHẮP THẾ GIỚI CÓ THỂ MUA TẠP CHÍ THẾ KỶ 21 TẠI CÁC TIỆM SÁCH DƯỚI ĐÂY:

Tại **PHÁP:**
* Le Tai Dien
21 Jean Racine
95400 Villiers-Le-Bel
Paris-France

* Nam Á
44, Ave. D'Ivry
Paris
75013 France

Tại **TÂY ĐỨC:**
* Lê Vũ
Flattichstr. 55
7140 Ludwigsburg
Hoheneck W. Germany

Tại **CANADA:**
* Nhà sách Trung Việt
6520 Darlington - Montreal
Qué H3S2J3
Canada
Tel. (514) 341-1740

* Vietnam Bookstore
415 Spadina Ave.
Toronto - Ont - M5T2G6
Canada
Tel. (416) 595-5199

* Kim Sơn
265 E. Hasting
Vancouver B.C.
V6R1P2 Canada
(604) 689-5188

* Quê Hương Publishing
15 Rochdale Ave.
Toronto
M6E1W9 Canada

Tại **Úc:**
* Tòa soạn báo Việt Luận
PO Box 592
Bankstown, NSW 2200
Australia

* Văn Lang Publishing
1st Floor. 34 Old Town
Plaza Bankstown
NSW 2200 Australia

* Vietnamese Lang & Cult. Pub.
PO Box. 133
Pascoe Vale South
Vic. 3044 - Australia

Tại **NHẬT BẢN**
* Mekong Center
F140 Tokyo - To, Shinagawaku
Yashio, 5-12-69-115
Japan

* Thằng Bờm
1 Shinowada 262 Ichodanchi
72-918
Yamatoshi Kanagawaken
Japan

Tại **HOA KỲ:**

Minnesota:
* Saigon Bookstore
1721 E. Lake St.
Minneapolis, MN 55407
Tel. (612) 722-4360

Washington State:
* Tòa soạn tuần báo
Người Việt Tây Bắc
3111 M.L King Jr. Way
Seatle, WA 98144
Tel. (206) 722-6984

Virginia:
* Nhà sách Alpha
6771 Wilson Blvd.,
Falls Church, VA 92201
Tel. (703) 524-2011

* Nhà sách Thế Hệ
6763 Wilson Blvd. #9
Falls Church, VA 22044
Tel. (703) 532-7890

Florida:
* Tiến Hưng
1108-1112 E Colonial Dr.
Orlando. FL. 32803
(305) 841-5677

* Đông Phương
3638 Hendenson Blvd.
Tampa. FL 33609
(813) 874-0526

New York
* Tú Quỳnh
85 Boweris St. #8B
New York, NY-10002
(212) 925-1513

Massachusetts
* Thăng Long
201 Adams St.
Dorchester, MA. 02122

Colorado
* Đức Hòa
333 S. Federal Blvd. #128
Denver, CO. 80219

Louisiana
* Về Nguồn
1717 Caal St. Suite 12
New Orleans, LA 70112

* Tiên Nha Trang
3709 G. West Bank
Expressharvey
LA 70058
(504) 340-4626

Missouri
* Saigon Center
424 Locus
Kansas, MO. 64106
(816) 421-6838

New Mexico
* Kim's Cafe
1800 Central Ave.
Albuquerque, NM. 87106

Texas
* Tinh Hoa Bookstore
2800 Travis #5
Houston, TX 77006

* Duyên Hải
2200 Jefferson St. #5
Houston, TX 77003

* Văn Hóa Publishing
2606 Main St. #114
Houston, TX 77002

* Văn Hóa
2117 K Chenevert
Houston, TX 77003
(713) 650-1770

* Liên Hương
8610 Lamar Blvd.
Austin, TX 78753

* Pacific Oriental Market
6617 Airport Blvd.
Austin, TX 78753

California:
* Toà soạn nhật báo
Người Việt Bắc Cali
71 E. William St.
San Jose, CA 95112
Tel. (408) 297-3988

* Mây Hồng
115 N. Fourth St. #105
San Jose, CA 95112
Te. (408) 971-9808

* Tây Đô
2855 F Senter Rd.
San Jose, CA 95111
Te. (408) 224-4130

* Nhà sách Toàn Thư
79 S. 3rd #12
San Jose, CA 95133

* Thanh Thúy Bookstore
535 Eddy St.
San Francisco, CA 94109
Tel. (415) 775-6568

* Cửu Long
528 W. Alpine
Los Angeles, CA 90012
Tel. (213) 620-9650

* Tự Do
818 Tully Rd. #158 A
San José, CA 95100

* Tự Lực
14138 Brookhurst St.
Garden Grove, CA 92643
Tel. (714) 531-5290

* Tú Quỳnh
9581 Bolsa Ave.
Westminster, CA 92683
Tel. (714 531-4284

* Quê Mẹ
2339 W. First St.
Santa Ana, CA 92703
Tel. (714) 543-3069

* Văn Khoa
9200 Bolsa Ave., Ste 123
Westminster, CA 92683
Tel. (714) 892-0801

Các nhà sách muốn nhận bán Tạp chí Thế Kỷ 21 xin vui lòng liên lạc với chúng tôi. Hoa hồng cao.

Nhà xuất bản NGƯỜI VIỆT
14841 Moran St.,
Westminster, CA 92683
USA

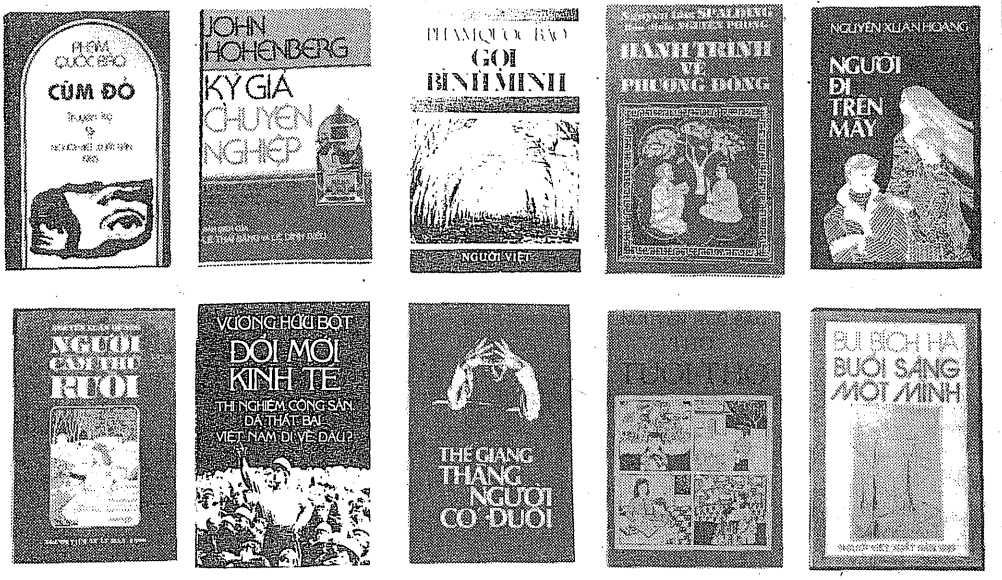

Nhà Xuất Bản
NGƯỜI VIỆT

14841 Moran Street,
Westminster, CA 92683
Tel: (714) 892-9414 & 892-9316
Fax: (714) 894-1381

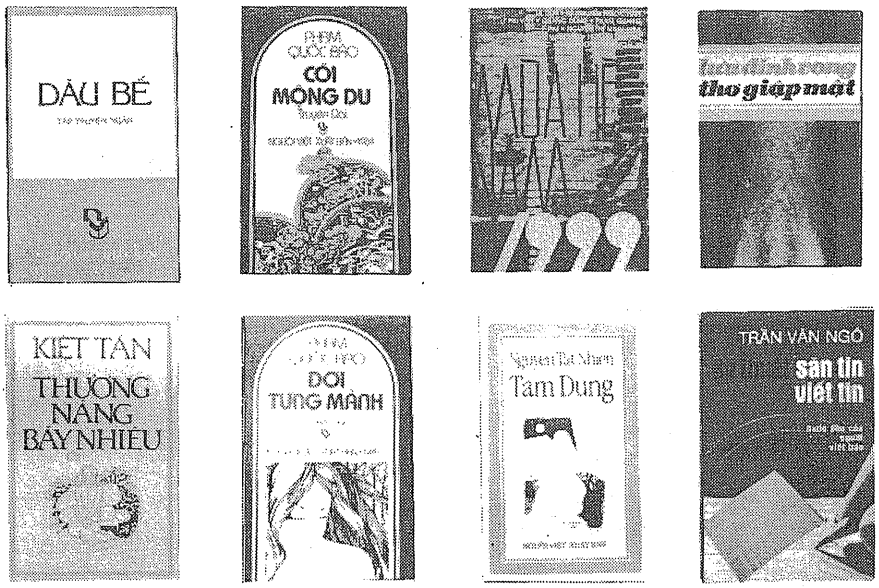

TẠP CHÍ
THẾ KỶ 21
CHÍNH TRỊ • VĂN HỌC • LỊCH SỬ

14841 Moran St.
Westminster, CA 92683
USA
ĐT: (714) 892-9414
Fax: (714) 894-1381

Chủ nhiệm:
Đỗ Ngọc Yến

Chủ bút:
Vương Hữu Bột

Chủ biên văn học:
Nguyễn Xuân Hoàng

Chủ biên biên khảo:
Lê Đình Điểu

Giám đốc mỹ thuật:
Nguyễn Đồng

Giám đốc trị sự:
Tâm Quyên

Thư toà soạn

Bạn đọc thân mến,

Bắt đầu từ số này, ngoài những bài biên khảo, phân tích, bình luận về thời sự, lịch sử, chính trị, văn học; những sáng tác văn học; những bài viết ngắn về người và việc; những phỏng vấn... Thế Kỷ 21 *mở mục thường xuyên:* Trong Cõi Người Ta. *Mục này do tòa soạn, văn hữu, và bạn đọc cùng đóng góp. Như cái tên "Trong Cõi Người Ta" đã gợi ý, đây là một* chương trình tạp lục, *gồm đủ Kim Trọng lẫn Thúy Kiều, bạc ác như Tú Bà, Sở Khanh cũng có, hào hùng như Từ Hải, đạo đức như vãi Giác Duyên, tròn trịa như Thúy Vân, danh ác như Hoạn Thư cũng được v.v... Mời các bạn văn và quý vị độc giả tham dự, gửi về các mẩu chuyện văn chương, chuyện con người, chuyện chính trị, chuyện lịch sử, chuyện tầm thường của cuộc sống mỗi ngày... Xin viết ngắn, gọn, trong sáng và hài hước nếu có thể. Ban Biên Tập xin phép... biên lại nếu cần.*

Thế Kỷ 21 *bắt đầu từ số này cũng có một vài thay đổi nhỏ khác muốn trình cùng bạn đọc. Đó là mỗi kỳ Thư Toà Soạn sẽ làm công việc giới thiệu nội dung số báo, thông báo những việc làm sắp tới, và đôi khi... nhìn lại những số đã qua. Phần nội dung mục lục vẫn sẽ chiếm một trang riêng như thường lệ.*

Trong số này có hai bài -- một là của nhà văn Xuân Vũ viết về Nguyễn Đình Thi, và hai là của Stephen J. Morris -- do Nguyễn Thiên Ân dịch, viết về những khuôn mặt trí thức ngụy hòa -- do chiều dài của nó, chúng tôi đã mạn phép các tác giả và dịch giả chia ra hai phần và đi trong hai kỳ báo.

Cũng qua thư tòa soạn kỳ này xin được thông báo cùng bạn đọc trong vài số tới Thế Kỷ 21 *sẽ khởi đăng một truyện dài hoặc của một tác giả ngoại quốc hoặc của một nhà văn đương thời.*

Mời bạn đọc góp ý và đón đọc.

THẾ KỶ 21

• *Giá báo dài hạn:* Bulk Rate trong nước Mỹ: 6 số US$12; 12 số US$24; 24 số US$48; 36 số US$72. First class trong nước Mỹ: 6 số US$18; 12 số US$36; 24 số US$72; 36 số US$108. Canada: 6 số US$20; 12 số US$40; 24 số US$80; 36 số US$120. Các nơi khác: 6 số US$21; 12 số US$42; 24 số US$84; 36 số US$126. Gửi phiếu hoặc thư đặt mua báo về 14841 Moran St., Westminster, CA 92683. ĐT: (714) 892-9414 FAX (714) 894-1381. *Quảng cáo:* Liên lạc địa chỉ nêu trên. THẾ KỶ 21: Xuất bản và phát hành bởi Công Ty Người Việt (Nguoi Viet. Inc.) 14841 Moran St., Westminster CA 92683. Cước phí bulk rate trong nước Mỹ trả tại Santa Ana, California. In tại nhà in riêng, Los Angeles, California. Bài gửi cho THẾ KỶ 21 xin viết trên một mặt giấy; các nhãn danh / địa danh xin viết bằng chữ in hoa. Nếu gửi cho nhiều báo xin ghi chú trong bài, để tòa soạn tùy nghi giải quyết. Bài không đăng không trả lại bản thảo. Tiền nhuận bút tùy theo thỏa thuận giữa tòa báo và tác giả. Bài của cộng tác viên và thân hữu đăng trên THẾ KỶ 21 không nhất thiết phản ảnh quan điểm của tờ báo. Trích đăng bài của THẾ KỶ 21 phải có sự đồng ý của tòa báo và đề rõ xuất xứ.

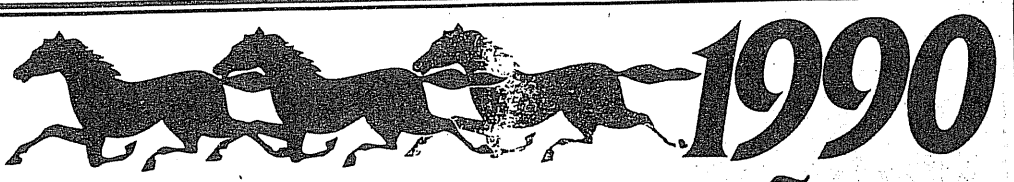

1990

HỌC ANH-NGỮ VỚI VIDEO

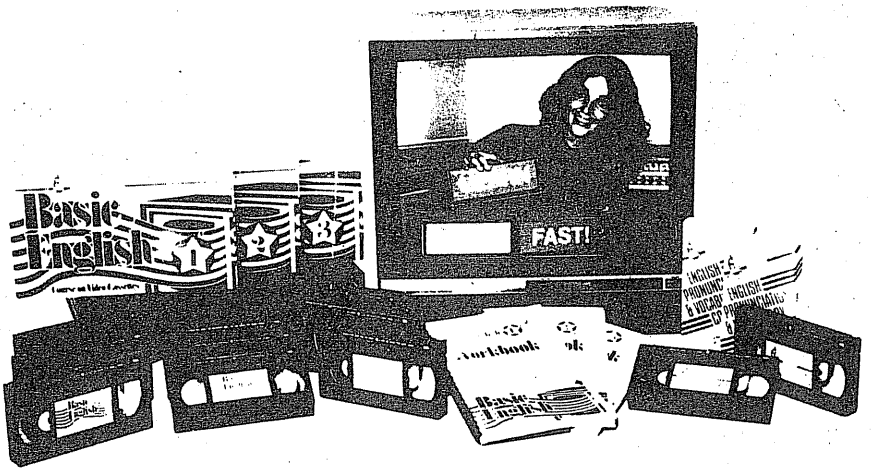

Năm Canh Ngọ...1990...
Một biểu tượng cho quyền hành và sức mạnh của thời xưa...
Ngày nay, hơn bao giờ hết, quyền hành và sức mạnh
là do kiến thức mà ra.
Việc nói giỏi tiếng Anh sẽ cho bạn một kiến thức đặc biệt
mà bạn không thể không có trong thập niên 1990...
Giờ đây, để đón mừng năm Canh Ngọ, Viện Ngữ Học American Video Language Institute đang giảm giá đặc biệt cho khóa Anh Ngữ Căn Bản trên băng Video của Viện.
Đây là khóa học mà bạn từng đã nghe qua; khóa học thật mau, thật vui và thật hiệu nghiệm!
Hãy học nói tiếng Anh như một người bản xứ!

Muốn biết thêm chi tiết về
khóa Anh Ngữ Căn Bản hoặc khóa Phát Âm Và Ngữ Vựng
của Viện Ngữ Học American Video Language Institute

Xin gọi

Cô HOÀNG PHAN hoặc Cô DIỆU LÊ

1-800-553-8282

AMERICAN
VIDEO LANGUAGE INSTITUTE, INC.

VHS
BETA

3909 N.E. 163rd Street, Suite 308
North Miami Beach, FL 33160 U.S.A.

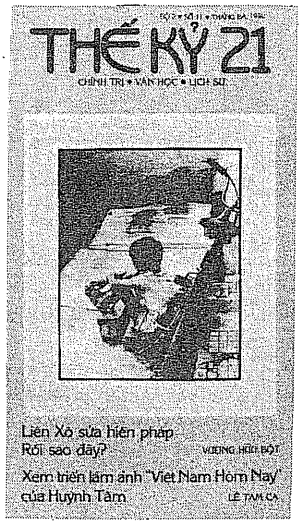

Ảnh bìa
Trường Đời
của nhiếp ảnh gia
Huỳnh Tâm
Trình bày
Nguyễn Thị Hợp

TRONG SỐ NÀY

Thư toà soạn, TK21, 3 * *Thư bạn đọc*, 6 * Thời sự trong tháng, LÊ THỤY, 8 * *Hí họa* GÚC, 9 * *Liên Xô sửa hiến pháp, rồi sao đây?* VƯƠNG HỮU BỘT, 10 * *Nga Sô và Việt Nam*, NGUYỄN HỮU CHUNG, 12 * *Nước Nga đổi mới*, LÊ ĐÌNH ĐIỂU, 14 * *Trận bão nhân quyền ở Đông Âu*, ÂU DƯƠNG THỆ, 18 * *Thơ* DIỄM CHÂU, 21 * *Truyền thống dân chủ đã thức dậy*, VACLAV HAVEL - ĐẶNG HOÀNG dịch, 22 * *Một cuộc đời như một tác phẩm nghệ thuật*, MILAN KUNDERA, THẠCH CHƯƠNG dịch, 24 * *Một vài hình ảnh trung thực về đám trí thức ngụy hòa*, STEPHEN J. MORRIS, NGUYỄN THIÊN ÂN dịch, 27 * *Thơ* TRẦN VĂN NAM, 33 * *Người bạn quê hương*, NGUYỄN ĐĂNG THƯỜNG, 34 * *Một ngày rất vui vẻ*, NGUYỄN THỊ HOÀNG BẮC, 38 * *Tranh* THÁI TUẤN, 41 * *Đầu năm nghe chơi một băng nhạc mừng xuân*, TƯỜNG NĂNG TIẾN, 42 * Hí họa GÚC, 43 * *Trần Vũ: Tôi không có nhiều quá khứ với Việt Nam*, VŨ TRẦN LAM SƠN thực hiện, NGÔ LÊ TRỌNG TÚ ghi, 46 * *Buổi tối mất chân trời*, TRẦN VŨ, 51 * *Tranh* NGỌC DŨNG, 55 * *Thơ* TRẦN SA, 56 * *Nguyễn Đình Thi, Tiếng rên cuối cùng của con nai đen*, XUÂN VŨ, 58 * *Trầm Tử Thiêng, âm nhạc vang lên từ những biến cố của đời sống*, NGUYỄN XUÂN HOÀNG, 64 * *Những câu hỏi trong thơ ở Việt Nam*, NGÔ CHÂN VĂN, 66 * *Lưu vong, một tâm thức sắp hết*, NGUYỄN VĂN SÂM, 73 * *Thơ* ALVARO DE CAMPOS, 75 * *Thơ* NGUYỄN MẠNH TRINH, 76 * *Salman Rushdie về đâu với Quỷ Kinh*, SARAH CRICHTON, LAURA SHAPIRO, VANN PHAN lược dịch, 78 * *Đi xem triển lãm Việt Nam Hôm Nay của Huỳnh Tâm*, LÊ TAM CA, 80 * *Vừa xảy ra đang nói tới, Kiều Chinh và Hollywood*, (NNA), 82 * *Hồ Chí Minh đạo văn*, LH, 83 * *Cộng Sản Nga chịu thua một nhạc sĩ*, NCV, 84 * *Chữ và nghĩa*, ĐỖ TỈNH phụ trách, 85 * *Trong cõi người ta*, VƯƠNG CÔNG TỬ, 86 * *Sách báo trong tháng*, NGUYỄN NAM ANH, 88. * *Toà soạn và bạn đọc*, 91.

Thư bạn đọc

Súc tích - gọn - rõ ràng

Bài vở súc tích, hi vọng cứ giữ vững như vậy, bởi vì kinh nghiệm cho thấy thường thường các số sau ít được chăm sóc bằng các số trước. Rất thích các bài phân tích của Hoàng Linh. Hoan hô mục "mỗi kỳ một tiếng thơ" với lời dẫn nhập đưa độc giả "gần với thơ hơn."

Lưu ý ảnh cần chú thích tên nhân vật và nhiếp ảnh viên.

NGUYỄN THÀNH ĐẮC, Texas.

Cần tăng trang Văn Học

Đề nghị tăng cường trang văn học nghệ thuật. Liều lượng như một vài số qua là "ép" Văn Học quá. Các bài phân tích chính trị và biên khảo nên không quá 50%. Năm mươi phần trăm nên dành cho thơ văn.

Cũng xin giữ đều mục trao đổi với các tác giả. Thêm mục tin tức văn nghệ thế giới và Việt Nam, trong cũng như ngoài nước.

NGUYỄN THANH, Toulouse, France

Đóa hoa lạ trong làng báo hải ngoại

Tờ *Thế Kỷ* thật là một đóa hoa lạ trong làng báo hải ngoại. Tôi xin gửi lời chúc mừng và hy vọng *Thế Kỷ 21* sẽ luôn luôn tiến mãi.

Tiện đây tôi xin gửi truyện "P.V.D.P" gọi là góp mặt với quý vị. Bài nếu thấy đăng được, thay vì nhuận bút, xin gửi báo cho tôi.

Xin chúc toàn thể anh em tòa soạn một năm mới an lành.

LXN, Lousiana

Đang đọc bài của ông. Sẽ có thư riêng. Vô cùng cám ơn lòng ưu ái của ông đối với TK21. Chúc ông sáng tác đều, mạnh. Thân kính.

Văn học nghệ thuật là cái cần đổi mới trước cả kinh tế mới phải

Cuốn Đổi Mới Kinh Tế viết khá công phu tôi nghĩ về mọi sinh hoạt xã hội, trong quỹ đạo của tư tưởng Mác xít cũng đều một gốc mà nảy sinh. Về văn học nghệ thuật lại là cái cần đổi mới trước cả kinh tế mới phải.

Đạo lý của Việt Nam, ông cha ta đã dạy: có đạo lý thì có tất cả. Mà đạo lý đi từ sự tôn trọng cá nhân con người thì sự thành công đổi mới kinh tế cũng sẽ trở nên bạo lực. Cộng sản Sô Viết không nghèo. Sức mạnh quân sự của nó tốn hao tiền bạc lắm chứ. Song dân chúng thì khổ cực. Độc tài như Hitler cũng giàu mạnh đấy chứ! Chinh phục gần khắp châu Âu (nếu không có Mỹ can thiệp, chắc nó đã thành công). Nhựt Bổn cũng thôn tính khắp Đông Nam Á nhờ kinh tế tụi nó thành công, nên súng ống thì nhiều mà bánh mì thì thiếu.

Thực sự Cộng sản phải đổi mới quan niệm về *CON NGƯỜI* trước hết. Có đổi thay được ý niệm thì mọi sự sẽ vượt qua. Mọi vấn đề mới giải quyết được.

Tôi nghĩ ngày nay Cộng Sản vỡ từng mảng do cái bề nổi là kinh tế. Song cái bề sâu và quan trọng hơn chính là tư tưởng Mác xít thiếu tính chất nhân bản.

NVN, St Pryvè, France.

Không đồng ý về sự lẫn lộn giữa ý niệm chính trị và văn hóa dân tộc

Chúng tôi viết lá thư này để xin được đóng góp một chút ý kiến về một bài phân tích bình luận chính trị của một tác giả đăng trên *Thế Kỷ 21* bộ 1 số 7 tháng Mười Một, 1989.

Chúng tôi đồng ý về quan điểm chống Cộng của tác giả, nhưng hoàn toàn không đồng ý về sự lẫn lộn giữa ý niệm chính trị và văn hóa dân tộc như tác giả đã trình bày trong một đoạn văn khi đề cập đến hai tiếng "răng đen."

Răng đen là một cổ tục đầy dân tộc tính của người Việt Nam chứ nó không phải là một biểu tượng xấu xa để chỉ kẻ thù mà ta không chấp nhận. Tục lệ nhuộm răng đen, tuy nay đã bị coi là lạc hậu, nhưng, cũng như các tục ăn trầu, búi tóc, xâm mình, đều là các cổ tục của tổ tiên để lại chứ không phải là "cá tính riêng" của bọn lãnh tụ Cộng Sản Hà Nội.

... Vấn đề này được nêu ra vì mối quan tâm của chúng tôi đối với... chính chúng tôi. Vì, cũng như bao người trẻ khác, chúng tôi đang cố gắng học hỏi tìm hiểu về các lãnh vực văn hóa, chính trị và lịch sử của dân tộc ta qua những tài liệu sách báo có giá trị như quí báo.

LDS, Huntington Beach, Cali.

** Chúng tôi hoàn toàn đồng ý với ý kiến mà bạn đã nêu ra trong thư. Chúng tôi sẽ trao đổi cùng tác giả bài viết và xin mạn phép bạn đã trích lược, cắt bỏ bớt một vài đoạn trong thư.*

Thành thật cám ơn bạn đã đóng góp ý kiến xây dựng.

Mong được ý kiến thường xuyên của bạn để tờ báo của chúng ta ngày một tốt hơn. Mong bạn tha lỗi về sự chậm trễ. Thân mến. TK21.

SÁU TÁC PHẨM MỚI NHẤT
DO
NHÀ XUẤT BẢN **NGƯỜI VIỆT**
ẤN HÀNH

14841 MORAN ST., WESTMINSTER
CA 92683
(714) 892-9414 / 892-9316
FAX: (714) 894-1381

- GỌI BÌNH MINH
Truyện dài của PHẠM QUỐC BẢO
Sách dày 232 trang, giá 12.00 MK

- BUỔI SÁNG MỘT MÌNH
Tập truyện đầu tay của BÙI BÍCH HÀ
Sách dày 195 trang, giá 12.00 MK

- ĐỔI MỚI KINH TẾ
Biên khảo của VƯƠNG HỮU BỘT
Sách dày 318 trang, giá 14.00 MK

- TUYỂN TẬP THI VIẾT VĂN HÈ 88
NHIỀU TÁC GIẢ
Sách dày 135 trang, giá 8.00 MK

- THIÊN ĐÀNG TREO
Tập truyện XHCN của XUÂN VŨ
Sách dày 286 trang, giá 14.00 MK

- TỪ MỘT GIẤC MƠ
NHIỀU TÁC GIẢ
Sách dày 259 trang, giá 12.00 MK

NHỮNG CUỐN SÁCH KHÔNG THỂ THIẾU
TRONG TỦ SÁCH CỦA
GIA ĐÌNH VIỆT NAM HẢI NGOẠI

Thời sự tháng qua

LÊ THỤY

Những tin đồn đảo chánh ở Việt Nam

Trong những ngày cạn Tết và cả sau Tết Canh Ngọ, cộng đồng Việt Nam ở Hoa Kỳ, cũng như ở hải ngoại nói chung, đã nghe được nhiều tin đồn cho rằng có đảo chánh ở Hà Nội, Sàigòn... Và mọi người đều hỏi thăm nhau bằng các cú điện thoại viễn liên, từ New York qua Orange County, từ Seattle qua tận Florida.

Các tin đồn này chẳng qua là do sự...mong đợi từ quá lâu nay của dân chúng Việt Nam ở hải ngoại, khi thấy rằng làn sóng cải cách và cách mạng đã hất nhào liên tiếp các chế độ Cộng Sản, dù là ngoan cố và bảo thủ nhất, tại các nước Đông Âu trong vài tháng vừa qua. Mặt khác, sự bất mãn của phe "kháng chiến cũ" (gồm các phần tử chủ chốt của Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam trước đây, như Trần Văn Trà, Nguyễn Hộ, Trần Bạch Đằng, Dương Quỳnh Hoa...) ở trong nước và phe từ Trung Quốc về (đứng đầu là Hoàng Văn Hoan...), ngày một gia tăng, khiến người Việt Nam ở hải ngoại đã...tự nghĩ và mong ước đến một cuộc đảo chánh như vậy!

Thật ra, không phải là đã không có nguyên do khi các người Việt Nam ở hải ngoại cho rằng đã có đảo chánh ở Việt Nam, khi họ nhận được các tin tức nói rằng nhiều người Việt Nam về nước ăn Tết đã bị kẹt ở Bangkok, Thái Lan, vì máy bay không về tiếp được Sàigòn.

Từ các cộng đồng Việt Nam ở Gia Nã Đại, cũng cho tin nhiều nhà buôn về Việt Nam, đáng lẽ phải trở về Gia Nã Đại trong khoảng trước và sau Tết, đã không thể về được như hẹn trước, và đã đánh điện sang cho biết "không có máy bay".

Người Việt Nam ở hải ngoại, dựa trên các tin tức này càng tin rằng có một cuộc chính biến đang diễn ra tại Việt Nam, khiến Cộng Sản Việt Nam phải hạn chế các phi cơ ra, vào Tân Sơn Nhất.

Sự kiện nhiều người không rời Việt Nam được vì thiếu máy bay là có thật, vì Tết Canh Ngọ này, theo các tin tức từ Việt Nam cho biết, có đến 30,000 người Việt hải ngoại về ăn Tết, khiến nhà cầm quyền Cộng Sản không thể đối phó nổi với một khối lượng khách đông đảo đến như vậy.

Tình hình chính trị vẫn...bất động!

Tình hình chính trị Việt Nam vẫn chưa có gì chuyển biến mạnh mẽ, theo kiểu Đông Âu trong thời gian qua, mà chỉ là vài sự..."cựa quậy" thăm dò!

Trong khi Trung Ương Đảng Cộng Sản Nga Sô tán đồng bãi bỏ sự lãnh đạo độc tôn của đảng Cộng Sản này sau suốt 73 năm cầm quyền một cách độc đoán -- và được cả Hiến Pháp Nga Sô...công nhận, qua điều 6 -- tiếp theo một phiên họp sôi nổi kéo dài ba ngày tại Mạc Tư Khoa (kết thúc hôm 7 tháng Hai), thì tại Việt Nam, mặc dù bị "sốc" mạnh, song vẫn chỉ chịu đáp ứng...thay đổi, một cách... từ từ!

Một nhà ngoại giao Đông Âu ở Hà Nội, đã ghi nhận như sau:

"Các nhà lãnh đạo Cộng Sản Việt Nam không thể nào tiên liệu đến sự từ bỏ quyền lãnh đạo độc tôn của Đảng Cộng Sản Nga Sô "đàn anh vĩ đại" của họ cho được! Họ không thể nào tin được điều này sẽ xảy ra! Tôi cho rằng rồi đây các nhà lãnh đạo Cộng Sản Việt Nam cũng phải đáp ứng lại thôi!"

Trong khi Việt Nam không đưa ra một phản ứng hay bình luận chính thức nào về quyết định mạnh mẽ và bất ngờ trên của đảng Cộng Sản Nga Sô, thì Bùi Tín, phó Tổng biên tập của Nhật báo Nhân Dân, tiếng nói của Đảng Cộng Sản Việt Nam, đã lập lại một câu thường được nhắc đến nhiều lần trong các ngày qua tại đây, về các sự thay đổi đã diễn ra liên tiếp tại Đông Âu như sau:

"Đó là quyền của mỗi Đảng Cộng Sản, khi đưa ra các quyết định của họ, dựa trên các thực tế và các giai đoạn phát triển của chính nước họ! Tôi nghĩ rằng một tình hình như vậy cũng sẽ xảy ra tại đây, trong tương lai dài lâu. Tuy nhiên chắc chắn không phải là trong lúc này!"

Tuy nói vậy, cộng thêm với các lời khẳng định không từ bỏ vai trò lãnh đạo chính trị của Đảng Cộng Sản Việt Nam trong mấy ngày trước đó của Nguyễn Văn Linh, nhưng các tin tức từ Việt Nam cho biết Bộ Chính Trị và các cán bộ cao cấp trong đảng và nhà nước Cộng Sản Việt Nam, bao gồm cả một số tổng biên tập (chủ nhiệm) báo, đã họp tại Sàigòn, để bàn thảo về việc tổ chức một Đại hội vào tháng Ba 1990 này. Đây là đại hội chuẩn bị cho một Đại hội Đảng Toàn Quốc trong năm nay, dự trù sẽ được tổ chức vào trước cuối năm.

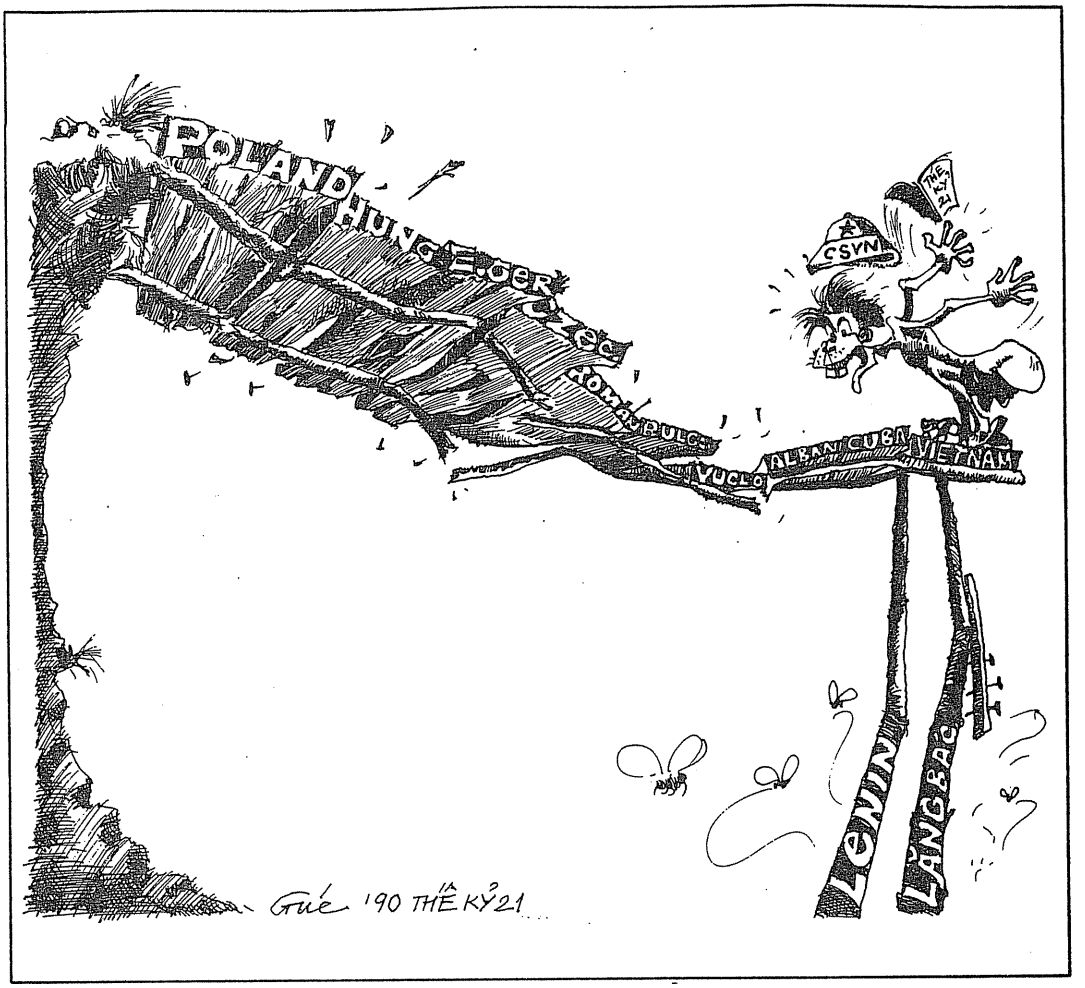

Các nguồn tin có thẩm quyền từ trong Đảng Cộng Sản Việt Nam cho biết Đại hội Đảng Toàn Quốc lần này, sẽ có nhiệm vụ đưa ra một chương trình hoạt động mới cho đảng và xúc tiến việc bầu một tổng bí thư mới để thay thế tổng bí thư Nguyễn Văn Linh, 74 tuổi, sẽ tuyên bố từ chức vì các lý do sức khỏe. Tuy nhiên một cách kín đáo, nguồn tin trên cho biết Nguyễn Văn Linh đã chẳng làm được gì cả, sau khi được bầu vào chức vụ này.

Mông Cổ cũng đã chuyển mình

Mông Cổ, một trong những "đàn em" ruột của Nga Sô trên thế giới và đặc biệt là trong vùng Á Châu, đã chấp nhận cho một đảng đối lập đầu tiên được thành lập tại đây. Đảng này lấy tên là "Đảng Dân Chủ Mông Cổ" (MDP), sau một phiên Đại hội có sự tham dự của khoảng 500 phần tử ly khai hôm 18 tháng Hai tại Cung Văn Hóa Công Đoàn ở thủ đô Ulan Bator.

Đảng Cộng Sản Mông Cổ -- có tên là Đảng Cách Mạng Nhân Dân Mông Cổ (MPRP) -- đã cầm quyền một cách độc tôn suốt gần bẩy thập niên qua. Đảng Cộng Sản Mộng Cổ, chỉ đứng sau Đảng Cộng Sản Nga Sô về mặt... thâm niên (Đảng Cộng Sản Nga Sô đã cầm quyền suốt 73 năm), nay lần đầu tiên phải chấp nhận sự thành hình của một đảng đối lập, sau khi nhận thấy rằng làn gió cách mạng dân chủ, tự do từ Đông Âu đã thực sự thổi đến từ hồi cuối tháng Chạp vừa qua.

Ngay sau khi thành lập Đảng Dân Chủ Mông Cổ, đã đòi các nhà lãnh đạo Cộng Sản cao cấp nhất của nước này phải từ chức, và truy tố cùng trừng trị "tất cả các cán bộ đã đưa đất nước đến việc lệ thuộc ngoại bang và khủng hoảng kinh tế hiện nay."

Rõ rệt là làn gió cách mạng dân chủ, tự do đã bắt đầu thổi sang vùng Á Châu, và rồi đây chắc chắn sẽ lan đến Việt Nam, Bắc Hàn và cả Trung Cộng, những nước được coi là ngoan cố nhất trước các làn sóng đổi mới hiện nay.

Vấn đề chỉ còn là thời gian!

LÊ THỤY

Tháng Hai, 1990

LIÊN XÔ SỬA HIẾN PHÁP RỒI SAO ĐÂY?

VƯƠNG HỮU BỘT

Ngày nay ít người còn nhớ tên Alexandre Ledru Rollin (1807-1874) trừ các nhà nghiên cứu cách mạng ở Pháp. Năm đó Ledru Rollin nói một câu giờ còn nổi tiếng: "Hãy coi, nhân dân đang tiến lên. Tôi phải chạy theo họ, vì tôi lãnh đạo họ." Nghe câu đó có vẻ nghịch lý. Nhưng thực ra cũng dễ hiểu, và rất thành thật.

Nhân dân các nước Đông Âu đã tiến lên, những nhóm cầm quyền ở Ba Lan, Hung líu ríu theo dân, cho nên đến giờ này vẫn còn giữ được chút quyền. Dân Tiệp Khắc, Đông Đức cũng đứng lên, bọn cầm quyền ở đó chậm chân không theo kịp, bỏ lỡ cơ hội. Chô chétx ku (Ceaucescu) ở Rumani không đi theo mà còn tính cản đường, cho nên mất mạng. Ý muốn và hướng đi của dân chúng ở khắp thế giới Cộng Sản là gì? Họ đã thấy cuộc thí nghiệm Cộng Sản thất bại, không mang lại cơm no, áo ấm, và tự do, hạnh phúc. Họ muốn bãi bỏ chế độ độc tài, bất lực và thối nát, để tự quyết định lấy vận mạng của họ.

Dân các nước cộng hòa trong liên bang Xô Viết cũng vậy. Các đảng cộng sản ở nhiều cộng hòa như Latvia, Lithuania đã đứng dậy chạy theo dân của họ, tự bãi bỏ độc quyền thống trị, chấp nhận đa đảng và một nền kinh tế thị trường. Cuối năm 1989 ở Sô Viết Tối Cao (quốc hội), Shakarov đòi hỏi đảng Cộng Sản Liên Xô noi theo. Lúc đó Gorbachev từ chối, viện cớ phải để cho đảng quyết định. Tháng Hai năm 1990 Gorbachev đã bắt chước Ledru Rollin, ông ta bảo cả Trung Ương Đảng cùng đứng lên, đi theo ý muốn của dân, bãi bỏ điều 6 trong Hiến Pháp, tức là bỏ độc quyền thống trị của đảng.

Điều số 6 của hiến pháp Liên Xô nói: Đảng Cộng Sản Liên Xô, võ trang bằng chủ nghĩa Mác-Lênin, sẽ quyết định đường hướng tổng quát của cuộc phát triển xã hội, chánh sách đối nội, đối ngoại, hướng dẫn công cuộc kiến tạo vĩ đại của nhân dân Xô viết,... đưa tới sự toàn thắng của chủ nghĩa Cộng Sản."

Chính thức hạ màn

Bãi bỏ điều 6, không những Cộng Sản Liên Xô chính thức bỏ vai trò độc tôn, độc quyền ở Liên Xô mà còn từ bỏ cả mục tiêu "toàn thắng của chủ nghĩa Cộng Sản." Phần trên là bỏ Lênin, phần dưới là bỏ Karl Marx. Chính Stalin là người đã đặt ra và cổ động cho từ ngữ "Chủ nghĩa Mác-Lênin" qua bộ sách *Lịch Sử Đảng Cộng Sản Liên Xô* mà Hồ Chí Minh đã phỏng dịch sang tiếng Việt. Mang chiêu bài Chủ nghĩa Mác-Lênin, Stalin đã tạo nên một đế quốc mới là thế giới Cộng Sản do Liên Xô cầm đầu. Đế quốc này không chỉ dựa trên sự xâm lấn bằng quân sự, kinh tế, nhưng võ khí chính của nó là chủ nghĩa Mác Lênin, giống như các đế quốc dựa trên tôn giáo thời Trung Cổ. Nhờ võ khí Mác Lênin, Stalin đã thực hiện được giấc mơ của các Sa hoàng xưa, biến nước Nga thành một trung tâm quyền lực chi phối gần nửa mặt trái đất. Cán bộ đệ tam quốc tế huấn luyện từ Matxkva được tung đi khắp nơi để xây dựng đế quốc này, từ Albanie sang đến Việt Nam.

Khi bãi bỏ điều 6 trong hiến pháp Liên Xô họ đã chấp nhận cảnh hạ màn của đế quốc Mác-Lênin. Khi "tòa thánh" Kremlin đánh chuông hạ màn, ở các góc xa xôi tăm tối nhất của đế quốc người ta cũng phải nghe thấy. Từ bỏ thống trị độc quyền tức là Bôn xơ vích trở về với đường lối Men xơ vích, phe đối lập đã bị Lênin đặt ra ngoài vòng pháp luật và xóa dần dấu tích trong lịch sử Nga từ 1922. Từ bỏ mộng cách mạng cộng sản toàn thế giới, nước Nga lại quay về với cuộc cách mạng tư sản dân quyền tháng Hai năm 1917.

Sự toàn thắng của lương tri

Có người nói đùa: "Cộng Sản là con đường vòng xa nhất để tiến tới chế độ tư bản." Trước cảnh Cộng Sản quay đầu về này nhiều người sẽ vỗ ngực nhận công. Phe diều hâu nói nhờ họ cứng rắn nên Cộng sản phải chịu thua. Phe bồ câu tuyên bố nhờ họ cổ động hòa bình, đòi tài giảm vũ khí nguyên tử, nên cái phong trào tự do dân chủ mới có cơ hội nẩy nở ở ngay trong các nước Cộng Sản, vì Cộng Sản hết lý do để kìm hãm dân.

Như phần lớn các biến cố lịch sử, chúng ta không thấy một nguyên nhân duy nhất. Nhưng sự sụp đổ của đế quốc Mác-Lênin chính là vì chủ nghĩa và chế độ đó đi ngược lại với lương tri của con người. Ở đây không có một nhóm người thắng, một nhóm người bại. Chủ nghĩa Cộng Sản hết thời, nhưng chủ nghĩa tư bản mà Karl Marx đả đảo cũng chết từ lâu rồi. Lương tri con người không cực tả, mà cũng không

cực hữu, nó luôn luôn một vừa hai phải. Không cần một chủ nghĩa nào để bình vực quyền con người muốn được tự do ăn nói, tự do làm việc tạo ra của cải và hạnh phúc cho gia đình mình, tự do lựa chọn người cầm quyền cai trị xứ sở mình. Lương tri con người không thuần túy lý luận, nó dựa trên trực giác và có đầy cảm tính. Ở Việt Nam, Trần Thái Tông đã viết đến "cái ý muốn của thiên hạ, cái tâm của thiên hạ." Trong cuộc biểu tình làm áp lực ngày 4 tháng Hai năm 1990, hai trăm ngàn dân ở Matxkva gồm cả phe bảo hoàng, phe dân tộc cực đoan, cho đến phe vô chính phủ. Nhưng họ chia sẻ một ý muốn. Một biểu ngữ nói lên "cái tâm thiên hạ" chung cho bao nhiêu người. Biểu ngữ này viết "Dân tộc ta không phải là một dân tộc ngu đần." Câu này chắc sắp sửa xuất hiện ở Việt Nam.

Ý muốn của dân biểu lộ một cách đơn giản và đầy tình tự như vậy: Đừng coi cả nước chúng tôi như một lũ đui mù, đần độn, nắm đầu kéo đi đâu cũng được.

Trong bài diễn văn kết thúc hội nghị Trung Ương Đảng, Gorbachev nói: "Bây giờ là lúc ta cảm thấy phải hành động quyết liệt, điều đó không phải chỉ thấy bằng trí não, mà còn thật sự cảm thấy trên da thịt."

Không biết Gorbachev có đọc tiếng Việt không? Gần một năm trước, một nhà khoa học ở Việt Nam cũng viết: *Tự do, dân chủ vẫn giống như tình yêu, ở chỗ nó là cái để cảm nhận trực tiếp chứ không phải cái để đem ra lý luận. Anh nói cởi trói cho tôi mà da thịt tôi lại cảm thấy rõ ràng bị thít lại thì chắn hẳn tôi phải thưa chuyện lại với anh thôi.*" (Hà Sĩ Phu, 22 tháng Tư, 1989) Rõ ràng người Việt Nam cũng muốn nói: chúng tôi không phải là một dân tộc ngu đần.

Tiếng nói của người dân ngoài phố bao giờ cũng phản ảnh cái tâm của thiên họ rõ ràng nhất. Trong lúc Trung Ương Đảng đang biểu quyết bãi bỏ điều 6 hiến pháp, một bà bán trái cây ở chợ Matxkva nói với nhà báo: "Ông tưởng Cộng Sản họ muốn tự tước quyền hay sao? Chẳng qua là vì họ hiểu không thể làm trái ý muốn của dân. Họ bắt đầu nghe thấy tiếng nói của dân dù dân nói rất khẽ. Sau vụ Rumani tai họ đã thính hơn!"

Người Việt phải sẵn sàng ngay

Thí dụ hôm nay đảng Cộng Sản Việt Nam bật tỉnh dậy, líu ríu đi theo Gorbachev, thì các lực lượng tự do, dân chủ đích thực ở trong và ngoài nước đã sẵn sàng chưa? Có lẽ chúng ta ở hải ngoại phải bàn ngay về chuyện này, vì thể nào đồng bào ở trong nước cũng lắng nghe.

Một chuyện phải nói ngay là điều số 6 trong hiến pháp Liên Xô mới được ghi vô từ năm 1977. Vậy suốt 60 năm trước đó không có điều 6 mà đảng Cộng Sản Liên Xô vẫn độc tài được, thì nay bỏ điều 6 đi thôi không đủ để bảo đảm họ hết độc tài.

Chuyện thứ hai phải nói là cán bộ Cộng Sản Liên Xô vẫn nắm quyền ở tất cả các nhà máy, nông trường, đứng đầu các tờ báo, các trường học; cả sĩ quan trong quân đội, cảnh sát, mật vụ vẫn phải là đảng viên. Chấp nhận cho người ta lập đảng mới nhưng đảng Cộng Sản vẫn nắm hết các phương tiện truyền thông, sản xuất, các tài sản kếch xù, tổ chức các chi bộ ở mỗi xí nghiệp, mỗi khu phố, thì ai tranh cử với ai đây?

Sửa đổi hiến pháp chỉ mới mở đầu một bước về hình thức. Cho tự do chánh trị là để dân được phép tranh đấu công khai, nhưng nếu dân không được nghe các chủ trương đối lập, nếu dân không có các quyền lợi kinh tế như quyền sở hữu nhà máy, ruộng lúa, quyền làm ăn tự do thì họ tranh đấu bảo vệ cái gì? Tự do về tư tưởng, tự do tôn giáo và tự do kinh tế là điều kiện không thể thiếu cho quyền tự do chính trị thành sự thật.

Sau cùng chúng ta phải biết rằng muốn thiết lập một chế độ độc tài thì một ngày, một tháng có thể xong; nhưng muốn thiết lập một chế độ dân chủ thì phải mất cả thế hệ, hay vài thế hệ. Người dân phải có niềm tin về quyền làm chủ vận mạng của họ, phải biết rõ nhiều ý kiến dị biệt về các phương cách quản trị xã hội khác nhau để mưu cầu hạnh phúc chung. Người dân phải được quyền thử để thấy các phương thức của kinh tế thị trường mang lại nhiều phúc lợi cho nhiều người nhất; phải được thử để thấy giáo dục tự do, phi giáo điều, văn học nghệ thuật tự do mang lại đời sống tinh thần phong phú, lành mạnh, và các tôn giáo có tổ chức, sinh hoạt tự do phục hồi được nền đạo lý của dân tộc dễ dàng hơn.

Những thứ đó người dân cảm thấy bằng da thịt, bằng hơi thở của đời sống hàng ngày. Vậy điều kiện đầu tiên cho việc xây dựng dân chủ là đòi hỏi đảng Cộng Sản Việt Nam thoái vị, mở cửa cho báo chí, sách vở ở hải ngoại được phổ biến tự do ở trong nước, các nhà lãnh đạo tôn giáo ở trong cũng như từ ngoài nước được tự do hành đạo, và các doanh nhân được tự do làm ăn, phát triển kinh tế. Sức mạnh về tư tưởng, về kinh tế của người Việt ở hải ngoại có được tự do mang về thi thố ở trong nước thì nền tảng của dân chủ tự do mới bắt đầu thiếp lập được.

Việc xây dựng dân chủ phải bắt đầu ngay, và ở ngay trong cộng đồng người Việt ở hải ngoại, trong tất cả các sinh hoạt của chúng ta. Nếu chính chúng ta không biết sống dân chủ tự do với nhau thì làm sao tranh đấu cho dân chủ tự do của đồng bào trong nước?

VƯƠNG HỮU BỘT

NGA SÔ VÀ VIỆT NAM

NGUYỄN HỮU CHUNG

Thế giới mênh mông; nước Nga vĩ đại, cái chết không ai tránh khỏi." Đó là một câu của người Nga mà ông Robert Ford đã dùng để nhập đề cuốn sách của ông, viết cách đây ba năm. Ông Robert Ford là đại sứ của Canada ở Nga trong 16 năm (1964-1980) đã về hưu, tác giả cuốn sách nhan đề "*Our man in Moscow.*" Ông Ford mượn câu trên để cho người đọc cái cảm giác là không có gì có thể thay đổi ở nước Nga, rằng chế độ quá vững mạnh để dân chúng có thể đòi hỏi một sự thay đổi nào. Nhưng trong một cuộc phỏng vấn cách nay ba tháng, ông bảo rằng ông đã thay đổi nhận định của ông, rằng những biến chuyển đã đến rất nhanh, ngoài sự tưởng tượng của mọi người.

Nhưng nếu người ta có thể tưởng tượng một bức tường Bá Linh bị phá hủy, một nước Đức thống nhất, chẳng ai có thể tưởng tượng việc đảng Cộng sản Nga tự ý từ bỏ độc quyền chánh trị của mình, đưa đến việc hủy thể chủ thuyết Marxiste-Léniniste.

Nhưng tại sao người Nga đã làm như vậy? Câu trả lời là Gorbachev không có sự lựa chọn nào khác. Những Glasnost, những Perestroika, những cởi mở nửa vời đã không đem lại kết quả mà còn gây nên suy sụp. Phải giải quyết vấn đề từ căn bản, phải thay đổi cơ cấu kinh tế; muốn vậy phải thay đổi chánh sách kinh tế; và muốn vậy phải thay đổi chế độ chánh trị. Nhưng lý do sâu xa đưa đến quyết định lịch sử ngày hôm kia là người Nga (không phải một mình Gorbachev) đã cảm thấy nhục nhã về sự chậm tiến của xứ sở họ, về sự nghèo đói thảm thương của nhân dân họ. Những người đó, phía sau con người cộng sản còn là người Nga, người Nga nào cũng rất hãnh diện về tổ quốc của họ, về dân tộc của họ. Đọc năm mười quyển tiểu thuyết Nga, chơi với vài ba người bạn Nga, ta sẽ thấy điều đó. Nếu người Nga hãnh diện bao nhiêu khi họ đã đưa người lên không gian thì họ cũng xấu hổ bấy nhiêu khi bị người ta nói kinh tế của họ còn kém hơn kinh tế của Nam Hàn. Người Nga muốn đem xứ sở họ lên ngang hàng các cường quốc kinh tế, họ phải hy sinh chủ nghĩa cộng sản, cái di sản tinh thần quan trọng của họ. Đó là một sự hy sinh lớn lao của đảng Cộng Sản.

*
* *

Quyết định ngày 7 tháng Hai năm 1990 của Trung ương đảng Cộng sản Nga có hậu quả gì?

Điều 6 hiến pháp Nga bảo đảm độc quyền cai trị của đảng Cộng sản sẽ bị hủy bỏ. Nước Nga sẽ có chế độ đa đảng, nghĩa là có dân chủ, có tự do: tự do ngôn luận, tự do hội họp, tự do tôn giáo, tự do làm ăn buôn bán v.v..., có nghĩa là những nguyên tắc căn bản của một chế độ cộng sản sẽ bị hủy bỏ. *Đảng Cộng sản Nga có thể sẽ biến thể để hy vọng tồn tại, nhưng CHẾ ĐỘ CỘNG SẢN ĐỘC TÀI sẽ không còn nữa.*

Nhiều người nói rằng trong một cuộc bầu cử tự do, đảng cộng sản Nga cũng như các đảng cộng sản khác ở các xứ Đông Âu chỉ sẽ được chừng 10% số phiếu và sẽ bị loại khỏi chánh trường. Tôi đồng ý với những dự đoán nầy trong trường hợp các xứ Đông Âu, nhưng ở Nga tôi không nghĩ rằng đảng Cộng sản sẽ bị tiêu diệt ngay trong vòng đầu. Tôi không muốn nói rằng chánh quyền Nga sẽ bầu cử gian lận như ở Panama hay ở Haiti. Nhưng lý do là vì dân Nga không *nhìn* đảng cộng sản của họ như các dân tộc Đông Âu nhìn các đảng cộng sản ở các xứ nầy. Hơn nữa, chưa có nhân vật chính trị nào hay tổ chức chánh trị nào *đã* hay *sẽ* xuất hiện có khả năng chế ngự chánh trường. Theo những dự liệu đề nghị thì Nga Sô sẽ theo tổng thống chế! Nếu cuộc bầu cử xảy ra ngày hôm nay thì chẳng ai có thể thắng ông Gorbachev. Đảng cộng sản với một chương trình đổi mới (new platform), cũng có hy vọng có

đa số trong quốc hội. Nhưng với thời gian, khi dân Nga đã quen dần với đời sống dân chủ, khi những vấn đề đã được đào sâu trong các cuộc thảo luận, khi báo chí có quyền tự do chỉ trích phê bình, đảng cộng sản sẽ bị loại. Nhưng vấn đề không phải là đảng cộng sản còn hay mất. Nó sẽ bị tiêu diệt, nó sẽ đổi tên hay nó vẫn còn tên cũ, điều đó không quan trọng. *Điều quan trọng là chế độ dân chủ tự do thay thế chế độ độc tài đảng trị.*

Trong chế độ dân chủ, chắc chắn không còn hàng triệu cán bộ chánh trị (đảng viên) ngự trị ở các xí nghiệp, các hợp tác xã, các cơ quan công quyền, các đơn vị quân đội, đi ra đi vào, ra lệnh mà không biết cái gì hết ngoài một mớ lý thuyết Marxiste. (Ở Việt Nam, ông Trần văn Giàu than rằng bộ máy hành chánh của tỉnh Thanh Hóa đông hơn toàn thể bộ máy hành chánh cai trị Đông Dương của thực dân Pháp ngày xưa). Để rồi chúng ta sẽ thấy, không cần chờ một lãnh tụ chống cộng, chính Gorbachev sẽ loại các chánh trị viên ra khỏi các xí nghiệp, trao quyền quyết định lại cho các chuyên viên quản trị. Trên THẾ KỶ 21, số 8, trong bài Đông Đức và Việt Nam, chúng ta đã nói với nhau rằng:

"*Con người thông minh và thực tế Gorbachev đã thấy rằng thiên đàng vô sản, thế giới đại đồng mà Lénine vẽ ra không có và cũng không cần có. Cái cần có là bánh mì, thịt cá, trái cây, là nhà ở, xe hơi, là phấn son cho đàn bà và vợt tennis cho đàn ông. Ba thế hệ người Nga, sau 70 cách mạng, đã thiếu những thứ đó. Quên đi những giáo điều, thay đổi chánh sách đối ngoại, thay đổi cơ cấu sản xuất và đường lối quản trị trong xứ, đó là chương trình đổi mới của Gorbachev... Nhưng một câu hỏi được đặt ra: tất cả chương trình đó sẽ ảnh hưởng thế nào đến cơ cấu chánh trị của nước Nga? Gorbachev có dân chủ hóa nước Nga, để cho dân Nga tự chọn như Hung gia lợi đang làm không? Đó là cái rủi lớn trong chương trình đổi mới của ông ta. Nhưng nghĩ cho cùng, cái rủi đó nếu có xảy ra thì nó đến cho đảng cộng sản chứ không phải đến cho nước Nga và ông Gorbachev không có vẻ lo ngại lắm. Dù sao, ông a cũng là một người Nga và điều gì xảy đến cho chủ nghĩa cộng sản trong mười hay hai mươi năm nữa cũng không quan trọng, khi tên ông đã đi vào lịch sử.*

*
* *

Hậu quả việc nầy đối với Việt Nam như thế nào?

Trong tương lai gần, Nga Sô cũng vẫn còn là đồng minh của Cộng sản Việt Nam. Nhưng biến cố tại Nga làm cho chủ thuyết Marxiste-Léninisme không còn là cơ sở lý luận cho bất cứ ai nữa. Không biết rồi các lãnh tụ Hà Nội sẽ dựa trên cơ sở lý luận nào để tranh cải với nhau, để cho các cán bộ học tập, để nhồi sọ quân đội, để lừa gạt và đàn áp dân chúng. Chắc Hà Nội không dám bảo Gorbachev là CIA. Chắc ông Nguyễn văn Linh không còn bảo đây là một cơn đẻ đau của Marxisme. Chắc rồi đảng sẽ dùng "tình tự dân tộc," ca bài ca con cá để bảo vệ "chủ nghĩa Cộng sản Việt Nam." Các ông cán bộ cộng sản có cái tài là nói không ngượng mồm. Nhưng nói là nói cho qua ngày tháng vậy thôi.

Trên đầu, sợi dây chủ nghĩa mà bấy lâu nay đảng bám vào đã đứt. Dưới chân, kinh tế phá sản, nhân dân nguyền rủa. Đảng cộng sản Việt Nam như người đang đi trong sình lầy, trên hai cây "cà khêu," một cây là công an, một cây là quân đội. Người đi cà khêu sẽ còn đó, như một bóng ma trên cánh đồng hoang, cho tới khi anh mất thăng bằng, hay một câu cà khêu bị gãy hay lún sâu xuống sình.

Tôi nghĩ sẽ có những thay đổi ở Việt Nam vì quyết định của Cộng sản Nga làm tiêu tán niềm tin từ ông lãnh tụ trong bộ chánh trị tới anh cán binh bộ đội. Có thể có một trong những diễn tiến (scénario) sau đây:

1: Không qua giai đoạn bạo động, chánh quyền hiện tại chấp nhận chế độ đa đảng, chấp nhận tự do dân chủ, chấp nhận bầu cử tự do.

2: Qua một giai đoạn bạo động, dân chúng nổi dậy để đòi hỏi những điều trên và chánh quyền cộng sản phải chịu thua.

3: Quân đội đảo chánh. Nội loạn.

4: Nội loạn, tiếp theo là ngoại xâm.

Diễn tiến số 4 là điều xấu nhất cho đất nước. Chúng ta không muốn thấy điều đó dù chúng ta chống chính quyền hiện tại.

Diễn tiến số 3 cũng là điều rất xấu cho đất nước vì nó sẽ làm đổ nhiều máu và có thể đưa đến Nam Bắc phân tranh.

Diễn tiến ở số 2 cũng sẽ rất đáng tiếc vì nó cũng sẽ làm đổ máu, nhưng sau đó mọi sự sẽ dễ dàng.

Diễn tiến số 1 không gây đổ máu và không làm phân tán xứ sở, dân tộc. Nó có lợi nhất cho đảng cộng sản Việt Nam, nhưng lại gây nhiều khó khăn nhất, gian lao nhất cho những người quốc gia khởi đầu cuộc đấu tranh chánh trị với cộng sản, sống chung với những người mà tinh thần dân chủ không có trong đầu, mà quá trình toàn là thủ đoạn.

Chúng ta sẽ trở lại bàn tiếp vấn đề nầy.

Montreal ngày 12 tháng Hai năm 1990

NGUYỄN HỮU CHUNG

DƯỚI ÁNH SÁNG CỦA LỊCH SỬ, THỬ NHÌN

NƯỚC NGA ĐỔI MỚI

LÊ ĐÌNH ĐIỂU

(Theo Economist)

Kể từ 1917, Liên Xô đang bị đẩy tới cuộc thay đổi lớn nhất lịch sử Theo kinh nghiệm lịch sử liệu Gorbachev thành công nổi hay không?

Nga Hoàng Peter Đại đế

Đó là năm 1923. Lenin đang chờ chết. Lực lượng cộng sản ở Hung, và ở Đức đã sụp đổ. Ba Lan và các nước vùng Ban tích đã giành được độc lập. Ngay trong đất nước Liên Xô, những chính sách kinh tế cởi mở từ hai năm rưỡi qua đã bắt đầu kẹt vì nền chuyên chính đảng trị. Những thành phần chống đối đã chuyền tay nhau, ngay trong Trung ương đảng, một tuyên ngôn chỉ trích cấp lãnh đạo không lắng nghe các cấp ủy viên. Một Mikhail Gorbachev, lúc đó chưa ra đời, hẳn sẽ nhận ra nước Nga đã có những vấn đề mà ông ta đang phải đương đầu -- giống y bây giờ -- và đã bị Stalin dẹp gọn năm năm sau.

Trước đó, vào năm 1905, nước Nga cũng đã bước vào một khúc quanh: trước nguy cơ ngoại xâm và nội chiến, Sa hoàng xuống chiếu đặt hiến pháp, lập quốc hội -- nhiều dân biểu xuất thân từ thành phần dân chủ xã hội có thiện chí. Mười hai năm sau, lâu đài của Sa hoàng sụp đổ.

Mikhail Gorbachev đứng ở cái mốc lịch sử nào? Năm 1923, với nền chuyên chính đảng trị? Năm 1905, bước đầu của cuộc cách mạng dẫn tới dân chủ tư sản -- nền dân chủ sau này đã đưa các nước Tây Âu tới sự thịnh vượng? Hay giống như hoàn cảnh của Peter Đại đế, từ ba thế kỷ trước, đã muốn đưa nước Nga vào dưới mái nhà châu Âu? Hay chẳng giống một mô thức nào vừa nói?

Hãy nhìn lại lịch sử cận đại Nga, với những tiếp nối và những đứt quãng, để tìm xem Gorbachev có gì mới.

Hãy bắt đầu bằng mục tiêu của Gorbachev. Dù thực chất niềm tin của ông là gì -- một người cộng sản cốt cán, hay một người có tư tưởng dân chủ xã hội -- một điều khó phủ nhận là: ông muốn canh tân đất nước.

Cái muốn của ông mạnh đến nỗi ông sẵn sàng rũ bỏ vai trò lãnh đạo của đảng Cộng sản. Chính điểm này cho thấy nhiệm vụ ông to lớn là ngần nào. Muốn thành công, chẳng những ông phải rũ bỏ gia tài của 70 năm cộng sản chủ nghĩa mà cả 300 năm lịch sử Nga.

Kẻ chậm chân

Nước Nga là một đại cường luôn lỡ bộ. Từ thế kỷ 17, Nga đã có dân số lớn nhất Châu Âu. Văn hóa Nga có ảnh hưởng mạnh. Nga lại đánh bại được Hitler như đã từng đánh bại Napoléon. Nga là nước đầu tiên đưa được người lên không

gian, trước cả Mỹ. Ấy thế mà Nga vẫn cứ ạch đụi ở đằng sau.

Thất bại trong đổi mới ở Nga hiện rõ nhất trong phạm vi kinh tế. Dù cho Stalin đã dựng được kỹ nghệ nặng khắp nơi; dù cho Khruschev vênh vang tuyên bố "Nga sẽ đi dự đám tang kinh tế Mỹ;" chuyện hiện đại hóa nền kinh tế Liên Xô vẫn là giả tưởng.

Ngay từ năm 1696, Peter Đại đế đã rời nước Nga đi "tìm thầy học đạo (phát triển kinh tế)" ở Hà Lan và Anh -- học những kỹ thuật tân tiến nhất, chẳng hạn cách đóng tầu. Thế mà Nga vẫn lỡ chuyến tàu canh tân thương mại của thế kỷ 18, và chuyến tàu cách mạng kỹ nghệ Âu-Mỹ (và Nhật nữa) của thế kỷ 19.

Vấn đề quan trọng nhất của lịch sử Nga bây giờ là giải thích được chuyện nghịch thường này. Người ta có thể tìm được một câu trả lời trong cuốn "Lẽ Hưng Vong của Những Đại Cường" *(The Rise and Fall of the Great Powers)* của Paul Kennedy. Ông đặt cho căn bệnh của nước Nga sô viết cái tên là "đế quốc trải quá mỏng" *(imperial overstretch)*. Giống như các Sa hoàng, những lãnh tụ cộng sản Nga phải quản trị một đế quốc quân sự quá lớn mà nền kinh tế quốc gia không kham nổi. Đó là lý do tại sao Gorbachev muốn cắt ngân sách quốc phòng (hiện chiếm 15% tổng sản lượng quốc gia). Nhưng không đủ. Cả hệ thống cộng sản đã thất bại chứ không phải chỉ vì chi phí quân sự.

Thử coi diễn trình canh tân ở các nước đi đôi với đủ loại hệ thống kinh tế, xã hội khác nhau như thế nào, để thấy sự thất bại ở Nga là kỳ lạ. Nước Anh chẳng hạn. Kỹ nghệ hóa đi kèm theo sự lớn mạnh từ từ của nền dân chủ đại nghị, sự tản quyền từ giai cấp quý tộc sang giai cấp tư sản thương nhân, và nhân dân nói chung. Ở Mỹ, cho dù lúc đầu còn có chế độ nô lệ, thì quyền lực và chính trị vẫn nắm tay nhau xây dựng nền kinh doanh tự do -- và chính quyền phải trả lời trước nhân dân, ngay từ cuối thế kỷ 18.

Nhật và Đức, kỹ nghệ lại phát triển dưới các chính quyền độc tài. Vậy thì nước Nga kẹt cái gì mà nơi khác không có?

Nước Nga canh tân từ thời các Sa hoàng, rồi tới thời độc tài cộng sản. Về mặt kinh tế đó chỉ là một chuyển bộ từ xấu sang tồi hơn. Quyền lực từ một chế độ chuyên chế chuyển sang cho một chế độ độc tài, qua một cuộc cách mạng đẫm máu -- chỉ làm xã hội hỗn loạn thôi. Pháp cũng trải qua cách mạng, nhưng từ chuyên chế chuyển sang cộng hòa, nên 70 năm sau đua tranh kinh tế ngang với Anh.

Vladimir I. Lenin

Bảo rằng Nga có vấn đề nhiều chủng tộc, nhiều tiểu bang làm cản trở phát triển kinh tế. Vậy Mỹ không là hợp chủng quốc sao?

Thiếu một tầng lớp trung gian

Điểm kỳ quặc trong lịch sử Nga -- mà Gorbachev vẫn còn gánh chịu -- là sự bất lực của tầng lớp trung gian giữa nhà cầm quyền và dân chúng -- những người thuộc lớp quý tộc, giáo sĩ và doanh nhân. Ở những đại cường khác, một hoặc nhiều thành phần trung gian này lãnh nhiệm vụ nhịp cầu nối liền người cai trị và người bị trị. Ở Nga, không có ai đóng vai trò này hết. Có thể đổ lỗi một phần cho địa lý nước Nga quá rộng. Người Nga sống rải rác, xa rời trung tâm, lại thường đố kỵ nhau vì khác biệt thời tiết, thổ ngơi và sinh môi.

Các Sa hoàng đã tạo ra lớp người "cúc cung tận tụy" với nhà vua để được thưởng ruộng đất -- giống như chế độ phong kiến thời Trung cổ ở Tây Âu hay Nhật Bản. Khác một điều là các "lãnh chúa" Nga không được hưởng quyền độc lập, mà phải tuyệt đối tuân mệnh Sa hoàng. Các nông dân, thay vì phát triển như ở Anh để trở thành tiểu điền chủ, lại biến thành các nông nô hết.

Peter Đại đế lập Bảng Phẩm Hàm *(Table of Ranks)* chia làm 14 bậc. Các phẩm hàm này không được thế tập mà chỉ được ban phát khi có công với vua. Cuối cùng cái gọi là "giai cấp quý tộc" chỉ là những người biết phục vụ nhà vua -- thiếu hẳn loại quý tộc có tinh thần độc lập làm nền móng cho việc xây dựng chế độ dân chủ đại nghị ở Anh quốc.

Thực ra nước Nga quân chủ cũng có được một giai đoạn kinh tế phát triển. Từ 1885 đến 1913, sản lượng thép tăng từ 183,000 tấn lên 4.9 triệu tấn, không thua các đại cường kỹ nghệ khác bao nhiêu. Đường hỏa xa cũng tăng từ 3,800 km năm 1865 lên 80,000 năm 1916. Đáng lẽ Nga sẽ phát triển như Nhật, Đức mới phải. Nhưng ở Nga đã thiếu một giai cấp tư sản như ở Anh, Đức...

Sa hoàng cuối cùng?

Khủng hoảng của cộng sản Liên Xô hôm nay cũng là khủng hoảng của chế độ chuyên chế -- tượng trưng bởi sự kiện chính quyền không nối tiếp được cuộc cuộc phát triển kinh tế giai đoạn 1885-1917.

Dù các mục tiêu quốc gia thay đổi dữ dội từ 1917, hình thức cai trị vẫn y nguyên. Đời sống chính trị vẫn bị một tổ chức trung ương tập quyền chế ngự; tổ chức trung ương này lại có quyền lực tuyệt đối không bị luật pháp nào ràng buộc.

Mọi chức vụ công quyền đều được bổ nhiệm theo một *bảng phẩm hàm* mang tên mới là *nomenklatura*. Mọi thăng tiến cá nhân đều được dựa trên mức độ trung thành với Đảng như thời trước trung thành với vua.

Từ 1927 tới 1953, quyền lực của đảng Cộng sản không ở trong tay các cơ chế, mà ở trong tay một người: Stalin. Trong giai đoạn này, các cơ chế như Đại hội Đảng, Trung Ương Đảng, Bộ Chính Trị, rất ít khi họp. Ban Bí thư, do Stalin trực tiếp điều khiển, đã quyết định hết mọi việc.

Phải mất một thế hệ sau khi nền kinh tế Liên Xô bắt đầu suy thoái -- tiến tới... suy thoái hơn -- người ta mới nhìn ra rằng Đảng không biết cách quản trị một đất nước hiện đại.

Sự thay đổi lứa tuổi trong hàng ngũ lãnh đạo đóng vai trò quan trọng: Ông Gorbachev (sinh năm 1931) và nhiều cán bộ cùng trang lứa với ông được ngồi vào những vị trí then chốt. Thế hệ này 20 tuổi khi Khruschev đọc bài diễn văn năm 1956 nổi tiếng, tố cáo tội ác Stalin.

Sự thay đổi về xã hội cũng đáng kể. Những người Bôn-sê-vich (cộng sản) thừa hưởng một đất nước gồm phần lớn là nông dân và người thất học. Cho đến giữa thập niên 50, một nửa dân Nga vẫn sống ở nông thôn. Ngày nay, con số này chỉ còn một phần tư. Trải qua nhiều thế hệ được học hành -- dù có bị nhiễm ý thức hệ -- nước Nga đã có thể tự nhìn thấy mình.

Liệu Gorbachev làm nổi không?

Trong những vận động mới đây, Gorbachev bước những bước không những tách xa khỏi các chủ thuyết Brezhnev hay Stalin, mà xa hẳn dòng lịch sử nước Nga nữa. Ông bắt đầu thay đổi hệ thống kiểm soát tập trung và độc đoán. Tháng Mười năm ngoái, ông đã cho giải tỏa cái "bảng phẩm hàm" của Đảng (tức cái *nomenklatura).* Từ bỏ độc quyền lãnh đạo của Đảng lại là một bước vĩ đại khác trong tiến trình đổi mới.

Không kém quan trọng, là điều ông nhấn mạnh đến tình trạng "pháp trị", trong đó quyền lực trung ương bị giới hạn bởi một định chế pháp luật độc lập.

Trong tiếng Nga, từ *nhà nước -- gosudarstvo* -- vốn có nghĩa gốc là tư cách chủ nhân, ngụ ý quyền lực cá nhân và bất khả xâm phạm. Ngược lại, ở các nước Tây Âu, các từ *state* (Anh, Mỹ), *état* (Pháp), *staat* (Đức), có những ngụ ý khác: nó liên quan đến luật pháp, trật tự và ổn định.

Vậy, đây là vị Sa hoàng đầu tiên muốn cai trị bằng sự đồng thuận, hơn là bằng bạo lực.

Con đường mới dẫn tới dân chủ hóa này gần với con đường mà nước Anh, nước Pháp đã đi qua. Có điều Gorbachev rất cô đơn. Ông không có một lớp trung lưu giúp đỡ. Thay vì một sự gia tăng con số kinh doanh cá thể, các nhà quản trị Liên Xô vẫn chỉ là một nhóm nhỏ bé, dễ dàng làm mồi cho tham ô, những lạm hoặc bị chính các công nhân viên tấn công. Những gia đình giầu có đáng lẽ có thể tiếp tay tài trợ cho nước Nga, như Daiwa ở Nhật, J.P. Morgan ở Mỹ, đã bị "cách

Joseph Stalin

mạng" giết hết trơn hết trọi rồi. Stalin còn giết luôn cả giai cấp trung nông *(kulaks),* vì ông ta coi những người này là kẻ thù của vô sản.

Mặt khác, nước Nga còn thiếu cả một bộ máy hành chánh độc lập phục vụ công dân. Đảng Cộng sản suốt 70 năm qua, không chỉ là một chính đảng, hiểu theo nghĩa là một cơ cấu đưa ra những chính sách. Nó còn là bộ máy công vụ luôn. Nhiệm vụ của ông Gorbachev là phải dựng nên được một bộ máy công vụ, nếu không phi chính trị *(apolitical),* ít nhất cũng phải độc lập với guồng máy đảng.

Còn lớp người bảo thủ? Ở các nơi, thường những người được gọi là bảo thủ có tinh thần cải cách *(reforming conservatives)* là những phú hào muốn bảo vệ của cải của mình, liên kết với thành phần thương nhân, trở thành nhóm người chuộng kinh doanh *(pro-business).*

Còn ở Nga, không có loại người này. Những người được mệnh danh là "bảo thủ" chính là các cán bộ cộng sản kỳ cựu và lạc hậu -- những người tìm thấy hạnh phúc trong việc xây được một cái đập nước vĩ đại có khả năng làm... ngập lụt nhiều làng mạc. Hoặc là những người ôm mối hoài niệm thời hoàng

kim của các Sa hoàng, như Valentin Rasputin, tiểu thuyết gia đã viết những cuốn truyện về những gia đình cổ kính bị "cách mạng" phá tan. Cả hai nhóm "bảo thủ" này đều chống-kinh-doanh và chống-cải-tổ *(anti-perestroika)*. Nhóm thứ hai, ít ra trong lúc này, là những người đang phất ngọn cờ dân tộc Nga.

Cần thời gian, mà không đào đâu ra

Tất cả những trở ngại trên không có nghĩa rằng ông Gorbachev phải thất bại trong công cuộc đổi mới đất nước của ông. Nhưng chúng cho thấy công tác của ông nặng nề biết bao. Hiện ông đã có được lớp người có học. Nhưng thúc đẩy được họ lo việc làm ăn buôn bán, và hướng được sức mạnh của chủ nghĩa dân tộc về mục tiêu đổi mới, cần có vài thập niên. Khốn nỗi, đà suy thoái

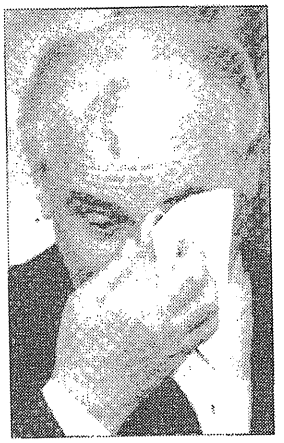

Mikhail Gorbachev

kinh tế của Liên Xô hiện nay không cho phép Gorbachev nhẩn nha. Kinh nghiệm trong lịch sử Nga cho thấy là nếu Gorbachev nhẩn nha thì nguy cơ thất bại của ông sẽ rất lớn. Từ thời Peter Đại Đế các cuộc cải cách với chiều hướng "Âu Châu hóa" và "Hiện đại hóa" nước Nga đều gây ra các phản ứng ngược lại, phe bảo thủ chống đường lối Âu hóa, lôi nước Nga trở lại một chế độ chuyên chế, nhuốm màu thần bí, quay về quá khứ dân tộc hơn là nhìn vào thế giới tương lai. Cuộc cải tổ *Perestroika* của Gorbachev cũng đi con đường "Âu hóa," muốn đưa nước Liên Xô trở về "đại gia đình Âu Châu" như Tiệp Khắc, Hung đang làm. Nhưng các khó khăn của Gorbachev không khác gì những khó khăn của các Sa hoàng: Nước Nga vẫn là một chế độ tập trung, độc tài, không có một tầng lớp trung lưu, doanh nhân năng động, chỉ có một guồng máy cai trị hướng tất cả sự trung thành vào triều đình trung ương. Nếu Gorbachev không cởi trói kinh tế thật sự, không công nhận quyền tư hữu, không mở rộng các thị trường, thì tầng lớp trung lưu đó còn lâu mới xuất hiện, trong khi thư lại thủ cựu vẫn đầy dẫy **(LĐĐ)**.

TRẬN BÃO NHÂN QUYỀN Ở ĐÔNG ÂU

ÂU DƯƠNG THỆ

*** Tại sao các chế độ Cộng sản đã thất bại?**
*** Những yếu tố nào đã làm cho các phong trào đấu tranh ở Đông Âu chỉ trong một thời gian ngắn giành được những thắng lợi vô cùng lớn lao?**
*** Có thể rút ra được những kinh nghiệm gì cho cuộc đấu tranh chung?**

Chỉ nội trong vòng có sáu tháng trận bão nhân quyền đã thổi qua Đông Âu bứng gốc rễ và làm sụp đổ sáu chế độ Cộng sản độc tài đã được xây dựng trên 40 năm ở Hung Gia Lợi, Ba Lan, Đông Đức, Bảo Gia Lợi, Tiệp Khắc và Lỗ Ma Ni. Từ chế độ độc tài độc đảng nay tất cả các nước này đã tiến lên chế độ dân chủ đa nguyên. Đúng 200 năm sau Cách mạng Nhân quyền ở Pháp thủ tiêu chế độ phong kiến, một cuộc Cách mạng Nhân quyền khác nổ ra lật đổ chế độ độc đảng! Hai sự kiện nổi bật nhất của trận bão chính trị trong lịch sử cận đại này là:

1. Sự sụp đổ của một chế độ Cộng sản không còn là một huyền thoại mà đã trở thành một hiện thực, một sự kiện lịch sử.

2. Một cuộc cách mạng không đổ máu đã diễn ra ngay ở ngay chính các nước độc tài hà khắc nhất. Trước đó các đảng Cộng sản cầm quyền vẫn thường đe dọa là muốn lật đổ họ thì phải bước qua thi thể của họ, còn những nhóm cực hữu thì khẳng định rằng không thể đấu tranh chính trị xuông với Cộng sản được, chỉ có vũ lực là giải pháp duy nhất! (+)

Một số câu hỏi lớn đặt ra là những điều kiện nào có thể giúp lật đổ chế độ Cộng sản và những bài học nào có thể rút ra cho các người tranh đấu chính trị?

Một điều mà ngay cả những đảng Cộng sản cầm quyền vừa sụp đổ cũng đã phải thừa nhận là, qua những cuộc biểu tình bất bạo động có tổ chức chặt chẽ của hàng trăm ngàn người thuộc mọi thành phần xã hội đã làm rung động tận cỗi rễ các chế độ độc tài đảng trị. Mục tiêu tranh đấu của các phong trào nhân quyền ở Hung, Ba Lan, Đông Đức, Bảo Gia Lợi, Tiệp Khắc và Lỗ Mã Ni rất rõ ràng là đòi các chế độ Cộng sản phải từ bỏ độc quyền chính trị, thực hiện chế độ chính trị đa nguyên, trong đó các quyền tự do dân chủ và nhân quyền phải được tôn trọng thực sự. Những cuộc biểu tình, đình công và nhiều hình thức đấu tranh chính trị khác đã diễn ra đồng loạt ở nhiều nơi trong nước với sự kết hợp của sinh viên, trí thức, văn nghệ sĩ, công nhân, nhà thờ và cả hàng loạt đảng viên Cộng sản cấp dưới. Áp lực vũ bão của quần chúng đã ép giới lãnh đạo Cộng sản thức thời ở một số nước biết nhượng bộ sớm nên còn giữ được một số vai trò nhất định. Đối với những nhóm lãnh đạo Cộng sản bướng bỉnh cứng đầu thì cuối cùng bị lật đổ như ở Đông Đức, Tiệp Khắc và Lỗ Ma Ni.

Sau trên 70 năm thực hiện ở Liên xô và trên 40 năm ở các nước Đông Âu và một số quốc gia Á châu, chủ nghĩa Cộng sản với chủ trương độc quyền của đảng Cộng sản trong tất cả mọi lãnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa và xã hội đã tự tỏ rõ là đi ngược lại những đòi hỏi tự nhiên của con người, phủ nhận những định luật về kinh tế và xã hội. Nó không thể thu hút và vận động được quần chúng. Chính vì thế nó đã bất lực không giải quyết được những nhu cầu căn bản về vật chất và tinh thần của nhân dân. Không những thế các chế độ Cộng sản còn tạo ra nguy cơ biến nhân dân trở thành nô lệ cho một nhóm người. Ngoài ra với chủ trương giai cấp hận thù nó đã đưa nhân loại vào con đường leo thang vũ trang với nguy cơ chiến tranh nguyên tử tự hủy diệt. Những nhận định này trước đây thường bị các đảng Cộng sản cầm quyền phủ nhận, nhưng từ khi Gorbachow lên cầm quyền tới nay thì Cộng sản Liên xô và một số nước Đông Âu đã nhìn nhận hầu hết các quan điểm khoa học này.

Trận bão nhân quyền phát xuất từ Liên xô từ khi Gorbachov được bầu làm Tổng

bí thư đảng Cộng sản Liên xô 1985 đưa ra hai chủ trương nổi tiếng là Glasnost (Công luận) và Perestroika (Cải tổ). Những thừa nhận của ban lãnh đạo mới ở Liên xô về các sai lầm của Lenin và nhất là của Stalin trong việc xây dựng chủ nghĩa xã hội và những chính sách mới trong chính trị, kinh tế, quân sự và ngoại giao của Gorbachov đã làm rung động cả trung tâm lẫn chư hầu mà đế quốc Liên xô đã xây dựng kiên cố từ sau thế chiến II. Những biến động cực mạnh ở trung tâm đã làm cho các vệ tinh khủng hoảng, không còn cơ sở dựa dẫm về tinh thần và vật chất. Nó tạo điều kiện vô cùng thuận lợi cho cuộc nổi dậy của nhân dân các nước Đông Âu đứng lên giành quyền tự chủ.

Một yếu tố khác cũng đóng góp rất lớn cho những thay đổi hiện nay ở Đông Âu là sinh hoạt chính trị dân chủ ổn định, mức sống rất cao của người dân, chế độ bảo hiểm xã hội tốt, cũng như sự hưng thịnh kinh tế và tiến bộ khoa học kỹ thuật ở các nước Tây phương đã làm cho những tuyên truyền của Cộng sản vô hiệu lực. Sự lớn mạnh của Cộng đồng Kinh tế Âu châu, từ một liên minh kinh tế sáu nước sau trên 30 năm đã trở thành một tổ chức kết hợp chính trị, kinh tế và ngoại giao của 12 quốc gia đang có sức thu hút rất lớn ở Âu châu và là một hậu thuẫn cho những thay đổi xã hội ở các nước Đông Âu.

Đó là bốn yếu tố chính đang đóng góp vào những thay đổi xã hội một cách căn bản và sâu rộng ở các nước Đông Âu và biến đổi cả bộ mặt thế giới hiện nay và trong thập niên 90.

Đối với những người tranh đấu chính trị có tinh thần trách nhiệm và biết nhìn xa trông rộng thì từ những biến động chính trị ở Đông Âu có thể rút ra được những kết luận vô cùng lợi ích làm kim chỉ nam cho các hành động của mình.

Trước hết về phương pháp đấu tranh của các phong trào quần chúng ở Đông Âu có thể rút ra được một số điểm cần học hỏi:

1. *Muốn có dân chủ tự do phải đấu tranh:* Các chế độ độc tài không bao giờ tự từ bỏ quyền lực và các biện pháp đàn áp khủng bố nếu không bị áp lực của nhân dân và quốc tế. Không thể ngồi chờ sung rụng mà phải cương quyết đấu tranh chống bạo quyền mới giành được dân chủ tự do. Đứng trên lập trường chủ động này các phong trào đấu tranh ở Đông Âu đã tự tin và lạc quan ở tương lai. Vì thế mặc dầu sau bao lần bị đàn áp đẫm máu trong các thập niên trước đây (1953 ở Đông Đức, 1956 ở Hung, 1968 ở Tiệp và 1979-80 ở Ba Lan...), nhưng nhân dân các nước Đông Âu vẫn lạc quan tin tưởng một ngày tươi sáng sẽ tới với quê hương nên họ vẫn kiên trì tiếp tục con đường đấu tranh trên 40 năm qua!

2. *Bất bạo động là phương pháp đấu tranh thích hợp của thời đại:* Để đối phó với bạo lực và chia rẽ của các đảng Cộng sản cầm quyền, các phong trào đấu tranh đã cương quyết chủ trương con đường đấu tranh bất bạo động và kết hợp thật rộng rãi mọi khuynh hướng chính trị và thành phần xã hội, kể cả các đảng viên Cộng sản thức thời. Các liên minh chính trị đã ra đời ở các nước này, đó là những "diễn đàn của nhân dân" qui tụ nhiều tổ chức chính trị mới và cũ để chống độc tài. Đấu tranh chính trị bằng phương pháp dân chủ không những là xu thế chính của thời đại mà còn là giải pháp hữu hiệu nhất chống độc tài. Sự thất bại của những nhóm chủ trương dùng bạo lực đã chứng tỏ rõ đây là phương pháp nóng vội, muốn thành công nhanh nhưng cuối cùng không bao giờ đi đến được mục tiêu. Trái lại phương pháp tranh đấu bất bạo động kết hợp được quần chúng dễ hơn là được sự ủng hộ của dư luận các nước dân chủ, bạo quyền dù muốn đàn áp nhưng không dễ gì thực hiện được. Phương pháp đấu tranh này có thể ví như nước với đá. Những đàn áp của chế độ Cộng sản như đá chọi nước, cuối cùng đá đã bị vùi sâu trong lòng biển cả!

3. *Đòi thủ tiêu chế độ độc đảng chứ không nhất thiết phải thủ tiêu đảng Cộng sản:* Không có một phong trào đấu tranh nào ở Đông Âu chủ trương đòi tiêu diệt đảng Cộng sản, mà chỉ đòi các đảng Cộng sản cầm quyền phải từ bỏ độc quyền chính trị, công nhận chế độ chính trị đa nguyên, chấm dứt chế độ công an trị, và trừng trị những cán bộ đã lợi dụng quyền thế và tham nhũng. Lập trường này rất phù hợp với chủ trương đòi tự do dân chủ của phong trào, vì một khi các đảng Cộng sản từ bỏ độc quyền và công nhận các nguyên tắc đấu tranh chính trị dân chủ thì khi đó các đảng Cộng sản cũng bình đẳng như các tổ chức khác. Đây không phải là một sự ngây thơ khờ dại, cũng không phải là thủ đoạn, nhưng đây chính là lòng tự tin và là chủ trương của các phong trào đấu tranh ở Đông Âu. Sau nhiều thập niên sống trong các chế độ độc tài đảng trị, các chính trị gia cũng như người dân đã có những kinh nghiệm về các tai hại lớn lao của chế độ này cho đất nước và bản thân. Do đó không còn mấy ai tin vào các chủ trương cực đoan, coi chỉ có mình mới nắm được chân lý. Mặt khác, phải thừa nhận một thực tế là ảnh hưởng của Liên xô, nhất là quân sự, vẫn còn rất lớn ở Đông Âu, do đó nếu chủ trương cực đoan có thể đưa đến các tai hại khủng khiếp cho phong trào và đất nước!

Về các đảng Cộng sản có thể rút ra một số kinh nghiệm:

1. *Chế độ Cộng sản đã bị bế tắc về mặt tư tưởng và tổ chức:* Chủ nghĩa Marx được Lenin và Stalin thực hiện ở Liên xô, sau đó được mở rộng ra ở Đông Âu và một số nước Á châu, đã bị bế tắc và tự phơi bày mặt phản động trên nhiều lãnh vực, cụ thể về các chủ trương độc đảng, chuyên chính vô sản và hận thù giai cấp. Sau trên 70 năm thực hiện ở Liên xô và trên 40 năm ở Đông Âu và một số nước Á châu các chủ trương này đã tỏ rõ tính cực kỳ độc tài và phản động của một thiểu số đàn áp lại nhân dân, trong đó kể cả thành phần lao động. Chính vì thế các chủ trương này không còn sức thu hút và thuyết phục quần chúng nữa. Những nhận định này không phải là tuyên truyền xuyên tạc mà đã được nhiều lãnh tụ Cộng sản ở Đông Âu thừa nhận, ngay cả một phần trong ban lãnh đạo mới ở Liên xô. Trong thời gian vừa qua nhiều người lãnh đạo các đảng Cộng sản ở Ba Lan, Hung, Đông Đức, Tiệp và Bảo Gia Lợi đã phải nhìn nhận rằng chủ nghĩa Cộng sản với các chủ trương độc đảng, chuyên chính vô sản và hận thù giai cấp đã trở thành lỗi thời, gây những thiệt hại vô cùng lớn lao cho nhân dân và cản trở sự phát triển của đất nước!

2. *Chế độ Cộng sản bị bế tắc về kinh tế:* Mặc dầu đã cầm quyền từ trên 70 năm nhưng Cộng sản Liên xô vẫn không giải quyết được các vấn đề ăn, mặc, nhà ở cũng như các nhu cầu và tiện nghi căn bản của nhân dân. Những đoàn người phải xếp hàng cả buổi để mua thực phẩm và hàng hóa (dù cả các hàng tồi) không ngắn đi mà ngày lại càng dài thêm! Tình trạng tương tự cũng diễn ra ở Đông Âu, Việt Nam, Trung Hoa và Bắc Hàn. Sự *phá sản kinh tế và chậm tiến trong khoa học kỹ thuật là kết quả của các chính sách thủ tiêu quyền tư hữu và quyền tự do kinh tế, cùng với việc thiết lập chế độ độc quyền kinh tế của nhà nước, kế hoạch kinh tế tập trung cứng nhắc và chế độ bình quân lợi tức.* Những chính sách chủ quan này đi ngược lại với các qui luật phát triển kinh tế, không phù hợp với tâm lí của con người. Vì thế chế độ đã không thể động viên được tài năng, sáng kiến và sức lực của người lao động, các khoa học gia và quản trị gia. Đời sống kinh tế thiếu sự cạnh tranh đưa đến năng suất lao động rất thấp, phẩm chất hàng hóa xấu, biên chế ngày càng phình ra, nền kinh tế mất tính năng động cần thiết để sinh tồn và phát triển.

3. *Chế độ Cộng sản bị tha hóa đạo đức:* Những lãnh tụ "anh minh" mấy chục năm qua như Ceaucescu (Lỗ Ma Ni), Honecker (Đông Đức), Kadar (Hung) và Schiwkoff (Bảo gia lợi) và các cộng sự viên thân tín trong Bộ chính trị đang bị các đảng Cộng sản liên hệ và nhân dân tố cáo về các tội lợi dụng quyền thế, tham nhũng và sống rất xa hoa phung phí như các lãnh chúa. Những hình ảnh phát đi của đài truyền hình Cộng sản Đông Đức về khu biệt cấm ở ngoại ô Đông Bá Linh dành cho các ủy viên Bộ chính trị đảng Cộng sản Đông Đức, với những ngôi biệt thự rộng lớn, hồ bơi, các hàng ngoại "quốc cấm," từ quần áo sang trọng, rượu mạnh, nước hoa đắt tiền tới các thứ hoa quả nhiệt đới đã làm bàng hoàng các đảng viên và nhân dân từ trước tới nay vẫn tin vào lời hi sinh vì dân vì nước của các "lãnh tụ" của giai cấp vô sản! Tự nhận là đại diện bảo vệ quyền lợi của nhân dân lao động, nhưng giới lãnh đạo và cán bộ các đảng Cộng sản đã lợi dụng quyền hành lập thành một giai cấp mới (giai cấp tư sản đỏ), hưởng các đặc quyền đặc lợi không khác gì các vua chúa để mặc cho nhân dân đói khổ!

Sự băng hoại đạo đức của xã hội Cộng sản, khởi điểm từ ngay các lãnh tụ của họ, *có cội rễ là chế độ độc đảng!* Chế độ này đã tạo cho nhóm cầm quyền thâu tóm tất cả quyền hành và phương tiện vào tay một vài người mà không một cơ quan nào có thể kiểm soát được. Quyền lực có sức lôi kéo lòng tham và tính vị kỷ. Điều này lại càng dễ dàng xảy ra trong chế độ độc tài cá nhân hay độc tài đảng trị. Vì trong những xã hội này không có những cơ quan công quyền độc lập để kiểm soát lẫn nhau và cũng không có công luận đứng đắn để tố cáo và ngăn ngừa những tội phạm lạm quyền!

Từ những thắng lợi vô cùng lớn lao của các phong trào đấu tranh cho dân chủ tự do và nhân quyền và sự xụp đổ của các chế độ Cộng sản ở các nước Đông Âu đã khẳng định một *chân lý bất di bất dịch là tất cả các chế độ độc tài không sớm thì muộn đều bị lật đổ.* Những chế độ này dù có tổ chức kiên cố đến đâu và sắt máu thế nào đi nữa cũng không thể chống lại qui luật chính trị là nếu đã mất lòng dân và ngược với trào lưu thời đại thì đều vô phương cứu chữa. Ai sớm tỉnh ngộ, biết dứt khoát từ bỏ các sai lầm và đổi mới thực sự thì còn có thể tìm được sự dung thứ của nhân dân. Kẻ nào bướng bỉnh hay đổi mới giả hiệu thì phải chuốc lấy những thất bại chua cay và hình phạt nghiêm khắc!

Chứng minh điển hình về số phận của những kẻ bướng bỉnh là Ceaucescu, Honecker, Kadar, Schiwkoff và nhiều ủy viên Bộ chính trị của các đảng Cộng sản ở Đông Âu. Không còn bao lâu nữa một số phận tương tự cũng sẽ xảy ra cho các nhóm lãnh đạo cứng đầu và độc

ác của các đảng Cộng sản Việt Nam, Trung Hoa và Bắc Hàn. Vì cho tới nay họ vẫn chưa chịu mở mắt, vẫn còn khăng khăng tiếp tục dùng mọi thủ đoạn để bảo vệ đặc quyền đặc lợi và cố bám vào một chủ nghĩa đã băng hoại!

ÂU DƯƠNG THỆ

Ghi chú:
(+) Trong sáu biến động chính trị ở sáu nước Cộng sản Đông Âu thì năm biến động đã diễn ra hoàn toàn bất bạo động, chỉ có Lỗ Ma Ni là ngoại lệ. Dưới triều đại Ceaucescu tình hình chính trị ở Lỗ Ma Ni có hai đặc điểm: Vừa là một chế độ Cộng sản độc tài đồng thời còn là một chế độ phong kiến gia đình trị. Mọi quyền hành trong nước đều do chính Ceaucescu cùng vợ, các con và họ hàng chia nhau nắm giữ. Để củng cố ngai vàng, Ceaucescu đã thành lập một lực lượng mật vụ rất hùng hậu, trang bị vũ khí tối tân hơn cả quân đội. Lực lượng mật vụ được giao nhiệm vụ thẳng tay đàn áp tất cả các phong trào và cá nhân đối lập. Giữa tháng 12 vừa qua tại thành phố Timisoara lực lượng này đã giết và chôn sống hàng ngàn người đứng lên chống chế độ độc tài, trong số nạn nhân có cả các trẻ thơ! Sự tàn nhẫn của Ceaucescu đối với phong trào đấu tranh bất bạo động đã gây xúc động và căm phẫn cả quân đội Lỗ Ma Ni. Nhiều đơn vị quân đội đã đứng về phía nhân dân chống lại chế độ độc tài. Chính vì thế Ceaucescu đã ra lệnh cho lực lượng mật vụ tấn công vào quân đội và dân chúng biểu tình vào những ngày Giáng sinh 1989. Hàng chục ngàn người đã bị giết. Nhưng cuối cùng Ceaucescu cũng bị lật đổ sau hơn 20 năm cầm quyền. Ông và vợ đã bị tòa án quân sự đặc biệt xử tử hình và bị hành quyết ngay.

Lộ trấn

DIỄM CHÂU
(Paris)

Đi theo Gustave Doré trên những con đường quanh co
Tới ngọn tháp hồng ngất ngư dưới lá cờ ủ rũ
Giá từ những áng mây nghệ sĩ -- những vỉa hè đá cũ
Bập bềnh trong tưởng niệm xa xưa...

Thành phố tiếng gót giầy vọng lại từ bên kia sông Rhin
Thành phố những phế tích lượn vòng quanh với bóng ma lánh chúa
Thành phố từng giọt chuông loang trong đêm mầu lá úa
Thành phố vườn hồng ngủ mơ trên thung lũng xanh

Thành phố đỉnh tháp chìm trong sương nhớ bông cỏ bay ngày chớm hạ
Thành phố tuyết rạn vỡ dưới chân trong tiếng pháo rộn rã
Thành phố bà mẹ ôm xác hai người con
biến thành tượng đá

Đi theo bông cỏ bay bay trong trí nhớ
Nhét vội chuỗi ngày buồn
trong túi một người câm
Nghe tiếng sóng âm thầm
xé toang lồng ngực gió.

Tự do

Khi người nghệ sĩ bản địa múa ballet trên chiếc xe cọc cạch
Kẻ thiên tài từ Paris về giương ống kính
Thâu hình một bóng ma,

Ôi Tự do
Mi đã cho anh Trương Chi đỏ những đồng francs yêu nước
Mi đoàn kết những chuyến bay Việt kiều đầy nhóc
Những món hàng thâu lợi gấp trăm
Mi đã cho ta, bạn bè ta mùi vị mật ong
Ảo tưởng thiên đường hé mở

Buổi chiều carnaval mi đeo mặt nạ
Cột vào lưng ta chiếc pháo thăng thiên
Từ chín tầng trời cao ngất
Ta ngó nghiêng như cánh diều ác độc
Nhìn quê hương quay theo vòng bánh xe
Người nghệ sĩ múa ballet đầu cúi
Xuống trái tim -- nấm mộ

Ôi Tự do
Mi cười như một con rối.

TRUYỀN THỐNG DÂN CHỦ ĐÃ THỨC DẬY

Vaclav Havel

Diễn từ đầu năm của
VACLAV HAVEL
ĐẶNG HOÀNG dịch

Từ bốn mươi năm nay, cũng trong ngày này, đồng bào đã nghe từ cửa miệng những người thuộc lớp trước tôi cùng một sự việc, với ít nhiều biến đổi: nào nước ta đang phồn thịnh, nào ta đã sản xuất được bao nhiêu triệu tấn thép, nào mọi người chúng ta ai nấy đều hạnh phúc ra sao, ta tin tưởng vào chính phủ ta đến thế nào và những viễn tượng tốt đẹp bao nhiêu đang mở ra trước mặt ta. Tôi xin tạm cho rằng đồng bào đã không đề cử tên tôi vào chức vụ này để cũng lại nói dối với đồng bào.

Nước ta đang không phồn thịnh. Tiềm năng sáng tạo vĩ đại và tiềm năng tinh thần vĩ đại của dân tộc không được áp dụng có ý nghĩa. Có đến toàn bộ các ngành công nghệ đang sản xuất những thứ mà không có nhu cầu trong khi ta lại thiếu thốn những thứ ta cần thiết.

Nhà nước, tự mệnh danh là một nhà nước của công nhân, lại đang làm nhục và khai thác họ. Nền kinh tế lạc hậu của ta phao phí năng lượng, thứ mà ta đang thiếu thốn. Nước ta, có thời đã kiêu hãnh về việc giáo dục người dân, ngày nay lại chi tiêu quá ít vào giáo dục để đến nỗi ta đứng hàng thứ 72 trên thế giới về lãnh vực này. Ta đã làm nhơ bẩn đất đai, sông ngòi và rừng rú của ta, được thừa hưởng từ tổ tiên ta, và ngày nay ta đang có một môi sinh tồi tệ nhất trong toàn thể Âu châu. Người lớn ở đây chết sớm hơn đa số tại các nước Âu châu...

Điều tệ hại nhất là ta đang sống trong một môi sinh tinh thần băng hoại. Tinh thần ta đã lâm bệnh bởi vì ta quen cái lối nói một đàng nghĩ một nẻo. Ta đã học cách không tin tưởng vào bất cứ gì, không quan tâm đến nhau, chỉ lo cho chính bản thân mình mà thôi.

Những quan niệm như tình thương yêu, tình bằng hữu, lòng nhân từ, khiêm tốn hay khoan dung đã mất đi cái bề sâu và kích thước của chúng, và, đối với nhiều người trong chúng ta, ngày nay chúng biểu trưng cho một thứ hiếu kỳ tâm lý nào đó, hoặc chúng hiện về như những kẻ phiêu bạt lạc lõng từ những thuở xa xưa, trông có vẻ lố bịch giữa cái thời đại của máy điện toán và phi thuyền không gian này...

Chế độ trước đây, được vũ trang bằng một hệ ý thức kiêu căng và cố chấp, đã hạ người dân xuống thành những phương tiện sản xuất, và đẩy thiên nhiên xuống thành công cụ của nó. Từ những con người có tài và có tinh thần trách nhiệm đang khéo léo vun xới đất đai mình, chế độ đã biến họ thành những khớp răng của một dàn máy khổng lồ, gớm guốc, ồn ào và hôi tanh, với một mục tiêu không rõ rệt. Điều duy nhất nó làm được, chậm chạp nhưng bất khả cưỡng, là suy mòn dần, với tất cả những khớp răng của nó.

Nếu tôi nói đến một bầu không khí tinh thần băng hoại tôi không chỉ nhắm tới tầng lớp chủ nhân của chúng ta mà thôi... Tôi nói đến tất cả chúng ta, vì tất cả chúng ta đã quen với hệ thống chuyên chế và đã chấp nhận nó như một sự kiện không thể đổi thay được, và do đó thật sự đã giúp cho nó tiếp diễn. Không một ai trong chúng ta lại chỉ là nạn nhân

của nó mà thôi; chúng ta thảy đều còn chịu trách nhiệm về nó nữa.

Sẽ là một việc rất thiếu khôn ngoan nếu như ta coi cái gia tài buồn thảm của bốn mươi năm qua như chỉ là một cái gì đến từ bên ngoài, cái gì được thừa hưởng từ một người họ xa. Trái lại, ta phải chấp nhận cái gia tài đó như một cái gì chính ta đã tự gây ra cho mình. Chấp nhận nó như thế rồi, thì ta mới sẽ hiểu rằng những gì chúng ta phải làm sẽ hoàn toàn tùy thuộc nơi chúng ta...

Tại khắp nơi trên thế giới, mọi người đều ngạc nhiên thấy tại sao những người công dân dễ bảo này của Tiệp Khắc, đã từng bị làm nhục và đã từng yếm thế, những con người dường như chẳng còn tin tưởng vào gì hết, lại tìm được cái sức mạnh to lớn như thế trong nội vài tuần lễ để vứt bỏ đi cái hệ thống chuyên chế, bằng một phong cách hoàn tòan ôn hòa và trang nghiêm. Chính chúng ta cũng phải ngạc nhiên nữa.

Và ta hỏi: Những người trẻ tuổi kia chưa hề biết đến một hệ thống nào khác đã lấy từ đâu được cái lòng khao khát chân lý ấy, cái lòng yêu quí tự do ấy, cái trí tưởng tượng chính trị ấy, cái lòng can đảm công dân và cái trách nhiệm công dân ấy? Cha anh của họ, đúng cái thế hệ tưởng đã lạc loài ấy, đã cùng tham gia với họ bằng cách nào! Tại sao lại có thể rằng đông đảo ngần ấy con người lại đã hiểu ngay được phải làm cái gì, và không ai cần khuyên nhủ hay hướng dẫn gì hết?...

Nhân loại chẳng bao giờ chỉ là một sản phẩm của những hoàn cảnh ngoại giới mà còn có thể vươn tới cái gì cao thượng hơn. Thế ra, những truyền thống nhân bản và dân chủ đã vẫn ngủ vùi nơi nào đó trong tiềm thức dân tộc ta, và trong những sắc dân thiểu số nước ta, và đã được truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác, không ai để ý, để lại thức dậy đúng lúc nơi mỗi người chúng ta và định hướng cho hành động của ta...

Lẽ tự nhiên, chúng ta cũng phải trả giá cho cái tự do ngày hôm nay. Có nhiều người dân trong chúng ta đã chết trong lao tù những năm 1950. Nhiều người đã bị hành quyết. Hàng ngàn nhân mạng đã bị tiêu diệt. Hàng trăm con người tài ba đã bị đẩy ra nước ngoài... Những kẻ có hồi đã từng chiến đấu chống lại chủ nghĩa độc tài trong thời chiến tranh cũng đã bị ngược đãi... Không thể bỏ quên bất cứ người nào đã phải trả giá cách này hay cách khác cho nền tự do của chúng ta.

Các tòa án độc lập sẽ phải thẩm định một cách công bằng tội lỗi, nếu có, của những kẻ hữu trách, để cho tất cả sự thật về cái quá khứ gần đây của ta phải được phơi trần ra.

Thế nhưng ta cũng chớ nên quên rằng các dân tộc khác đã phải trả một giá còn nặng hơn cho nền tự do của họ, và cũng còn gián tiếp trả cho nền tự do của chúng ta nữa. Mọi niềm đau của nhân loại đều liên can đến mỗi một con người... Giá như không có những thay đổi tại Liên Xô, Ba Lan, Hung ga ri và Cộng hòa Dân chủ Đức quốc, thì những gì đã thấy tại đây chắc hẳn đã chẳng xảy ra được, và, tất nhiên, không với một phong cách êm lặng và ôn hòa như thế.

Giờ đây, niềm khát vọng đó liệu sẽ có được thực hiện hay không, liệu lòng tự trọng công dân, quốc gia và chính trị sẽ có được hồi sinh hay không chỉ còn tùy thuộc nơi ta. Chỉ con người nào hay dân tộc nào có lòng tự trọng, trong cái nghĩa tốt đẹp nhất của từ ngữ, mới có khả năng lắng nghe tiếng nói của những kẻ khác, đồng thời chấp nhận họ như những kẻ ngang hàng, mới có thể tha thứ kẻ thù và mới có thể chuộc tội...

Nước chúng ta là một nước nhỏ. Tuy nhiên, có hồi ta đã tượng trưng cho những khúc quẹo tinh thần của cả châu Âu. Tại sao ta lại không thể trở thành như thế một lần nữa? Kẻ thù lớn nhất của ta hiện nay là những đặc tính xấu xa của chính ta: thờ ơ, kiêu căng, tham vọng, ích kỷ và tranh chấp cá nhân.

Phía trước chúng ta là những cuộc bầu cử tự do, và, do đó, cũng là cuộc đấu tranh tiền tuyển cử. Chúng ta hãy đừng để mất đi cảm tình của thế giới, cảm tình mà ta đã giành được thật là nhanh chóng, bằng cách để vướng chân vào cái bụi cỏ thấp hèn của những đụng độ vì quyền lực. Chúng ta cũng đừng để cho những quyền lợi vị kỷ nở hoa dưới cái vỏ cao quí là mong muốn phục vụ lợi ích chung...

Có lẽ đồng bào hỏi là tôi mơ ước một nền cộng hòa loại nào. Xin thưa: một nước cộng hòa độc lập, dân chủ, một nền cộng hòa thịnh vượng kinh tế và công lý xã hội, một nền cộng hòa nhân đạo phục vụ con người và, do đó, còn có hy vọng là con người sẽ phục vụ nó...

Bậc tiền bối quan trọng nhất của tôi [Alexander Dubcek] đã mở đầu bài diễn văn đầu tiên của ông bằng cách trích dẫn lời Comenius (*). Hãy cho phép tôi được chấm dứt bài diễn văn đầu tiên này của tôi bằng cách nhắc lại những gì tôi đã viết. Thưa nhân dân, chính phủ của nhân dân đã trở về với nhân dân.

(Trích đoạn bài diễn văn đầu năm 1990 của Václav Havel. Đặng Hoàng dịch theo bản dịch Anh ngữ của Nữu Ước Thời Báo, số ra ngày 2-1-1990).

(*) John Amos Comenius (Jan Amos Komenský, 1592-1670), nhà cải cách giáo dục và nhà thần học xứ Moravia, thuộc miền Trung Tiệp Khắc.

MỘT CUỘC ĐỜI NHƯ MỘT TÁC PHẨM NGHỆ THUẬT

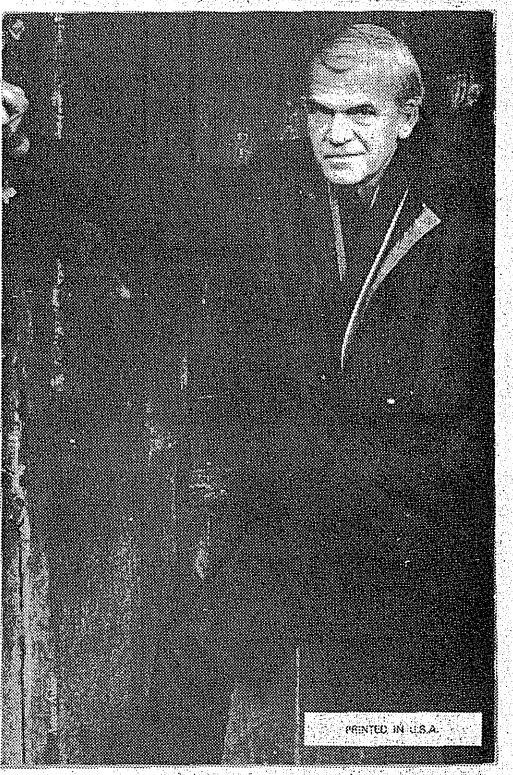

Milan Kundera

MILAN KUNDERA
THẠCH CHƯƠNG dịch

LND: -- *Sau khi "chủ nghĩa xã hội với bộ mặt người" ở Tiệp Khắc đã bị những xích bánh xe tăng Hồng Quân Nga Xô nghiến nát trong Mùa Xuân Prague, 1968, Vaclav Havel đã chọn ở lại quê hương để tranh đấu cho nhân quyền thay vì tỵ nạn chính trị ở ngoại quốc. Vì những hoạt động chống đối này mà ông đã bị tù ba lần, trong một thời gian tổng cộng gần năm năm.*

Chế độ cũ đã cấm không cho trình diễn kịch cũng như xuất bản sách của ông trong nước. Bất chấp mọi đe dọa, ông đã vẫn tiếp tục viết và xuất bản ngầm ("samizdat") với mục đích tố cáo hệ thống cộng sản như một tập hợp những xảo trá. Mặc dù đối tượng chính của sự tố cáo là các lãnh tụ cộng sản, ông cũng đã lên án luôn cả tập thể quần chúng là đồng lõa với tội ác vì đã lặng thinh, ngoan ngoãn cúi đầu đi theo họ chỉ vì sợ bị mất những quyền lợi vật chất.

Havel đã viết các vở kịch và tập tiểu luận nổi tiếng như: Chậm và buồn hoang vắng, Cám dỗ, Bữa tiệc ngoài vườn, Bức công văn, Quyền lực của những kẻ vô quyền, Thư gửi Olga, v.v.

Năm 1977, ông là một trong số những người lãnh đạo Hiến Chương 77, một tổ chức tranh đấu nhân quyền, với mục tiêu tạo áp lực với chế độ bắt họ phải tôn trọng những cam kết trong hiến pháp cũng như trong những hiệp ước đã ký kết với quốc tế. Tháng Mười Một năm ngoái, sau khi cảnh sát dã man đàn áp sinh viên biểu tình, "Diễn đàn Công dân" được thành lập bởi các tầng lớp phản kháng và đấu tranh nhân quyền ở Tiệp, và người trực tiếp lãnh đạo Diễn đànnày cũng đã là Havel. Giữa tháng Chạp năm ngoái, do sự dàn xếp của Diễn đàn Công dân, một tân nội các đã nhậm chức, và lần đầu tiên kể từ 1948 đảng viên Cộng sản đã không chiếm được đa số. Ngày 10 tháng Chạp vừa qua, vì có sự yêu cầu của mọi giới ủng hộ Diễn đàn, Havel đã chịu tuyên bố ra ứng cử Chủ tịch Nhà Nước, và chín ngày sau được Quốc hội đồng

thanh bỏ phiếu ủnghộ ông trong chức vụ này.

Tại Paris, khi nghe tin Havel sắp được bầu vào chức chủ tịch, một nhà văn bạn đồng hương của ông, Milan Kundera, đã viết một bài "homage" *ngắn sau đây để tặng nhà soạn kịch. Kundera hiện được coi như một nhà văn hiện đại đáng chú ý nhất của Âu châu, và là nhà văn lưu vong lớn nhất kể từ Solzhenitsyn. Con của một nhạc sĩ dương cầm nổi tiếng của Tiệp Khắc, ông sinh tại Brno năm 1929. Gia nhập đảng CS năm 1947, bị trục xuất khỏi đảng năm 1950, được tái thâu nhận năm 1956, Kundera lại bị trục xuất khỏi đảng một lần nữa năm 1970. Các nghề mưu sinh của ông đã gồm, lần lượt: lao động chân tay, nhạc công jazz, làm thơ, soạn kịch, viết tiểu thuyết, và giáo sư nghệ thuật điện ảnh tại Viện Nghiên cứu Điện ảnh Cao cấp tại Prague. Sau biến cố 1968, ông bị sa thải khỏi Viện này, và chính quyền Cộng sản ra lệnh cấm bán, và lấy ra khỏi các thư viện công cộng tất cả mọi tác phẩm của ông. Năm 1975 ông qua Pháp, và năm 1979 bị nhà nước Tiệp Khắc tước quyền công dân vì đã cho dịch và xuất bản tại đó* Cuốn sách cười và quên. *Ngoài ba tập thơ, vô số truyện ngắn, hai tập nghiên cứu văn học (về nghệ thuật tiểu thuyết và về Franz Kafka), Kundera đã xuất bản một số tiểu thuyết, có cuốn đã được dịch ra trên 20 thứ tiếng, có cuốn được Giải Médicis ở Pháp và Giải Mondello ở Ý (cả hai dành cho tác phẩm văn học ngoại quốc). Đó là các cuốn tiểu thuyết với những chủ đề chính trị, tình dục, triết học, nghệ thuật, và văn học, gồm:* Trò đùa, Những mối tình tức cười, Cuộc đời ở nơi nào khác, Bữa tiệc giã từ, *và gần đây nhất,* Cái nhẹ nhõm chịu không nổi của hiện sinh. *Hiện nay ông dạy văn chương tại Đại học Rennes, Pháp quốc.*

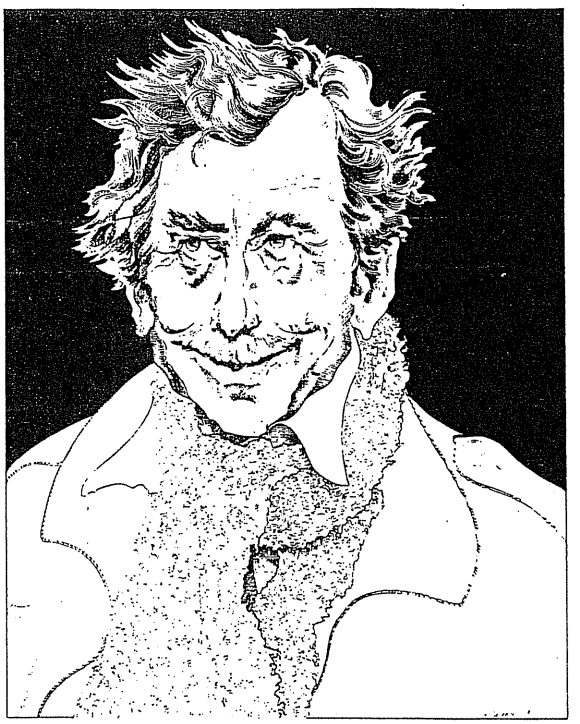

Vaclav Havel do Vint Lawrence vẽ cho The New Republic

Tôi bao giờ cũng cảm thấy đặc biệt khó chịu về lời nhận định người ta gán (theo tôi là không đúng) cho Goethe: "một cuộc đời phải giống như một tác phẩm nghệ thuật." Vì đời sống vô hình thể và không giống một tác phẩm nghệ thuật nên con người mới cần đến nghệ thuật. Ấy thế mà trong những ngày lớn này của cố hương tôi, miền Trung Âu, tôi đã vô cùng mừng rỡ được biết rằng Václav Havel rồi đây sẽ trở thành chủ tịch nhà nước Cộng Hòa Tiệp Khắc. Tôi nghĩ đến ông và tự nhủ: có những trường hợp (rất hiếm) đem so sánh một cuộc đời với một tác phẩm nghệ thuật là chính đáng.

Cả cuộc đời Havel thực ra được xây trên một chủ đề lớn duy nhất; không có gì là ngẫu nhiên về nó cả, không có sự chuyển hướng (Havel chưa hề bao giờ xúc động về những ảo tưởng trữ tình của chủ nghĩa cộng sản cả, vì thế chưa hề có nhu cầu phải vứt bỏ chúng đi, như nhiều bậc tiền bối của ông đã làm); cuộc đời ấy là một tiến trình từ tốn, liên tục, và nó cho ta ấn tượng là một sự thống nhất toàn bích trong sáng tác. Hơn nữa, tôi có cảm tưởng rằng chính Havel đẽo gọt đời mình với một niềm thích thú của người nghệ sĩ, như một nhà điêu khắc đẽo gọt tảng đá, mỗi lúc đem lại cho nó một ý nghĩa và hình dạng sáng sủa hơn. Cái phong cách ông lãnh đạo cuộc đấu tranh mấy tuần lễ qua ("một loại cách mạng ôn hòa," ông bảo tôi như thế trong thư) thật là quyến rũ chẳng những trên quan điểm chính trị mà còn trên quan điểm thẩm mỹ nữa. Nó giống như phần nhạc kết *prestissimo* ["rất nhanh"] của một bản *sonata* sáng tác bởi một nhạc sĩ bậc thầy.

Một tác phẩm nghệ thuật được làm ra để cho người khác nhận thức. Làm cuộc đời ta thành một tác phẩm nghệ

thuật lập tức phơi bày nó trước sự xem xét tỉ mỉ của người ta, vạch trần nó trong luồng ánh sáng. Không thể tránh được. Nhưng nếu con người bị rọi sáng như thế còn là một nghệ sĩ nữa, thì hắn đành liều: cuộc-đời-trở-thành-tác-phẩm -nghệ-thuật của hắn có thể khiến người ta quên đi những tác phẩm nghệ thuật của mình. Trong trường hợp Havel, điều đó hẳn sẽ đáng buồn. Chưa đầy ba mươi tuổi, các vở kịch đầu tay của ông đã được dựng ở Prague: *Bữa tiệc ngoài vườn* và *Bức công văn*. Đó là các vở kịch thông minh, và đầy khiêu khích, không giống bất cứ gì khác (có lần tôi đã bàn đến điều này trong bài tựa cho một bộ kịch phẩm của ông: chúng có thể, nếu cần, nhưng chỉ gần đúng thôi, được xếp vào loại kịch nghệ phi lý *[théâtre de l'absurde])*, và mang một tính hài hước hấp dẫn không ai cưỡng nổi. Thực vậy, nếu như tôi yêu thích hai vở kịch này nhất trong toàn bộ tác phẩm của ông, ấy là vì hồi đó tôi vẫn còn được coi chúng ở Prague, với những công trình sản xuất tuyệt vời, hoàn toàn trung thành với tinh thần của tác giả. Và bởi vì hồi đó tôi đã được coi chúng tại Nhà Hát Balustrade, dạo ấy là nơi làm việc của Havel, và là một nơi, đối với giới trí thức Tiệp Khắc, sẽ luôn luôn còn biểu trưng cho những năm 1960 và cho cái tinh thần tự do ngỗ nghịch hồi đó. Những tác phẩm về sau (chẳng hạn *Khán giả*, vở kịch một màn tuyệt diệu) cũng hay không kém; giá như trên thế giới này còn những công ty [sản xuất kịch] coi văn bản của một tác giả như cơ sở của nghệ thuật sân khấu, thì các vở kịch đó ắt sẽ nằm trong kho tiết mục trình diễn của khắp mọi nơi.

Đù rằng Havel được thế giới biết đến chủ yếu (và đúng) như một người sáng lập Hiến Chương 77 [tổ chức nhân quyền ở Tiệp Khắc], như một kẻ chống đối đã từng nằm tù nhiều năm, như đại diện đạo đức hàng đầu của xứ sở ông, nhưng trong thâm tâm ông sẽ vẫn là một nhà soạn kịch, một thi sĩ của kịch trường. Bỏ qua điều này là không hiểu được ông. Có nghĩa là không hiểu được, trước nhất, rằng ông đã có gốc rễ ăn sâu nhường nào trong cái nét đặc trưng của truyền thống dân tộc: phong trào canh tân Tiệp Khắc hồi thế kỷ mười chín đã được tổ chức, không phải chung quanh Giáo Hội, không phải chung quanh quân đội, không phải chung quanh một đảng phái chánh trị, mà chung quanh nền văn hóa nói chung và những sân khấu kịch nghệ nói riêng. Các khuôn mặt chính trị Tiệp Khắc lớn nhất hồi đó đã là các nhà văn: Frantisek Palacky, một nhà sử học; Karel Havlicek [...], một nhà thơ trào phúng; và rồi Tomas Masaryk, một nhà triết học.

Tầm vóc của Havel trong tư thế một nghệ sĩ làm cho ông khác với những nhân vật chính trị lớn của hôm nay. Ta đừng nên quên rằng các vở kịch sớm nhất của ông đã đẩy khán giả các nơi vào một tâm trạng cứ phải cười rũ rượi không ngừng. Vâng, lúc khởi đầu sự nghiệp của Havel đã có tiếng cười. Hài hước. Và hài hước có nghĩa là hoài nghi. Và hoài nghi có nghĩa là tự mỉa mai. Hai năm trước, ở Paris, tôi được coi vở kịch *Largo Desolato* ["Chậm buồn hoang vắng"] của ông. Trong đó Havel suy ngẫm về tình cảnh của mình một cách châm biếm, mai mỉa: tình cảnh của một người tận tụy nhiệt tình với đấu tranh chính trị và do đó không còn làm chủ được một cuộc-đời-đời mình-mà mọi người khác đều muốn chiếm đoạt làm của riêng. Trong màn cuối, khi cảnh sát đến bắt nhân vật chính, hắn cảm thấy gần như hạnh phúc vì được cô đơn trở lại, không thuộc về ai khác trừ chính mình. Kẻ chống đối, người anh hùng hiện đại đó, vác số mệnh mình không như một niềm vinh quang hồ hởi, mà đúng hơn như một bó nặng hầu như phi lý. Hắn chỉ muốn thà được làm những gì khác (viết kịch chẳng hạn, hay làm thơ), để trút bỏ cái vận mệnh ấy, nhưng không làm được. Bởi vì trong lúc ấy, có cái gì to lớn hơn hắn đã túm lấy hắn, cái gì vượt qua hắn, cái mà Havel gọi là *trách nhiệm*.

Đối với ông, đó là đạo đức của sự chống đối. Havel thảo luận về nó trong một bài tiểu luận (về cuốn *Một cuốn mộng thư Tiệp Khắc* của Ludvik Vaculík, một tác phẩm lộng lẫy cũng xuất phát từ "sự chống đối mang tư tưởng hoài nghi" đó). Làm cơ sở cho nền đạo đức ấy là điều chắc chắn của kẻ hoài nghi (điều mà chỉ một nhà soạn kịch hay một nhà tiểu thuyết mới có thể tới được) rằng giữa cá tính của một người và số phận của hắn không có một sự thống nhất nào, rằng cái nọ luôn luôn là nạn nhân của cái kia. (Tác phẩm nghệ thuật mà một cuộc đời trở thành thì không đồng nhất với cuộc đời ấy; hai bên còn có thể thù nghịch nhau là đằng khác). Cái khả năng lấy một quan điểm mỉa mai về tình cảnh riêng của mình, đề phòng cho đời mình khỏi bị bất cứ một giải thích cường điệu nào (lối giải thích *kitsch* [lố lăng, kệch cỡm], như chúng tôi thường nói tại Trung Âu), có thể gọi là một thứ khôn ngoan. Trong số những khuôn mặt chính trị lớn trong thời đại chúng ta, tôi không thấy ai khác có được sự khôn ngoan đó. Bởi lẽ đó là sự khôn ngoan của một thi sĩ.

(Nguyên bản Pháp ngữ của Kundera; Thạch Chương dịch từ bản dịch Anh ngữ của Linda Asher đăng trong The New Republic *ngày 29-1-1990).*

MỘT VÀI HÌNH ẢNH TRUNG THỰC VỀ ĐÁM TRÍ THỨC NGỤY HÒA

STEPHEN J. MORRIS
NGUYỄN THIÊN ÂN dịch

LTS: Chúng ta đã từng nghe nhiều người nhận xét rằng "phe chống cộng thua cuộc chiến tranh Việt Nam tại thủ đô Washington" phần lớn là vì các thế lực phản chiến tại Hoa Kỳ mà nòng cốt là các hệ thống truyền thông đại chúng và một số các nhà trí thức khuynh tả. Ngày nay, những nhà trí thức Mỹ thuộc loại đó vẫn còn hoạt động -- mà bằng cớ là vẫn có những tổ chức văn hóa Hoa Kỳ mời các nhà văn nhà báo Cộng Sản từ Hà Nội qua Mỹ trình bày về cuộc chiến Việt Nam, tất nhiên là theo quan điểm của cộng sản. Bài sau đây, căn bản là một bài điểm sách -- tác giả là ông Stephen J. Morris, Thư ký của ban khảo cứu thuộc Naval War College (Trường Đại Học Hải Chiến Hoa Kỳ) đồng thời cũng là người làm việc trong trung tâm khảo cứu về Liên Xô và trung tâm quốc tế vụ thuộc trường Harvard -- sẽ cho thấy một phần chân tướng của thiểu số trí thức tả khuynh nầy như thế nào. Nguyên tác "Ho Chi Minh, Pol Pot and Cornell" (Hồ Chí Minh, Pol Pot và Trường Đại Học Cornell) được đăng trên tam cá nguyệt san "The National Interest" số mùa hè 1989. Vì tôn trọng nguyên tác, và cũng vì muốn người đọc nhận rõ hơn những chủ đích của người viết nên chúng tôi vẫn giữ nguyên những đoạn không liên hệ đến Việt Nam. Các tiểu tựa trong bài do tòa soạn đặt.

Những sai lầm căn bản

Trường đại học Cornell là một trong những cơ sở giáo dục hàng đầu của nước Mỹ. Nhờ những tài liệu trong thư viện và những ấn phẩm đúc kết các cuộc khảo cứu của những tổ chức liên hệ đến trường này, đại học Cornell đã được giới trí thức khoa bảng coi là một trong những trung tâm nghiên cứu chủ yếu trên thế giới chuyên về các vấn đề Đông Nam Á. Trước năm 1965, Indonesia là một trọng điểm của công cuộc khảo cứu ở Cornell. Nhiều công trình trọng đại đã được các học giả liên hệ với chương trình Đông Nam Á của trường Cornell hoàn tất mặc dầu phần lớn trong số nầy đều là các nhà nghiên cứu biệt thỉnh chớ không phải là những người trong ban giảng huấn hoặc là sinh viên tại trường đó. Một số các nhân viên trong ban giảng huấn và các chuyên viên khảo cứu vào lúc đó lại có thiện cảm với mục tiêu tranh đấu của Cộng Sản Indonesia, gọi tắt là PKI. Một trong những người ấy, bà Ruth McVey, còn là người đã từng diễn giảng tại Viện Khoa Học Xã Hội Aliarcham của PKI trước năm 1965.

Cuộc đảo chánh bất thành của các phần tử thân PKI trong quân đội Indonesia đã tạo một phản ứng khá bất thường từ hành lang trường Cornell. Một tài liệu nặc danh dày 166 trang mệnh danh là "A Preliminary Analysis Of The October 1, 1965 Coup In Indonesia" (Bảng phân tích sơ khởi về cuộc đảo chánh ngày 1 tháng 10 năm 1965 tại Indonesia) đã được phân phát ở tây phương, phần chính là ở Mỹ. Tài liệu đó cho rằng cuộc đảo chánh không phải là kết quả một âm mưu của PKI như quân đội Indonesia đã nói, mà là tác phẩm của những sĩ quan trung cấp bất mãn và chống đối lối sống nhũng lạm và xa hoa của các sĩ quan cao cấp. Bản tài liệu của trường Cornell tố giác là chính các sĩ quan nầy đã "lừa" PKI tới chỗ ủng hộ cuộc đảo chánh. Mãi về sau mới có lời xác nhận chính thức rằng tác giả tài liệu đó là hai học giả dính dáng tới trường Cornell. Một là bà Ruth Mc Vey nói trên và người kia là ông Benedict Andersen.

Lập trường tư vị của giới khoa bảng trường Cornell trong cuộc tuyên truyền và phản tuyên truyền quanh cuộc đảo chánh năm 1965 và quanh những hệ quả của cuộc đảo chánh đó đã đưa tân chính phủ Indonesia tới chỗ tuyên bố rằng những người dính dáng tới trường Cornell là các thành phần bất hảo, không được phép bén mãng tới Indonesia. Diễn biến chính trị đó xảy ra cùng

lúc với việc Hoa Kỳ tham gia nhiều hơn vào cuộc chiến Việt Nam, và điều nầy đã làm nhiều nhà khoa bảng Mỹ thêm bực. Dù trường Cornell không thể khoe là trường có những học giả mà ai cũng nhận là thông thạo các vấn đề liên quan tới Việt Nam, chương trình ĐNÁ của trường đã ngày một chú trọng tới Việt Nam nhiều hơn và rồi chẳng bao lâu sau đó, đã bắt đầu hấp dẫn các sinh viên cao học, lẫn nhiều sinh viên khác, mà lúc đó đã ngày một bị cuốn hút vào các vấn đề chính trị xoay quanh cuộc chiến.

Chân tướng một nhà khoa bảng thân cộng

Ông George McTurnan Kahin, Giám đốc chương trình ĐNÁ của trường Cornell từ năm 1961 tới 1970, là người dạy môn bang giao quốc tế tại trường ấy từ năm 1951. Trong gần 40 năm đi dạy, ông Kahin đã ấn hành hai công trình khảo cứu của riêng ông. Trước hết là luận án Tiến sĩ, ấn hành năm 1952, nhan đề là Nationalism and Communism In Indonesia (Chủ Nghĩa Dân Tộc và Chủ Nghĩa Cộng Sản Ở Indonesia) và thứ đến là quyển sách nhan đề Intervention (Sự Can Thiệp), in ra năm 1986, nghĩa là sau luận án tiến sĩ những 34 năm. Giữa hai công trình đó là hai tác phẩm hiệu đính nhan đề Major Governments Of Asia 1958, 1963 (Các Chính Quyền Chủ Yếu ở Á Châu) và Government and Politics Of Southeast Asia 1959, 1964 (Chính Phủ và Chính Trường ĐNÁ) bên cạnh tác phẩm được nhiều người đọc nhứt, viết chung với ông John Wilson Lewis (lúc đó là một Giáo sư phụ giảng), nhan đề "United States In Vietnam" (Hoạt động của Hoa Kỳ tại Việt Nam).

Cuốn United States In Vietnam là một quyển sách rất đáng nói về chính trị. Hồi sách được in ra, nhân vật đó là Nghị sĩ tại thượng viện Mỹ, ông George McGovern, đã nhìn nhận rằng đấy là tác phẩm "không thể thiếu nếu muốn tìm hiểu vấn đề Việt Nam." Ông Arthur Schlesinger Jr. nhìn nhận rằng "sách đó là quyển không thể thiếu được nếu muốn biết về những rắc rối và nguy hiểm của việc dính líu vào Việt Nam." Mấy năm sau, lúc ông Kahin sắp ra điều trần trước một tiểu ban thượng viện Hoa Kỳ về những lý do tại sao Hoa Kỳ đừng nên cung cấp thêm viện trợ cho chính phủ Kămpuchia, ông đã được Nghị sĩ Claiborne Pell ngợi khen vì đã viết một cuốn sách hữu ích đến thế, như thế nầy: "Tôi vô cùng kính trọng Giáo sư Kahin. Nhớ lại mấy năm trước đây khi tôi còn liên hệ nhiều đến vấn đề Việt Nam, tôi có một quyển mà dạo đó ông mới in và coi đó là quyển sách hồng đặt trên bàn giấy của tôi, vốn là quyển sách duy nhứt, không có tính cách chính thức mà lại được tôi giữ chỉ vì nó chứa đựng nhiều lập luận và nhiều sự kiện hỗ trợ cho các lập luận mà tôi muốn trình bày."

Tuy có ảnh hưởng sâu rộng như vậy nhưng cuốn The United States In Vietnam lại không phải là một công trình khảo cứu chân phương. Dù cả hai tác giả đều có thể được coi là chuyên gia về chính trị tại ít nhứt một nước ở châu Á nhưng lại chẳng ông nào từng nghiên cứu gì về Việt Nam hết. Họ cũng không từng khảo cứu về sách lược đối ngoại của Hoa Kỳ. Cuốn The United States In Vietnam là một cuốn sách ăn khách hơn là một tác phẩm thâm cứu bởi lý do chính là vì đấy chỉ là một tập hợp của những nguồn tin thứ cấp với một số những tài liệu gốc, viết bằng Anh ngữ, kiếm đâu cũng có vào lúc đó.

Vì dễ kiếm nên có dạo cuốn The United States In Vietnam đã trở thành tài liệu chính, được phong trào phản chiến Mỹ sử dụng để yểm trợ các cuộc tranh luận của họ. Lập thuyết căn bản của quyển sách là cho rằng Hoa Kỳ đã can thiệp vào một cuộc nội chiến giữa các cựu kháng chiến quân Nam Bộ với chính phủ bất hợp pháp của Việt Nam được Hoa Kỳ ủng hộ. Tác giả quyển sách cho rằng chỉ vì Hoa Kỳ can thiệp bằng quân sự nên Bắc Việt mới phải tung nhiều quân vào Nam. Chủ điểm của lập thuyết nầy là ý kiến cho rằng cuộc dấy loạn ở nam Việt Nam vừa có tính cách tự phát lại vừa chẳng dính gì tới Hà Nội hết. Các ông Kahin và Lewis cả quyết tin vào điểm nầy đến nỗi cũng cần trích đọc toàn văn những gì mà các ông ấy viết:

"Trái với những xác quyết trong sách lược của Mỹ, mọi bằng cớ đều chứng tỏ rằng sự tái phát của cuộc nội chiến tại miền Nam hồi năm 1958 là do chính người Nam bộ xướng xuất chớ không hề do Hà Nội khởi động. Không một bằng cớ nào xác nhận, như Bạch Thư của Hoa Kỳ công bố năm 1965, là Mặt Trận Giải Phóng miền Nam Việt Nam được thành lập theo lịnh của Hà Nội.

... Những chuyên gia người Pháp, không Cộng sản và thông thạo nhứt, từ lâu đều nhận rõ như thế; nhưng những quan điểm của họ đã bị Washington cố tình làm ngơ. Và thực ra thì người ta cũng chẳng cần phải nhờ đến những gì họ viết mới đi tới kết luận đương nhiên là Mặt Trận Giải Phóng không hề là sản phẩm của Hà Nội; mặt trận đó đã tỏ rõ tư thế độc lập và Nam bộ của nó. Cuộc dấy loạn chống chính phủ Sàigòn bắt đầu ở miền Nam dưới sự lãnh đạo của người Nam, chẳng những không do bất cứ quyết định nào từ Hà Nội mà lại còn đi ngược với các chỉ thị của Hà Nội nữa. Có biết bao dữ kiện mà Washington có thể thu thập để bài bác mọi lập luận cho rằng cuộc nội chiến tái phát ở miền

Nam là do "một cuộc xâm lược từ miền Bắc mà ra." Tuy nhiên nếu chính phủ Mỹ nhìn nhận như thế thì điều đó sẽ hủy hoại chính nền tảng của lập luận được Mỹ dùng để biện minh cho hành động can thiệp bằng quân sự vào miền Nam và leo thang chiến tranh nhắm vào miền Bắc."

"Biết bao nhiêu dữ kiện" chứa đựng "mọi bằng cớ" cho các ông Kahin và Lewis là những gì? Chỉ cần coi lại những dòng ký chú ở cuối sách của các ông ấy thì cũng thấy rằng những thứ đó chẳng là gì khác hơn những tuyên cáo chính thức của Bắc Việt và MTDTGPMNVN -- đấy cũng đồng thời là những dữ kiện mà các chuyên gia người Pháp thông thạo nhứt," ông Philippe Devillers và ông Jean Lacouture, đã dựa vào.

Sự thật thì MTDTGPMNVN chỉ là một tổ chức bình phong của đảng CS, do Hà Nội tạo ra; và cuộc tạo loạn ở miền Nam VN là do Hà Nội gây ra và yểm trợ qua một hệ thống được gọi là đường mòn Hồ Chí Minh. Những lời chứng mới đây của các cựu viên chức cao cấp thuộc MTDTGPMN và những lời thú nhận công khai của chính các nhân vật CS Việt Nam chỉ xác nhận lại điều đã được chính phủ Hoa Kỳ biết rõ từ dạo đó qua cung từ của các tù binh CS và của các cán binh CS hồi chánh. Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ nói đúng về nguồn cơn của cuộc chiến trong khi các ông Kahin và Lewis thì sai bét.

Không tin ai ngoài cộng sản hết

Sự khác biệt đó, một phần là do hai lối nhìn khác nhau đối với những bằng chứng thực nghiệm nhưng tin được. Bộ Ngoại Giao dựa vào việc phối hợp những lời khai của các cán binh hồi chánh và tù binh CS. Các nhà khoa bảng ở trường Cornell thì chỉ tin ở sự thực dựa hoàn toàn vào ngôn từ trên các phương tiện truyền thông của nhà nước CS vào cao điểm của một chiến dịch quân sự và chính trị. Rõ ràng là vì cả ông Kahin lẫn ông Lewis đều không ông nào biết tiếng Việt cho nên họ không thể phỏng vấn trực tiếp các cựu viên chức hoặc cựu cán binh CS được. Nhưng cần nói thêm rằng dạo đó có đầy các thông dịch viên ở miền Nam VN, chưa kể chính phủ Hoa Kỳ vẫn thường cho dịch ra Anh ngữ những tài liệu tịch thu được của CS lẫn ghi lại những phúc trình các cuộc thẩm vấn tù binh trên giấy tờ hẳn hoi. (Một chi tiết đáng chú ý nữa là vào lúc ông George Kahin bận bịu xuất hiện tại các trường đại học và trên các phương tiện truyền thông nhân danh phong trào phản chiến thì đã có một học giả Mỹ khác, biết tiếng Việt, cũng thực hiện một cuộc khảo cứu tương tự như cuộc khảo cứu ở Bộ Ngoại Giao. Học giả nầy là ông Jeffrey Race. Dù chính ông Race cũng cực lực chỉ trích phương thức của chính phủ Mỹ ứng phó với cuộc chiến, nhưng rất nhiều kết luận hệ trọng của ông đưa ra đã khẳng quyết bài bác những lập luận của các ông Kahin và Lewis về nguồn gốc cuộc chiến cũng như về nhiều điểm chủ yếu khác trong điều được mệnh danh là "Cuộc tranh biện về Việt Nam".)

Tuy nhiên cuộc khảo cứu về Việt Nam của các ông Kahin và Lewis còn bị tác hại nhiều hơn những tai hại do việc các ông đó dốt Việt ngữ mà ra. Trong phần đầu của cuốn sách, hai ông lập luận rằng tổ chức bình phong của CS gọi là Việt Minh, chỉ là một lối bày tỏ đầu óc quốc gia dân tộc, rất hợp pháp, của người Việt Nam. Hai ông còn cho rằng phần đông những người chống cộng dạo đó đều chỉ là những con cờ của người Nhật, của thực dân Pháp hoặc của người Mỹ. Biện minh cho luận cứ đó, các ông Kahin và Lewis đã gạt hẳn sự kiện là các cấp lãnh đạo CS đã đàn áp, một cách có hệ thống, tàn bạo và vô cớ, tất cả các lực lượng chính trị và xã hội độc lập khác ở Việt Nam; và do đó đã đẩy nhiều người Việt có đầu óc quốc gia dân tộc tới chỗ phải liên kết với Pháp và Mỹ. Xin chọn làm thí dụ một cái nhìn của các ông nầy đối với việc Việt Minh sát hại bao nhiêu ngàn chính trị gia không cộng sản và hủy hoại các tổ chức không cộng sản như thế nào. Hai tác giả đó đã chỉ chọn để thảo luận về các vụ sát hại tại Nam Bộ và đổ mọi tội lỗi cho đại diện tại địa phương của Việt Minh lúc đó là Trần Văn Giàu. Ngược với những phương pháp "đôi khi quá bạo và vụng về về chính trị" của Giàu (đây là một thứ uyển ngữ [euphemism] của hai tác giả khi mô tả hàng bao nhiêu ngàn vụ ám sát do Giàu hạ lịnh thi hành). Các ông Kahin và Lewis cả quyết:

... *"các phụ tá khác của ông Hồ cho thấy họ khôn ngoan và có khả năng hơn Trần Văn Giàu trong cách cư xử với dân chúng và nói chung họ đã thành công trong việc thuyết phục dân chúng đi theo họ. Ông Hồ rất muốn tranh thủ hậu thuẫn rộng rãi của các thành phần quốc gia dân tộc thuộc mọi khuynh hướng chính trị."*

Trên thực tế thì những vụ giết người đầu tiên lại do chính "các phụ tá khác của ông Hồ" -- đáng nói nhứt là Võ Nguyên Giáp -- thi hành dưới sự giám sát của chính ông Hồ. Những vụ giết người đó khởi sự từ tháng 8/1945, ngày Việt Minh ra tay đảo chánh, và đã xảy ra trên toàn quốc, ngay cả tại Hà Nội. Chi tiết các diễn biến nầy có thể được tìm thấy tại nhiều nơi, kể cả từ một nguồn tin nổi tiếng mà các ông Kahin và Lewis đã trích dẫn khi bàn tới các vấn đề khác -- nguồn tin đó là ông Bernard Fall. Những vụ sát nhân thời 1945-46 cũng đã được mô tả với khá nhiều chi tiết bởi một nguồn tin khả tín

khác, ông Joseph Buttinger. Tuy nhiên các ông Kahin và Lewis lại đã phe lờ những luận cứ rõ ràng của các ông Fall và Buttinger về những vụ giết người tại Bắc bộ và Trung bộ do chính ông Hồ và các phụ tá của ông ta điều động.

Người công giáo di cư vào nam hồi năm 1954-1955 chỉ vì bị Mỹ tuyên truyền?

Một vấn đề chủ yếu khác trong cuộc tranh luận ở Hoa Kỳ vào những năm chiến tranh là tình trạng của các giáo dân công giáo ở miền quê Bắc Việt -- mấy trăm ngàn người thuộc số đó đã di cư vào nam hồi 1955. Việc họ di cư vào nam với sự trợ giúp của Hoa Kỳ vẫn thường được những người hậu thuẫn cho hành động can thiệp của Hoa Kỳ coi là một bằng cớ chứng tỏ rằng người Việt Nam không muốn sống dưới chế độ cộng sản. Nhưng ngược lại, các ông Kahin và Lewis lại coi các giáo dân Công giáo là những người cấu kết với thực dân. Hai ông ấy viết

"*Chính phủ Hồ Chí Minh, dù đã chính thức bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, sẽ không dễ dàng bỏ qua sự kiện là nhiều người Công giáo trong số nầy đã cấu kết với người Pháp và là thành phần đáng tin cậy nhất trong số những người Việt ủng hộ cho Pháp.*"

Xác quyết như vậy song hai tác giả lại không nói gì đến sự kiện là chính các cộng đồng người Công giáo ở nông thôn nầy đã là những người đầu tiên đứng lên chống Pháp. Họ chỉ quay về với Pháp *sau khi* quân CS Việt Minh phát động một cuộc tấn công vô cớ nhắm vào các giáo dân hồi mùa thu năm 1951. Quả là lạ khi các tác giả có vẻ như chẳng biết gì đến sự kiện mang nhiều tính cách lịch sử nầy. Lý do là vì đầy đủ các chi tiết đã được ông Bernard Fall ghi lại trong tác phẩm khảo cứu viết bằng Anh ngữ của ông, mang tựa "The Viet Minh Regime" (Chế độ Việt Minh) [Điều khá mỉa mai là tác phẩm khảo cứu quan trọng nầy đã được ấn hành 13 năm trước đó dưới sự đồng bảo trợ của Institute Of Pacific Relations (Viện Nghiên Cứu Các Mối Quan Hệ Vùng Thái Bình Dương) và của chương trình Đông Nam Á trường Cornell dưới quyền điều khiển của chính ông Kahin].

Dù các ông Kahin và Lewis không hoàn toàn làm ngơ ông Bernard Fall nhưng họ lại thấy khó mà trích lại những đoạn phản ánh đúng những quan điểm của ông Fall. Lấy thí dụ như từ cuốn "The Two Vietnam" (Hai nước Việt Nam), họ đã chọn đoạn văn sau đây của ông Fall để giải thích tại sao người Công Giáo miền bắc chịu di cư vào nam.

"... *cuộc di cư rầm rộ nầy đã được xác nhận là kết quả của một hoạt động tâm lý chiến cực kỳ ráo riết, được thực hiện thật chặt chẽ, và nếu xét tới mục tiêu đã định thì còn là một hoạt động hết sức thành công, của Hoa kỳ. Các khẩu hiệu và truyền đơn đã kêu gọi những giáo dân mộ đạo bằng những tiêu đề chẳng hạn như* Chúa GiêSu đã vào nam *và* Đức Mẹ Đồng Trinh đã rời miền bắc..."

Điều đã bị các ông Kahin và Lewis cố tình bỏ sót là hai đoạn khác, phản ảnh các quan điểm của ông Fall sát hơn. Đoạn đầu tiên bị bỏ sót, ngay trước đoạn vừa trích dẫn, như thế này:

"*Dù hiển nhiên là trong mọi trường hợp, thế nào cũng có đến mấy trăm ngàn người Việt thoát ra khỏi vòng kìm kẹp của cộng sản...*"

Đoạn thứ nhì bị các tác giả Kahin và Lewis cố tình bỏ sót chỉ nằm sau đoạn được hai vị đó trích dẫn có hai câu rưỡi trong tác phẩm của ông Fall, như thế này:

"*Người Công giáo miền bắc thoát đi là vì họ đã từng có những kinh nghiệm bị hành hạ trong những thời gian lâu dài dưới tay các đồng bào không Công giáo của họ chứ chẳng phải vì chiến dịch tâm lý chiến.*"

Dù sử dụng sai trái công trình của ông Bernard Fall chỉ là một biểu tượng cho toàn thể phương thức khảo cứu của các ông Kahin và Lewis song hành động vi phạm đó lại chẳng đáng gì nếu so với lối họ giải thích sai lạc hẳn của hai ông về cuộc khủng bố do chính nhà cầm quyền tại Bắc Việt thi hành. Cuộc tàn sát qui mô nhứt của chế độ CSVN là chiến dịch cải cách ruộng đất từ năm 1953 tới 1956, chỉ được hai ông nói tới trong một đoạn ngắn đến độ chẳng ai ngờ. Theo Bernard Fall ước lượng thì đã có đến 50,000 người bị hành quyết, bắt bớ hoặc đuổi khỏi làng, chưa kể số người gấp đôi số đó bị bắt đưa đi lao động khổ sai. Năm 1964, ông Hoàng Văn Chí, một người từng theo Việt Minh đồng thời cũng là người từng đích thân trải qua một thời kỳ cải cách ruộng đất và những kinh hoàng của chiến dịch nầy, đã đúc kết những ghi nhận của ông trong quyển "From Colonalism To Communism" (Từ Thực Dân Đến Cộng Sản). Cuốn sách của ông Chí dựa vào nhiều nguồn tin -- gồm lời kể của các nạn dân khác lẫn kinh nghiệm của chính ông. Ông Chí kể lại với đầy đủ chi tiết về cuộc khủng bố do chính nhà cầm quyền CSVN tính toán cẩn thận từ trung ương và được thi hành dưới sự hướng dẫn của cán bộ CS Trung Quốc, là những người đã từng ra tay khủng bố đồng bào họ mấy năm trước bên Tàu. Ông Chí còn ước lượng là ít nhứt đã có 100,000 người -- mà có thể là đã có đến 500,000 người -- bị giết chết. Ấy vậy mà chẳng có chỗ nào trong quyển sách của các ông Kahin và Lewis mà người đọc thấy họ ghi lại lời kể của ông Chí. Cũng chẳng thấy họ đưa ra những ước đoán của chính họ về số người bị thảm

sát. Ngược lại, họ đã cố kiếm cách giải tội cho giới lãnh đạo CSVN bằng những lời lẽ như thế này:

"*Các cán bộ chính trị vừa xong một đợt huấn luyện vội vã, đã được đưa ra chỉ huy cuộc cải cách và đã quá thành khẩn trong việc giải thích bộ luật nông nghiệp. Trong tình trạng lộn xộn sau đó, các giới trung nông và phú nông đã bị xếp lầm vào hạng địa chủ và rồi đã bị đưa ra xử và kết án bừa bãi. Nhiều người trong số nầy đã bị giết. Nỗi bất mãn của nông dân đã bùng ra thành những cuộc nổi dậy mạnh mẽ hồi mùa thu năm 1956 và ở ít nhứt một tỉnh, quân đội đã được tung ra để đàn áp những người nổi dậy.*"

Sau khi chỉ cho thấy là Trường Chinh đã bị "buộc" phải từ chức Tổng Bí Thư đảng để nhận trách nhiệm cho các đường lối sai lầm của đảng (hai ông không nói gì đến việc Trường Chinh vẫn là một ủy viên thực thụ trong Bộ Chính trị trung ương đảng), các ông Kahin và Lewis kết luận:

"*Một hệ thống tái tổ chức nông nghiệp ôn hòa hơn và thích hợp với hoàn cảnh của người Việt hơn, đã được áp dụng và nhờ vậy mà đã thu phục lại lòng trung thành của nông dân đối với chính phủ trung ương.*"

Cái "hệ thống tái tổ chức nông nghiệp ôn hòa hơn" nầy -- mà các ông Kahin và Lewis muốn làm chúng ta tin là nhờ vậy mà đã "thu phục lại lòng trung thành của nông dân đối với chính phủ trung ương" là hệ thống mà các nước cộng sản vẫn gọi là tập thể hóa nông nghiệp.

Thêm những hành động thiếu lương thiện khác nữa

34 năm sau khi phát hành luận án Tiến sĩ và ngay trước khi ông hồi hưu, Giáo sư Kahin của trường đại học Cornell đã hoàn tất công trình khảo cứu quan trọng thứ nhì của ông. Cuốn "Intervention: How America Became Involved In Vietnam" (Sự can thiệp: Hoa Kỳ dính dáng tới Việt Nam như thế nào?) là một cuốn biên niên dầy đặc, ghi lại các diễn biến từ năm 1945 tới năm 1966. Dù phần chính nhắm khảo sát diễn trình đưa tới các quyết định của Mỹ, những phân tích của ông Kahin về diễn trình đó lại tùy thuộc quá nhiều vào lập luận của ông về lối hành sử và quyết định của CS. Người đọc tìm thấy trong câu đầu tiên của lời nói đầu, một trong những lời xác quyết trên đại thể về nội dung của tác phẩm. Câu đó như sau:

"*Trong một nỗ lực chưa từng có nhằm hình thành và kiểm soát đặc trưng chính trị của một nước khác, trong suốt 30 năm, quyền lực Mỹ đã được sử dụng tại Việt Nam -- gián tiếp đi qua nước Pháp hồi đầu và trực tiếp về sau.*"

Tuy không do nhà xuất bản của trường đại học nào ấn hành, cuốn Intervention vẫn được coi là một công trình khảo cứu do ở việc tác giả đã trích dẫn từ rất nhiều nguồn tham khảo. Ông Bill Moyers là một trong những người từng hết sức khâm phục đối với công trình của ông Kahin đến độ đã nói: "Theo ý tôi, chưa có một công trình khảo cứu nào hay hơn, viết về những năm đó và về thảm trạng đó." Tuy nhiên chỉ cần ngó sơ cuốn sách đó thì ai cũng thấy cuộc khảo cứu của ông Kahin đã chẳng có gì hay ho. Một trong các lý do là vì đã gần 20 năm kể từ ngày cuốn "The United States In Vietnam" được ấn hành lần đầu cho tới khi cuốn "Intervention" ra đời. Thời gian đó quá lâu cho nên đã có không biết bao nhiêu nguồn tin nguyên thủy thực sự đủ thẩm quyền. Vậy mà ông Kahin đã chẳng sử dụng mấy.

Cuộc nghiên cứu của ông Kahin dựa quá nhiều vào những tài liệu đã được nhiều người khai thác trong các tài liệu mật của Bộ Quốc Phòng cũng như những văn kiện của mấy nhân vật quyết định chính sách của Mỹ vừa được phép công bố. Trong khi đó thì ông lại chẳng hề sử dụng kho tài liệu khổng lồ trong văn khố ghi lại về thời thuộc địa Pháp. Những tài liệu nầy cung cấp đầy đủ chi tiết về những liên hệ quốc tế, các cơ cấu tổ chức và các chiến lược vận động chính trị của CS trong nhiều năm trước khi thực dân Pháp rút khỏi Đông Dương năm 1955. Những tài liệu đó còn đưa ra một cái nhìn khác về sách lược ngoại giao của Hoa Kỳ nữa. Chẳng những vậy thôi, cuốn Intervention cũng chẳng hề sử dụng những tài liệu đã được giải mật của OSS (tiền thân của CIA) liên hệ tới những năm ngay sau thế chiến thứ hai dù ông Kahin rất hăng say phê bình sách lược của Mỹ trong những năm đó. Quan trọng hơn nữa, ông Kahin đã chẳng hề muốn khai thác một số rất đông những người rời bỏ hàng ngũ của đảng CS và các tổ chức bình phong từ khi thế chiến chấm dứt; trên thực tế, ông đã hoàn toàn chẳng đếm xỉa gì tới những chứng từ đã được xuất bản của những thành phần quan trọng nhất trong số những người bỏ CS đó. Sau hết, ông Kahin còn nhứt định không tin vào nhiều lời tường thuật, được các phần tử CSVN mới chính thức sửa đổi lại, coi như một tạm ước của CS trong cuộc chiến chống Mỹ -- những lời thuật lại nầy vẫn thường mâu thuẫn với những tuyên bố do chính CS đưa ra lúc còn lâm chiến.

... Chẳng những thế, lại còn cố tình xuyên tạc

Những người nghiêm chỉnh nghiên cứu về các chế độ CS đều biết rằng những lời tuyên

bố của các viên chức và các phương tiện truyền thông của CS ở chỗ công khai đều có thể là sự thật nhưng cũng có thể chỉ là những lời tuyên bố láo. Có điều là nó luôn luôn nhắm phục vụ một mục tiêu chính trị nào đó của đảng. Nhưng trong tư cách một người hay trích thuật những lời lẽ chính thức của CS về lối hành sử và những động năng khiến CS hành sử như thế -- coi đó là những sự thật khách quan -- giáo sư Kahin lại đã có phần bỡ ngỡ khi khám phá ra rằng đôi khi các chế độ CS đã, từng hồi từng lúc, thay đổi hẳn các luận cứ của họ. Gặp một nhà khảo cứu nghiêm chỉnh thì ông ấy hẳn đã phải thận trọng tìm hiểu để tin hoặc không tin vào một luận cứ nào đó, dù xuất phát từ cùng một nguồn tin. Riêng ông Kahin thì ông chỉ gạt phắt những luận cứ mới của CS, coi đó là tác phẩm của bọn "xét lại" và được đưa ra chỉ vì các động năng chính trị về sau nầy thôi. Còn những luận cứ trước kia, đưa ra giữa thời gian lâm chiến của đảng CS, thì không được ông coi là nhắm một hậu ý chính trị nào cả.

Xoay quanh luận đề chính của ông Kahin -- rằng Hoa Kỳ mưu toan hình thành và kiểm soát đặc trưng chính trị của Việt Nam -- là lập luận giả định đương nhiên của ông, cho rằng CS lúc nào cũng là một phong trào được lòng dân. Ông viết:

"*Khi Hồ Chí Minh chính thức lập một vùng giải phóng vào ngày 4/6/1945 thì VIệt Minh đã kiểm soát phần lớn lãnh thổ 10 tỉnh phía bắc và chẳng bao lâu sau, thực lực của họ đã nẩy nở nhờ kết quả những bước đầu trong cuộc cách mạng tháng 8 vĩ đại của họ.*"

Điều ông Kahin không nói tới là 10 tỉnh nầy đều là những tỉnh miền núi tiếp giáp biên giới Việt Nam chẳng có mấy người ở (một sự kiện đã được chính nguồn tin do ông Kahin trích dẫn, xác nhận rõ rệt). Ông cũng đã quên nói cho người đọc biết rằng đại đa số cư dân thưa thớt sống tại các tỉnh đó đều không phải là người Việt. Như một nhân vật nổi tiếng và là người biết rõ về giai đoạn nầy, ông John T. McAlister, từng viết:

"*Tuy nhiên chính điều nầy cho thấy là họ chỉ nắm được có 10% dân Bắc Kỳ, một sự kiện xác nhận rõ rệt là họ đã bị cô lập khỏi khối quần chúng Việt Nam.*"

Sự kiện ông Kahin hay hiểu sai, chẳng phải chỉ về thực lực của CS không thôi mà còn về những nguồn tin ông trích dẫn, càng được chứng tỏ rõ hơn nữa khi ông sử dụng một văn kiện về chính sách Mỹ, do Bộ Ngoại Giao Mỹ đưa ra ngày 22/6/1945. Ông Kahin cho là văn kiện đó đã ước tính rằng.

..."*người Pháp sẽ gặp nhiều khó khăn nghiêm trọng mới mong khắc phục được sức đối kháng của Việt Minh, gồm các thành phần dân tộc dưới quyền của Hồ Chí Minh, và mới mong tái lập quyền kiểm soát của Pháp...*"

Nhưng đọc kỹ văn kiện nguyên thủy được trích dẫn thì mới thấy Bộ Ngoại Giao Mỹ thật ra đã nói tới sự đối kháng của *tất cả* các nhóm người Đông Dương tranh đấu giành độc lập chớ không phải chỉ có nhóm "Việt Minh dưới quyền lãnh đạo của HCM" như ông Kahin đã diễn dịch sai. Trong cùng văn kiện nầy, ước tính của Bộ Ngoại Giao Mỹ về số dân chịu ảnh hưởng đáng kể của Việt Minh chỉ có từ 250 ngàn tới nửa triệu người, nghĩa là ít hơn nhiều so với con số 856 ngàn mà ông McAlister ước đoán là sống trong 10 tỉnh miền núi mà Việt Minh cho là đã kiểm soát được. Nói cách khác, thay vì củng cố cho luận cứ của ông Kahin, văn kiện của Bộ Ngoại Giao Mỹ đã làm nó suy yếu đi.

Một mặt ông Kahin phóng đại về sự được lòng dân của CS nhưng mặt khác ông lại thu nhỏ vũ lực mà họ sử dụng để thủ đắc quyền lực chính trị. Cuộc cách mạng tháng 8 theo tên gọi của CS thật ra là một cuộc đảo chánh của phe Bôn Sơ Vích. Sau khi Nhật đầu hàng hồi tháng 8/1985, để lại một khoảng trống chính trị trên toàn cõi Đông Dương, các dân quân do CS vũ trang đã chiếm quyền tại Hà Nội và các thành phố khác ở Việt Nam. Nhưng ông Kahin lại mô tả đó là cuộc nổi dậy của quần chúng.

Cũng giống như trong cuốn sách trước kia của ông, ông Kahin không hề mô tả trong cuốn nầy, mức độ của cuộc khủng bố chính trị được Việt Minh thi hành sau cuộc đảo chánh tháng 8. Một lần nữa, những vụ ám sát các lãnh tụ Việt Quốc và Đại Việt đã bị ông làm ngơ. Một lần nữa, chỉ có các giáo phái và phe Trốt Kít được mô tả là những nạn nhân của chiến dịch nầy, và vẫn vẫn với những lời biện hộ cho những kẻ giết người. Thí dụ như ông đã viết.

"*Thêm vào đó, một phần vì nỗi bất bình của họ đối với sự câu kết của các giáo phái nầy với người Nhật, các viên chức Việt Minh ở địa phương đôi khi đã mạnh tay đối với các giáo phái. Thỉnh thoảng phe nầy đã áp dụng các biện pháp tàn bạo đối với những người theo phe kia.*"

Người đọc không hề được nói cho biết rằng đã có nhiều người theo phe Trốt Kít bị Việt Minh giết, như ông Tạ Thu Thâu, không hề là đối thủ mà chính là đồng minh của Việt Minh. Những chi tiết đại loại như thế đòi tác giả phải nói tới bản chất Sta-Li-Nít của CSVN; và Sta-Li-Nít thì lại là từ ngữ không hề có trong kho ngữ vựng của ông Kahin. Ông lại còn quên hẳn 20 năm ông HCM phục vụ cho Đệ Tam Quốc Tế của Staline mặc dầu những sự kiện, kể cả việc HCM có mặt tại Moskva trong thời gian phe Staline phóng tay khủng bố và rồi vẫn sống sót sau đó, là

TRẦN VĂN NAM

Qua đèo Cajon trên đường đi Las Vegas

Cách Los sáu mươi dặm ngoài
Đèo Cajon tuyết sáng ngời ban mai
Dốc lên sa mạc nối dài
Qua sòng bạc lớn, miệt mài khách chơi
Những ai có lỡ thua rồi
Hãy nhìn đỉnh núi một đời ung dung
Mùa đông đèo trắng mịt mùng
Nhân gian ai dễ sáng cùng núi non

Những trụ điện cao thế

Từng hàng trụ điện giăng xa
Đàn chim viễn xứ bay qua tạm dừng
Bình minh nhuộm đỏ sau lưng
Những dường cao thế lưng chừng bình nguyên
Người xưa đã thỏa ước nguyền
Đem nguồn năng lượng lưu truyền văn minh

Dưới ngọn bạch đầu sơn

San Gabriel, núi chưa già
Mỗi mùa đông tới tuyết pha mái đầu
Trung niên tóc đã dài dầu
Ta nghe từng sợi biển dâu với đời
Ngày đi thấy rộng biển khơi
Bây giờ viễn xứ nhìn trời ngõ quanh.

những sự kiện đã được nhiều người biết tới.

Những gì ông Kahin viết ra cũng chẳng hề hé lộ cho thấy một sự hiểu biết về các thành tố cơ bản của nền văn hóa chính trị mà trong đó phe CSVN lớn lên. HCM thành lập Việt Minh năm 1941 theo đúng kỹ thuật Lê-Ni-Nít về việc xây dựng những tổ chức chính trị bình phong mà trong đó các mục tiêu tối hậu của CS được gài bên dưới những mục tiêu dễ được dân chúng chấp nhận hơn, như chủ nghĩa dân tộc chẳng hạn. Nhưng dưới mắt ông Kahin thì hành động đó lại gợi cho thấy là ông HCM "ít giáo điều hơn" các lãnh tụ CS khác và tỏ cho thấy "đầu óc thực tiễn về vấn đề ý thức hệ" của ông ta.

Phần I

NGUYỄN THIÊN ÂN

(còn tiếp 1 kỳ nữa)

NGƯỜI BẠN QUÊ HƯƠNG

NGUYỄN ĐĂNG THƯỜNG

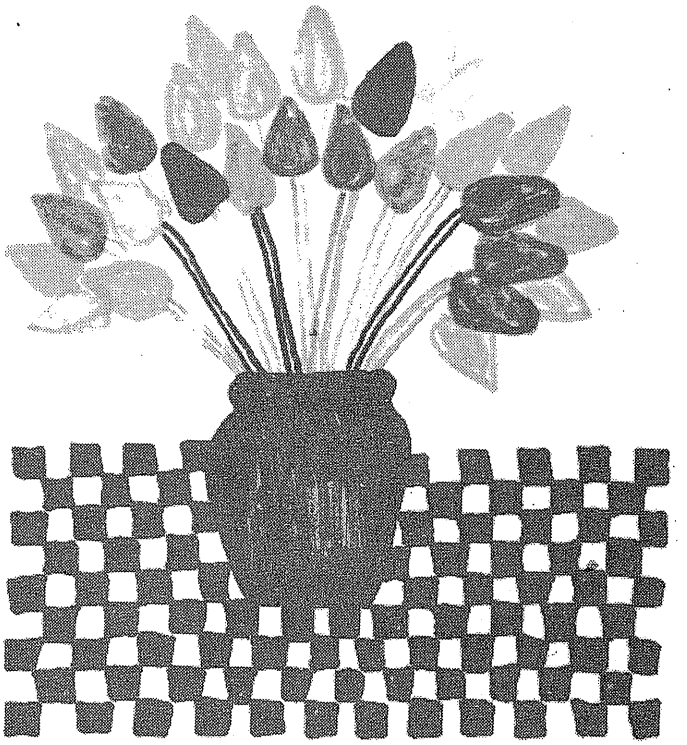

Người bạn quê hương của tôi có cái tên như tên con gái: Anh tên Lan.

Tôi không nhớ đã quen anh trong trường hợp nào. Chắc là qua những thư từ gởi gấm giới thiệu lẫn nhau của những người đồng hương trên bước đường lưu lạc. Những lá thư nhiều khi không mong đợi, một buổi sáng bất chợt bay đến từ một vùng trời xa xôi. Và như thế, một hôm tình cờ tôi nhận được thư anh.

Mấy năm lao động cần cù trên đất Mỹ, anh Lan để dành được một ít tiền và thì giờ cho một chuyến đi xa. Đi chơi và thăm bà con, người quen di tản ở vài nơi trên các nước Tây Âu.

Xứ đầu tiên anh đến là nước Anh. Anh qua đây để gặp đứa cháu gái.Người cháu này, mấy tháng trước, được tàu hải quân cứu vớt trên biển Nam hải. Người cháu và gia đình còn ở trại, nơi tỉnh nhỏ. Ngoài tôi, không quen biết ai là người đồng hương ở đây, nên anh xin đến ở đậu năm ba ngày.

Vài tuần sau khi nhận thư, một buổi sáng cuối hè trời không nắng, chiếc tắc-xi đen rộng của thành phố Luân Đôn chở đến trước cửa nhà tôi, không phải một bông lan xinh đẹp, mà là một đống bị túi ni-lông, va-li, máy ảnh. Giữa đám bị túi lỉnh kỉnh đó là một cái gói nhiều màu, chỉ cao hơn chiếc va li một chút. Tôi chỉ nhận ra đó là anh bạn tôi vì vừa thấy tôi, cái gói này đã nhe răng cười.

Tôi giúp anh đem hành lý lên phòng tôi ở tầng hai. Tội nghiệp cho chiếc cầu thang gỗ già nua, phải thêm một lần chịu đựng, rên rỉ. Chúng tôi uống cà phê. Tôi hỏi thăm vài câu về chuyến bay. Rồi không biết nói gì thêm, tôi nhìn chiếc va-li lớn của anh, hỏi đùa:

"Anh đi xa sợ trộm viếng nhà nên khiêng hết gia tài đi?"

Anh bạn phân bua:

"Đâu có, đem vài bộ đồ mặc. Còn thì là của người ta gởi, và chút ít quà tôi mua."

Ngừng một lúc, rồi anh nói luôn một hồi không biết để tôi hay anh nghe:

"Biết tôi đi thiên hạ xúm lại gởi. Không nhận không được, họ năn nỉ quá chừng. Ôi, xách nặng muốn lọi tay! Mà khổ thân, họ gởi đem toàn đồ ác ôn tôi sợ bị chận. Nhưng hên đi lọt."

"Đồ ác ôn gì vậy? Tội hỏi cho có chuyện."

"Hàng vải, quần Jean, đồ ăn. Một bà mượn đem mấy chục thước hàng đen trắng qua Bỉ, nhờ người quen gởi về nhà cho lẹ."

"Sao không gởi hàng bông màu về cho vui đẹp?" Tôi ngây thơ hỏi anh.

"Ý." Anh bạn la to. "Anh không biết đó, đen trắng mới quí. May áo quần gì cũng được,

giặt giũ càng dễ. Bây giờ ở nhà cục xà bông đá kiếm đỏ mắt không ra."

Tôi cũng được anh bạn cho phần quà. Quà của tôi là một băng nhạc Thanh Thúy và đòn chả lụa. Anh chỉ mua có hai đòn chả. Một cho tôi, một cho người cháu. Giấu kỹ lắm mới được." Anh bạn nói kể công. "Thịt thà hôi thúi sợ nó lấy."

Tôi đưa anh đi xem qua chỗ tôi ở. Tôi trao anh cái chìa khóa và cho mượn tấm bản đồ thành phố.

"Anh biết chỗ nào bán thực phẩm Á Đông chỉ giùm tôi. Con nhỏ cháu viết thơ xin tôi đủ thứ. Tôi mua được một mớ rồi. Chờ qua đây mua thêm."

Tôi chỉ đường đến một tiệm thực phẩm Á Đông rồi nói:

"Anh nhắm đi một mình êm không? Coi chừng lạc đường nghe ông. Nhớ bên này xe chạy bên tay trái."

"Được mà, anh yên tâm. Đâu tôi cũng đi tới. Hồi mới tới xứ lạ sợ muốn chết, chả dám đi đâu. Bây giờ đi thả ga."

Lúc mới qua Mỹ anh bạn không biết nói tiếng bản xứ. Anh được theo học khóa sinh ngữ cấp tốc. Bây giờ đỡ khổ rồi. Anh nói được, nghe được.

Gần giờ đi làm, tôi sắp sửa lên đường thì trời đổ mưa. Anh bạn hỏi mượn chiếc áo mưa. Cũng may, tôi có cái áo mưa kiểu ngắn, anh mặc khá vừa. Tôi mở cửa ra đi. Hẹn chiều về sẽ gặp lại.

Trên đường đi, tôi suy nghĩ về người bạn mới. Cuộc "đổi đời" hình như đã có tác dụng trái ngược nơi chúng tôi. Hồi xưa tôi thích hoạt động, ưa đi chỗ này chỗ nọ. Bây giờ tôi hay quạu quọ, lo âu, ít nói. Không biết trong quá khứ anh bạn sống như thế nào. Trông anh ngày nay thoải mái, yêu đời. Hy vọng cái miệng tươi cười không chỉ cốt để che giấu nỗi buồn trong lòng.

Hình như vợ con anh còn kẹt lại bên nhà. Hay đã chết bỏ thây trong chuyến vượt biển đầy gian nguy. Tôi cố tránh không muốn hỏi chuyện gia đình anh. Buồn đau của mình quá đầy rồi làm sao thu nhận thêm những nỗi buồn khác. Tôi không thể ngồi yên mà nghe kể lại một câu chuyện thương tâm, rồi chép miệng thở dài, nói vài câu chia buồn an ủi.

Chúng tôi chắc cũng suýt soát tuổi nhau. Nhưng trông anh hơi già, tóc đã bạc lâm râm. Anh thấp, nhỏ con, nước da ngâm ngâm. Đôi mắt bé, hai gò má nhô cao khi cười làm lộ rõ nét nhăn. Môi thâm vì hút thuốc lá liên miên.

Suốt ngày làm việc lu bù nên tôi quên luôn anh bạn. Buổi tối về, vừa mở cửa phòng ra, tôi ngửi thấy mùi thơm thơm. Anh bạn đang hì hụi chiên chả giò trong bếp. Thường tôi về nhà phải tắm rửa rồi mới ăn cơm. Nhưng anh bạn sợ để chả nguội ăn không ngon. Tôi chiều ý anh, ngồi xuống chiếc bàn nhỏ.

Tôi cầm đũa lên, nói một câu xã giao:

"Anh qua chơi tôi chưa kịp đãi, anh đãi tôi trước."

Anh bạn cười hì hì:

"Đãi đằng gì anh. Làm mấy cuốn chả tụi mình nhậu chơi."

Buổi chả giò anh làm thật tươm tất, y như bên nhà. Đầy đủ phụ tùng giá, rau, bún, nước mắm ớt. Ở quê người, mỗi khi thêm chả giò, tôi chỉ ghé vào tiệm khách trú mua một chiếc, rồi vừa đi vừa ăn.

Đang ăn ngon trớn, bỗng anh bạn xô ghế đứng lên, la hốt hoảng:

"Chết rồi!"

"Gì thế?"

"Cuốn chả giò quên cua."

"Tưởng gì. Anh làm tôi hết hồn!"

Thấy anh vẫn còn đứng xớ rớ -- chắc anh định đi lấy dĩa cua -- tôi nói:

"Anh ngồi xuống ăn đi. Không có cua, chả giò của anh cũng ngon lắm rồi."

Anh bạn ngồi xuống ghế, nhưng không ăn. Anh lấy gói thuốc lá rút một điếu ra châm.

"Xin lỗi anh nhé. Tôi phải hút vài hơi mới ăn thêm được. Quen rồi. Uống bia phải có khói."

"Anh cứ tự nhiên. Tôi nói lấy lệ."

Tôi để mặc anh muốn làm gì thì làm. Tôi cứ lo ăn cho no bụng đã thèm. Ăn uống no nê, tôi mới hỏi:

"Anh học nấu bếp ở đâu mà khéo quá?"

"Cần gì học. Làm riết rồi quen."

"Bên Mỹ anh ăn chả giò thường thường?"

"Đâu có. Ăn đồ hộp."

"Chắc đồ hộp Mỹ ngon đặc biệt?"

"Bậy nà. Anh nói giỡn hoài. Ăn đồ hộp riết ngán muốn chết. Nhưng tôi dễ lắm, cái gì ăn cũng được. Đồ hộp rẻ."

À, té ra anh bạn tôi ăn đồ hộp để dành tiền. Anh cắt nghĩa:

"Anh nghĩ coi, mấy đời mình mới được ra khỏi nước, tự do đi lại. Tôi muốn đi đây đi đó cho biết với người ta. Ở một chỗ hoài buồn lắm, anh ơi. Mà bây giờ buồn sống sao nổi."

Anh lim dim đôi mắt lại. Chắc ma men đã nhập vào người anh. Anh nhìn mông lung vào dĩa rau sống chỉ còn vài ba cọng.

"Tôi nghĩ cái gì mình cũng nên biết qua một lần. Biết qua một lần rồi chết... Tôi thấy đời sống vô nghĩa. Chỉ là giấc mơ."

Nói xong anh nốc cạn ly bia, gật gù có vẻ đắc ý hài lòng về câu triết lý của mình.

Nghe anh kể chuyện phiêu lưu lần đầu trong thành phố của Nữ hoàng, tôi phải vỗ bụng cười.

Tiệm thực phẩm Á đông chỉ ở cách trạm tàu điện một quãng đường ngắn -- tôi đã dặn rất kỹ -- mà anh kiếm mãi không ra. Hỏi thăm, người thì nhún vai, kẻ thì lắc đầu. Xe cộ thì chạy bên trái, ngược đời. Mấy ông cảnh sát bạn dân chỉ anh đi "lép rai, lép rai" (*) lòng vòng gần cả tiếng đồng hồ. Đuối hơi,

anh đứng lại thở dốc. Nhìn qua đường, anh thấy tiệm thực phẩm sờ sờ trước mắt. Vì nhỏ thó anh phải mua đồ con nít mặc mới vừa. Mà quần áo con nít thì trẻ trung nhiều màu nên trông anh ngộ ngộ, vui vui. Ngoài lớp áo quần, sự "Mỹ hóa" nơi anh là cái tật thường bắt đầu câu nói với hai tiếng ô-kê kèm theo nghĩa ta.

Dầu không có hoa tay nhưng tôi rất ham vẽ tranh. Tranh tôi vẽ hay bỏ dở nửa chừng, nên chẳng có bức nào ra hồn. Không nỡ vứt đi, tôi để chúng một nơi. Anh bạn đến lấy một bức ra xem. Anh ngắm nghía một hồi, rồi thẳng thắn phê bình xây dựng:

"Tranh của anh màu đẹp lắm... nhưng chưa được."

Tôi đỡ đòn:

"Vẽ đại chơi mà, đâu có học."

"Ô-kê, đồng ý. Nhưng vẽ người mình thì cũng phải cho ra người mình."

"Tôi vẽ theo lối tranh mộc mạc, chắc anh biết. Đâu cần y hệt."

"Ô-kê, đồng ý với anh. Nhưng mái tóc, áo của cô gái, cái cổ trông cứng đơ như bằng cây! Mà dưa hấu sao không có hột!"

Tôi phì cười vì anh nhận xét quá đúng.

Hôm mới đến, anh ngủ thật nhiều vì chắc đi xa mệt và uống rượu nhiều. Ngày hôm sau anh đi thăm người cháu gái. Mấy ngày còn lại ở kinh đô, anh ta đi xem phố, chụp ảnh, mua sắm một mình. Tôi không đi với anh được vì phải làm việc. Ngày thứ Bảy -- ngày cuối của anh ở Luân Đôn -- chúng tôi cùng đi dạo chơi và ăn mì.

Ăn mì là một trong những thú vui ít ỏi của anh bạn nơi quê người. Tới nơi nào lạ, anh cũng tìm đến khu phố Tàu ăn cho được tô mì. Thoạt tiên, tôi tưởng anh ăn mì chỉ vì ưa thích vậy thôi. Bây giờ nghĩ lại, tôi mới thấy chuyện ăn mì có một tác dụng tâm lý sâu xa hơn đối với anh. Hình như nó đã trở thành một thứ nghi lễ cần thiết, một sợi giây liên lạc nối liền anh với quá khứ, quê hương, một dịp để anh thố lộ với người quen mớ tình cảm lâu ngày bị dồn nén.

Anh ăn mì không phải chỉ để cho dạ dầy mình bớt nhớ thương, mà còn để -- và điều này không kém quan trọng -- sau khi ăn xong, anh bĩu môi, chê dè: "Mì nấu dở ẹt! Không bằng một góc mì Cây Nhãn!". Vì, theo lời anh bạn, anh đã ăn hàng trăm tô mì ở xứ ngoài rồi, nhưng không có mì nào ngon bằng mì ngày xưa. Phần tôi, tôi chưa được ăn mì Cây Nhãn lần nào nên chẳng biết nó ngon tới đâu. Tôi buồn xo, hối tiếc.

Tối đó, tôi ra ga tiễn anh vào lục địa. Nhìn anh dáng người nhỏ bé, với mớ hành lý cồng kềnh, xa khuất dần trong đoàn người, tôi bỗng thấy lòng mình rưng rưng. Anh làm tôi nhớ lại mấy người cô dì, chú bác ở thôn quê, mỗi bận lên tỉnh "tay xách nách mang" đủ thứ trái cây, bánh quà lặt vặt cho con cháu.

Tôi vẫn ao ước làm được một "cái gì" cho con người. Một cái gì tôi tưởng tượng cao đẹp như bầu trời, và mênh mông như biển cả. Tôi nghĩ mình có thể làm mọi chuyện hay đẹp. Nhưng chắc chắn tôi sẽ không bao giờ có can đảm lê một chiếc va-li nặng mấy chục kí, từ thành phố này đến thành phố khác để thăm viếng người quen, bà con gần, bà con xa, để cho quà, và đi xem sơ qua một vài dinh thự, kiến trúc. Giòng đời mải miết trôi, tôi chỉ đứng trên bờ nhìn. Mơ ước hão huyền. Đợi chờ một cách bất lực, thảm thương.

Tôi định về nhà sẽ lên giường nằm ngủ ngay. Anh bạn đến ở mấy ngày mà đời tôi như bị xáo trộn. Tôi phải đối diện, tiếp xúc với một người đồng hương trước đó tôi chưa hề quen, và có thể sẽ chẳng còn gặp lại. Nhìn anh, tôi thấy mình rõ hơn. Nhưng tôi không mấy hài lòng với hình ảnh đó của mình.

Về tới nhà tự nhiên tôi hết buồn ngủ. Tôi vô bếp tìm ly nước uống. Tôi mở tủ lạnh, thấy đòn chả lụa bị bỏ rơi nằm trong xó kẹt. Hình thù lai căng của nó chẳng có gì hấp dẫn. Nó tựa như xúc xích, nhưng hai đầu lại bằng. Nó quá nhỏ so với đòn chả bên nhà, và không được gói bằng lá chuối. Một ý nghĩ vụt qua đầu làm tôi mỉm cười. Liệu tôi có được diễm phúc thấy lại tuổi thơ khi ăn chả, như một văn hào Pháp kia, khi ông ăn chiếc bánh ngọt và uống chén nước trà, trong một ngày đông rét?

Ý nghĩ trên làm tôi náo nức, bồn chồn. Tôi lẹ làng bóc đòn chả ra, cắt một khoanh bỏ ngay vào miệng. Tôi chợt rùng mình vì mùi vị lờ lợ xa lạ của miếng chả. Lâu quá không được ăn, tôi đã quên mùi vị của nó rồi chăng? Hay có thể mỏi mệt của tôi lúc đó không chịu nổi thức ăn? Tôi tiếc rẻ, không muốn nhả miếng chả ra. Tôi nhắm mắt lại, nhai từ từ rồi nuốt. Tôi uống cạn ly nước, thấy dễ chịu hơn. Buồn cho tôi, miếng chả lâu ngày mới được nếm lại không có hương vị gì đặc biệt, và không chở về hình ảnh cũ thân yêu nào. Dầu chỉ là hình ảnh một xe bán bánh mì thịt về đêm nơi đầu đường, treo lủng lẳng một ngọn đèn măng xông leo lét.

Tôi trở ra phòng khách đứng tần ngần hồi lâu. Tôi cầm băng nhạc Thanh Thúy của anh bạn tặng tôi lên xem. Tôi mân mê cuốn băng trên tay một lúc rồi để máy cho chạy. Tôi hồi hộp chờ đợi. Vài giây im lặng. Máy âm thanh sè sè. Rồi tiếng đàn tranh cùng nhịp phách reo vang trong phòng, hòa lẫn với giọng hát buồn quyến rũ của cô gái Huế đẹp ngày nào:

Ai về bến Ngự,
cho ta nhắn cùng...
nhớ chăng
non nước Hương Bình
có những ngày xanh
lưu luyến bao tình
vương mối tơ mành...

Hàng cây
soi bóng nước Hương
thuyền ta
đậu bến Tiêu Tương...

Hôm đưa tặng tôi băng nhạc này, anh bạn nói: "Tôi chắc anh ưa nhạc mới. Tôi chỉ nghe vọng cổ, cải lương bậy bạ. Tôi ghét con nhỏ này. Hát gì mà như khóc nghe phát rầu. Chị ta bây giờ mở tiệm ăn ở Cali." Tôi nhớ lại có lần, trong một câu chuyện, anh cho biết tên anh được đặt theo vở tuồng cải lương *Lan và Điệp*, vì ba má anh rất "mê" cải lương. Chuyện tình éo le này, một thời đã làm rung động không biết bao nhiêu chàng trai cô gái. Đôi lứa yêu nhau không trọn vẹn này -- người con gái lụy tình đã bỏ nhà đi tu -- là Romeo và Juliet của lớp khán giả bình dân.

Khi nghe anh kể chuyện về tên anh, tôi cũng quên mất rằng Lan là người con gái, nên không hỏi. Nhưng tại sao lại có sự nhầm lẫn như vậy, tôi ngẫm nghĩ. Chẳng lẽ đôi trai gái -- song thân của anh bạn sau này -- đã rủ nhau đi xem hát, hoặc đã gặp nhau lần đầu trong đêm hát ấy vì thời gian qua mà lộn tên nhân vật? Hay cô gái đa tình đã lau vội nước mắt khi xem hát, ước sinh con gái đầu lòng để đặt tên Lan làm kỷ niệm? -- Tên Lan mà chắc cô nàng cho là đẹp đẽ, văn hoa hơn tên Bông, hay Mến, hay Nở quá tầm thường quê mùa cha mẹ đặt cho mình?

Tôi tưởng tượng thấy một thành phố nhỏ ở ven biển miền Nam trong thời bình, nơi anh bạn tôi ra chào đời.

Một tỉnh lị thưa người, với bóng dừa xanh, rặng phi lao trồng theo mé bãi, gió mặn và cát nóng.

Ngoài khơi xa, vài cánh buồm nhỏ lênh đênh trên sóng nước. Khu chợ cá nhộn nhịp tiếng guốc, tiếng cười, tiếng người gọi nhau lúc cá về vào buổi sớm mai và chiều tối.

Một thành phố hiền hòa, với biến cố duy nhất trong ngày là một đoàn hát lớn ở đô thành về trình diễn.

Chiếc xe ngựa chạy lộc cộc đảo vòng quanh thành phố. Đằng sau xe là một tấm biển quảng cáo lớn có kẻ tựa tuồng "*Lan và Điệp*" và hình một ni cô mặc áo tu đứng nơi cổng chùa, tay lần tràng hạt, đầu cúi nghiêng nhìn xuống đất.

Trên xe, bên cạnh người xà ích già là một lỏi tì mình trần, một tay cầm dùi đánh trống, một tay thả tung bay những tờ chương trình xanh đỏ. Chúng bay lao chao trong cơn gió nhẹ, lấp lánh ánh nắng mai, rồi là xà đáp xuống mặt đường nhựa trông vui như đàn bướm. Một đám trẻ nhỏ chạy ùa theo xe reo hò, nhảy nhót, tranh giành nhau lượm.

Một buổi sáng tôi thức dậy như thường lệ theo chuông đồng hồ. Nhưng khi nhìn ra ngoài, thấy trời vẫn còn tối và đèn đường còn thắp. Mùa thu nơi đất khách đã trở về, cùng với hơi gió lạnh hắt hiu thổi luồn qua khe cửa. Lúc ra đi, tôi khoác thêm chiếc áo mưa cho ấm. Tôi cho tay vào túi áo mưa, chạm phải vài thứ. Tôi nhặt chúng ra để lên bàn. Đó là những món đồ anh bạn tôi bỏ quên lại lúc mượn tạm áo mưa của tôi vài hôm trước. Chúng gồm có: một bao diêm, một gói Malboro chỉ còn vài điếu, mấy đồng tiền kẽm Anh, một tờ giấy bạc một đô-la, và một lá thư. Lá thư không đề ngày tháng, nét chữ viết thảo vội bằng bút nguyên tử xanh.

Bức thư chỉ có mấy hàng:

Hai em,

Anh hy vọng rằng hai em đã lấy số tiền $200 của anh Tham và thùng đồ anh đã gởi về cho em và chia ra tất cả. Sao lúc này bên nhà có gì lạ không? và em nói có hội gì đó có thể làm giấy tờ cho em và gia đình đi thì anh bên này hỏi thăm, nhưng chưa có biết được, bên nhà cứ tưởng là dễ dàng lắm, nhưng theo anh được biết khó lòng lắm em coi cô Tư Bình đã qua đây hơn mười năm lấy chồng Mỹ và đã là dân Mỹ rồi cô ấy lo cho thằng em và gia đình nó qua đây rồi nhưng hơn năm năm mà còn không được, còn anh chưa là dân Mỹ và không thể nào được, những người đi được là một phần ít vợ mất chồng, con mất cha, mẹ thất con, thì chuyện ấy có thể dễ hơn nhưng lâu lắm mới được. Một lẽ nữa là hai nước chưa có liên lạc nhau thì chuyện đi còn lâu. Nếu bên này anh có gì lạ hay có gì hay thì anh sẽ lo cho em liền nếu bên nhà có ai cho đi về quê thì thằng Cu Ky có thể về trước làm ăn có tiền lo sau. Anh bên này cũng biết bên nhà khó khăn lắm bên nay anh có lo hay cho bao nhiêu được thì anh ráng lo cho thôi anh ngưng đây và gởi lời về thăm tất cả. Còn dì Bé lúc này ra sao em có nghe gì về mợ Ba mợ Xẻn và các anh ở Long Mỹ ra sao? Nói anh có gởi lời về thăm tất cả. Còn dì Bé lúc này ra sao em có nghe gì về mợ Ba mợ Xẻn và các anh ở Long Mỹ ra sao? Nói anh có gởi lời về thăm. Anh cầu chúc cho em và gia đình được nhiều sức khỏe.

Anh,
Lan.

NGUYỄN ĐĂNG THƯỜNG

(5) left, right

MỘT NGÀY RẤT VUI VẺ

NGUYỄN THỊ HOÀNG BẮC

Đêm hôm qua gió vặn mình gào rú, tiếng gió rượt chạy rít qua giận dữ nghe như một trận cuồng phong sắp tới, Martha nằm thao thức mãi. Bà ngồi dậy loay hoay mở cửa lắng nghe tiếng gió hú, rồi lại đóng cửa, tiếng gió vẫn rượt đuổi nhau dữ dội ngoài kia. Bệnh già ít ngủ nên bà lại thức dậy rất sớm ngồi lặng nhìn trời đang bắt đầu sáng lên. Trời sáng rõ dần và lạ chưa, mấy chiếc lá đỏ vàng dù khô nhưng vẫn còn kết thành những vòng xinh đẹp lên xuống đều đặn như những chùm đèn đêm giáng sinh trên những nhánh cây khô chiều hôm trước, sáng nay, cửa sổ phòng bà bỗng sáng lên bất ngờ: đêm qua trận gió đã đem đi nốt những chiếc lá cuối cùng của mùa thu. Bà bỗng bỡ ngỡ như lần đầu tiên chú ý đến điều này. Đã biết bao nhiêu lần trong cuộc đời và biết bao nhiêu mùa thu mang lá đi xảy ra chung quanh bà, nhưng có bao giờ bà biết đến? Công việc bộn bề ở sở, việc nhà, bận bịu với lo lắng cho cha mẹ, chồng con, đôi khi cũng ưu tư chút ít tới thời sự, nhưng trong cái đất nước hòa bình mà hối hả này nhịp sống như lôi Martha đi, đi mãi mà không có một dịp nào dù là ngắn ngủi để ngồi thừ nghĩ ngợi đến những chiếc lá rơi như hôm nay.

Bà cố nhớ bằng hồi niệm: cũng có những mùa thu trước đây trong khu rừng đỏ rực lá đỏ lá vàng, lúc đó người bạn đời của bà còn sống, George cũng thường lái xe đưa bà đến đó, rồi bà và George hai người thay phiên nhau quay phim. Chỉ quay những cảnh nào mà họ thích để về nhà trong suốt mùa đông ít được ra ngoài, hai vợ chồng già ngồi xem lại những cảnh trong phim... Nhưng mà lạ, Martha nhớ ra thì mình và George chả bao giờ quay cái cảnh lá rụng trơ cành ra như thế này. Buồn rầu, bà nhìn qua những ngọn cây khô, nhìn qua đám mây trắng bay xa xa ngoài kia và nhìn lên cao một chút nữa, có lẽ linh hồn George giờ này đang lang thang trên chín tầng mây ấy, hưởng một chút nắng ấm, hưởng một chút gió sáng, George có đang nhìn thấy bà đang ngước lên để tìm kiếm linh hồn của George không?

Bà làm dấu thánh giá và lẩm nhẩm đọc một đoạn kinh sáng... Có tiếng gõ cửa và giọng Sharon con gái bà vang lên:

"Mời mẹ ra ăn sáng!"

Cả nhà khuấy động ồn ào lao xao được một lát rồi thì họ ra đi: Sharon và Paul đi làm, cảnh nhà trở lại vắng lặng sạch sẽ không một hạt bụi, không một tiếng động. Bà nghe tiếng bước đi và hơi thở khẻ của chính mình như những dấu hiệu sống động duy nhất trong căn nhà chết. Bỗng nhiên bà cố bước chậm hơn và thở khẻ hơn để khỏi nghe tiếng phổi khò khè mệt nhọc phát ra từ cổ họng già nua của mình. Bảy mươi sáu tuổi, George mất cách đây hai năm cũng vào cái tuổi này!

"Không sao, mình hãy cứ lấy xe ra phố chơi một lát cho khuây. Mùa đông sắp đến, biết đâu lần này là lần cuối mình đi thăm phường phố một mình. Liliane, cô quản gia da vàng, nó

bảo sẽ đến vào lúc mười giờ, nó đã có chìa khóa riêng.

Nhớ tới cái lần cách đây mấy tháng, Martha một mình lái xe đi chơi, không biết đi đâu nên ghé đại vô một tiệm uốn tóc làm đầu, không biết tại vì trời nóng lạnh bất thường hay tại phải ngồi trong máy sấy tóc lâu quá, Martha bỗng lên cơn động kinh co giật thình lình rồi ngã ra bất tỉnh. Lúc xe cấp cứu đưa vào phòng hồi sức ở nhà thương, Martha tỉnh dậy dở khóc dở cười khám phá ra rằng trong lúc té hàm răng giả của mình đã rơi mất hai cái. Báo hại lại phải tốn tiền đi làm răng mới. Martha nao nao nhớ lại cái tháng bận rộn tới lui với nha sĩ đó, phải tự lái xe đi lái xe về lúc nào cũng tíu tít sợ trễ hẹn! Nhưng lắm khi có việc bận rộn như thế cũng hay.

Martha thay quần áo chậm rãi thong thả vừa cố kéo dài thời giờ. Trang điểm cẩn thận, một tí phấn hồng ở má, một chút son tươi ở môi, những vết nhăn mờ đi dưới lớp phấn, Martha mặc áo sơ mi vàng nhạt ở trong, bộ *suit* màu cà phê sậm bên ngoài, giày nâu, ví tay nâu, ngắm nghía mình trong gương bà vừa hài lòng vừa buồn bã. Bôi một tí nước hoa vẫn mùi Madame Rochas mà George ưa thích lên tóc, ở cổ, ở tay, Martha vừa đeo hoa tai vừa với nhìn lại mái tóc mình một lần nữa trong gương. Bỗng mắt bà dừng lại ở tấm ảnh nhỏ chưng cạnh bàn trang điểm.

Chắc Sharon muốn làm một món quà ngạc nhiên cho mẹ! Đón bà đến chơi, Sharon đã cho dọn một phòng riêng tươm tất cho bà và hôm nay lại kiếm đâu ra một tấm ảnh lúc hai vợ chồng bà còn trẻ. George trong ảnh tóc cắt ngắn áo cổn kín cổ nụ cười tươi mở rộng, bà cố nhớ, phải, lúc chụp tấm ảnh này bà hơi đẩy người một chút vì đang có mang Sharon. Hai má bầu đầy đặn, tóc mềm uốn cong buông trước trán, hàm răng đều, người thiếu phụ trẻ trong ảnh mỉm cười xa lạ nhìn bà. Cái gì đã lướt nhanh ba mươi năm mà vèo như một đêm lá rụng, sáng ra mọi sự đã trơ cành? Mái tóc nâu vàng óng đã phai màu thành bạc trắng và bàn tay gầy khẳng khiu đang run run cầm tấm ảnh: còn đâu là Martha Spencer, cái tên thời con gái, cũng chẳng còn đâu Martha Franklin khi mới lấy chồng. Tuổi trẻ, đám cưới, chồng con, nỗi hồi hộp lo âu xen lẫn hạnh phúc với đứa con đầu lòng... rồi như một vòng tròn trở lại, lại đám cưới dựng vợ gả chồng cho các con... vòng tròn khép lại khi đám tang George chết và bây giờ những giây phút chờ đợi cuối cùng của chính mình. Tất cả một chuỗi dài bảy mươi sáu năm, nụ cười, tiếng khóc ước vọng đã thành hay không thành... cũng chỉ là chớp mắt.

Nắng đã hơi hửng lên một chút, đường phố bỗng sáng lên, kính những chiếc xe chạy ngược chiều với xe bà sáng lóng lánh gây một niềm vui nhè nhẹ bất chợt. Bà cố giữ tay lái chầm chậm nâng niu giữ nỗi vui yếu ớt đang hé lên trong lòng mình. Nhớ tới cửa tiệm của một người bạn cũ, ông bà Hurt, cả hai vợ chồng đều còn sống nhưng đã giao tiệm lại cho con trai. Cứ ra đấy biết đâu lại chẳng được gặp họ và thật ra mình còn biết đi đâu cho hết một buổi sáng. Có thể họ sẽ rũ mình cùng đi ăn trưa ở tiệm cũng nên và như vậy cũng kéo dài thời gian được đến xế chiều. Lòng vui vẻ, Martha làm ra vẻ bận rộn và thấy mình đã hoàn toàn ra khỏi những ý tưởng đè nặng vì một đêm thu trời bỗng nhiên nổi gió.

*
* *

Liễu đang loay hoay xếp đặt dọn dẹp mọi thứ vừa mua ở chợ về thì tiếng chuông điện thoại reo:

"Liliane đó hả? Có khỏe không?"

"Chào Martha, bà ra sao? Bà có cần gì cháu?"

"Vâng, Martha đây."

Giọng bà già ngập ngừng và hơi run run ngượng ngập:

"Tôi... tôi để lạc chìa khóa xe ở đâu mãi không tìm thấy. Liliane làm ơn vào phòng tôi, tôi còn một chùm chìa khóa thứ hai để trong ngăn kéo bàn trang điểm, Liliane tìm thấy mang hộ đến đây cho tôi, số phone, địa chỉ là..."

Liễu lau khô tay thật nhanh rồi vào phòng lục lọi một hồi, sợ bà cụ sốt ruột nên phải trở ra ngay:

"Martha à, cháu tìm mãi không thấy trong ngăn kéo bàn trang điểm. Bà nhớ lại xem đã để quên ở đâu? Hay là để cháu lái xe đến đón bà về tìm rồi lại trở lên lấy xe. Đọc lại địa chỉ cho cháu..."

Giọng Liliane lo âu luống cuống trong điện thoại làm Martha vui sướng. Lúc ăn trưa với vợ chồng lão Hurt, bà đã cao hứng uống luôn hai cốc rượu mạnh, hơi nóng làm ấm hẳn người, đôi má hồng lên và mắt sáng long lanh. Không biết có phải men rượu kích thích làm bà bỗng tinh nghịch hẳn lên hay không mà bà bỗng "sáng tác" ra được cái trò chơi thú vị này!

Nhìn mọi người lăng xăng lo lắng bận bịu chạy ngược chạy xuôi vì mình, Martha cao hứng quá. Giống như thuở nào mới mười tám, đôi mươi, bà đã hành hạ lũ con trai đồng lứa, đồng lớp khổ sở điêu đứng vì mình. Bà hẹn rồi lỡ hẹn cho tụi chúng nó chờ, bà múa may quay cuồng trong đêm dạ vũ, gởi cho chàng này một cái liếc mắt, khiêu vũ với chàng kia một điệu tango, ôi thôi, dạo đó có cả George và cả cái lão Mike Hurt này nữa cũng đã điên đảo vì bà. Như mặt nước ao tù lâu năm tĩnh lặng bỗng nhiên vô tình một lần khuấy động, những cặn cáu bọt bèo trăm năm bỗng bừng tỉnh đảo lộn cả cuộc đời.

"Thật là một ngày vui vẻ! Mình thật là hạnh phúc!"

Martha hai má đỏ hồng vừa bước lên xe vừa kể lể huyên thiên với Liễu:

"Liliane biết không, lúc từ tiệm ăn với vợ chồng lão Hurt trở về tôi mới khám phá ra là chìa khóa xe không có trong xách tay của tôi. Tôi nhớ mãi và nhớ là lúc mở thùng xe phía sau để lấy cái áo lạnh, tôi đã bỏ quên chìa khóa trong đó. Cha con lão Hurt gọi điện thoại cho anh thợ chìa khóa đến tận nơi, hắn khéo tay lắm, mang cả một xe đồ nghề tới, chỉ nhoáng một cái là đã đánh ngay cho tôi một cái chìa khóa mới. Thế mà khi tôi mở được thùng xe ra thì lại chẳng có gì!"

Martha lắc đầu thở dài thườn thượt:

"Cứ như là có ma dấu ấy! Tôi thất vọng cái trí nhớ của mình quá phát khóc lên, cả nhà tụi nó xúm lại an ủi dỗ dành tôi rồi sau đó tôi mới gọi điện cho cháu đó!"

Bất ngờ Martha kết thúc, không dấu được vẻ đắc thắng qua câu nói:

"Lão Hurt đòi chở tôi về nhà giúp tôi kiếm chìa khóa nhưng tôi thấy phiền hà lão ta quá nên từ chối! Cháu có phiền ta không?"

Liễu ngạc nhiên ngơ ngác không hiểu vì sao bà già bỗng nhiên nói nhiều, hoạt bát và vui tươi hẳn ra khác với cái bà cụ yếu ớt trầm lặng thường thở khò khè mỗi buổi sớm.

Liễu đáp lễ phép:

"Bà đừng nghĩ ngợi, nhà mình cũng gần đây mà, để cháu chở bà về kiếm xong cháu lại chở bà trở lên lấy xe."

Hình như Liliane nó vừa lặp lại một câu ban nãy nó đã nói rồi, Martha ngẫm nghĩ và âm thầm thấy trí nhớ cũng như sức thu nhận của mình còn tốt quá. Có vậy mình mới bịp được hết thảy chúng nó và được một bữa vui như hôm nay. Vì lát nữa về tới nhà bà chẳng phải bận tâm tìm tòi xâu chìa khóa thứ hai nào hết bởi vì... hiện nó vẫn đang nằm trong xách tay của bà!

Bà vào phòng đóng cửa lại, nằm soải dài trên giường. Chỉ còn hôm nay nữa thôi, ngày mai bà lại phải lái xe về lại căn phòng nhỏ thuê riêng của mình, sẽ phải suốt ngày xem tivi một mình, cầu nguyện một mình, lui cui xắt gọt nấu nướng hay khui đồ hộp ăn một mình, giặt giũ thu xếp mãi rồi quay sang lo lắng chăm sóc và nói chuyện với Sparky.

Martha bỗng choàng dậy như vừa tỉnh rượu. Quên mất, con chó nhỏ Sparky bà gởi bên hàng xóm đã một tuần nay, ngày mai trên đường về, bà phải nhớ ghé tiệm mua thêm ít thức ăn dự trữ cho nó, hay là mua luôn cho nó cái áo ấm, bà nghĩ ngợi. Trời sắp sang đông, những buổi sớm đầy sương mù và những buổi chiều giá lạnh, Sparky theo chân bà ra ngoài, nó thật sự cần một cái áo ấm.

Khi Liễu gõ cửa và nói vọng vào:

"Bà tìm ra chưa, có cần cháu đưa đi ngay không?"

Martha nói hớ bằng một câu lạc đề:

"Cả tuần nay ở nhà Sharon, tôi mới có được một buổi vui vẻ như hôm nay."

Liễu nhìn Martha đăm đăm thương xót. Hiểu được cái nhìn đó bà nhìn lại cười cợt nói thầm:

"Cái con bé quản gia da vàng này lúc nào vẻ mặt nó cũng cứ như một nữ tu!"

Liễu thì âm thầm nghĩ tới ông Thanh, cha một người bạn. Ông già góa vợ được con gái bảo lãnh qua, suốt ngày quanh quẩn trong nhà chán, ông thơ thẩn lang thang đi dạo quanh xóm. Buồn bã, hiu quạnh vì vợ chồng Quyên đi làm suốt ngày. Cả hai vợ chồng đang cố gắng để có đủ tiền sắm sửa một căn nhà riêng có vườn tược có chỗ đậu xe đàng hoàng tử tế, nên cả hai đều phải làm một lần hai việc. Tối đến, về đến nhà nấu nướng ăn uống xong là vật ra ngủ, chả ai buồn nói chuyện với ai. Huống chi nói tới chuyện có thì giờ rảnh mà đưa ông đi đây đi đó. Bà vợ mất rồi, con cái chẳng còn ai ở Việt Nam, vậy mà mấy lúc gần đây đọc báo thấy thiên hạ bàn chuyện du lịch về nước, ông cũng háo hức đòi đi. Hôm trước Quyên vừa gọi điện thoại nói chuyện với Liễu:

"Dạo này ông già tao ổng trở chứng đều đều. Mày nghĩ coi, hôm trước ổng còn đòi về Việt Nam để thăm ông chú bà cô, bữa nay ông dám nói huych toẹt ra là để ổng về nhà kiếm một bà bạn già chung sống, tụi tao bên này có giỏi thì gởi tiền về nuôi ổng với bà bạn ổng! Thiệt là hết ý kiến!

Một buổi chiều sau đó đi chợ với Hương thì Liễu gặp Quyên, Quyên rũ cả hai ghé nhà chơi nhân thể thăm ông cụ. Chồng Quyên đi làm chưa về, ba chị em đứng ngoài cửa, gọi cửa mãi không được. Cụ nhất định vặn khóa cửa trong, lên tiếng ậm ừ nhưng cửa thì chẳng chịu ra mở. Quyên đứng ngoài giọt vắn giọt dài, Liễu và Hương ái ngại dỗ dành an ủi một lát rồi cũng phải ra về. Trên xe thấy nét mặt Hương cứ rầu rầu không nói khiến Liễu phát bực:

"Ở Mỹ lâu rồi, phải tập quên bớt chuyện của người khác đi, cho quen!"

Gắt với bạn hôm đó vậy rồi, giờ tới lượt mình thấy bà cụ Martha bỗng nhiên trở chứng lẩn thẩn, Liễu lại muốn rơm rớm nước mắt.

Martha lái xe chạy đằng trước, Liễu chạy theo sau. Nhìn bà cụ nhanh nhẹn qua mặt các xe khác vun vút, Liễu lạ lùng bật cười:

"Hay nhỉ, nếu mình nghe không lầm hình như ban nãy bà cụ bảo hôm nay là một ngày vui vẻ nhất của cụ thì phải?"

NGUYỄN T. HOÀNG BẮC

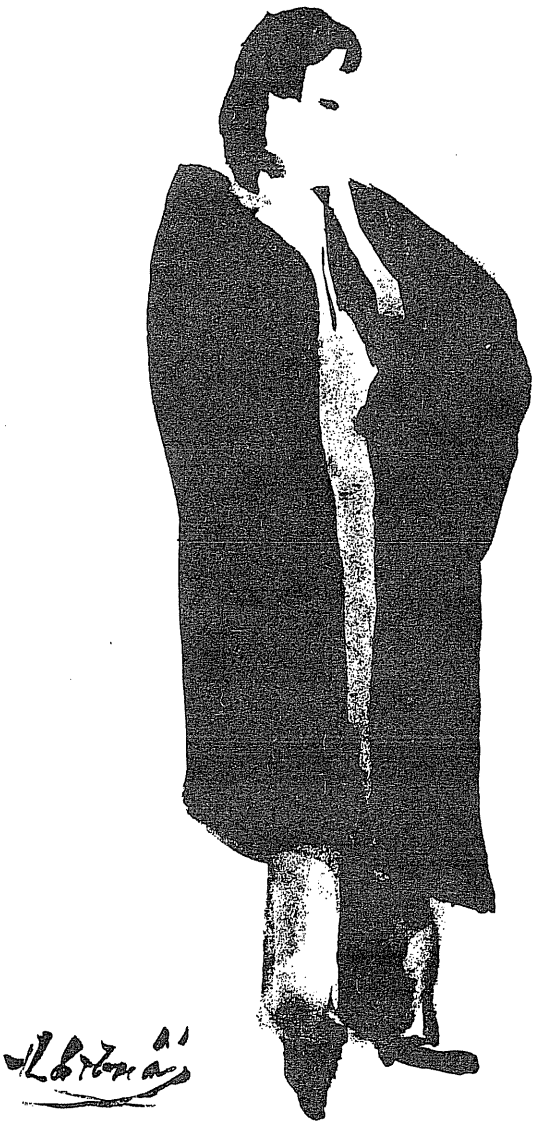

ĐẦU NĂM NGHE CHƠI MỘT BĂNG NHẠC MỪNG XUÂN

TƯỞNG NĂNG TIẾN

Xuân vừa về trên bãi cỏ non
Gió xuân đưa lá vàng xuôi nguồn
Hoa cười cùng tia nắng vàng son
Lũ ong lên đường cánh tung tròn

Nếu có một mùa xuân "cũ" như vậy mà bạn vẫn chưa thấy là đủ tươi thắm và êm đềm thì xin hãy nghe thêm vài câu nhạc nữa:

Có một chàng thi sĩ miền quê
Ngắt bông hoa biếu người xuân thì
Có một bầy em bé ngoài đê
Hát câu i tờ đón xuân về

Nè bạn, dù sử sách là cái thứ mà ít khi tôi để mắt đến; tôi vẫn dám cá là suốt thời Trung Cổ không nơi nào trên thế giới này có một mùa xuân êm đềm và tươi thắm hơn là mùa xuân mà Phạm Duy vừa mô tả trong bản "Hoa Xuân" của ông, như vừa dẫn nữa.

Kẹt cái là Phạm Duy không phải là người thuộc thời Trung Cổ. Ổng cùng thời với chúng ta mà. Vậy câu hỏi đặt ra là Phạm Duy viết về cái mùa xuân nào ở Việt Nam, vào thời đại chúng ta, mà thái hòa an lạc dữ vậy kìa?

Trời ơi, nó đẹp như mơ vậy đó. Và sao tui nghĩ là ổng đã nằm mơ thiệt quá à. Chớ trong chúng ta, nhất là những kẻ sinh trưởng ở miền Nam, có mấy ai nhìn thấy được thực mắt coi cái đê nó ra làm sao đâu. Nếu lỡ có chăng nữa thì tôi vẫn sợ rằng đó chỉ là một cái đê trần trụi thôi; chớ làm sao mà có được một bờ đê lộng gió, với "một bầy em bé hát câu i tờ" trên đó.

Nói chi đến cái cảnh "có một chàng thi sĩ miền quê, ngắt bông hoa biếu người xuân thì" cho nó thêm buồn! Tui nói như vậy bạn dám cãi lắm nha; dám bạn sẽ đưa Nguyễn Bính ra đỡ đạn với lý do ổng là "thi sĩ miền quê cuối cùng" của thời đại chúng ta lắm à.

Xin lỗi bạn! Tựa như bạn và tôi, Nguyễn Bính cũng đã bị đô thị hóa nhiều lắm rồi. Ổng cũng đã trở thành một thứ "hạt bụi nghiêng mình nhớ cố hương," nếu nói theo kiểu Sơn Nam, sau khi "phong sương mấy độ qua đường phố." Còn nói theo kiểu Thế Lữ thì còn ướt át và cải lương hơn nữa:

Rũ áo phong sương trên gác trọ
Ngắm nhìn thiên hạ đón xuân sang

Câu gác trọ này, bảo đảm, phải nằm đâu đó giữa Hà Thành, vào cuối thập niên 30 hay đầu 40 gì đó. Thêm cái *style* "rũ áo phong sương" và "ngắm nhìn thiên hạ" nữa đủ khiến chúng ta hình dung ra được cả đám Vũ Hoàng Chương, Đinh Hùng, Xuân Diệu, Huy Cận... đang sống lạng quạng giữa Hà Nội Ba Mươi sáu phố phường rồi; chớ còn có ông "thi sĩ miền quê" nào nữa đâu.

Bạn đừng tưởng chỉ có miền Bắc bị "nạn đô thị hóa" nha. Miền Nam đâu có khác gì. Cứ đọc Nguyễn Bính mà xem:

Đôi ta lưu lạc phương Nam này
Đã mấy mùa xuân én nhạn bay
Xuân đến khắp trời hoa rượu nở
Riêng ta với người buồn lắm thay

Thấy chưa, lại thêm hai ông nhô con bỏ nhà quê Bắc Kỳ vô Nam thuê gác trọ giữa Sài Thành Hoa Lệ nữa. Nói thiệt, tui không phàn nàn gì về chuyện Nguyễn Bính bỏ nhà đi. Chớ có thằng con

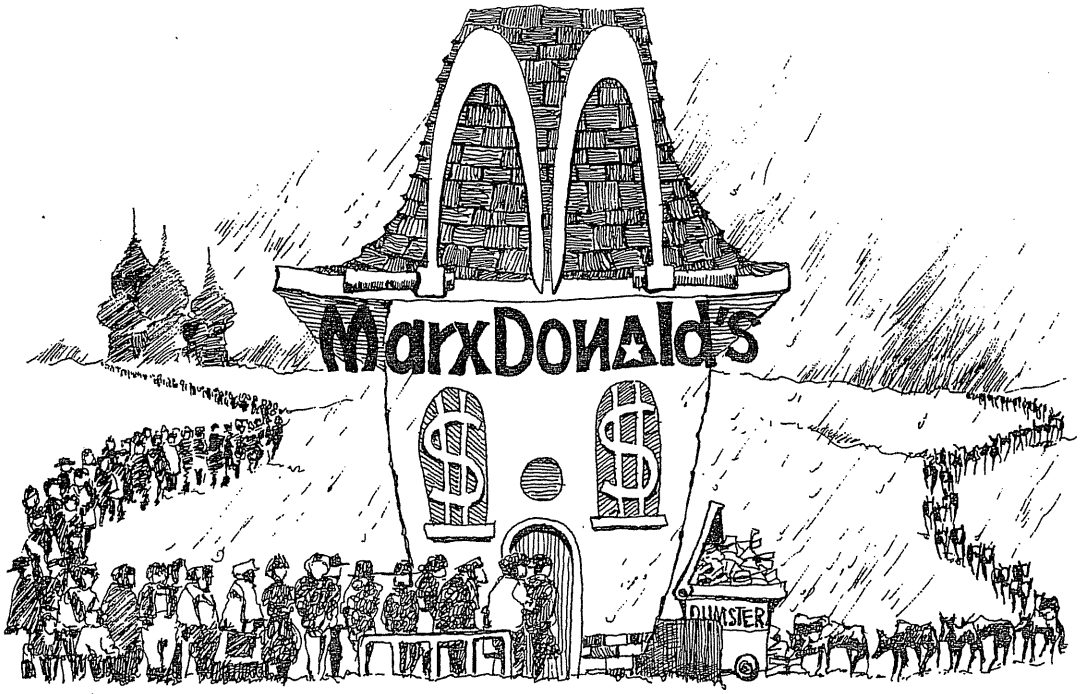

Gửi '90 THẾ KỶ 21

trai nào vừa lớn (dù có đang tập làm thi sĩ hay không) mà không đi bụi đời vài lần đâu. Hơn nữa, quê hương của Nguyễn Bính cũng đã bị nhiễm bụi thị thành rồi thì còn nấn ná ở đó làm chi nữa. Nghe chính ổng than nè:

Hoa chanh mọc ở vườn chanh
Thầy u mình với chúng mình chân quê
Hôm qua em đi tỉnh về
Hoa đồng cỏ nội bay đi ít nhiều

Trời, nàng mới đi tỉnh về có một lần mà hoa đồng cỏ nội đã bay mất đi liền một mớ; thử hỏi, ẻm mà ghé ra Hà Nội cỡ ba lần, và mỗi lần ở chơi chừng ba đêm, thì còn gì là "người xuân thì" theo tiêu chuẩn "chân quê" nữa?

Nguyễn Bính bỏ quê ra thị thành là phải. Chỉ có điều mà bạn lại "dám" nghĩ rằng không phải là cái giọng điệu hoài cổ quá khích của tui từ lúc đặt viết xuống tới giờ. Ê, đừng nghĩ vậy nha. Nghĩ vậy là bạn hiểu lầm và mích lòng tui lắm! Chớ cớ gì mà tui lại hoài cổ cà? Coi: chuyện tình dấm dớ của một anh thi sĩ miền quê với người con gái xuân thì nào đó, hay cái hình ảnh của một bầy em bé chạy tung tăng hát câu i tờ trên bờ đê vào một buổi sáng mùa xuân ngập nắng đã xa lắc xa lơ từ hồi nào rồi... thì hoàn toàn và tuyệt đối đâu có dính dáng gì tới tôi đâu. Chuyện hoài cổ -- nếu có -- là chuyện của Bà Huyện Thanh Quan, của Nguyễn Du hay cùng lắm là chuyện của ông nội hay ông già tôi thôi chớ.

Thời đại của bạn và tôi bộ dở lắm sao mà chúng ta cứ phải ngoái đầu nhìn về dĩ vãng. Nói tình ngay, khó ai có thể yêu mến một thời đại mà mình chưa hề sống. Hơn nữa, nói một cách chủ quan và thành thật thì thời gian đẹp nhất của một đời người chính là khoảng thời gian mà chúng ta sống trọn vẹn tuổi thơ và tuổi trẻ của mình trong đó.

Dù vậy, tôi vẫn lậy Trời cho bạn đừng xui tới cỡ là sinh ở miền Bắc Việt Nam -- vào khoảng 1940, 50, 60... -- và sống luôn ở đó từ hồi giờ. Tuổi trẻ và tuổi thơ của bạn (sau Bức Màn Tre và với sự dìu dắt tận tình của Bác và Đảng) -- tất nhiên -- cũng đẹp vậy chớ, sao không? Nhưng nói ngay tình, với hy vọng là bạn đừng tự ái, thì nếu Đảng và Bác đừng xía vô đời bạn quá nhiều thì mọi chuyện -- có lẽ -- sẽ đẹp hơn chút đỉnh, phải vậy không nào?

Còn trường hợp mà bạn cũng sinh trưởng ở miền Nam, hay di cư được vào Nam, như tôi thì đỡ quá. Ít nhất thì nó cũng đỡ hơn cái đời sống thổ tả ở ngoài kia đâu cỡ tám chục lần.

Ở trong Nam bảo đảm là không có ai bắt bạn

thi đua lập chiến công dâng Đảng hay phải thay Trời làm mưa hoặc nghiêng đồng cho nước chẩy ra ngoài cả. Cái vụ "làm ngày không đủ tranh thủ làm đêm" kể như cũng miễn luôn.

Trong một bối cảnh xã hội tương đối an lành và nhân bản như thế -- nếu bạn lại lớn lên ở một thành phố êm đềm và thơ mộng ở cao nguyên, thí dụ như Đà Lạt chả hạn -- thì chuyện bắt gặp "xuân vừa về trên bãi cỏ non" hay "hoa cười cùng tia nắng vàng son" là thường lắm. Ở đây, tất nhiên, "xuân đến (là) hoa mai hoa mận nở" tùm lum hết trơn á. Nếu bạn có dịp ghé vào một đồn điền cà phê, vào mùa xuân, thì còn đã nữa. Hoa cà phê trắng tươi và phủ toàn thân cây trông như tuyết vậy. Giữa một rừng tuyết trắng xóa như thế bạn có thể nhìn thấy một tỉ con ong cánh tung tròn, chứ không phải là một lũ ong lẻ tẻ vài chục con như Phạm Duy mô tả đâu.

Tuổi thơ mà được ướp đẫm bằng đủ thứ hoa -- như hoa mai, hoa mận, hoa trà, hoa cà phê thơm ngát -- như vậy thì đâu có gì để phàn nàn, đúng không? Có phàn nàn chăng là những ngày tháng hoa mộng đó sao mà nó ngắn quá hà!

Đâu mới tới chừng năm 1958 hay 1959 gì đó, theo trí nhớ non nớt của tôi, thì trong không khí an bình của miền Nam đã thoang thoảng có mùi vị chiến tranh -- ít nhất thì cũng là những tiếng còi báo động nhẹ nhàng và hơi diễu cợt của mấy ông nhạc sĩ quân đội, chả hạn như ông Nguyễn Văn Đông, trong bản "Phiên Gác Đêm Xuân":

Đón Giao Thừa một phiên gác đêm
Chào xuân đến súng xa vang rền...
Xác hoả tàn rơi trên báng súng
Ngỡ rằng pháo tung bay
Nào ngờ hoa lá rơi...

Trời, đơn vị bạn đụng địch súng nổ vang rền mà Đại Tá Nguyễn Văn Đông vẫn mơ mộng hay mơ ngủ đến độ tưởng hoa lá là xác pháo thì, dù rất là không muốn, khó ai mà có thể nghĩ rằng ổng có tinh thần đồng đội cao. Đã vậy, vẫn theo lời tường thuật của đương sự thì...

Ngồi ngắm mấy nóc chòi canh
Mơ rằng đây mái nhà tranh
Và ước chiếc bánh ngày xuân

Coi: ổng làm đảo ngược binh pháp hết trơn. Người ta "cư an tư nguy"; còn ổng thì rõ ràng là "cư nguy tư an." Tôi còn e rằng những "chiến sĩ của mộng mơ" (chữ này tôi mượn đỡ của một ông nhạc sĩ quân đội khác -- Trần Thiện Thanh), như vừa nói, có hơi nhiều trong quân lực miền Nam; nên chi mười năm sau -- mùa xuân năm 1968 -- thì tiếng súng A.K. đã nổ thay tiếng pháo, và nổ cùng khắp trên 44 tỉnh lộ của miền Nam -- kể cả Thủ Đô Saigòn!

Từ đây chiến tranh đã thực sự lai rai tiến vào thành phố với "plastic" đặt nó ở chỗ này, hỏa tiễn 122 ly rơi nhằm chỗ kia, và lệnh giới nghiêm sau 12 giờ đêm thì được ban hành trên cả nước. Bom đạn không còn là những thứ dành riêng cho người dân ở nông thôn nữa; người thành thị cũng đã bắt đầu có chia sẻ ít nhiều.

Nói là "ít nhiều" cho nó hợp vần điệu; chớ nói tình ngay thì ít xịt hà. Cái phần thực sự gọi là nhiều dành cho người dân thành thị miền Nam -- trong cuộc chiến vừa qua -- là truyền hình, quạt máy, đồ hộp, thuốc lá, rượu bia, kem đánh răng Colgate và xà phòng Dial kìa! Nó nhiều đến độ đã biến miền Nam thành một nơi "phồn vinh giả tạo," nếu nói đúng theo ngôn ngữ của anh chị em cán bộ miền... Bắc!

Nền kinh tế của miền Nam, vào thời điểm này hẳn là giả tạo thiệt; cường độ chiến tranh, sau vụ Mậu Thân, cũng ác liệt dữ và từ đây -- ngay tại Sàigòn -- người ta đã nghe được tiếng bom B-52 nổ ở ven đô, cỡ đâu Củ Chi gì đó. Tuy nhiên, không phải vì vậy mà xã hội miền Nam kém vui đâu nha -- nhất là nhân dịp xuân về.

Nếu so với miền Bắc -- nơi mà vì tình trạng "đói khổ thực sự" chớ không được "phồn vinh giả tạo" nên, chắc hẳn, ngay vào dịp Tết thì cũng chỉ có quí vị ủy viên trung ương Đảng uống rượu mừng xuân thay cho cả nước thôi -- thì nhân dân miền Nam chơi xuân có vẻ hơi quá lu bù! Từ 68 tới 75, cứ sau Giáng Sinh là toàn dân bắt đầu... xỉn dài dài cho tới Tết, bằng "Ly Rượu Mừng" của Phạm Đình Chương:

Ngày xuân nâng chén ta chúc nơi nơi
Mừng anh nông phu vui lúa thơm hơi
Người thương gia lợi tức
Người công nhân ấm no
Thoát ly đời gian lao nghèo khó
Á, ...a, ...a, ...a...
Nhấp chén đầy vơi chúc người người vui
Á,... a, ...a, ...a...
Muôn lòng xao xuyến duyên đời

Rót thêm tràn đầy chén quan san
Chúc người binh sĩ lên đàng
Chiến đấu công thành
Sáng cuộc đời lành
Mừng người vì nước quên thân mình
Kìa nơi xa xa có bà mẹ già
Từ lâu mong con mắt vương lệ nhòa
Chúc bà một sớm quê hương
Bước con về hòa nỗi yêu thương
...
Á,...a, ...a, ...a...
Hát khúc hoan ca thắm tươi đời lính
...
Rượu hân hoan mừng đôi uyên ương
Xây tổ ấm trên cành yêu đương

Nào cạn ly, mừng người nghệ sĩ
Tiếng thi ca nét chấm phá tô nên đời mới

Bạn hỡi vang lên lời hứa thiêng liêng
Chúc non sông hòa bình hòa bình
Ngày máu xương thôi tuôn rơi
Ngày ấy quê hương yên vui
Đợi anh về trong chén tình đầy vơi
Nhấc cao ly này
Hãy chúc ngày mai sáng trời tự do
Nước non thanh bình
Muôn người hạnh phúc chan hòa

Ước mơ hạnh phúc nơi nơi
Hương thanh bình dâng phơi phới.

Nẫy giờ đâu mới chừng mười phút mà cả nước mỗi người uống đâu cỡ chục ly. Ly tặng anh nông phu, ly chào anh công nhân, ly mừng ông thương gia, ly cho đôi uyên ương, ly cho người nghệ sĩ, rồi chén quan san để chúc người binh sĩ lên đàng... Nói tóm lại là "toàn thể đồng bào" *xỉn* chết mẹ luôn. Thiệt là vui như Tết!

Nói vậy chớ vẫn có người "vui xuân không quên nhiệm vụ." Thí dụ như ông Trần Thiện Thanh trong "Đồn Vắng Chiều Xuân." Nếu tin tưởng được vào lời tâm sự của ổng thì chuyện rất... "buồn" như sau:

Đồn anh đóng ven rừng mai
Nếu mai không nở
Anh đâu biết xuân về hay chưa

Sở dĩ có chuyện nghi ngờ thiện chí của ông nhạc sĩ họ Trần này vì sao tôi nghi ổng là lính ma hay lính kiểng gì đó, nghĩa là ổng đi lính mà không có lãnh lương. Sở lương thượng cấp giữ dùm rồi! Chớ bất cứ người lính bình thường nào khác nhìn vào sổ lương là đều biết năm cùng tháng tận, cần gì tới hoa mai với hoa đào.

Riêng cái quyết tâm "Xuân Này Con Không Về" của nhạc sĩ Trịnh Lâm Ngân thì mới thiệt là đáng phục và đáng ngại:

Con biết không về mẹ chờ em trông
Nhưng nếu con về bạn bè thương mong
Bao lớp trai hùng chào xuân chiến trường
Không lẽ riêng mình yên ấm

Điều đáng tiếc là những chàng trai hùng: "vui xuân không quên nhiệm vụ," như lời ông Trịnh Lâm Ngân mô tả, tuy không phải là hiếm nhưng cấp bậc của họ trong quân đội thường lại không cao. Họ ít khi được nắm những chức vụ chỉ huy quan trọng lắm.

Điều đáng tiếc hơn nữa, hoặc đúng hơn phải gọi là một lỗi lầm chí tử của cả miền Nam, là chúng ta đã chống giặc bằng một chiến lược sai lầm. Đúng ra phải là "vui nhiệm vụ nhưng không quên xuân" thì chúng ta đã làm ngược lại: "vui xuân nhưng không quên nhiệm vụ!" Nói cách khác, đối với chúng ta, vui xuân mới là chuyện chính còn nhiệm vụ chỉ là chuyện phụ thôi.

Trong khi đó cả xã hội miền Bắc, dưới ách đảng trị, tuyệt nhiên không có ai vui xuân chơi Tết gì ráo trọi. Ngược lại, có khi vì mừng xuân mà cả nước lại phải làm việc gấp hai để lập công dâng Đảng nữa chớ. Mà cái Đảng Cộng Sản Việt Nam thì lại đặc biệt "dị ứng" với cảnh thanh bình, êm ấm. Họ thấy cái cảnh dân miền Nam "nhấp chén đầy vơi chúc người người vui" -- theo như lời của Phạm Đình Chương -- thì chịu sao cho nổi.

Nên chi mùa xuân 1975 phải tới! Từ đây là chấm hết những mùa xuân và cảnh xuân vớ vẩn, kiểu như: "Cánh Thiệp Đầu Xuân," "Đám Cưới Đầu Xuân," "Anh Cho Em Mùa Xuân," "Xuân Và Tuổi Trẻ"... Thay vào đó, cả nước phải gào lên là:

"Mùa xuân trên thành phố Hồ Chí Minh quang vinh, ôi đẹp biết bao, biết mấy tự hào.
Saigon ơi, cả nước vẫy chào. Cờ sao đang tung bay cao..."

Nè bạn, tui biết là tới đây thì bạn đã quá mệt. Tui cũng vậy (bà nội mẹ thằng nào con nào nghe tới "cờ sao, búa liềm" mà thấy khỏe được). Thôi bỏ hết chuyện cũ đi. Chuyện mà tôi lòng vòng cả chục trang giấy từ Thời Trang cố tới giờ đó mà.

Hãy bắt đầu lại từ mùa Xuân 1975. Nói tui nghe coi, bạn làm những gì và trôi dạt những đâu -- kể từ cái mùa xuân tang thương dâu bể đó? Chuyện tưởng như mới hôm qua mà thiệt ra là đã gần mười lăm năm rồi. Mười lăm năm -- trời đất ơi-- biết bao nhiêu là nước sông, nước suối đã ào ào chẩy qua cầu? Làm sao bạn có thể gói ghém cuộc đời mình trong một vài câu nói hay vài giòng chữ được, phải không?

Cũng như bạn, tui không hề có ý muốn kể lể hay tâm sự bất cứ chuyện gì vào chiều hôm nay đâu. Chiều hôm nay là chiều 23 Tết đó bạn. Buổi chiều mà theo truyền thống thì ông bà chúng ta đưa ông táo về trời. Tui cơm hàng cháo chợ đã quen nên chiều 23 vẫn cứ lê la quán xá. Và những gì tui viết để bạn đọc chơi nẩy giờ chả qua là những ý nghĩ lan man nẩy sinh trong lúc nghe một băng nhạc xuân ở cái quán ăn quen thuộc đó thôi, kể từ bản "Hoa Xuân" của Phạm Duy đến bản "Xuân Này Con Không Về" của Trịnh Lâm Ngân.

Băng nhạc mừng xuân gì mà buồn chết mẹ!

TƯỞNG NĂNG TIẾN

Nói chuyện với người viết trẻ

TRẦN VŨ
TÔI KHÔNG CÓ NHIỀU QUÁ KHỨ VỚI VIỆT NAM

VŨ TRẦN LAM SƠN thực hiện
NGÔ LÊ TRỌNG TÚ ghi

Trần Vũ, tác giả tập truyện đầu tay Ngôi Nhà Sau Lưng Văn Miếu *do nhà xuất bản Thời Văn vừa mới ấn hành vào trung tuần tháng Hai, 1990.*

Cùng với người anh là Ngọc Khôi, hai anh em Trần Vũ hiện sống tại Paris, Pháp, là những người cầm bút thuộc thế hệ trẻ của nền văn chương Việt Nam hải ngoại.

Tuy chỉ có Trần Vũ xuất hiện nhiều trên các báo ở châu Âu và châu Mỹ nhưng cả hai anh em Ngọc Khôi, Trần Vũ đều sáng tác liên tục từ nhiều năm nay tại Paris và nhất là rất để tâm nghiên cứu, hy vọng tìm cho họ một lối viết mới thích hợp với rung cảm của tuổi trẻ Việt Nam lưu vong.

Cuộc nói chuyện giữa Trần Vũ, Ngọc Khôi do Vũ Trần Lam Sơn, cộng tác viên của Người Việt, Thế Kỷ 21 *tại Pháp không nhằm đào sâu để giải quyết mà chỉ nhằm nêu lên nhiều vấn đề liên quan đến sáng tác, văn học Việt v.v...*

Buổi nói chuyện đã diễn ra tại Paris hạ tuần tháng Mười, 1989. Từ băng ghi âm.

Phần ghi lại từ băng ghi âm do Ngô Lê Trọng Tú đóng góp.

Thế Kỷ 21

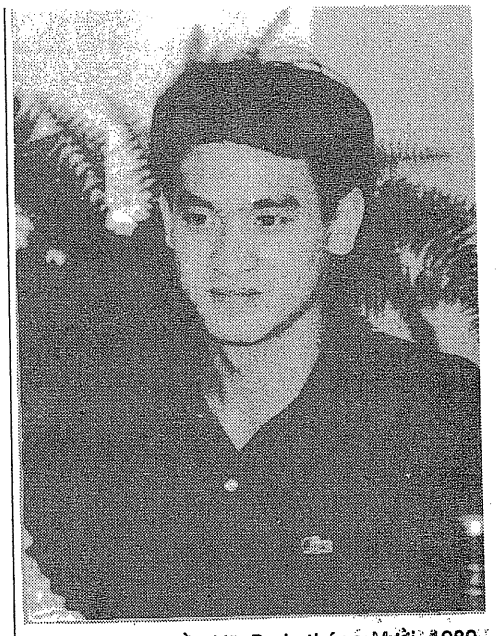

Trần Vũ, Paris tháng Mười, 1989.

Trần Vũ cho bạn đọc biết tiểu sử của mình.

Tôi sinh năm 1962 tại Sàigòn. Theo học Lasan Taberd đến khi giải thể thì chuyển sang Bùi Thị Xuân, Lê Thị Hồng Gấm. Vượt biển năm 1979 đến Pháp năm 1980. Hiện làm việc cho một hãng bảo hiểm tại Paris.

Trần Vũ bắt đầu viết từ bao giờ và đã có nhiều tác phẩm chưa?

Tôi bắt đầu đăng truyện ngắn đầu tay trên Làng Văn tháng Năm, 1988. Đến nay thì viết được mười truyện đăng rải rác trên *Làng Văn, Văn, Văn Học,* và truyện ngắn vừa rồi đăng trên *Thế Kỷ 21* số tháng Chín. Nhưng tôi chưa coi mình là nhà văn thực thụ, chỉ đang tập sự viết truyện ngắn thôi.

Tại sao anh chọn thể truyện ngắn?

Truyện ngắn là sự thử thách đầu tiên của người cầm bút. Nhưng thể loại truyện ngắn cũng là thể loại khó khăn nhất. Truyện ngắn là một trong những thể loại có nhiều định nghĩa khác nhau. Đối với tôi truyện ngắn phải thật sự hàm xúc, cô đọng, và phải có chiều sâu. Cho đến nay, truyện ngắn của tôi chịu ảnh hưởng truyện ngắn Nguyễn Mộng Giác ở hai điểm. Thứ nhất truyện ngắn phải có chiều sâu tư tưởng. Và thứ hai, khi viết, chủ về diễn biến tâm trạng của nhân vật.

Những nhân vật trong truyện của anh có phản ảnh đó về truyện ngắn hay không?

Cho đến bây giờ khi đọc lại những truyện ngắn đầu tay, tôi thấy không hài lòng vì có khi luộm thuộm, có khi không chuyên chở hết những điều mình muốn nói. Kỹ thuật cũng chưa thành công lắm. Chỉ có hai truyện ngắn tôi thật sự hài lòng là *Ngôi Nhà Sau Lưng Văn Miếu* và *Bên Trong Pháo Đài* thật sự hàm xúc và có sức mạnh để lôi cuốn người đọc.

Truyện nào ám ảnh anh nhất để nó có thể thành khuôn mẫu cho sáng tác của anh?

Là người viết trẻ trong thời kỳ tập sự viết truyện ngắn, tôi đọc rất nhiều để học hỏi kỹ thuật. Ba tác phẩm tôi học được nhiều nhất là cuốn *Ngựa Nản Chân Bon* của Nguyễn Mộng Giác, *Truyện Ngắn I* của Võ Phiến, Tuyển tập *Những Truyện Ngắn Hay Nhất Của Quê Hương Chúng Ta,* xuất bản trước 75 gồm tất cả những tác phẩm của các tác giả lớn Việt Nam. Tác phẩm sau cùng này tôi học được truyện ngắn viết hay phải đa dạng, người viết phải thay đổi bút pháp và kỹ thuật để không nhàm chán. Ở Nguyễn Mộng Giác tôi học được một truyện ngắn hay phải có chiều sâu tư tưởng. Còn ở truyện ngắn Võ Phiến -- đặc biệt là ba truyện *Băn Khoăn, Đêm Trăng* và *Thác Đổ Sau Nhà,* tôi học được một điều là muốn làm cho mạch văn chậm lại phải đi sâu vào chi tiết. Một truyện ngắn của ông Võ Đình, *Những Chiếc Vòng* cũng ám ảnh tôi.

Con đường rất tự nhiên của người viết là lúc nào cũng gắn liền với vài khuôn mẫu mà người viết lựa chọn. Thế ngoài hai tác giả ảnh hưởng sâu đậm đến Trần Vũ, còn những tác giả nào đã được anh lưu ý không?

Về thể loại truyện ngắn, một trong những người tôi thích là ông Cung Tích Biền, tác giả truyện *Bạch Thoại,* và Túy Hồng với truyện *Lòng Thành.* Ngoài ra còn có một số người viết truyện ngắn đặc sắc như Thảo Trường, Duy Thanh và Nguyễn Xuân Hoàng. Với truyện *Một Người Ngồi Trong Ghế Bành* Nguyễn Xuân Hoàng có một bút pháp rất là Tây phương và rất là hay.

Đó là thế giới của các tác phẩm. Còn thế giới đời sống thực tế hàng ngày trước mắt mình thì nó ảnh hưởng như thế nào đối với Trần Vũ?

Khi còn sinh tiền ông Bình Nguyên Lộc có lời khuyên những nhà văn trẻ là khi viết chỉ viết về những nơi mình đã sống qua và những tâm trạng, mảng đời mình đã từng trải qua, nếu không mình sẽ bị hố. Tôi rất kính trọng ông Bình Nguyên Lộc nhưng không đồng ý về điểm này. Truyện ngắn đòi hỏi sự tưởng tượng cao, nếu chỉ viết về những chuyện mình đã sống qua thì sẽ không bao giờ có truyện ngắn tâm linh, siêu hình, và giả tưởng. Một trong những yếu tố để thành công là phải có sức tưởng tượng thật mạnh. Nếu chỉ viết về những gì mình đã sống qua thì tôi chỉ có thể viết lại quãng đường từ nhà tôi đến trạm xe lửa, tới hãng làm. Bởi vì tôi không có nhiều quá khứ với Việt Nam. Ở Việt Nam tôi chỉ sống ở hai thành phố là Vũng Tàu,và Saigon thôi, không sống ở một thành phố nào khác. Có một truyện ngắn tôi đăng trên Làng Văn số tháng Chín, 1988 là truyện *Đồng Cỏ Miên* viết về hai người bộ đội đi đánh trận bên Miên và cuối cùng họ tìm đường tẩu thoát sang Thái Lan. Theo tôi biết thì truyện ngắn này ít nhiều gây được tiếng vang trong văn giới. Họ rất ngạc nhiên tưởng tôi là bộ đội đào ngũ, nhưng thật sự truyện hoàn toàn xây dựng trên tưởng tượng. Và cũng như truyện *Ngôi Nhà Sau Lưng Văn Miếu,* tôi chưa bao giờ ra Hà Nội. Viết về một nơi chốn mình chưa đặt chân đến, nó tạo ra sự kích thích cho mình tưởng tượng thêm. Nhất là tạo ra cái không khí ở nơi chốn đó, không cần phải đúng chi tiết với cảnh vật thật bên ngoài.

Một nhà văn lúc nào cũng muốn thoát ly khỏi thực tế, nhưng nhà văn nhiều khi cũng

muốn đứng lại ở một thực tế nào đó. Trần Vũ qua những tác phẩm của mình có bao giờ muốn đứng lại ở một thực tế nào không. Tôi muốn nói mình hiện nay sống ở nước ngoài vậy thì đối với thực trạng của đất nước, đất nước ở trong trí nhớ, và đất nước trong thực tế. Cái thực tế đó có chỗ đứng như thế nào trong tác phẩm của Trần Vũ.

Có hai loại thực tế. Một loại thực tế tiểu thuyết và một loại thực tế hoàn toàn thực tế (1) thì khuynh hướng viết truyện tố cộng, người viết để giữ bảo đảm cho ngòi viết của mình chỉ nên làm một công việc duy nhất là đưa ra hình ảnh có thật và để độc giả tự phê phán lấy. (?) Trong các sáng tác không liên quan đến vấn đề chống cộng, người viết có quyền tưởng tượng, thoát ra khỏi thực tế bên ngoài. Sống trong một thế giới khác với thế giới thật vì nhiều khi thế giới thật rất nhàm chán. Tôi không viết về hội nhập vì tôi không hoàn toàn hội nhập vào thế giới Tây phương. Tôi viết về hội nhập không thành công.

Như vậy Trần Vũ có khuynh hướng dành cho trí tưởng tượng một chỗ đứng quan trọng trong tác phẩm của mình. Nhưng nhiều người muốn biết, sự liên hệ giữa tưởng tượng và đời sống thực tế như thế nào?

Trước hết tôi không phải là người có khuynh hướng viết về tưởng tượng nhiều trong truyện ngắn của mình. Đó là sự bắt buộc. Vì khi rời Việt Nam, tôi mới 17 tuổi, không có kinh nghiệm sống và chung đụng nhiều với người Việt. Chung đụng ở đây tôi muốn nói về mối tương quan giữa người và người phức tạp và khó khăn. Do đó khi viết tôi phải vận dụng đến tưởng tượng. Nếu không tưởng tượng thì phải viết về đời sống ở Tây Phương. Mà viết về đời sống ở Tây phương thì có quan niệm cho rằng người viết trẻ tuổi bây giờ mất gốc, cứ chêm tiếng Mỹ, tiếng Tây ào ào vào sáng tác và thiếu hoài tưởng về quê hương. Tôi nghĩ, tuổi trẻ là một ưu điểm và cũng là một khuyết điểm. Ưu điểm vì tuổi trẻ còn hăng hái, còn xông xáo, có nhiều điều để viết. Khuyết điểm là vì không có vốn sống. Và khi viết tôi tập trung vào sự tưởng tượng, nhưng sự tưởng tượng đó nó liền lạc chặt chẽ với cuộc sống, để người đọc không nhận ra là mình đã tưởng tượng, tưởng rằng tác giả đã sống qua. Do đó viết bằng sự tưởng tượng đòi hỏi phải có một kiến thức tương đối đầy đủ tức là phải đọc nhiều tài liệu, sách báo, xem nhiều hình ảnh...

Có người nói với tôi là tôi chưa đủ sức tưởng tượng về đời sống hội nhập ở Tây phương. Thật ra, trong tâm thức tôi có sự chối bỏ đời sống ở phương Tây, vì đây không phải là quê hương tôi, không phải vùng đất để tôi sống. Tôi hoàn toàn cảm thấy mình không dính líu gì và không thể hòa tan vào môi trường sống nào của xã hội Pháp. Do đó luôn luôn có sự chối bỏ, khi viết về Tây phương. Nó không đến từ trong lòng, nó gần như là một sự cố gắng. Mà sự cố gắng không có đam mê thì không bao giờ thành công được.

Theo Trần Vũ thì người viết trẻ tuổi chịu thiệt thòi vì ký ức về quê hương rất là giới hạn và phải dùng trí tưởng tượng để bù đắp vào sự thiếu hụt đó. Nhưng đồng thời cũng có người trong tâm thức không muốn chấp nhận sống hội nhập. Vậy trong người còn có một khoảng sáng hoặc một khoảng hẳn còn mờ tối. Có lẽ đó cũng là một khu vực mà người viết sẽ có những sự tìm kiếm kỳ diệu cho tác phẩm của mình?

Tôi đồng ý với anh về điểm này. Tuổi trẻ ở đây nẩy nở trong một môi trường phức tạp. Nhưng mà có nhiều điều kiện, có nhiều tầm nhìn xa. Tuổi trẻ Việt Nam ở bên đây, vừa thoát khỏi một cuộc chiến Việt Nam, đứng nhìn lại Việt Nam với cái nhìn suy tư, không phải là cái nhìn đắm chìm của một người bị cuốn hút trong cái lò lửa chiến tranh. Và chúng ta đã thoát ra ngoài nhìn lại tất cả những gì đã xảy ra. Từ đó nhận chân ra những phương trời cho mình. Đối với tôi khi rời Việt Nam được 17 tuổi, cũng tương đối lớn, ít nhiều hiểu những gì đã xảy ra. Nhưng đối với những người nhỏ hơn, những thế hệ sau, chắc chắn họ không hiểu thế nào là chuyện Mậu Thân, tại sao có vụ Mỹ Lai, và họ cũng không hiểu tại sao có mồ chôn tập thể ở Huế. Đây là những đốm đen trong đầu của những thế hệ đi sau và tôi tin chắc rằng thế hệ sau tôi một khi lớn lên đọc về mồ chôn ở Huế sẽ là một đốm đen kinh khủng trong đầu họ. Tôi thì tôi hiểu tại sao có mồ chôn tập thể ở Huế. Bởi vì tôi đã sống với người Cộng Sản. Mồ chôn tập thể là một điều có thực.

Thế Trần Vũ còn có điều gì muốn nói về công việc sáng tác của mình không?

Ao ước ra một tập truyện ngắn đầu tay. Sau đó có lẽ sẽ chuyển sang thể loại tiểu thuyết, bởi vì truyện ngắn viết một lúc cảm thấy chật chội, gò bó. Vả lại truyện ngắn là một thể loại rất khó, không thể viết nhiều truyện ngắn hay liên tiếp được. Một nhà văn thường được một hay hai truyện ngắn rất hay thôi. Tôi muốn nói một điều nữa, có lẽ lớp nhà văn đi trước nên nói thẳng với tuổi trẻ rằng không nên viết theo lối văn tuổi ngọc, mơ mộng, lãng mạn, mơ hồ nữa. Cứ nhìn ông Võ Phiến đã *loại* những tập truyện của Võ Hà Anh và Dung Sàigòn ra khỏi cuốn *Tổng Quan Văn Học Việt Nam* thì sẽ hiểu. Rất nhiều người trẻ viết văn "*tuổi ngọc:*" mơ màng, nhẹ nhàng, không có chiều sâu. Thể

loại đó trong các tạp chí văn chương lớn của Việt Nam ở hải ngoại không được chấp nhận. Cứ mở các tạp chí *Văn, Văn Học, Thế Kỷ 21* ra là thấy ngay. Những loại truyện như vậy không bao giờ được đăng cả. Khi bắt đầu viết truyện ngắn đầu tay, tôi đã viết với ý niệm duy nhất là chỉ viết cho người lớn không viết cho tuổi niên thiếu. Tôi chỉ viết cho người lớn từ 30 tuổi trở lên, đặc biệt là lớp người 40, 50 tuổi là lớp người đọc nhiều nhất và đã sống qua nhiều thăng trầm nhất trong cuộc sống. Cho nên trình bày một vấn đề với họ dễ được thông cảm, dễ được suy xét, dễ được hiểu và dễ được chấp nhận hơn.

Theo Trần Vũ hiện nay đã có một nền văn học Việt Nam ở ngoài nước hay không?

Theo tôi, nền văn học Việt Nam hải ngoại hoàn toàn có thật, Về phương diện kỹ thuật không có sự đổi mới, chỉ khác đề tài và cảnh sống, do đó nền văn học hải ngoại là nền văn học tiếp nối của nền văn học trước 75.

Khi chúng ta nhận xét rằng nền văn học đó chưa thành hình, điều đó có nghĩa là nền văn học đó đang thiếu một số điều kiện nào đó, hoặc trên bình diện bút pháp, hoặc trên bình diện nội dung, hoặc trên bình diện xuất bản. Chúng ta có thể xác định được hiện thời sự thiếu sót đó rất dễ nhận trên bình diện nào không? Điểm thứ hai là nền văn học hải ngoại là một sự tiếp nối nền văn học trước đây ở miền Nam Việt Nam. Nhưng đó chỉ là một cách nói thôi. Đem so sánh với nền văn học ở miền Nam trước đây, chúng ta có thể nói rằng đó là những hồi quang yếu ớt của nền văn học đó hay đó là sự khai triển của nền văn học. Và nếu là sự thiếu sót thì một sự thiếu sót như thế nào so với tất cả sự đảo lộn tới với nhân dân miền Nam từ 14 năm nay.

Khách quan mà nói nền văn học hải ngoại khác với nền văn học trước 75 ở một điểm nó phát triển rất mạnh về phương diện truyện ngắn. Tiểu thuyết thường không phát triển mấy so với trước 75, trong khi nền văn học trong nước trước 75 số lượng truyện ngắn lại ít hơn. Còn về phương diện kỹ thuật thì cả tiểu thuyết lẫn truyện ngắn trước và sau 75 đều nằm trong một khuynh hướng duy nhất là tả thực (?). Ngoại trừ trường hợp của Đỗ Kh. là một trong những người viết đặc sắc và khác biệt nhất của văn học hải ngoại. Tình hình xuất bản khá xôm tụ, đông đảo. Văn học hải ngoại về phương diện nghiên cứu, khảo luận, phê bình chưa được phát triển mạnh. Hơn nữa sự khuyến khích của nền văn học hải ngoại so với sự đảo lộn của đất nước, chúng ta chưa có một cuốn tiểu thuyết nào có giá trị đúng nghĩa so với công cuộc vượt biển vĩ đại của dân tộc, và chúng ta chưa có một cuốn tiểu thuyết lao tù nào thực sự vĩ đại như *Quần Đảo Ngục Tù* của Solzenitzsin. Điều đó cũng dễ hiểu vì 1954 một triệu rưỡi người Bắc di cư vào Nam mà nền văn học miền Nam không có một cuốn tiểu thuyết di cư nào đúng nghĩa (?) nói lên cái trạng huống lịch sử bi tráng của thời gian đó. Cuộc di cư của người miền Bắc rất mờ nhạt trong văn chương của miền Nam trước 75. Mặc dầu những nhà văn tiếng tăm lừng lẫy của miền Nam, đại đa số là những người Bắc di cư, nhưng họ lại viết ngay về đời sống hội nhập của chính họ ở miền Nam. Còn chuyện đồng quê miền Bắc hoàn toàn chết hẳn từ sau cái chết của Tô Hoài.

Trần Vũ đã nêu lên một số ý kiến rất thuận lợi cho việc tìm hiểu nền văn học hải ngoại, với sự giới hạn của buổi nói chuyện này chúng ta không thể đi sâu vào các vấn đề đó. Nhưng chúng ta hãy trở về với ngôn ngữ và nền văn học nước ngoài chúng ta. Đối với anh là người viết trẻ, khi sử dụng tiếng Việt để viết văn làm thơ có gặp hạn chế nào?

Tiếng Việt từ thời Tự Lực Văn Đoàn cho đến ngày hôm nay tiến triển và phát triển mạnh kinh khủng. Tiếng Việt hoàn toàn đầy đủ để diễn tả những trạng thái nội tâm phức tạp, những suy tư thao thức của con người. Có thể trên phương diện kỹ thuật thì tiếng Việt không theo kịp Tây phương, nhưng trên bình diện triết học con người thì tiếng Việt hoàn toàn đầy đủ, là một trong những ngôn ngữ giàu mạnh nhất có thể giàu mạnh hơn cả tiếng Anh, tiếng Pháp nhiều. Tôi muốn nói thêm một điểm trong tiếng Việt. Ông Nguyễn Hiến Lê trong *Tôi Tập Viết Tiếng Việt* khăng khăng bắt buộc tất cả mọi người phải viết tiếng Việt thật trong sáng, mạch lạc, rõ nghĩa và đúng theo tiếng Việt từ nguyên thủy của nó. Ông đã chứng minh rằng chữ "Mỹ" phải biên bằng "i" chứ không phải "y." Tôi không đồng ý với ông ở quan điểm này, vì chữ "Mỹ" biên bằng chữ "y" nó đã ăn sâu, thấm nhuần vào trong tập quán của người Việt, chữ Mỹ trên hình tượng viết bằng chữ "y" đẹp hơn chữ "i". Một ngôn ngữ phải có những ngữ vựng hấp hối, ngữ vựng chết, và có những ngữ vựng mới khai sinh. Ngôn ngữ không thể đứng lại ở một thời điểm nào mãi mãi mà phải phát triển. Ngôn ngữ phải phát triển. Có thể là tăng trưởng theo kiến thức và cũng có thể là do cách nói sai tạo cho ngôn ngữ sự phong phú. Nếu dựa theo tiếng Việt cổ, tiếng Việt ngày nay đã tăng trưởng rất nhiều. Do đó ông Nguyễn Hiến Lê có hơi khắt khe khi bắt buộc mọi người viết tiếng Việt phải trong sáng và rõ nghĩa. (?) Trong *Tôi Tập Viết Tiếng Việt*, ông đã trích dẫn rất nhiều đoạn văn và sửa lại cho rõ nghĩa theo ý ông, vì ông cho là

nó cầu kỳ quá. Nhưng Nguyễn Hiến Lê đã quên rằng mỗi nhà văn cần phải có một bút pháp và sắc thái riêng. Nếu đoạn văn nào cũng trong sáng và rõ nghĩa (?) thì đoạn văn nào cũng giống hệt nhau. Loại văn mạch lạc trong sáng chỉ thích hợp cho nghiên cứu nhưng không thích hợp cho tiểu thuyết. Nếu viết tiếng Việt hoàn toàn chính xác theo như định nghĩa trong tự điển của Hội Khai Trí Tiến Đức hay của Việt Nam Quốc Âm Tự Vị hay của Lê Ngọc Trụ thì không bao giờ có tiếng lóng cả. Trong khi tiếng lóng là một trong những sức sống của ngôn ngữ, đã ăn sâu vào đời sống chúng ta. Tiếng lóng làm cho đời sống phong phú, thi vị hơn.

Dĩ nhiên trong môi trường quốc tế hiện nay, văn học của người Việt ở ngoài nước là một nền văn học thiểu số. Nhưng chúng ta có hy vọng nền văn học thiểu số đó có những đóng góp đặc biệt vào nền văn học chung? Theo Trần Vũ thì tính đặc thù của văn học thiểu số là gì và chúng ta hy vọng đóng góp những gì đặc biệt vào nền văn học chung đó?

Văn chương lưu vong Việt Nam là nền văn chương lưu vong lớn nhất trên thế giới vì nó phong phú, nó có người đọc, có nhà xuất bản có tác giả đông và có người đọc tiếp tục từ trại đảo sang. So với văn chương lưu vong Đông Âu thì nền văn chương Việt Nam phong phú hơn nhiều. Nhưng văn chương lưu vong Việt Nam lại hẩm hiu không được biết đến. Rất ít tác phẩm Việt Nam được dịch sang tiếng ngoại quốc. Một ký giả tờ Paris Match đề nghị tôi dịch truyện *Đồng Cỏ Miên* sang tiếng Pháp, nhưng tôi nói thẳng rằng tôi không đủ sức dịch truyện mình sang tiếng Pháp vì tôi chỉ viết, đọc và hiểu suông sẻ, nhưng không đủ sức diễn đạt tư tưởng sang tiếng Pháp. Ông ấy thất vọng và thôi luôn. Hầu như không ai biết đến sự hiện diện của nền văn chương lưu vong Việt Nam, có chăng chỉ biết một cách mập mờ, và rất ít ai đọc. Tác phẩm xuất sắc của Việt Nam rất khó dịch sang tiếng Pháp vì nó mang màu sắc địa phương quá nhiều mà khi dịch sang tiếng Pháp sẽ mất hay đi. Do đó tôi hoàn toàn đồng ý với Nguyễn Mộng Giác khi viết văn nên sử dụng ngôn ngữ thế nào để dễ dàng dịch sang tiếng Pháp. Tôi chưa có ý niệm rõ ràng về sự đóng góp của nền văn học chung của thế giới. Cách đây một tuần truyện *La Bicyclette Bleue* của một nhà văn nữ Pháp, một trong những tiểu thuyết bán chạy nhất và được người Pháp ưa chuộng vừa bị gia đình bà Margaret Mitchell ở bên Mỹ kiện vì tội đạo văn từ quyển *Cuốn Theo Chiều Gió*. Gia đình bà Margaret Mitchell đòi bồi thường ba triệu Mỹ kim. Cái giá đó mắc, nhưng cái giá mà nền tiểu thuyết Pháp phải trả cho vết nhơ này sẽ còn mắc hơn nữa.

Chúng ta vừa đề cập tới lưu vong. Lưu vong là một đề tài có thể nói đem lại thực chất cho văn hóa của Do Thái ở ngoài nước. Người Việt Nam chúng ta có một văn học lưu vong khác bản chất hay cùng bản chất với lưu vong Do Thái. Nói tóm lại chúng ta đã cảm thấy sự lưu vong của chúng ta như thế nào và những nhà văn nào nói cho mọi người biết tình trạng lưu vong của người Việt Nam có cái gì khác với những lưu vong của các dân tộc khác.

Câu hỏi này khó quá vì tôi chưa đọc truyện nào của người Do Thái cả nhưng tôi có đọc cuốn *Miền Đất Hứa* của Léon Uris do Thế Uyên dịch, viết về con tàu Exodus khi đi tìm đất hứa ở Palestine. Về văn chương người Do Thái trong cuốn sách này dính liền với trại tập trung của Đức Quốc Xã tàn sát sáu triệu người Do Thái. Nền văn chương Do Thái có sự khủng khiếp ghê rợn của trại tập trung, của lò thiêu sống. Nền văn chương lưu vong Việt Nam cũng có những sự khủng khiếp riêng những hành trình trên biển cả và cũng có những đau đớn riêng của từng thân phận con người Việt Nam. Nhưng khác biệt giữa văn chương Việt Nam và Do Thái thì tôi không nắm vững được vì thú thật là chưa có đọc truyện của người Do Thái viết.

Do Thái đã ở vào tình trạng là đã tìm thấy quê hương của mình, nhưng vẫn còn những người Do Thái ở nước ngoài mà không trở về quê hương của mình và cũng coi như rằng cuộc đời của mình không ở hẳn ở cái quê hương đó. Đó là tình trạng lưu vong của Do Thái. Người Việt Nam chúng ta bị ra khỏi nước chỉ hơn mười năm nay, chúng ta không mất quê hương, quê hương vẫn còn đó nhưng sống xa cách quê hương. Vậy thì trong tương lai còn có tình trạng những người Việt Nam nếu lấy lại được quê hương rồi vẫn muốn sống lại ở nước ngoài và vẫn cho rằng mình ở trong tình trạng lưu vong hay không. Điều đó có làm cho những người viết hiện thời cảm nhận thấy như vậy hay không?

Chắc chắn là như vậy. Trăm phần trăm. Tại vì mới chỉ hơn mười lăm năm, trong con số một triệu người vượt biển ra đi, chắc chắn sẽ không tới một phân nửa trở về. Tôi tin chắc điều đó. Và cũng không cần chờ những người vượt biển, những người đi du học trước đây, không có mấy người trở về. Và miền đất hứa của người quốc gia Việt Nam cho đến ngày hôm nay đã tìm thấy, nhưng không về được, đó là quê hương Việt Nam. Hiện tại tôi không nhìn thấy được con đường giải thoát nào cho Việt Nam, nên tôi hoàn toàn bi quan về vấn đề này. Tôi chỉ ao ước được nhìn thấy một trận đánh của kháng chiến quân Việt Nam trên Truyền hình, như kháng chiến

A Phú Hãn, nhưng cảnh đó sau mười lăm năm vẫn chưa thấy trên TV. Do đó tôi hoàn toàn bi quan về vấn đề này. Còn giải pháp thỏa hiệp với người Cộng Sản thì tôi rất là dè dặt, khi tôi thật sự không ảo tưởng gì nhiều về cộng sản. Còn việc thế hệ sau sẽ sinh sống và định cư luôn ở quốc gia thứ ba thì điều đó là chắc chắn. Những thế hệ sinh đẻ ở Âu Mỹ sẽ trở thành người Âu Mỹ, sẽ ở lại và có lẽ họ sẽ không trở về Việt Nam nữa. Phải nói rằng tôi không kỳ vọng gì mấy ở thế hệ sau.

VTLS thực hiện
NLTT ghi

(1) Có lẽ Trần Vũ muốn nói đến *cái thật trong tiểu thuyết* và *cái thật trong đời sống*.

(2) Lưu ý: bài phỏng vấn này được thực hiện vào tháng Mười, 1989.

BUỔI TỐI MẤT CHÂN TRỜI

TRẦN VŨ

Ban đầu là tiếng sầm sầm như nhà có gió lộng. Sau tiếng động cứ lớn dần lên, nổi lên trên hết mọi vật làm cả nhà bà Vạn phải chú ý. Cái Hạnh là người ngẩng lên trước nhất. Cả nhà theo nó nhìn hướng ra cửa. Bức tường cũ, bên kia dẫy phố đối diện nằm phơi trơ tấm thân đúc bằng đá ong không nhúc nhích, nhưng thân cây bàng trồng ngoài sân ven lối đi lát gạch bát tràng thì lao xao, lấp phấp, rì rào như trời sắp bão. Từ tiếng sầm sầm lúc nảy, trổi lên thêm tiếng rít rát rạt như có ai đang khoan thép. Bà Vạn đương dở tay, cũng buông dao xuống thớt nhìn các con ngơ ngác. Thằng Tuệ, đứa út ngồi nhấp nhổm nhìn đăm lên trần. Tiếng động sắc nhọn y tiếng cưa điện xoáy ròn từ trên mái xuống. Tiếng rít lên rin rít vây lấy mọi người đến độ không còn nghe thấy gì khác. Vị đang chẻ đậu, cũng chìm hẳn vào trong thứ âm thanh ma quái. Diễn tiến nhanh đến độ không ngờ. Lúc tiếng rít kêu rú trở thành giống hệt tiếng hú của tên khổng lồ man dại, thì đột nhiên mọi thứ vụt im bặt. Im bặt. Sự im bặt bất thình lình trong tích tắc đồng hồ mà mọi người thấy thật lâu. Cử động của từng người vụt chậm lại trong thời gian bị giãn ra. Vị thấy thằng Tuệ muốn đứng lên chạy núp vào buồng mà không được, thân hình nó nhấp nhô rồi cứng lại trên hai ống chân khuỳnh khuỳnh. Thằng Tuệ bị bất động trong tư thế nửa đứng, nửa ngồi. Cái Hạnh cũng vậy. Hai bím tóc dậy thì của cái Hạnh đương vung vẩy bỗng ngừng hẳn lại trên khuôn mặt nó lặng đi nhìn bà Vạn ngồi chết trân trước bếp. Thân cây ngoài sân cũng đứng sững lại thôi rì rào và những chiếc lá bàng to tướng cũng thôi không rụng nữa. Vị còn thấy nàng cố làm cái động tác tuyệt vọng cuối cùng là kéo vạt áo mình lên chùm lấy đầu như muốn được che chở. Nhưng tay Vị chỉ kịp chạm vào chéo áo thì nó ập xuống.

Nó ập xuống thật tàn bạo, dữ dội. Cả gia đình bà Vạn co rúm người và hình như cả ngôi nhà cùng teo lại chịu đựng cơn bão lốc. Nó đập vào nhà mạnh quá sức. Nó lấn ồ ạt từ vật này sang vật khác, chạy lùng bùng trong máu và chẹn lấy khí quản mọi người. Vị thấy rõ ràng thân cây

ngoài sân cong oằn xuống từ từ đến gẩy rập, tấm phên chắn bị thổi tốc đi, rồi các cánh cửa bật tung. Nó hừng hực hơi lửa, nóng bỏng ở má Vị, lướt qua mặt cái Hạnh đầy sợ hãi và lượn quanh người bà Vạn ngồi đờ đẫn. Mồm thằng Tuệ há ra muốn la thất thanh mà không thành tiếng. Mọi thứ trong nhà đều bị xáo trộn. Chiếc lư đồng với mấy bát cơm cúng nhẩy múa trên bàn thờ, trong lúc tấm hình ông Vạn với bài vị gia tiên bay lả tả giữa nhà. Vị còn thấy bốn cốc thủy tinh nàng vừa úp trên trạn bát rạn nứt rồi vỡ toang. Mấy bóng điện tường cũng vỡ. Chiếc áo cánh của cái Hạnh phơi ngoài rào bay phụt đi, mất hút. Cả nhà bà Vạn như bị lồng vào một khúc phim câm. Mọi người thấy nóng bỏng rát mình mẩy rồi mới nghe được tiếng nổ. Tiếng vỡ oàng thật khủng khiếp. Tiếng dội phá dây chuyền tiếp liên không dứt.

Sáng đó Hà Nội bị đánh bom. Lần đầu tiên pháo đài bay chiến lược Hoa Kỳ bỏ bom xuống Hà Nội. Nhà bà Vạn nằm ở quận Hai Bà Trưng, chỉ cách Ô Cầu Dền, nơi trúng bom, có vài trăm thước.

*

* *

Bà Vạn gánh đôi quang gánh tất tả như chạy. Vị một tay dắt thằng Tuệ, một tay lôi túi vải quần áo cố theo cho kịp bước chân mẹ. Cái Hạnh ôm chõ xôi lếch thếch theo sau. Cái Hạnh và thằng Tuệ khóc thút thít vì sợ. Những người cùng chạy với gia đình bà Vạn đều sợ, lâu lâu họ ngước nhìn trời lo lắng. Trận đánh bom lan đi như vết dầu bỏng. Những đám cháy chưa tắt ở Ô Cầu Dền cứ cháy bùng lên, theo gió đưa phả mùi khét nồng nặc. Bom trúng nặng lắm, phố Huế, đường Trần Khắc Chân đều bị cả. Bom quét cả một khu phố như người ta phát cỏ. Cả một khu vực hổng đi như chưa bao giờ xây cất nhà cửa. Những dẫy phố tiếp ven thì xiêu vẹo vì sức ép. Khu nhà bà Vạn nhốn nháo tiếng thét gọi, chen lẫn tiếng khóc rối bời như nhà có đám. Các anh trên quận Hoàn Kiếm xuống bắt mọi người phải tranh thủ sơ tán ngay vì chúng sắp trở lại. Ai không thể rời Hà Nội thì phải tìm hầm trú bom và linh động tổ chức chống máy bay giặc. Nhà Vị dứt khoát là không thể rời Hà Nội, từ nãy bà Vạn vừa gánh thúng gạo vừa luôn miệng mếu máo lo cho con trai lớn công tác ở cơ quan chưa về. *Giời ơi! Sao khổ thế này! Anh nhớn chúng mày biết việc gì không mà chưa về? Tản cư mấy bận rồi mà không hết giặc, rồi lại như hồi bốn nhăm đi chửa được ba ngày là chúng nó vào hôi của, tao đã bảo hồi năm tư mà Thầy chúng mày không nghe, đến nổi này...* Bà Vạn cứ nói lảm nhảm với quang thúng rịp ràng trên lưng áo thô đã đẫm mồ hôi. Những người cùng đoàn không ai để ý đến bà, họ đều hớt hải với ý nghĩ phải rời cho xa chỗ bom rớt. Vị dắt thằng Tuệ như chạy, như kéo, nàng cũng biết là từ đây đến chiều cái nhà ở phố Bạch Mai thế nào cũng có đứa vào hôi của, nhưng cái cảm giác sống lúc bom nổ khiếp hãi đến độ không ai dám ở lại. Tiếng nổ hãy còn váng lùng bùng trong đầu Vị. Từ nhóm đi đầu đột nhiên có tiếng la vọng rất lớn:

"Các ông các bà sơ tán đâu đây? Bỏ nhà cửa à?"

Đoàn người như khựng lại, cũng mấy khuôn mặt quen thuộc gặp nhau thường nhật ở cửa hàng mậu dịch, tiệm bách hóa, nhưng lúc này nhìn nhau lạ lẫm như trông thấy thần chết."

"Lên bệnh viện Bạch Mai, hầm ở đấy chắc lắm!"

"Đúng rồi! Chúng không dám bỏ bom chỗ ấy đâu!"

Đoàn người lại rùng rùng kéo nhau đi. Hai câu trả lời vừa rồi thỏa mãn tâm lý chung của tất cả. Khi gặp nạn con người nghĩ ngay đến nhà thương và từ bệnh viện xuống phố Bạch Mai chỉ cách một quảng ngắn có thể đi về trông nom nhà cửa. Người ta từ mấy con ngõ Văn Chĩ, Trại Găng kéo ra một lúc một đông, gia đình bà Vạn bị lôi cuốn theo đoàn người xuống phố Đại La, ngã tư Vọng để qua khu bệnh viện.

Từ trước cổng, Vị đã trông thấy một đám người tụ tập bâu kín lấy lối vào. Người áo bộ đội, kẻ tay nải gồng gánh quang thúng, chiếu mền, xe võng lẫn lộn nhập cái hình thể hỗn độn vô trật tự. Tiếng khóc thét của mấy đứa trẻ, tiếng gọi nhau ơi ới, và cả tiếng la tru tréo của mấy mụ đàn bà đanh đá giành nhau lối vào làm thành cái nền âm thanh huyên náo tất bật. Gia đình bà Vạn với đoàn người từ phố Bạch Mai kéo lên chỉ làm tăng thêm diện tích của cái khối lập thể không ngừng chửi bới.

"Vẽ chuyện! Đi trú bom mà phải có giấy giới thiệu của cơ quan à?"

Một giọng bực bõ vang lên, người chủ của cái giọng nói chừng tức giận thái lắm. Một giọng khác trả lời, cũng chẳng ôn tồn gì.

"Thì địa phương nào quản lý địa phương ấy, cơ quan nào trách nhiệm cơ quan đó. Ở đây chúng tôi chỉ giải quyết những trường hợp lô-gích! Anh công tác ở đâu?"

"Bưu điện Hàng Đậu!"

"Thì về đấy mà xin giấy! Đây là bệnh viện, anh có đau ốm không mà vào nằm?"

Vị không nghe được hết cuộc cãi vã, thêm một đoàn nữa từ phố Minh Khai nhập vào chen lấn để lên phía cổng. Tiếng ồn ào như cái lò lợn, một chị đàn bà bị lấn ngã, chum cà pháo trong thúng đổ lan ra đất xông lên một mùi thum thủm. Vị trông thấy chị đàn bà ngoác mồm ra chửi, nhưng cái giọng chửi the thé tắt lịm ngay vào một thứ âm thanh khác. Tiếng còi hụ trỗi vọng lên, lanh lảnh. Mọi người cùng im bặt, hằng trăm cái đầu ngước nhìn lên trời rồi đột nhiên bùng kéo

chạy. Họ không chạy tứ tán mà dồn lấn cả về phía cổng. Thằng Tuệ bỗng đời người dẫy dụa trong tay Vị ăn vạ. Nó sợ quá nhất định đòi nàng bế. Vị tát cho nó mấy bạt tai rồi kéo lôi đi, người ở sau cứ đẩy nàng tới trước. Vị cố tìm bà Vạn mà không thấy, cái Hạnh đã chen được vào bên trong. Còi hụ báo động một lúc một lớn, đinh tai nhức óc như có ý hối thúc người ta. Tiếng còi chạy trên nóc bệnh viện, băng băng, phần phật ở cột cờ rồi rơi ào vào đám đông chạy thẳng vào đầu từng người. Lúc tiếng "bằm" "bằm" của súng cao xạ từ bên quận Đống Đa nổ vang trời thì Vị hoàn toàn sống trở lại cái cảm giác kinh hoàng buổi sáng. Vị đẩy tới, xô người này, hất người kia, giật lôi, chửi mắng, đay nghiến thằng Tuệ. Vị chửi cả những người giành lấn không cho Vị bước tới. Cái ý chí muốn được sống, được trú ẩn quẫy mạnh trong đầu Vị đến nỗi bị hất ngã, té vập đầu vào tường mà nàng không thấy đau, còn tiếp tục rủa xả. Vị lồm cồm bò dậy, réo gọi thằng Tuệ làm như nó là thủ phạm của sự xáo trộn từ hồi sáng. Vị lại bị lấn ngã, lần này nàng ngã xuống một nền đá hoa. Lúc đó Vị mới biết mình đã lọt được vào bên trong dẫy nhà đẻ của bệnh viện Bạch Mai.

Những quả bom tiếp đến, rơi xuống làm rung chuyển, chấn động thủ đô Hà Nội. Dưới cái trần nặng nề xây cất từ thời Tây, nồng nặc mùi người lẫn mùi cồn, mùi bông thuốc, gia đình bà Vạn mới ban sáng hãy còn đông đủ, đang chuẩn bị bữa trưa, bây giờ thất tán vào đám đông âu lo chết cứng vì sợ hãi. Cả khối sợ hãi đó cũng tan mất vào nền âm thanh ầm ầm tiếng nổ.

*

* *

"Tắt đèn đi! Muốn chết à!"

"Đây kiếm cái túi dết!"

"Tắt ngay! Chúng nó bay qua giời trông thấy thì khốn!"

"Hẳn bỏ bom đâu?"

"Tắt ngay! Kêu Công An bắt nó đi!"

Bốn năm tiếng quát cùng trỗi lên, ánh đèn bấm đang di di trên đất đành phụt tắt. Im lặng một chốc rồi cái giọng đèn bấm Nghệ-Tĩnh mới dám cất lên:

"Ai thấy cái túi dết đâu không?"

Câu hỏi lạc lõng trong bóng tối. Từng chập ánh pha của trung đoàn Phòng Vệ Thủ Đô chiếu lên, lục lọi đến tận chân trời. Khoảng chân trời sâu hút, vạch chéo từng đường pha quét ngang dọc, lâu lâu lại lạc vào tòa nhà soi sáng trăm đôi mắt mở lớn. Mấy trăm cặp mắt lấp đầy khoảng trống màu đen không đèn đuốc của khu tầng trệt bệnh viện. Hầm dưới nêm người đến tràn lan, lây lất ra tận thềm ngoài. Đã hai ngày đêm Thăng Long sống cái cảnh trên bom dưới lửa, chưa có khi nào máy bay Mỹ đánh phá ác liệt như lúc này. Mà có ai thấy máy bay đâu, chỉ thấy bom như trút. Mấy anh cao xạ bảo là B-52 bay cao lắm.

Gia đình bà Vạn sau cái hôm thất lạc đầu tiên, lại kiếm ra nhau, bây giờ nằm co ở lối ra vào. Bốn người chiếm một chỗ con chưa đầy hai manh chiếu. Bà Vạn ôm lấy thằng Tuệ, cứ chốc chốc day trở nghĩ đến đứa lớn bặt tin từ hôm kia. Cái Hạnh đeo lấy sống áo Vị, cả hai thấp thỏm giữa những mẩu chuyện xì xầm không ngớt xào xáo trong bóng tối. Mấy mươi tổ dân phố nằm san sát nhau, chuyện riêng tư kín đáo đến mấy cũng thành chuyện tập thể.

"Trần bệnh viện có chắc không?"

"Chắc chứ! Tây xây thì phải tốt!"

"Nghe nói cầu Long Biên sập rồi!"

"Chuyện! Ban sáng em vợ mình vừa tải xe thồ qua, sập vào đâu!"

"Không phải cầu Long Biên, cầu Hàm Rồng đấy!"

"Ai bảo thế?"

"Em giai cô Ninh công tác ở đài Giảng Võ bảo mình."

"Ninh nào?"

"Cô Ninh phục vụ ở cửa hàng ăn uống phố Tây Sơn, bên cạnh bể bơi ấy mà!"

"Phải con bé mắt lá răm, ai vào cũng nguýt?"

"Này! tôi cấm cậu phê bình cô Ninh nhé!"

Mẩu chuyện bất ngờ đứt đoạn vì tiếng còi hụ. Tiếng còi hụ như tiếng tù và chụp túm bắt lấy từng người. Tức thì cái đám đông hỗn độn vụt nhốn nháo, người nằm dán xuống đất ôm lấy đầu, kẻ cứng đờ như tượng. Trăm con mắt hướng ra cửa sổ. Một chuỗi tiếng động mạnh bay bổng từ mặt đất lên, như có một vật thật nặng đang lao vút đi. Chuỗi âm thanh ran rát tiếp liên bằng một đường lửa dài tua tủa như một ngôi sao chổi. Cả ô vuông cửa đỏ lóe lên vì cái đuôi sao chổi xòe ra lia tia nghìn bông lửa nhỏ. Cả dẫy nhà trệt bất động dõi theo cái đuôi lửa ấy, cho đến lúc nó biến mất khỏi cái khung vuông vức cứng nhắc đang giam nhốt mọi người. Tiếng "hụ" "hụ" "hùn" "hụt" của con sao chổi vừa bắn đi cũng nhỏ dần còn lại có thứ âm thanh chiu chíu.

"Đoàn 92 Tên Lửa đấy!"

Trong im lặng, một giọng hồ hởi, sôi nổi phát biểu quên cả tình trạng báo động đang căng.

"Sao cậu biết?"

Vẫn cái giọng ngờ vực của mẩu chuyện ban nảy.

"Các anh Tên Lửa ngày nào mà chả ghé bán xăng cho mình. Họ đóng ở quận Ba Đình chứ đâu xa."

"Thế cậu buôn chui à?"

"Mình...!"

Mẩu đối thoại lại đột ngột chìm lấp vào một thứ tiếng động ù ù, như có cả vạn con châu chấu bay rần rần trên nóc. Tiếng động đến gần, ầm ĩ, gầm rú át cả tiếng cao xạ đang bắn lên từ tứ phía. Qua chấn song sắt của ô cửa sổ, Vị trông thấy cả một khoảng chân trời đột nhiên đỏ hực lên trước khi

Tiễn đưa

đá xa rồi dó thưa em
con sông bến nước lụa mềm trăng xưa
anh đi lỗi hẹn mấy mùa
mà loang ngọn gió đò đưa xa gần
hỏi lòng còn chút phân vân
sao em giết nỗi phù vân trong đời
đi về giấu hết đơn côi
thôi em biên giới không lời tiễn đưa.

HUỲNH LIỄU NGẠN

tối sầm lại, rồi lại bùng cháy đỏ lòe cả một góc. Vị thấy rõ ngọn lửa bốc tỏa bén vào cái chân trời đang bốc cháy. Ngọn lửa nhảy múa như gã thần chết đang liên hoan liếm từ từ từng mảnh chân trời cứ ngắn dần đi. Bữa cỗ của thần chết có bom nổ làm nhạc đệm. Bữa tiệc chấm dứt khi mảng chân trời cuối cùng bị thiêu rụi và khói đen nghìn nghịt bốc lên khỏa lấp tất cả. Trận bom buổi tối đã xong, nhường chỗ cho những bàn cải tranh luận của đám người may mắn. Người nói bom trúng Ô Cầu Giấy, kẻ đoán ở khu công nghiệp Thượng Đình và một giọng mỉa mai:

"Hụt rồi!"

"Gì hụt?"

"Tên lửa bắn hụt!"

*

* *

Mười ngón tay cái Hạnh bấu vào sống áo Vị từ khi có báo động vẫn chưa thả ra mặc dầu nó đã ngủ thiếp. Những mẩu chuyện vặt của đám trú bom đã lơi. Trời sắp sáng. Vị suốt đêm nằm không nhắm mắt. Nàng nhớ lại hành động kéo áo chùm đầu của mình sáng đầu tiên Hà Nội bị ném bom. Vị cũng nhớ cử chỉ hung dữ bất thường của mình khi chửi mắng, đánh đập thằng Tuệ. Vị nhớ nàng đã cãi bướng bà Vạn không chịu về xem nhà còn hay sập. Vị nhớ tất cả. Nhớ đã chanh chua gây sự khi người ta gọi mấy chị nữ đi dân công khu vực. Nhớ đã giành ăn với cái Hạnh và mắng bà Vạn như tát nước vì đã chia thức ăn cho các anh bộ đội phòng vệ trốn nghĩa vụ vào trú ở đây. Vị nhớ cả chị đàn bà đương ở cử, làm băng trong lúc đánh bom. Hai chân chị ả dẫy tê tê trên vũng máu tanh. Mới có ba bửa... Vị lục lọi trí nhớ xem còn chuyện gì nữa và khám phá ra nàng không hề nghĩ đến Kiên -- người mà nàng định đứng ra cùng tổ chức vào năm tới. Kiên ở trong đoàn Bảo Vệ Sông Hồng, biết còn hay mất? Vị cũng chẳng nhớ đến anh trai mất tích đã ba hôm. Vị thấy nàng ích kỷ và già đắng. Những ngày đêm của Hà Nội hôm nay rồi có đi vào lịch sử dưới bất cứ cái tên nào - *Những ngày chống B-52 oanh liệt* - hay - *những ngày chống đế quốc vẻ vang* - đối với Vị vẫn là những ngày đêm khiếp hãi nhất của đời nàng.

Vị nhìn qua khe cửa khép hờ, mong cho trời chóng sáng để tìm lại khoảng chân trời của nàng bị cháy rụi hồi tối. Buổi sáng là những chân trời mới, là hy vọng. Vị nhìn đăm đăm qua cái khe hở dẫn ra đường. Nhưng đến khi trời ửng sáng, Vị cũng chỉ trông thấy được có mỗi một bức tường im ắng, trên lớp da cũ xù xì, một hàng chữ kẻ vội vàng nguệch ngoạc khẩu hiệu, *Hà Nội ta đánh Mỹ giỏi.*

TRẦN VŨ
11/1989

TRẦN SA

Thở với Thơ

thương tặng chị Thơ

Thơ ôi vầng trăng
Đá bị lấp che bởi những tòa buynh dinh
cao ngất
Thơ ôi lá trời, ôi biển khơi
Đá bị át mất
Trong tiếng nhạc thời trang rậm rật

Nhưng này lá này trăng này biển muôn đời
Đừng buồn dấy nhé
Xin cứ sáng và xin cứ hát

Nhớ mốt mai
Đời sống không còn trăng
Không còn lá
Không còn biển cả
Thì tất cả con người sẽ biến thành
máy móc và tượng đá
Tôi sẽ cô độc biết bao
Tôi chẳng biết sống thế nào
Có lẽ tôi sẽ chết

Này lá này trăng này biển muôn đời
Xin cứ sáng và xin cứ hát
Nhe Biển
Nhe Lá
Nhe Trăng

Điềm mộng

Tặng Ông Thần

Đêm nằm mơ
Ta thấy hai tay mình bưng chiếc đầu của mình
ra khỏi thân thể
Đầu ta trực diện trái tim ta, nói:
- Vợ ngươi là bằng hữu ngươi đó

Đêm nằm mơ
Ta thấy hai tay mình bưng chiếc đầu của mình
ra khỏi thân thể
Đầu ta trực diện trái tim ta, nói:
- Bạn bè ngươi là anh em ngươi đó

Đêm nằm mơ
Ta thấy hai tay mình bưng chiếc đầu của mình
ra khỏi thân thể
Đầu ta trực diện trái tim ta, nói:
- Đồng bào ngươi là cật ruột ngươi đó

Đêm nằm mơ
Ta thấy hai tay mình gắn lại chiếc đầu của mình
liền lạc với thân thể
Cả con người ta đồng thanh nói:
- Sáng mai, lúc mặt trời lên, đó là
lúc ngươi Trở Về. Vợ ngươi bên tay trái,
bạn bè ngươi bên tay phải, đồng bào thì
ở trước mặt ngươi. Hãy Trở Về, với
một lòng bao la Nhân Ái.

Hiện thực

Nếu lệ chỉ là những giọt nước có vị mặn
rơi xuống từ hai hốc mắt
Nếu tiếng cười chỉ là những âm thanh
chua chát, cay độc, và khả ố
Nếu tình yêu chỉ là sự gạt gẫm, dối trá
là trò dùa vô nghĩa
Nếu con người dối với nhau
chỉ bằng con những con số
những tính toán hơn thua
thù hận và giận dữ
Nếu tiếng động được chú ý nhất
là tiếng gậy dập vào thùng rỗng
tiếng vỡ
và tiếng nổ
...

Nếu tất cả những gì kể trên
đều được gọi là Hiện-Thực
Nếu Hiện-Thực ấy phủ lấp, bao trùm Nghệ-thuật
Thì than ơi,
Nghệ-thuật trở thành
Điều vô cùng đáng sợ

TRÂN SA
2-90

NGUYỄN ĐÌNH THI TIẾNG RÊN CUỐI CÙNG CỦA CON NAI ĐEN

XUÂN VŨ

Hoa Kỳ đầu Xuân Canh Ngọ

Anh Nguyễn Đình Thi thân mến,

Kể từ sau ly rượu uống cạn với anh Tuân ở Bodega một cái Tết nào tôi và thằng Sáng vượt Trường Sơn, đến nay đã gần 30 năm. Tôi có viết cho anh Tuân một lá thư, nhưng sau đó thì được biết anh Tuân đã không còn nữa. Thiệt là buồn. Mỗi lần đi qua cửa hàng rượu tôi lại nhớ anh Tuân. Rượu ngon nhiều quá mà... rồi tôi rưng rưng ngoảnh mặt.

Bây giờ, sau khi đọc bài báo con con của anh, ngồi viết thư cho anh, tôi lại thấy lại anh Tuân trong bộ âu phục đen hôm tang lễ anh Tưởng, và nghe lại giọng anh đọc điếu văn trước huyệt mộ anh Tưởng: "Tưởng ơi! Nhớ ngày nào..." mà tôi không cầm nổi nước mắt.

Thế là "Ba ông T." của Hà thành hoa lệ và văn vật nay chỉ còn lại có một ông T. Mà ông T. ấy nay cũng đã 70 rồi. Hà thành giờ đây quạnh quẽ biết bao.

Anh Thi thân mến, tôi không biết phải viết gì. Gặp thì không được mà viết thì không hết. Thôi thì đành viết được bao nhiêu hay bấy nhiêu.

Cuộc đời của tôi nhiều biệt ly quá. Mà cuộc biệt ly với Hà Nội là dài nhất, dài như quyển tiểu thuyết *Vỡ Bờ* của anh vậy. *Bờ* rung chuyển hồi nào, nào ai biết được mà bây giờ nó mới *vỡ* ra tràn trề, lai láng, tung tóe, ngập lụt cuốn phăng như vó ngựa của năm Canh Ngọ này. Đó là tình cảm của tôi khi cầm bút viết cho anh.

Đứng ở cuối thế kỷ hai mươi và đầu năm Canh Ngọ, xin gởi đến anh một câu bình thường: "Chúc anh sức khỏe" Đáng lẽ phải chúc anh mạnh khỏe và vui vẻ, nhưng tôi biết anh nay đã ngót 70 rồi, và hiện đang không mạnh khỏe. Còn vui vẻ? Chắc chắn anh không vui vẻ một tí nào. Tại sao tôi biết anh không vui vẻ?

Là vì nhà văn Nguyễn Đình Thi để lộ rõ sự buồn não, ê chề, gượng gạo và tôi hầu như nghe được cả tiếng thở dài của nhà văn từ trang báo Nhân Dân mà tôi đang có trước mặt tôi đây. Anh phải buồn não, thở dài mới được, anh Thi ạ.

Là vì một cái hội gồm những người cầm bút gạo cội của Miền Bắc, rồi sau 75 của toàn quốc, do anh làm tổng thư ký, ít ra là 35 năm, bây giờ nó ra thân hồn như thế này đây. Nát bét về tư duy, thiếu dân chủ trầm trọng về tổ chức một cái hội mà Hồ Ngọc đã cho là "*Có cũng như không. Không ai thèm chú ý đến sự hiện hữu của nó, một cái hội mà hội viên không có quyền quyết định gì hết, sự quyết định là ở đâu trên ấy!*"

Dưới sự lãnh đạo của anh -- chứ còn của ai nữa -- nhà văn buồn lắm, nhà văn không viết được, nhà văn kêu trời nhưng không thấu, nhà văn bị dọa treo bút, nhà văn in bài xong trên báo Văn Nghệ phải bỏ xứ đi biệt tăm, nhà văn lấy nhuận bút xong chỉ đủ thết bữa bún riêu cho bạn bè, nhà văn bị cách chức tổng biên tập, nhà văn bị đi tù cải tạo, nhà văn bị xe hơi đụng chết...

Anh phải buồn não và thở dài mới được. Không thở dài mà yên ổn lương tâm được ư? Nhưng dù có thở dài bao nhiêu phát đi nữa thì cái hội nhà văn nó cũng cứ như thế mà thôi. Không thể nào khác được.

Nhà văn! Đó là người hay ngợm? Đó là ma quỉ hay thần thánh? Mà đảng sợ dữ vậy anh Thi? Đảng truy kỳ cùng và nhất định phải niềng cho được cái kim cô vào đầu họ, phải cầm tay họ viết, phải nắm tim họ rung lắc, phải suy nghĩ dùm họ bằng được thì đảng mới yên tâm!

Văn Chương! Đó là cái thá gì? Đó là bùa mê thuốc lú hay cánh tiên cánh hạc gì mà đảng sợ dữ vậy. Đảng phải kiểm duyệt bằng kính hiển vi, phải đóng cửa nhà xuất bản và cắt giấy, đảng phải bắt dân đọc báo Nhân Dân mà thôi, phải đọc tạp chí Cộng sản thay tiểu thuyết, phải thiêu hủy sách đế quốc tư bản.

Tôi từng là hội viên nhà văn của anh mười năm, không viết được nên bỏ đi. Đi không được đành ở lại. Đến khi đi được về Nam, viết được nhiều, và rồi cũng bỏ đi. Tôi không bao giờ ngưng viết, viết như một thứ bản năng sinh tồn, như nhà nông cuốc cày, trâu bò ăn rơm, cỏ. Tôi thấy văn chương

là thứ trò chơi, ai làm mà chẳng được, cho nên tôi vẫn không hiểu tại sao đảng sợ nhà văn và văn chương đến dữ vậy? Có lẽ đảng cho văn chương là vũ khí lợi hại gì gì đó nên đảng sợ nó chớ gì? Nhưng mà đảng có đến ba bốn trăm nhà văn, đa số là đảng viên, nghĩa là họ nằm dưới quyền của đảng lãnh đạo, sao đảng còn sợ? Nhà văn là kẻ sản xuất văn chương. Mà nhà văn là người của đảng (đảng viên) hoặc đứng trong tổ chức do đảng lãnh đạo (Hội Nhà Văn) thì sao đảng vẫn sợ họ? Hãy dùng vũ khí của nhà văn mà chọi với kẻ thù, tại sao đảng lại không *dùng* mà lại *sợ* cái vũ khí của nhà văn?

Anh thử đọc mấy câu thơ, văn này xem, có gì ghê gớm đâu. Y như những câu lấy từ miệng người dân thường. Anh dư biết những câu này là của ai mà!

... "*Đổi mới hay giả đò đổi mới?*" (một câu hỏi minh bạch)

.. "*Đất nước phì nhiêu, sao lắm ăn mày?*" (một câu hỏi khác)

... "*Cùng là đồng chí, kẻ uống bia, người uống thuốc xịt rầy*" (một hiện trạng xã hội)

... "Máu nhiễm trùng còn thay được nữa không? (một hiện tượng khoa học)

Đó là những câu không nhằm ám chỉ ai, nhưng sao đảng không vui mà đảng chạnh lòng? Hoặc như:

... "*Đảng ơi là đảng, chính phủ ơi là chính phủ!* (một tiếng kêu cứu)

... "*Một cái đầu suy nghĩ cho mọi cái đầu...*" (một sự suy nghĩ)

Mấy câu trên hỏi nhiều chữ. Hãy lấy một vài chữ để dễ soi thấu:

"*Đại hội loài chim*" (bị nghi ngờ là ám chỉ đại hội đảng)

"*Cội phượng già cô độc* (bị nghi ngờ là ám chỉ cụ Hồ.)

"... *triều đình khí dân* (bị qui nói xéo đảng là triều đình!)

Viết đến đây tôi sực nhớ đến cái chữ "Người" (viết hoa và không hoa) của Trần Dần Chỉ có một chữ thôi mà cả ban Chấp Hành Hội Văn Học Nghệ Thuật mới ở chiến khu, theo chân Bác Đảng về Thủ Đô, đã mất hai đêm liền để cải vả, xỉ vả, phân tích, và quyết định gọi Trần Dần là tên phản động.

Chữ với chả nghĩa! Gớm ghê thay!

Người với chả... ngợm! Hãi hùng thay!

Anh thử kiểm điểm xem, anh thuộc loại nhà văn nào?

Tôi xin xếp hạng anh, được hôn? Nói đùa vậy thôi chớ việc đó Ban *Tuyên Ngơ Huấn Ngáo* của "*Tố Hữu*" làm cả rồi. Nhưng tôi cũng xin góp một ý kiến thử xem. Anh không thuộc loại nhà văn bị đảng ghét mà cũng không nằm trong số "nhà văn" được đảng yêu. Với "*Con Nai Đen*" và "*Nguyễn Trãi Ở Đông Quan,*" Nguyễn Đình Thi, chứ nếu một nhà văn nào khác, ắt phải rụng "hai cái đầu" một lúc. Nhưng vì Nguyễn Đình Thi là Nguyễn Đình Thi cho nên vẫn còn là Tổng thư ký hội Nhà Văn như thường. Trường Chinh kêu anh lên "chỉnh và dọa" hai lần. Đảng không thể yêu Nguyễn Đình Thi tác giả *Con Nai Đen* và *Nguyễn Trãi Ở Đông Quan* nữa, nhưng đảng không làm gì Nguyễn Đình Thi. Vì nếu mất Nguyễn Đình Thi, đảng mất vô số kể, không thể tính ra được, chỉ có thể dự liệu là nó trùm phủ toàn bộ văn học nghệ thuật miền Bắc lúc bấy giờ. Bởi vì ai cũng biết, Nguyễn Đình Thi là nhà văn, là nhà thơ, là nhạc sĩ, nhà soạn kịch, nhà triết học và là nhà hùng biện. Tiếng nói của Nguyễn Đình Thi là tiếng nói của một nghệ sĩ, dù nó luôn luôn là cái loa của đảng, nhưng nó gần với nghệ sĩ hơn là tiếng nói của ông trưởng ban Tuyên huấn kiêm nhà thơ Tố Hữu.

Không phải đảng không có cái búa đủ bén trong tay để đốn ngã Nguyễn Đình Thi, nhưng đảng biết một khi Nguyễn Đình Thi ngã rồi thì chẳng có ai thay cái loa đó được. Cho nên đảng đành ngậm hai quả bồ hòn "*Con Nai Đen*" và *Nguyễn Trãi Ở Đông Quan*" làm ngọt đó thôi. Thực sự thì đảng đau điếng người, phải không anh Thi?

Đảng rất ghét anh nhưng đảng làm bộ yêu anh. Làm bộ yêu anh để xài cái khả năng của anh trong sự chinh phục văn nghệ sĩ Hà Nội. Đảng phải đóng kịch với anh suốt 35 năm. Kể cũng hơi dài cho một vỡ kịch.

Còn anh, đối với đảng thì sao? Ai cũng nghĩ rằng anh có tin đảng lúc đầu tức là trong chín năm kháng chiến ở Việt Bắc, nhưng sau khi về Hà Nội ít lâu thì niềm tin ấy lụn dần. Bằng chứng là sự ra đời của *Con Nai Đen* trong Văn Học. Nếu đảng chậm tay chút nữa thì con nai sẽ lên sân khấu Nhà Hát lớn và lên luôn cả sân khấu cải lương Nam Bộ và còn vọt đi xa không biết tới đâu.

Khi sách in ra, tôi có thấy bìa do anh Văn Cao vẽ. Trong một lần nhậu ở trước rạp Kim Chung nhà đạo diễn Thanh Nha nói với tôi rằng anh sắp chuyển vỡ kịch sang cải lương. Anh bảo nội dung có tính cách thần thoại nên "dzô" cải lương dữ lắm!

Lúc đó tôi bận "hoạt động bí mật để tìm đường về Sàigòn" nên không đọc sách báo gì cả. Nghe thằng Sáng (tức là Nguyễn Quang Sáng vừa đắc cử Phó Tổng thư ký Hội nhà Văn kỳ rồi tháng Mười, 1989) nói trong sách có hai câu thơ hay mà hình như có vấn đề sao đó không rõ. Tôi không biết hai câu đó là hai câu gì nên cũng không hỏi tại sao có vấn đề. Kế đó lại thấy sách bị thu hồi và công chúng Hà Nội sửa soạn đi mua vé xem kịch lại thất vọng vì chẳng hiểu tại sao Con Nai bị cắt cổ ngang.

Cả Hà Nội đồn rùm là Nguyễn Đình Thi lụi đảng bằng chà gạc nai... đen. Ở Hà Nội có danh từ "3T"

tức là Tuân, (Nguyễn Tuân) Tưởng (Nguyễn Huy Tưởng) và Thi (Nguyễn Đình Thi). Đó là ba nghệ sĩ lừng danh và cũng là ba trụ cột của đảng dùng để chống đỡ mái nhà Văn học Nghệ thuật. Ba ông T đều là nhà văn cả.

Nguyễn Tuân đã lên tiếng chống đảng từ trước Nhân Văn Giai Phẩm với tuyển tập dịch truyện ngắn Sê-Khốp. Trong tập này có những truyện -- tuy của Sê Khốp mà y như chửi thẳng vào mặt "chế độ ta!" Đó là một ông T.

Đến ông T thứ hai là Nguyễn Huy Tưởng, nhà soạn kịch, kiêm tiểu thuyết gia số một thời bấy giờ. Anh Tưởng viết vở kịch *Vũ Như Tô* đăng trên báo Nhân Văn và còn cả gan đi chơi với Hoàng Cầm. Vở kịch có nội dung chỉ trích đảng "*lúc cần thì đem ra xài, khi thành công, vứt bỏ.*" Đó là hai ông T.

Còn ông T. thứ ba là Nguyễn Đình Thi, ông cuối cùng. Ông T. này là nòng cốt cùng với Hoài Thanh trong vụ đấu Nhân Văn Giai Phẩm (NVGP). Nhưng bây giờ chính ông lại tung *Con Nai Đen* ra với dụng ý chống đảng. Thế là cả ba trụ cột chống đỡ mái nhà văn học nghệ thuật đều... trở cờ như thế đó. Thì đảng lấy gì chống đỡ cái mái nhà ấy vốn đã dột nát sau trận "*mưa sa trên màu cờ đỏ*" bây giờ?

Lúc đó tôi cũng có nghe chính ông Trường Chinh, người đã kết nạp anh và anh Tưởng vào đảng và giao cho phụ trách hội Văn Hóa Cứu quốc -- gọi lên và trực tiếp răn dạy gì đó.. Chuyện thâm cung bí sử ai mà nghe rõ được, chỉ nghe đồn thôi, nhưng kết quả cuối cùng là *Con Nai Đen* đã bị thui hoặc làm chả.

Bẵng đi vài chục năm... Có lẽ không ai còn nhớ tới bữa chả lụa làm bằng thịt con nai đen nữa, thì lại nổ đùng ra... một vụ khác cũng do ông T thứ ba trong ba ông T.

"*Năm 1980 nhân dịp kỹ niệm 600 năm ngày sinh Nguyễn Trải, Nguyễn Đình Thi viết vở kịch "Nguyễn Trãi Ở Đông Quan.*" Kịch bản, một mặt đưa sang nhà xuất bản văn học để in, một mặt giao cho đạo diễn Nguyễn Đình Nghi, con trai trưởng của Thế Lữ, dàn dựng trên sân khấu. Nội dung vở kịch, mượn khung cảnh thời thuộc Minh, để, như giới văn nghệ sĩ Việt Nam bình luận, ám chỉ vào những tệ nạn xã hội hiện tại, sự tham quyền cố vị của một số lãnh đạo già nua hiện tại. Tại Hà Nội lúc này xuất hiện câu thơ: (một loại ca dao truyền miệng như ba ông "T." XV.)

Nguyễn Đình Thi với Nguyễn Đình Nghi
Mượn lời Nguyễn Trãi nói gì hôm nay? (1)

Phát hiện ra hậu ý của Nguyễn Đình Thi, đích thân Trường Chinh đã ký chỉ thị cấm diễn vở kịch trên. Kịch bản được nhà xuất bản Văn Học giao xuống nhà in, bị thu hồi.

Thế là *Con Nai Đen* bị làm chả lụa còn *Nguyễn Trãi* thì chết chém lần thứ hai. Cả hai lần đều oan ức, đau xót vô cùng, không rõ triều đình kết mình tội gì? Khi quân là cái chắc!

Thế nhưng Nguyễn Đình Thi, kẻ đã thổi ra "hai luồng hắc khí" đó thì lại chẳng hề hấn mảy may. Và vẫn là Tổng thư ký Hội Nhà Văn như thường. Đáng lẽ phải đi đầu thai với *Con Nai Đen*, đáng lẽ phải bị xiềng, như mộ *Nguyễn Trãi* bị xiềng, nhưng nhà văn Nguyễn Đình Thi vẫn cứ là "con cưng" của đảng -- ít nhất là *ở bề nổi*. Tuy rằng đảng vẫn xem Nguyễn Đình Thi là con cưng, nhưng vấn đề được đặt ra ở đây là Nguyễn Đình Thi có chịu làm con cưng của đảng hay không? Nên nhớ Nguyễn Đình Thi là nhà soạn kịch. Nguyễn Đình Thi dễ gì không đóng kịch trong lúc ông *thừa biết* đảng đóng kịch với mình. Kịch thì kịch. Sợ gì! Cho nên nếu người ngoài trông thấy Nguyễn Đình Thi phổ biến chỉ thị nghị quyết của Ban Tuyên huấn của Tố Hữu một cách trôi chảy mà nghĩ rằng ông tin tưởng ở đảng là lầm. Còn cho rằng ông phục Tố Hữu thì lại càng lầm to. Nguyễn Đình Thi không ngán Tố Hữu một tí nào. So tài năng, học lực, kiến thức chung và kiến thức về chủ nghĩa Mác, Nguyễn Đình Thi chẳng kém tí nào, hơn thì có. Thua chăng là thua cái sự "ủ tờ" và thua bài thơ khóc Xít ta lin. Nhưng Nguyễn Đình Thi khôn ngoan hơn Xuân Diệu và Chế Lan Viên. Nguyễn Đình Thi chỉ ngấm ngầm nuôi giữ những ý nghĩ riêng trong lòng để có dịp thì xùy ra mà xùy bằng tác phẩm. Bằng tác phẩm thì có hậu thuẫn của người đọc sách, của người xem kịch, còn như đi nói chuyện láp dáp như hai ông thi sĩ kia thì chẳng khác bà bóng làm tình.

Do đó hai lần chống đảng đều bị đảng bắt quả tang -- thu hồi tác phẩm -- mà tác giả vẫn đường đường một đấng... Tổng thư ký ngự trị Hội Nhà Văn suốt từ Việt Bắc (1947) tới Hà Nội (1989)

Mới vừa rồi trong đại hội nhà văn (10-89) tại Hà Nội, chức tổng thư ký của hội này mới được giao cho người khác -- một "nhà văn bà bóng" (Đây là danh từ hồi xưa của người trong giới tặng cho ông ấy chứ chẳng phải tôi sáng tác nổi đâu)

Nhân đây tôi cũng xin hỏi anh: Theo kết quả bầu cử trong đại hội kỳ rồi thì thằng Sáng được bầu với số thăm *cao nhất* (213 thăm) ông ta chỉ được có 187 thăm. Và theo nguyên tắc của đại hội, thì chức vụ sẽ được xếp theo sự tín nhiệm trên lá phiếu, nghĩa là ai được nhiều thăm nhất sẽ là tổng thư ký của Hội nhà văn, thì tại sao thằng Sáng là Phó tổng thư ký chứ?

Tôi còn thấy bản tin (trên báo Hà Nội) nói là "có sự sắp xếp sau cùng."? Sự sắp xếp đó là do bàn tay nào? Giống y như việc đưa ông Võ Hồng Cương cục phó cục Tuyên huấn Quân đội ra làm Tổng Thư Ký, đưa một nhà thơ không có thơ vô làm Phó Tổng thơ ký của hội Liên hiệp Văn học nghệ thuật hồi nẫm vậy. Nghệ sĩ bất mãn nhưng biết tính đảng:"*làm không ai dám chống, nói không cho cải lại*" nên êm ru luôn cho nó khỏe cái thân.

Anh Thi thân mến,

Tôi nói ba lăng nhăng không có thứ lớp gì hết, khi thì nói với anh, khi lại như là nói với ai, với tôi. Nhưng dù dưới hình thức nào những dòng chữ này cũng mang sự suy nghĩ và tình cảm của tôi đối với anh.

Khi tôi thấy anh đắc cử nhiều lần vào chức Tổng thư ký, tôi đều tự hỏi để rồi không trả lời. "Cũng ông ấy thôi! Nếu không ông ấy thì ai?"

Còn lần này tôi thấy anh không đắc cử, hoặc vì anh không ứng cử hay vì lẽ gì khác tôi không rõ, -- thì tôi lại cũng tự hỏi: Tại sao Nguyễn Đình Thi không làm Tổng thư ký nữa? Và tôi bới óc tìm câu trả lời:

"Tại vì anh hết muốn làm Tổng thư ký một cái hội có xác không hồn."

"Tại vì ở trên thánh thượng sợ bị *Con Nai Đen* lại xuất hiện thành *Con Nai Đỏ* trong tình thế mới ngày nay nên không xài anh nữa."

"Tại vì nhà văn không bầu anh. Họ đã nhận ra anh không làm gì cho họ, hoặc có làm mà không được gì."

Nhưng dù lý do gì đi nữa thì tôi cũng rất mừng cho anh. Anh đã thoát khỏi bao nhiêu là dây nhợ lòng thòng, để viết. Viết gì? Ai biết đâu anh?

Có lẽ anh đã đọc các tác phẩm hiện thời bị nhà nước kết án rất thơ mộng với những danh từ hoa mỹ "xuyên tạc chủ nghĩa Xã hội," "tiếp tay đế quốc," "bôi nhọ Đảng" v.v... Theo tôi còn một, hoặc nhiều tác phẩm nặng ký hơn các tác phẩm đó cơ. Quần chúng còn kỳ vọng ở những tác phẩm đó cơ. Đó là tác phẩm của Nguyễn Đình Thi. Tôi nghĩ chắc chắn anh sẽ có một hoặc nhiều tác phẩm sau khi phủi bỏ chức Tổng thư ký rớm, rữa sạch son phấn của sân khấu giả tạo lâu nay, để trở lại sống với con người của chính anh.

Sung sướng thay cho cái loa Nguyễn Đình Thi trở lại làm Nguyễn Đình Thi. Anh hãy viết ra những điều anh suy nghĩ về cuộc sống anh đã sống từ kháng chiến đến hoà bình, từ hoà bình đến "Giải phóng Miền Nam," từ giải phóng 75 đến 90.

Con Nai Đen phải kêu lên tiếng của loài nó, dù là một tiếng rên nhỏ đến đâu và dù là tiếng rên cuối cùng. Và *Nguyễn Trãi* cũng phải được tự đọc văn tế cho mình, một người chết oan và bị xiềng mã chỉ vì sự suy xét kém thông minh của một người nào đó.

Anh Thi ạ,

Howard Fast ly khai đảng Cộng Sản khi đã ngoài sáu mươi. Picasso cũng trả thẻ đảng vào lúc ngoại bát tuần. Sau mấy chục năm ở trong đảng, hai danh nhân này mới hiểu đảng. Tuy hơi chậm nhưng hãy còn sớm hơn chán vạn người. Giờ đây cái chân tướng của lý tưởng Cộng Sản lộ rõ hơn bao giờ hết và nhân loại mới té ngửa ra kêu trời: "Cộng Sản chính là thế đấy!" Vậy mà! v.v...

Anh đã nhìn ra bộ mặt thực của nó rồi, không phải ngày nay hoặc hôm qua mà mấy chục năm trước, một cái bộ mặt đen như lông cọn nai của anh vậy. Anh phải viết ra những ý nghĩ thực của anh. Một người nào đó vừa nhắc lại lời nói của Nguyễn Văn Linh (cho có vẻ đảng tính để ngụy trang tinh thần chống đảng của mình) rằng: "*Nhà văn trong bất cứ trường hợp nào cũng không được bẻ cong ngòi bút của mình!*" Hay lắm, đúng lắm! Nhưng xem kỹ lại từ xưa tới nay đâu có nhà văn nào tự bẻ cong ngòi bút của mình đâu! Đảng bẻ cong ngòi bút của nhà văn thì có. Chẳng những bẻ cong mà còn treo cả bút cơ đấy!

Tôi có đọc bài tường thuật về sự cách chức Nguyên Ngọc. Bài phát biểu của anh đối với Nguyên Ngọc rất gay gắt. Bài "đáp từ" của Nguyên Ngọc trả lại anh cũng không kém quyết liệt. Nguyên Ngọc là một trong ba người được bầu phiếu cao nhất ở đại hội kỳ rồi. Các ông cách chức Nguyên Ngọc nghĩ sao về hiện tượng lạ lùng này? Tôi không rõ nhưng qua hiện tượng này tôi rút được một kết luận: Cái đảng không thích là cái nhân dân thích, và ngược lại. Nguyên Ngọc, Xuân Cang (báo Lao Động) vừa bị dảng đá văng nhưng nhân dân đỡ hai ông đứng dậy và đặt lên ghế cao một cách trân trọng. Tôi biết những người này là ai mà! Sau cơn đau vô lý, họ đã hồi sinh và càng quả cảm hơn trước. Để rồi coi.

Anh Thi,

Năm nay anh đã ngót bảy mươi rồi, anh không còn nhiều thì giờ để viết nữa đâu. Anh sẽ mang theo với anh xuống mồ những ý nghĩ về chế độ độc hại này ư? Anh phải viết ra. Chắc lâu nay -- tôi đoán thế thôi chớ không chắc lắm đâu -- anh đọc *Tướng Hồi Hưu, Cái Đêm Hôm Ấy Đêm Gì, Những Thiên Đường Mù v.v...* mà cười thầm. "Hay lắm! Nhưng ăn thua gì dâu! Còn nhiều cái ghê khiếp hơn nhiều! Nhân vật của tiểu thuyết "*VỠ BỜ MỚI*" của anh không phải chỉ là một ông tướng mà là Chủ tịch đảng, Tổng bí thư, vợ lớn, vợ bé tổng bí thư, ủy viên bộ chính trị, trưởng ban Tuyên huấn Trung ương v.v... Nhân vật phụ của nó không phải chỉ là Lão Gạch mà là những tên giám đốc, những bà Bí thư đảng ủy cơ!

Nguyễn Đình Thi, tiểu thuyết gia nào đã viết gì! Không phải vì không có sự sống mà là vì có một cái Bờ nào đó bên ngoài cuộc sống hoặc bên trong lòng mình. Hãy phá cái BỜ ấy VỠ đi. Hãy "*Xung Kích*"! (2) Hãy... hãy và hãy!

Anh Thi thân mến,

Tôi biết có một cuộc ly dị ly kỳ vừa xảy ra ở Hà Nội, đâu gần Ga Hàng Cỏ cạnh nhà anh Tuân. Hai ông bà đều đã ngoài bảy mươi. Sau khi ly dị được tám ngày đức lão lang quân từ trần. Tiếc quá. Nhưng, dù sao lão cũng được sống một cuộc sống hạnh phúc: vứt bỏ cái nợ đời đeo trên lưng ngót năm mươi năm, bốn mươi năm hay chỉ đeo nó một ngày. Tại sao ông bà không ly dị sớm hơn? Ông không nhìn thấy gì ở bà hoặc bà không nhìn thấy

gì ở ông trước đó à? Ai biết được. Nhưng dù muộn vẫn cứ tốt.

Tôi cũng có biết một nhà văn ôm một người đàn bà cũng suốt bốn mươi năm, có sanh con đẻ cái nhưng kỳ thực thì ông ta không yêu một tí nào. Bụng ông ta luôn luôn nghĩ tới một người đàn bà Pháp, Đức, Tàu hay gì khác nữa từ hồi còn trẻ và vì lý do gì đó hai đàng yêu nhau mà không lấy dược nhau. Tuy không lấy được nhau mà vẫn hằng mơ tưởng nhau.

Bây giờ nhà văn đã bỏ hẳn người đàn bà ấy rồi. Tại sao? Tại vì lâu nay ông ta ngỡ mình ôm một nàng tiên trong tay, chẳng ngờ nhìn kỹ lại, dưới ánh sáng mặt trời, thì đi chỉ là một con mụ chằng tinh mồm có nanh, môi đỏ là vì dính máu chứ không phải thoa son. Còn nữ trang đeo trên người mụ ta toàn là xích xiềng và xương đầu lâu.

Cuộc sống đồng sàn dị mộng nào rồi cũng đi đến chia tay -- như cuộc chia tay của nhà văn với người đàn bà nọ. Anh biết ông nhà văn đó mà, anh Thi! Ông ta rất gần anh, rất thân với anh như hình với bóng.

Ngày nay ông ấy đã sống với một người đàn bà khác, công khai và hợp pháp. Họ đã là vợ chồng, mặc dù ở tuổi bảy mươi họ vẫn có hạnh phúc. "Hạnh Phúc là một vấn đề tương đối" Như anh Tuân nói ở đâu đó, lâu rồi, lâu lắm rồi, tôi vẫn còn nhớ.

Anh hãy dùng thì giờ còn lại của anh để viết tiểu thuyết cho dân tộc, viết như chính anh nghĩ chứ đừng viết những ý nghĩ của Bộ Chính trị. Ý nghĩ của các Bộ này thì ai cũng biết cả từ khi họ chưa nói ra cơ, thì anh không phải phí bút giấy cho nó nữa.

Nhân dân chờ ở anh, không phải một con nai mà là một con voi, một con cọp. Chờ ở anh một Vỡ Bờ Mới, một đội Xung Kích mới, đội Xung Kích này hẳn là sẽ được anh vũ trang bằng vũ khí mới nhặt từ đống xác của vợ chồng Ceaucescu và đám mật vụ Roumanie, không phải Xung kích xoàng thời chống Pháp.

Nhân dân, độc giả, nhà văn chờ đợi ở anh Một Bác Sĩ Zhivago, một quần đảo Gulags, một cái gì đó của Việt Nam cũng là của thế giới.

Tài năng anh có thừa. Chẳng lẽ tôi lại nói như thế này để làm mất lòng những nhà văn khác ở Hà Nội hay sao? Nói rằng: *nếu tiểu thuyết gia kiêm triết gia Nguyễn Đình Thi mà viết ra đúng quyển tiểu thuyết của chính lòng ông về chế độ mà ông ta gia công bồi đắp và sống nửa thế kỷ thì không phải chỉ Tướng Hồi Hưu hoặc Thiên Đường Mù mà là lắm Tướng Hồi Hưu và nhiều Thiên Đường Mù.*

Tôi biết cái chức vụ Tổng thư ký của anh đeo trên cổ như gông trong mấy chục năm trời không làm anh sung sướng bằng một cái hôn khẽ của giai nhân mới tặng cho anh mà. Giờ đây anh được lột bỏ nó hay chính anh chạy trốn nó, thì đó cũng đều là hạnh phúc lớn cho anh cả.

Anh hãy viết đi, cho người Việt Nam đọc, cho thế giới đọc. Anh còn ngần ngại gì kia chứ? Nhà triết học Mác Xít Trần Văn Giàu đã viết ra thành chữ lời nói của ông ta rồi: "... *Sự lạc hậu tồi tệ của đất nước ta ngày nay là do sự kìm hãm của đảng!*"... Anh còn muốn biện hộ cho đảng bằng bài báo con con mà anh viết trong 15 phút, đăng trên báo Nhân Dân kia ư? Đó là anh muốn lừa dối độc giả và tự lừa dối mình thôi. Nhưng độc giả, vốn đã bị lừa nhiều rồi, không dễ gì một bài báo như thế lừa họ nữa được đâu. Còn riêng anh thì chắc chắn là anh cũng không thể lừa dối anh.

Vì sao? Vì, minh họa bằng hình tượng và âm thanh nổi cho lời của triết gia Trần Văn Giàu đã có bức tranh toàn cảnh của Đông Âu và tiếng búa đập vỡ bức tường Ô Nhục Bá Linh, đã có tiếng hò reo đòi độc lập và ly khai của các nước Cộng Hòa nằm trong Liên Bang Xô Viết Lithuanie, Lestonie, Latvia, Azerbaidzan, Armenia v.v... Anh Giàu nói câu này như một lời tiên tri vậy. Có lẽ cũng như anh Giàu, anh đã linh cảm trước cuộc VỠ BỜ ở Việt Nam. Có lý gì anh lại không nghe tiếng sóng VỠ BỜ ở Danube xanh? Sóng! Không có gì ngăn nổi NÓ. Tường Bê tông Cốt Sắt Bá Linh còn phải đổ nữa là đê đất Sông Hồng!

Những trang tiểu thuyết hùng vĩ, huy hoàng nhất của thế kỷ này không phải do cách mạng tháng Mười, tháng Mười Một gì đó mở ra đâu mà chính là do nhân dân các nước Đông Âu và nhiều nước Cộng Hoà trong Liên Bang Xô Viết đang viết nên đó, những trang sách rộng như Trời Đất và những dòng chữ cuộn lên như Sóng lưỡi búa.

Anh hãy viết đi. Nếu phải bỏ hết để viết lại trang đầu, anh cũng nên bỏ. Anh hãy trải lòng anh -- chính lòng anh -- lên mặt giấy. Đừng ấp ủ nó mãi để rồi nó sẽ biến chứng thành bệnh tật trong người.

Tuổi bảy mươi không phải là tuổi bắt đầu. Cái tuổi mà cụ Phan Khôi than thở

"*Tiếc đời gần chạng vạng.*
Nắng được thì cứ nắng."

Nắng chạng vạng theo như nhạc sĩ Phạm Duy cảm hứng thì còn đẹp hơn cả nắng bình minh, nắng trưa, vì nó xúc tích trong lòng cả Bình Minh và Trưa.

Hay anh chờ khi anh đã nhắm mắt, kéo hộc tủ ra thấy bốn trăm bài thơ như anh Xuân Diệu?

Anh Thi thân mến,

Khi khởi đầu lá thư này tôi định chỉ nêu lên một vài "ý nghĩ của tôi về ý nghĩ trước đại hội nhà văn" của anh, nhưng khi viết thì tình cảm kéo xa tôi khỏi đề. Vậy bây giờ trở lại.

Như tôi đã viết ở trên kia, những ý nghĩ đó của anh rất gượng gạo, bộc lộ sự xáo trộn đến *rối loạn* trong hàng ngũ những người cầm bút ở nước ta. Nhưng anh viết lên sự rối loạn đó như một... "SỰ BĂN KHOĂN TÌM KIẾM VỀ HƯỚNG ĐI CỦA VĂN HỌC, MỘT Sự TRANH LUẬN DẦN BÌNH TĨNH LẠI" v.v...

Anh cố bao che giấu giếm sự thực, nhưng sự thực đó là VOI, còn bày tay phù thủy của anh chỉ là THÚNG.

Sự bao che này xuất phát từ sự bao che chính trị. Anh viết về tình hình đổ tan của chủ nghĩa Cộng Sản ở Đông Âu như sau:

"... *Cùng với tình hình trên, thời gian gần đây một số sự việc chính trị xã hội diễn biến ở một vài nước xã hội chủ nghĩa làm cho các nhà văn ta suy nghĩ rất nhiều về vấn đề dân chủ như thế nào, cuộc sống đổi mới nên như thế nào...*" Chỉ trích dẫn một câu ngắn thôi cũng thấy dụng ý bao che của anh, dù dụng ý đó xuất phát từ Ban Tuyên Huấn của Trung ương thì cũng do bàn tay của anh thực hành.

Tôi lấy làm ngạc nhiên khi đọc câu này. Nó chẳng diễn tả đúng sự thực. Một anh nhà báo hạng bét của cái Hội Nhà báo Yêu nước gì đó của thằng Thanh Nho cũng không viết một câu tệ hại, phản động như thế nữa là anh, một nhà văn lão thành. Tôi trách anh không *trung* mà lại *hèn* như Nguyễn Minh Châu tự trách, nhưng rồi tôi sực nhớ ra: Anh ở trong một nhà tù nên không biết gì hết. Nếu có biết thì biết theo kiểu báo NGU DÂN của thằng Hồng Hà. Do đó mà anh mới viết một câu như trên. Bây giờ xin phép chép lại một câu của một nhà báo Việt Nam ở hải ngoại, cũng nói về tình hình Đông Âu:

"*Sự tan rã của chủ nghĩa Mác Xít đã đến nhanh và bất ngờ không ai có thể tưởng tượng được. Ba Lan, Đông Đức, Tiệp Khắc, Hungari, Bungari, Roumanie đã tự động đứng lên làm cách mạng để giành lại tự do. Ở các nước trên, cờ Cộng Sản đã bị vứt bỏ, tên nước xã hội chủ nghĩa cũ đã được thay thế bằng tên mới Cộng Hòa Tiệp Khắc, Cộng Hòa Hungari v.v.. Sự bất ổn đang hiện diện ở các nước Cộng Hòa trong Liên Bang Xô Viết như Lithuanie, Lestonie, Latvia, Azerbaidzan, Armenie...*" *v.v... chỉ còn lại cô gái út Albanie, nhưng nước này cũng đang rục rịch nổi dậy lật đổ thần tượng Ăng ve Hốt Xa. Trong lúc đó thì Nam Tư, một nước đã ly khai với Liên Xô từ 45 năm qua, đảng Cộng Sản đang chia ra làm ba đảng và dân tộc này đang trên bờ hố nội chiến như giữa Azerbaidzan và Arménie của Liên Xô...*"

Như thế đó anh Thi ạ, không phải "*một số sự việc chính trị xã hội diễn biến*" nhẹ nhàng như anh tưởng (nhầm) hoặc biết (sai) đâu. Sự thực là chủ nghĩa Mác đang đổ từ gốc, chứ không phải rơi rụng dăm ba hoa lá cành.

Nhìn rõ sự sụp đổ tận gốc đó, tôi muốn nói về "*sự suy nghĩ của các nhà văn ta*" hơn. Nhà văn ta suy nghĩ gì? Anh biết rõ hơn tôi mà. Nhưng tại anh không dám nói ra đó thôi. Chẳng lẽ tôi lại đi nói dùm anh hay sao?

Một nền văn học cung đình. Một nền văn học để vui lòng cấp trên, bợ cấp trên (Trần Văn Giàu) một nền văn học hiền khô không có khía cạnh (Chế Lan Viên) một nền văn học không ngồi được, vừa nhạt lại vừa nhẽo (Nguyễn Tuân), một nền văn học... giữa chợ không ai thèm ngó (Đoàn Giỏi), một nền văn học như con bòi đ. rồi (Nguyên Hồng), một nền văn học phải gió (Nguyễn Công Hoan), một nền văn học quả sim (Tố Hữu)

Tôi nêu rõ tên những tác giả những câu nói trên để anh nhớ nếu anh có nghe, để anh biết, nếu anh chưa biết. Những câu này đã được viết thành chữ in lên báo hoặc nói lên ở đâu đó, tôi không quên và cũng không hề thêm bớt, nếu có phải thêm thì đó là vì tôi nhớ không hết thôi chứ không phải là tôi cường điệu. Bằng chứng là bây giờ trên cái NỀN cũ đó không có văn học nữa, nếu có thì đó chỉ là VĂN HỌC CUNG ĐÌNH. Anh là nhà văn kiêm nhà lý luận văn học nữa, sao anh không đánh giá được cái nền văn học chính anh là một trong vài ba người lãnh đạo? Ngược lại, anh còn nói ngược lại, nói chung chung, nói nước đôi, nói lập lờ, nói loanh quanh, để cho những ai không biết sự thực về sự suy tư, uất hận của các nhà văn xã hội chủ nghĩa Việt Nam như thế nào, sẽ có thể nghĩ rằng: "ở đó không có vấn đề gì ngoài SỰ BĂN KHOĂN TÌM KIẾM VỀ HƯỚNG ĐI CỦA VĂN HỌC.. DƯỚI SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG C.S." (!!)

Sở dĩ tôi nói anh định lừa độc giả và đồng nghiệp của anh là vì tôi có đọc hằng trăm lời phát biểu cực kỳ phẫn nộ của các nhà văn, hoặc đăng trên báo, hoặc nói thẳng với ông Linh ở hội nghị Cởi Mở tại Hà Nội.

"*Văn học ta nghèo đến thế hay sao các đồng chí?*" (Nguyễn Văn Linh)

"*Vâng, thưa đồng chí tổng bí thư, văn học ta nghèo nàn và lạc hậu cũng như đất nước ta vậy!*" (Hồ Ngọc, nhà phê bình văn học)

Hai năm trước đây, tôi đọc câu này tôi khóc ròng. Bây giờ ngồi viết cho anh, đến đây tôi cũng không cầm được lệ. Ông Hồ Ngọc, một nhà phê bình chắc còn trẻ lắm, bởi vì hồi tôi còn ở Hà Nội thì tên ông chưa có trên báo nào cả. Thế mà ông có nhiều bài phê bình -- cả phê bình văn học tiền chiến -- chính xác lắm. Câu nói trên đây có lẽ không phải là câu đùa hay câu nói ẩu, phải không anh? Đó là một sự tổng kết tuyệt vời về kinh tế, chính trị, xã hội và văn học: "nghèo nàn và lạc hậu." trong bốn chữ. Chưa bao giờ bằng ấy chữ làm tôi xúc động can tràng như hôm nay. Anh có mặt ở hội nghị đó không anh Thi? Nếu có sao anh không nói gì. Chẳng lẽ anh không có gì để nói? Anh biết còn sâu và nhiều hơn Hồ Ngọc mà. Anh biết sâu và nhiều hơn về xã hội chủ nghĩa hơn nhiều nhà văn mà. Tại sao anh im lặng? Hay anh vắng mặt? Tại sao anh vắng mặt? Để rồi sau đó, họp ban chấp hành gay gắt chỉ trích Nguyên Ngọc làm sai chủ trương đảng?

XUÂN VŨ

(còn tiếp 1 kỳ nữa)

Nhạc sĩ Trầm Tử Thiêng đang trình bày ca khúc Từ Mùa Xuân Đông Âu tối 30 Tết Canh Ngọ tại phòng sinh hoạt nhật báo Người Việt

TRẦM TỬ THIÊNG: ÂM NHẠC VANG LÊN TU NHỮNG BIẾN CỐ CỦA ĐỜI SỐNG

NGUYỄN XUÂN HOÀNG

Con người không thể sống và tồn tại nếu tách rời khỏi đất đai, khí hậu, văn hóa và người vật ở quanh mình. Sống ở đời trước hết có nghĩa là *sống-với*. Ngay cả khi người ta tưởng như mình cô đơn nhất, riêng lẻ nhất người ta vẫn biết rằng mình đang là một sinh vật trong cộng đồng nhân loại. Nghệ sĩ là một con người như mọi người. Sự nhạy cảm của họ trước những thay đổi của thiên nhiên và thời thế có lẽ cũng không khác gì sự nhạy cảm của mọi người bình thường. Nhưng, nếu có sự khác biệt, ấy là người nghệ sĩ nói được, - bằng cách riêng của mình, qua thứ ngôn ngữ mà mình chọn lựa, bằng chữ nghĩa, hình ảnh, màu sắc, âm thanh, động tác: Thơ văn, hội họa, điện ảnh, sân khấu, âm nhạc. Đó là ngôn ngữ của nghệ thuật.

Trầm Tử Thiêng là một nhạc sĩ, một nghệ sĩ. Âm nhạc của ông gắn liền với mọi biến cố của vận mệnh dân tộc. Từ ca khúc *Chuyện Một Chiếc Cầu Đã Gãy* viết sau Tết Mậu Thân, 1968 -- bài nhạc đã đem tên tuổi ông đến gần với người, với đời sống, trong bầu không khí của một đất nước đang bị thử thách trước một cuộc chiến không lối thoát -- qua đến *Từ Mùa Xuân Đông Âu*, sáng tác mới nhất của ông tại Hoa Kỳ vào đầu năm 1990, Trầm Tử Thiêng cho thấy ông luôn luôn là một nghệ sĩ nhạy cảm trước *thời tiết chính trị*.

Cứ nhìn qua danh mục những ca khúc của ông kể từ *Chuyện Một Chiếc Cầu Đã Gãy* đến nay ta sẽ thấy Trầm Tử Thiêng đã thở cái hơi thở nóng hổi của đời sống như thế nào.

Trong không khí của một khát vọng hòa bình kề cận về với đất nước, Phạm Duy viết *Ngày Sẽ Đến* và Trầm Tử Thiêng cho ta nghe *Hòa Bình ơi! Việt Nam ơi! Làng Hòa Bình Giả Tưởng, Hát Hội Hòa Bình*... Mười năm sau khi Cộng sản chiếm Sàigòn, Trầm Tử Thiêng vẫn tiếp tục sống và vẫn sáng tác. Các ca khúc đầy chất thời sự của ông lại ra đời, không những không yếu đi mà còn phong phú gấp bội. Ta hãy nghe *Du Ca Trên Thành Phố Đỏ, Hành Ca Trên Nông Trường Oan Nghiệt, Dứt Bão Bắt Đầu Nước Mắt*... Rồi *Trại Tị Nạn GaLang, Chiều Trên Đảo Trầm Tư, Gởi Galang, Cho Người Ở Lại*... viết khi ở đảo Galang và sau cùng với *Mười Năm Yêu Em, Đêm Nhớ Về Sàigòn, Bên Này Biển, Nói Với Hồng Kông, Thà Chết Nơi Nàng, Hãy Tin*... Trầm Tử Thiêng viết nhạc như người đứng dưới một bầu trời đêm, ngước mắt lên cao thở cùng thiên nhiên, chia sẻ cái lạnh lẽo của thời tiết và con người, và quê hương, và dân tộc.

Âm nhạc Trầm Tử Thiêng là tiếng nói của đời sống, nghệ thuật của đời sống. **(NXH)**

Từ Mùa Xuân Đông Âu

• Trần Tử Thiêng
Cali, tháng 1-90.

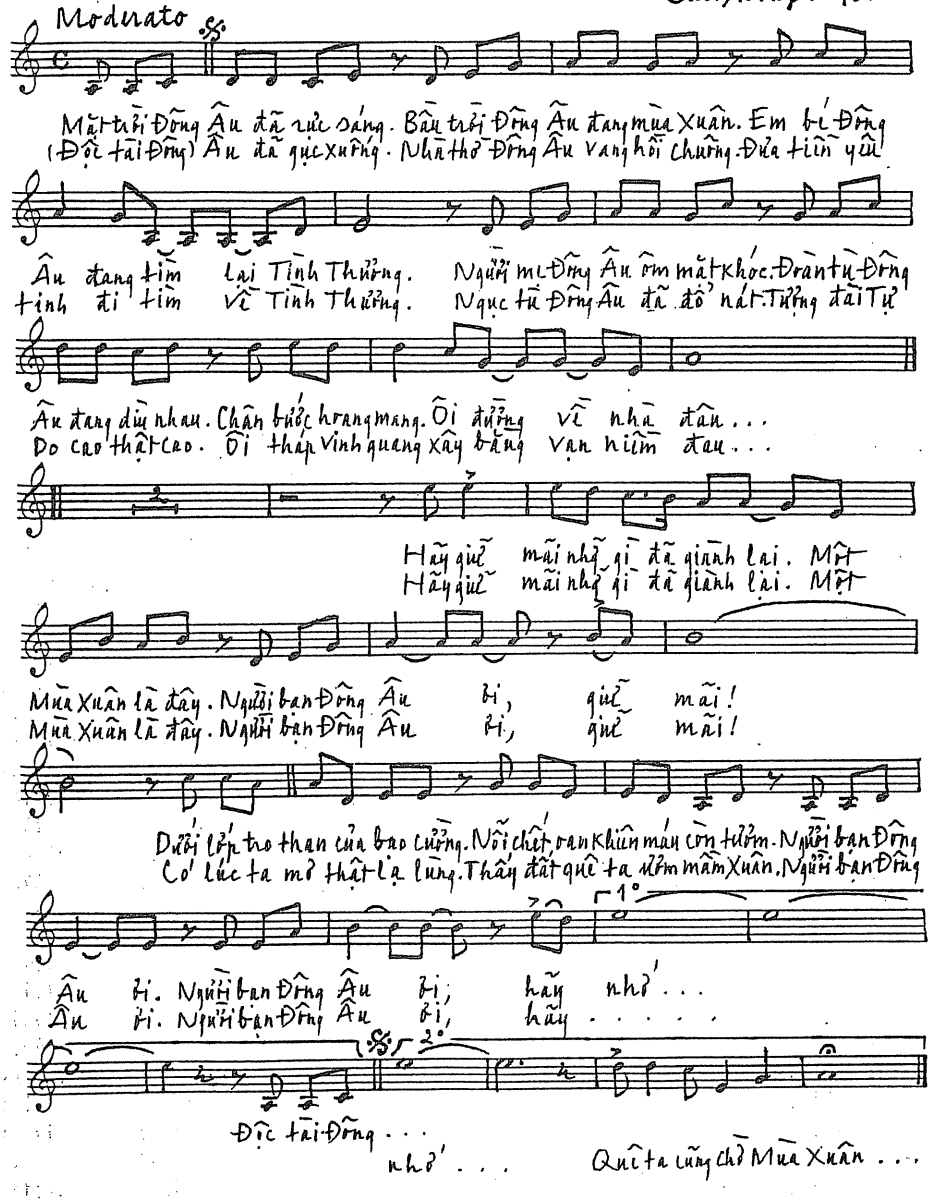

NHỮNG CÂU HỎI TRONG THƠ Ở VIỆT NAM (1987-1989)

NGÔ CHÂU VĂN

1

Văn nghệ là một thứ ông thần nhốt trong bình như truyện *Ngàn Lẻ Một Đêm* kể. Mở nút bình, ông thần vọt ra ngoài. Muốn nhốt vô lại rất khó.

Đảng Cộng Sản Việt Nam đã có kinh nghiệm đó một lần hồi 1955-56. Khi đó, họ không cẩn thận, theo gót phong trào Bách Hoa Tranh Khai của Mao Trạch Đông. Không ngờ, nhiều người văn nghệ ở Bắc Việt tưởng chuyện đứng đắn, muốn làm Trăm Hoa Đua Nở thật. Đảng phải sử dụng mười thành công lực ra trấn áp. Cắt thẻ thực phẩm của ông cụ già Phan Khôi; lưu đầy bọn trẻ Trần Dần, Lê Đạt, Phùng Quán; bao vây Văn Cao, Hoàng Cầm...Rồi đội ngũ gia nô được lệnh tổng phản kích, chửi bới, vu cáo, dọa nạt. Ông thần lại bị nhốt vô lọ. Ngậm một nỗi căm hờn trong lọ kín suốt 30 năm.

Năm 1987 đảng lại bất cẩn một lần nữa. Lần này là do lệnh của đồng chí Goóc Ba Chóp. Chữ *glasnost* được dịch là Cởi Mở, Công Khai. Những người thuộc thế hệ 1956 còn sống như Trần Dần, Phùng Quán, Văn Cao, v.v... nín thinh, không dám tưởng bở. Nhưng một thế hệ văn nghệ mới lại nghĩ là chuyện thật. Và họ công khai đặt những câu hỏi. Những câu hỏi rất lớn, rất dõng dạc, rất phẫn nộ. Tình thế năm 1988, 89 không còn như ba chục năm trước. Dân đói quá, ai cũng biết. Hai triệu người Việt ở hải ngoại họ nhìn, cả thế giới họ nhìn. Các đồng chí Liên Xô đang cố lột xác thật, họ cũng nhìn. Và dân trong nước cũng không còn dễ bảo như trước, không còn sợ như trước. Con ngoáo ộp "Đế Quốc Mỹ" năm 1956 còn mang ra đe dọa nhà văn, bây giờ biến đi rồi. Nội bộ đảng cũng không còn thống nhất, không còn trên bảo dưới nghe, ăn đều chia sòng như cũ.

Cho nên phản ứng của đảng kỳ này cũng không có mạch lạc, không dám hung dữ như 30 năm trước. Đầu tiên họ cách chức Nguyên Ngọc, tổng biên tập báo *Văn Nghệ*, vì mấy lý do rất lẩm cẩm. Họ nêu chuyện *Năm Ngày* của Phạm Thị Hoài (trong đó đàn ông đàn bà có ngủ với nhau) và *Phẩm Tiết* của Nguyễn Huy Thiệp (trong đó có vua Quang Trung được tả như một người có đủ thất tình lục dục, ngài cũng mê gái, lúc cáu cũng văng tục như ai, và khi chết thì cứ tiếc là chưa được ngủ với một cô nghệ nhân). Cắt một đầu, ông thần văn nghệ nó mọc những đầu khác. Trong vòng một năm trời, đảng lần lượt cắt những cái đầu còn ngọ ngoạy. Báo *Lao Động* cũng bị đổi Tổng Biên Tập cho dễ bảo hơn. Hai tờ báo xưa nay rất công chức, rất vô hại là *Tổ Quốc*, *Độc Lập* nay rập rình toan tham dự phong trào cởi mở, đảng cho sập tiệm luôn. Các báo *Lang Bian* (ở Đà Lạt), Hậu Giang, Ấp Bắc (ở miền Nam) đều thấy tổng biên tập của mình bị mất chức, riêng anh ở Đà Lạt còn bị chính thức khai trừ ra khỏi đảng Cộng Sản (mất nhiều quyền lợi thực tế.) Tiếp đến là Huế, Sàigòn, hai nơi cố thủ của bọn văn nghệ muốn đổi mới thật. Tổng biên tập *Sàigòn Giải Phóng* bị thay thế! Báo *Sông Hương*, nơi còn chứa chấp Phạm Thị Hoài, Nguyễn Huy Thiệp bị đóng cửa luôn. Trong mấy tháng hè 1989, một loạt đầu bị chém. Phải gọi là một mùa hè đỏ lửa; lửa phần thư đốt ngay tư tưởng chớm nở trong đầu người, chưa kịp viết ra sách.

Cái ông thần văn nghệ chui ra khỏi lọ đã làm gì đến nỗi đảng phải ra tay chặt hết đầu nọ đến đầu kia như vậy?

Lý do chính là Văn Nghệ **dám đặt những câu hỏi** mà trước giờ không ai dám nêu ra, dù rằng chính mấy người đang đặt câu hỏi cũng chỉ mới e ấp rụt rè, rào trước đón sau, thưa thốt nhẹ nhàng, và vẫn luôn luôn kiêng kỵ mấy "*ta bu*" không thể đụng tới. Mấy ta bu chưa ai dám đụng tới chẳng hạn: Chủ nghĩa Cộng Sản phải vứt đi chưa? Hồ Chí Minh có

tội thế nào? Cuộc xâm lăng miền Nam 1960-1975 làm hại dân tộc biết bao nhiêu? Ba điều đó chưa ai dám hỏi tới. Nhưng nhiều câu hỏi khác đã được đặt ra. Và bọn ở trung ương đảng biết rằng nếu những câu hỏi như vậy cứ tiếp tục được nêu lên thì cuối cùng thế nào ba câu hỏi chót cũng phải bật ra. Khi đó thì cứu vãn không nổi nữa. Các huyền thoại mà đảng mất công xây dựng 60 năm qua sẽ sụp đổ. Vì quyền lợi thiết thực, đảng phải chặt ngay. Đó là lý do tất cả các báo *Văn Nghệ, Sông Hương, Tuổi Trẻ, Ấp Bắc... cho đến Sàigòn Giải Phóng* đã được "uốn nắn."

2

Chúng ta sẽ nhìn qua coi những câu hỏi nào đã được nêu lên, chúng ta hãy nghe một thi sĩ không nổi tiếng lắm:

Người bạn đường hỏi tôi
Anh đi bằng chân anh hay bằng chân người khác?
...
Người công nhân hỏi tôi
Thủ phạm phải chăng là sự nghèo nàn?

Người làm vườn hỏi tôi
Do sâu đục hay do giống xấu?
...
Tôi bàng hoàng tỉnh dậy vã mồ hôi
Bao câu hỏi nhảy múa quanh tôi như hồn ma bóng quỉ.

(Mộng Dữ, của Trinh Đường, *Tuổi Trẻ Chủ Nhật*, Sàigòn, 26-2-89)

Cái giống văn nghệ là giống ưa đặt câu hỏi. Nó lại đặt giúp câu hỏi cho người khác, người hàng xóm, người công nhân, người làm vườn... Những câu hỏi hiện ra trong cơn mộng dữ của người có lương tâm. "Ta đi bằng chân mình hay đi bằng chân người khác?" Cứ tiếp tục hỏi như vậy thì cả nước sẽ tỉnh dậy, bàng hoàng, vã mồ hôi. Và cuối cùng thì triều đình quan lại ở Hà Nội cũng phải bàng hoàng, vã mồ hôi.

Những câu hỏi của Trinh Đường rất tổng quát và còn mơ hồ. Chưa đụng đến xương thịt của cảnh nghèo đói, cảnh áp bức, vật chất lẫn tinh thần. Sự dao động đã nẩy mầm, nhưng chưa bật nổ. Hình như chính người viết còn chưa ý thức rõ hình thù của cơn dao động. Hoặc có biết mà chưa dám nói hết chăng?

Một nhà thơ khác, có nói tới thật tế *(báo cáo anh gần tới ngày xuân -- bà con năm nay vui lắm... -- thật ra thì thất bát liên miên -- thật ra thì giá cả đảo điên -- dầu lửa còn không đủ thắp)* nhưng cũng đặt các câu hỏi ở một bình diện trừu tượng và tổng quát:

Giữa đau đớn ai là nhân chứng?
Giữa nhân dân ai biết nhận ra mình?
Giữa cuộc đời ai thắp sáng niềm tin?
Giữa hư thực ai nói điều chân lý?

(Nếu sự thật là điều không nghe nổi, của Lê Chí, *Văn Nghệ*, 16-4-88)

Bài thơ trên được viết ở Sàigòn và Matxcơva. Thực tế ở Sàigòn là những đợt đổi tiền làm nhân dân điên đảo chới với. Thực tế ở Matxcơva là Goọc Ba Chóp đang bắt đầu Glasnost. Nhưng Lê Chí cũng chỉ đặt những câu hỏi tổng quát, nhẹ nhàng, không dám đụng tới ai. Nhất là không ai dám đụng tới ông phó thủ tướng đặc trách kinh tế đổi tiền, từng làm nên sự nghiệp nhờ ca tụng Stalin, tên đồ tể chính dân Nga đang chửi. Dù sao, thi sĩ cũng đưa ra các đề nghị, là xin được nói và được nghe sự thật.

Có một điều vô cùng giản dị
tưởng ai cũng có thể làm
là nói thật mọi điều cùng đất nước nhân dân

Tiếp theo, đặt một câu hỏi về quyền tự do được nói lên sự thật -- mầm mống "phản loạn" trong một chế độ độc tài chuyên chế:

Nếu sự thật là điều không nghe nổi
thì
giữa cuộc đời ai thắp sáng niềm tin.
(Lê Chí, bài trên)

Bài thơ không kết thúc bằng dấu hỏi, mà bằng một dấu chấm. Người viết chưa thoát khỏi các sáo ngữ: lòng nóng bừng như lửa, bàn tay nhọc nhằn chai cứng, cuộc sống nhân dân, thắp sáng niềm tin v.v... Ngôn từ biểu lộ sự rụt rè. Vẫn khép mình trong nền văn chương mà trong nước gọi là "văn chương phải đạo" với các khẩu hiệu cũ mòn. Quả thật cách chấm câu có phản ảnh tâm trạng: bất mãn nhưng vẫn còn sợ.

Nỗi sợ hãi là một đặc điểm của người dân trong một chế độ chuyên chế, độc tài. Ở Liên Xô, ở Đông Đức, hay ở Bắc Hàn cũng vậy. Người văn nghệ rụt rè, e sợ chẳng qua cũng chỉ phản ảnh tâm trạng của người dân. Khi nào người văn nghệ dám lớn tiếng đặt câu hỏi, đó là triệu chứng dân đã hết sợ.

Sự can đảm lên tiếng không phải ai cũng sẵn có.

3

Những người đã từng khuất phục sự đè nén của đảng bắt đầu từ thế hệ các nhà văn

tiền chiến. Xuân Diệu, Nguyễn Tuân, Nguyên Hồng, Chế Lan Viên,... răm rắp vâng lệnh các lãnh tụ. Thời cải cách ruộng đất chính Xuân Diệu cũng được cho về làng làm thơ chửi địa chủ, ca ngợi chính sách của... họ Mao. Chế Lan Viên nhờ làm thơ ca tụng khéo nên được cho đi Nga, đi Pháp, còn được cho ghế dân biểu, bõ công cả đời phục vụ... Còn Nguyễn Tuân thì được mô tả trong đoạn văn này:

"Có một nhà văn đàn anh nâng chén rượu lên giữa đám đàn em: Tao còn sống, còn cầm bút được đến bây giờ là nhờ biết sợ! Nói rồi ngửa mặt lên trời cười rung giường, *nước mắt tuôn lã chã, giọt đổ xuống đất, giọt đổ vào lòng.*"

Đoạn văn trên là của Nguyễn Minh Châu, trong bài "Hãy đọc lời ai điếu cho một giai đoạn văn nghệ minh họa," *Văn Nghệ*, 5-12-1987. Nguyễn Minh Châu vốn là một nhà văn rất ngoan, sản xuất tốt, không phải con người nổi loạn. Sinh ra ở Quỳnh Lưu, Nghệ Tĩnh, năm 1930, nhưng anh ta không bị dao động về những vụ nông dân Quỳnh Lưu nổi lên chống Cộng hồi 1955. Anh ta ở trong quân đội, sáng tác theo các chỉ thị, đúng từng giai đoạn. Khi đảng bảo phải cởi trói, anh bèn tự cởi trói cho mình trước. Anh tự thú nhận: "... Nhà văn lớn tuổi và có lương tâm cầm bút rất khó khăn... Vào những năm 1983, 1984... viết ra một cái gì đưa đi in, trở về ngồi nghĩ lại, lại đâm sợ với cái vừa được làm ra... Là những nhà văn hiền lành, vô tư, chỉ biết ca ngợi, cả đời chúng ta không làm hại ai, không làm điều ác với ai. Nhưng cái lỗi lớn nhất của mỗi người chúng ta là đã khiếp hãi trước cái xấu và cái ác."

Tự nhận tội khiếp nhược cũng là có can đảm.

Trong con người nhà văn, dù loại nhà văn *hiền lành, vô tư* cũng có ông thần lương tâm đợi dịp bung ra. Sau khi Nguyễn Minh Châu gọi tên cả nền văn nghệ miền Bắc là "văn nghệ minh họa" thì có cả một phong trào muốn xóa bỏ cái nền văn chương "hiện thực xã hội chủ nghĩa" này. Có người đã bị kết tội là "phủ nhận" nền văn nghệ đó, và khóc thét lên kêu oan. Có người nói thẳng là trước khi có Nguyễn Huy Thiệp thì cả nền văn chương Xã hội Chủ nghĩa chẳng có cái gì cả!

Lớp già đã biết nhục, lớp trẻ đâu chịu hèn.

Những phê phán quá khứ có tính cách khích động. Cũng như khi ở trong nước nghe tin nền văn nghệ ở hải ngoại đang khởi sắc, có cơ trở thành dòng văn chương chính của dân tộc, Nhà văn Thế Giang, trong một lần phát biểu ở
California năm 1988, đã nói rằng văn chương ở Việt Nam không có hình ảnh con người Việt Nam, đất nước Việt Nam thật sự. Nó tả một thế giới viễn mơ, với các con người gỗ, người máy, và một mặt đất toàn những công trường, nông trường, cả chim hót, bướm bay, gió thổi cũng đều theo nghị quyết của Ban bí thư.

Một Việt kiều thân Cộng cũng phải lên án văn chương trong nước là "một nền văn chương không có quần chúng và một quần chúng không có văn chương" (Nam Chi, *Đoàn Kết*, Paris, 4-1987).

Những phê phán đó không phải không có ảnh hưởng thúc đẩy các nhà văn trẻ trong nước. Đây là một sự thách đố đối với họ.

Khi đã có những lời phản tỉnh của các đàn anh, đàn chị, như Nguyễn Minh Châu, Dương Thu Hương, thì lớp trẻ cũng bớt khiếp nhược đi. Chỉ còn một nỗi sợ là sợ đảng cướp mất nồi cơm nhà mình. Nhưng phong trào cởi trói kinh tế cũng khiến cho nhiều người có cách kiếm ăn bên ngoài biên chế! Dù có sợ đến mấy, nỗi uất ức cũng khó lòng kiềm lại. Trước khi bị đảng chặt cụt đầu, các tờ báo đã có dịp đăng những bài thơ có tiếng kêu bi thống, những câu hỏi day dứt:

Có thể xong rồi. Có thể lặng im
Nhưng nhức nhối đến tận cùng nhịp thở
Năm tháng đã qua
Chưa lúc nào run sợ
Sao năm tháng đang về day dứt thế, bạn ơi?
(Lệ Thu, *Văn Nghệ, 26-3-1988)*

Có dấu chấm hỏi sau hai tiếng "bạn ơi."

Ý thức về niềm day dứt đã là một phản tỉnh về cảnh bế tắc bày ra trước tương lai đất nước. Biết đau nhức nhối là báo hiệu sắp kêu rên.

Lúc đầu nỗi day dứt mới chỉ đưa tới thái độ tiêu cực, chán chường, chưa đưa tới các câu hỏi mạnh bạo.

Một nhà thơ đảng sanh ra là *Thanh Thảo* cũng thở giọng chán chường:

Có những lúc ra về lòng rỗng không
vì phải gặp trong cơ quan một thằng cặn bã
tôi chào đất nước tôi. Buồn quá
đất nước cùng tôi lặng lẽ trên đường
...
như ai đẩy mình bật dậy
ngỡ ngàng trông chỉ thấy xanh xanh
tôi chào đất nước tôi. Có lẽ
cỏ non vừa thúc lưng mình
(Tôi chào đất nước tôi, *Văn nghệ, 30-4-88)*

Cỏ non thúc chắc là chưa đủ mạnh đâu.

Tứ thơ viết như vậy chưa tới, nhưng nhịp điệu diễn tả được nỗi trì trệ, rã rời của một lớp trẻ mất hướng. Mất hướng rõ hơn nữa là những kẻ hàng thần, lũ con nuôi, không phải là con đẻ của đảng. Cán bộ Nguyễn Quang Sáng chuốc rượu nhiều năm, bây giờ đã ghiền

nặng, sang Pháp giữa năm 1989 trở về, Trịnh Công Sơn cảm ơn mãi vợ chồng một Việt kiều thân Cộng "thú nhất là anh chị ấy không cấm sự bốc đồng đột ngột uống rượu vang đỏ bất kỳ giờ giấc nào" (báo *Sông Hương*, số 39 tháng 8-1939 -- số cuối cùng trước khi bị đóng cửa.) Thế Nguyên, nhà văn thuộc nhóm *Trình Bày* trước 1975, sau khi vỡ mộng đã rơi vào tay ả phù dung, để rồi chết một cách vô lý, vì "nhiễm trùng uốn ván" vào giữa tháng 8-1989. Cuối thế kỷ 20, một người 47 tuổi ở giữa đô thành Sàigòn, mà còn bị sài uống ván vật chết hay sao?

Tâm trạng thất vọng chán chường của lớp văn nghệ hàng thần đó bộc lộ trong những câu hỏi của Hoàng Phủ Ngọc Phan:

Người hỏi rằng xứ Huế bây giờ
Tôi biết làm sao nói được
...
Người hỏi rằng xứ Huế bây giờ
Còn ai chờ ai trong cơn bơ vơ
Chiều Nam Giao nhớ người Bến Ngự
Thương ai một đời lỡ hẹn trong mơ

(Huế tên của nỗi nhớ, *Sông Hương*, số 38 tháng 6-7, 1989)

"Một đời lỡ hẹn trong mơ" này chắc không phải chỉ là mối duyên lỡ làng với một cô thi sĩ đảng viên rất vui vẻ trẻ trung nào đó. Phải là cuộc đời lỡ dở trước giấc mộng thiên đường mù đã tan vỡ, và cái kiếp văn nghệ hàng thần thật lơ láo, thật bơ vơ.

Không dám nói thẳng, không dám đặt câu hỏi gay gắt, cũng trên báo *Sông hương*, số 39, có bài thơ của Trịnh Hoài Giang. Bài thơ kể chuyện đi coi khỉ làm trò trong rạp xiếc. Lúc đầu có hai thằng người đi ra sân khấu, thằng béo, thằng gầy:

Anh nào cũng chỉ vào ngực
Khen mình đẹp nhất trên đời
Sân khấu bay toàn nước bọt
Trẻ con như nắc nẻ cười

Bấy giờ một con khỉ tướng
Chống cái ba toong to đùng
Thế là hai con người hoảng
Tọt vào hai cánh màn nhung

Sân khấu chỉ còn con khỉ
Trẻ con như nắc nẻ cười
Không hiểu làm sao lại thế
Tôi ngồi khóc một mình tôi
(Nghịch lý, *Sông Hương, 8-89)*

Sân khấu chỉ còn con khỉ. Nhà thơ còn tự hỏi "không hiểu làm sao lại thế." Cũng như thơ Hoàng Phủ Ngọc Phan, các câu hỏi đều không có dấu chấm hỏi. Tại sao? Đó là một tâm trạng chán chường, rời rã. Hay bạc nhược, rụt rè? Hỏi mà không dám nói là mình hỏi. Hai thằng người cãi nhau xùi bọt mép đó là ai? Có ám chỉ cuộc tranh luận giữa báo *Sông Hương* với bọn quan lại tuyên huấn trên báo *Tạp chí Cộng Sản, Văn Nghệ Quân Đội, Nhân Dân* không? Những cuộc tranh luận trống rỗng đó có khi đi đến đâu chăng? Hay là khi con khỉ Đảng to tướng xuất hiện thì các cậu sẽ im thin thít tất cả?

4

Từ những câu hỏi có tính chất ấn tượng, tổng quát, từ những câu hỏi bâng quơ, sẽ dẫn tới những câu hỏi thật, cụ thể, đập thẳng vào mặt chế độ.

Những người đã đóng vai hàng thần lơ láo thì khó có được giọng nói mạnh mẽ. Nhưng lớp người trẻ, được nuôi trong chế độ Cộng Sản từ bé, đã từng theo đảng hết lòng, lại là lớp dám mạnh miệng hơn, dám lớn tiếng, bằng sáng tác văn chương, nếu chưa phải bằng lý luận.

Thí dụ như Nguyễn Duy, sanh năm 1948 ở Thanh Hóa. Anh đã ngoan ngoãn đóng vai một nhà thơ quân đội, đã được lãnh giải thưởng thi thơ của tuần báo *Văn Nghệ* (1972-1973). Năm 1980-81 Nguyễn Duy viết bài thơ *Đánh Thức Tiềm Lực* với giọng điệu thao thức, trăn trở. Nhiều câu hỏi được đặt ra. Bài thơ này cũng phải đợi đến thời glasnost 1986 mới được in. Vì những câu hỏi như:

còn mặt đất hôm nay thì em nghĩ thế nào?
lòng đất rất giàu, mặt đất cứ nghèo sao?
...
ta ca hát quá nhiều về tiềm lực
tiềm lực còn ngủ yên
...

Em có nghĩ tôi là tay chuyên sản xuất hàng giả?
...
múa võ, bán cao trên trang viết mong manh?
tình nghĩa nhập nhằng với cái hư danh?

Lương tâm của người thơ tự hỏi về cái trò văn chương của mình chỉ là Sơn Đông mãi võ, bán hàng giả. Ý thức về nỗi nhục của lớp người bị lừa gạt hay chăng? Nhìn thực tế chung quanh là bọn lãnh đạo đã chai lỳ, hết cảm xúc, mà lại u mê tự mãn:

Tiềm lực còn ngủ yên
trong quả tim mắc bệnh đập cầm chừng

Tiềm lực còn ngủ yên
trong bộ óc mang khối u tự mãn
...
trong ống mũi khò khè không nhận biết mùi thơm
...
trong lớp da biếng lười cảm giác
...

Bài thơ trên in năm 1986, khoảng 200 câu, mới chỉ nêu lên những ấn tượng cay đắng nhưng còn khá tổng quát, những câu hỏi còn nhẹ nhàng. Vẫn còn phải đạo.

Giữa năm 1988, Nguyễn Duy được ân thưởng cho đi Liên Xô. Giữa mùa đổi mới đang nở rộ ở Mátxcơva, Nguyễn Duy viết hơn 200 câu thơ "Nhìn từ xa... Tổ Quốc!". Phải đứng từ xa đất nước các câu hỏi cụ thể hơn, chát chúa hơn, mới được kêu lên.

Trước hết Duy nhớ lại thời quá khứ theo bộ đội.

Vâng -- đã có một thời hùng vĩ lắm
hùng vĩ đau thương, hùng vĩ máu xương
mất người chết trừng trừng không chịu nhắm

nhưng ngay sau đó hai câu, thì bỗng nhiên một sự thật hiện tại bung ra:

Thần tượng giả xèo xèo phi hành mỡ
ợ lên thum thủm cả tim gan

Thứ ngôn ngữ sống sượng, bạo tợn như "xèo xèo, ợ lên, thum thủm" tại sao bỗng nhiên bật lên từ miệng một nhà thơ rất trữ tình và rất "hiền lành, vô tư?"

Phải là một nỗi uất nghẹn lớn lắm mới tạo ra thứ ngôn từ thô bạo đó. Nó chính là một lời văng tục, một cách tự xỉ vả, tự hành hạ bằng ngôn ngữ. Nhà thơ đã thấy gì ở Matxcơva, thủ đô Liên Xô, mà "ợ ra" những ngôn từ sống sượng như vậy? Họ đang đào mả Stalin và Lênin chăng? Họ đang xếp hàng cả ngày, nốc vodka và ăn hối lộ trắng trợn chăng? Ảo tưởng thiên đường đã hoàn toàn đổ vỡ chăng?

Sau đó, một loạt câu hỏi thống thiết về đất nước tang thương:

Thời hậu chiến vẫn ta người trong cuộc
Xứ sở phì nhiêu sao thật lắm ăn mày?
...
Xứ sở từ bi sao thật lắm thứ ma
ma quái - ma cô - ma tà - ma mãnh
...
Xứ sở linh thiêng
sao thật lắm đình chùa làm kho hợp tác
đánh quả tù mù trấn lột cả thần linh
Giấy rách mất lề
tượng Phật khóc Đức Tin lưu lạc
Thiện Ác nhập nhằng
Công Lý nổi lênh phênh

Thiện ác nhập nhằng là lời than phiền bình thường. Còn "công lý nổi lênh phênh," lại một ngôn từ sống sượng, sỗ sàng, như thơ Học Lạc.

Tiếp tục những câu hỏi về đất nước, Nguyễn Duy hỏi

Xứ sở thông minh
Sao thật lắm trẻ con thất học
lắm ngôi trường xơ xác đến tang thương
...
xứ sở nhân tình
sao thật lắm thương binh đi kiếm ăn ủ kiểu
...
Mẹ liệt sỹ gọi con đội mồ lên đi kiện
ma cụt đầu phục kích nhà quan
...
Xứ sở thật thà
sao thật lắm thứ điếm
điếm biệt thự -- điếm chợ -- điếm vườn

Nhà thơ phải thốt lên những lời tàn nhẫn, không sót thương:

Điếm cấp thấp bán trôn nuôi miệng
điếm cấp cao bán miệng nuôi trôn

Cơn giận đã sôi lên cao lắm! Văng tục, chửi thề, không còn nể nang chi nữa. Không cần phải giữ bộ nghiêm trang. Không còn phải giữ lễ độ với ai nữa, kể cả độc giả. Lối văn chương sỗ sàng, trâng tráo đó ta thấy cả trong truyện *Phẩm Tiết:* "cắt dái, nhét cứt vào miệng." Đó là phản ứng của những người nhạy cảm sử dụng ngôn ngữ trong một xã hội mà ngôn ngữ đã bị lạm dụng quá đáng vì bọn đạo đức giả dùng ngôn ngữ uy nghiêm của chúng đè nén con người quá lâu.

Nguyễn Duy đã gọi đúng tên nền tảng tinh thần của chế độ:

Đạo Chích thành tôn giáo phổ thông

Nhưng chế độ Đạo Chích đó lại luôn luôn hô to các khẩu hiệu vì nước, vì dân, với các ngôn từ hoa mỹ, chủ nghĩa ưu việt. Phản ứng của người văn nghệ phải là văng tục. Giống như Trần Tế Xương, Hồ Xuân Hương đã văng tục vào mặt bọn đạo đức giả hình thời xưa.

Nhưng Nguyễn Duy không phải chỉ văng tục. Anh đặt những câu hỏi chát chúa, vô cùng ưu uất. Trong bài thơ, những câu hỏi được điểm giọt bằng các điệp khúc thê lương:

Ai?
Không ai.

Có chỗ là ba dòng chỉ có câu hỏi "Ai?" "Ai?" "Ai?" và trả lời "Không ai." Lại có ba dòng thơ chỉ gồm những câu hỏi. Đã hết lời hay đã

nghẹn lời?

Sự khác biệt giữa Nguyễn Duy với nhóm văn nghệ hàng thần là con người gốc nông dân miền bắc này phẫn nộ mà không suy nhược, dù đã hết tin tưởng. Làm sao có thể tin thờ bọn lãnh tụ như là

lãnh chúa sứ quân san sát vùng căn cứ
lúc nhúc cường hào đầu trâu mặt ngựa

Trong bài Tiềm Lực, Nguyễn Duy nói "ta ca hát quá nhiều về tiềm lực." Bây giờ thì:

*Chả lẽ bốc thang * cỏ khô nhai lại*
lạy ông cơ chế lạy bà tư duy
xin đừng hót những lời chim chóc mãi

Có những câu khẳng định và câu hỏi ném thẳng vào mặt bọn lãnh tụ:

Đừng lớn lối khi dân lành ốm đói
vẫn còng làm cho thẳng lưng ăn

Đổi mới thật hay giả vờ đổi mới?
Máu nhiễm trùng ta có thể thay chăng?

Những câu hỏi đó không còn úp mở, không còn rụt rè. Đó là những câu hỏi dũng mãnh. Bài thơ này của Nguyễn Duy, tiểu thuyết *Những Thiên Đường Mù* của Dương Thu Hương, vở kịch *Hồn Trương Ba, Da Hàng Thịt* của Lưu Quang Vũ, là tiếng thét gào uất hận của lớp người đã bị lừa gạt suốt 20, 30 năm, hy sinh cả thời hoa niên, hy sinh cho một lũ "lúc nhúc cường hào đầu trâu mặt ngựa" và bọn Nam Tào, Bắc Đẩu giết người vì ham ăn.

Cuối bài thơ của Nguyễn Duy vẫn có một vài vần điệu lạc quan. Vẫn còn tin tưởng. Nhưng anh tin tưởng cái gì?

Thôi thì ta quay về
còn trang giấy trắng chưa băng hoại
còn chút gì le lói ở trong lòng
...
Dù có sao
vẫn Tổ Quốc trong lòng

Mạch tâm linh trong sạch vô ngần
còn thơ còn dân
ta là dân -- vậy thì ta tồn tại

Niềm tin của lớp trẻ năm 1989 là tin vào đâu? Đó là "chút le lói ở trong lòng. Là Tổ quốc. Tâm Linh. Dân." Không có Mác với Lênin. Không có chủ nghĩa xã hội. Không có duy vật biện chứng. Tâm Linh cũng không phải là duy tâm. Đó là "chữ Tâm kia mới bằng ba chữ tài."

Suốt mấy chục năm giáo dục về giai cấp đấu tranh, về duy vật lịch sử, về Mác xít-Lênin nít bay đâu hết cả. Cơn khủng hoảng đã đưa lớp người 30, 40 tuổi trở về với những giá trị rất người, rất đơn giản, rất gần với lương tri, với tâm, với lòng người. Lạ lắm, Nguyễn Huy Thiệp cũng nói đến Tâm. Trần Văn Thủy chiếu hình chữ Tâm trên bàn thờ. Nay lại Nguyễn Duy, cũng nói đến Tâm Linh, đến Lòng. Nửa thế kỷ tàn phá của chủ nghĩa duy vật không giết được chữ Tâm rực rỡ trong tiềm thức cộng đồng của dân tộc Việt Nam. Một nhân vật trong vở kịch "*Quỉ Ở Với Người*" của Nguyễn Huy Thiệp cũng nói:"... không thể bằng ý chí, bằng sự tàn nhẫn cải tạo cuộc đời. Chỉ có tình thương yêu cứu chuộc được. ... Chỉ có điều thiện, chỉ có những tấm lòng lành mới tồn tại được!" *(Sông Hương số 39)* Ai đang đánh bại chủ nghĩa Mác xít ở Việt Nam? Các bà mẹ ru con đã thắng. Cô Tấm trong truyện cổ tích đã thắng. Nguyễn Trãi, Nguyễn Du đã thắng! Mùa Xuân đại thắng của chúng ta.

(* thang túc là thuốc chữa bịnh)

5

Những bài thơ và những nhà thơ nêu lên trong bài này không phải là tất cả những nhà thơ phản kháng. Nhưng có thể nói họ là tiêu biểu cho các nhà thơ dám đi chệch ra ngoài các khuôn khổ mà đảng cho phép, nhân cơ hội đổi mới mà cho cơn uất nghẹn bùng lên thành tiếng nói.

Giữa văn suôi và thơ thì thơ thế nào cũng có chất đột khởi hơn, phản ứng nhanh và bất ngờ trong cơn khủng hoảng. Trong một xã hội băng hoại thi sĩ là những người cảm thấy tình trạng suy đồi rất sớm. Họ bắt đầu bằng những lời than thở. Và họ đặt những câu hỏi. Chúng ta đã nghe đủ hai loại trên: thở than và đặt câu hỏi.

Nhưng những câu hỏi ở trong thơ là tiếng nói của cảm tính, không phải của lý tính. Câu hỏi bật lên vì người ta nhìn thấy, nghe, cảm, thấy niềm đau, nỗi khổ, cơn nhức nhối ở trước mắt, trên da thịt, trong tim gan mình. Vì vậy nó rất kích động lòng người. Vì đó là những câu hỏi trực tiếp: *Sao thật lắm ăn mày? Sao lắm trẻ con thất học? Sao thật lắm thứ đĩ điếm, sao thương binh đi ăn xin?*

Câu hỏi trực tiếp, đi thẳng vào lòng người hơn nên sẽ kích động mạnh hơn. Người đọc có thể phải suy nghĩ nhiều trước khi hiểu một cuốn tiểu thuyết luận đề, hay một bài lý luận về chánh trị, xã hội. Nhưng ai cũng rung động ngay trước câu hỏi *máu nhiễm trùng ta có thể thay chăng?* và lời van xin *lạy ông cơ chế lạy bà tư duy -- xin đừng hót những lời chim chóc mãi.* Biết rồi, khổ lắm, hót mãi.

Trong một bài khác chúng ta sẽ kiểm điểm

một số tác giả văn xuôi, kịch, và lý luận có khuynh hướng đặt câu hỏi.

Ở đây chúng ta có thể tạm kết luận rằng các câu hỏi trong những bài thơ đã báo hiệu một cơn sóng trào có thể nổi lên. Nó làm cho các tay đầu sỏ chóp bu của đảng Cộng Sản Việt Nam phải "toát mồ hôi" và ngăn chặn ngay trước khi quá muộn. Vì các câu hỏi này, sẽ dẫn tới các câu hỏi khác, càng ngày càng cơ bản hơn, sâu sắc hơn, và cuối cùng là các huyền thoại đều bị đặt câu hỏi, tất cả không chừa ai.

Những câu hỏi bắt đầu có thể rất giản dị:

"Tại sao tôi đói?"

Tại sao con em tôi thất học?

Tại sao cả nước nghèo khổ mãi?

Những câu hỏi tiếp theo sẽ đi tìm nguyên nhân gần gũi ở chung quanh:

Tại sao thằng này làm thằng khác hưởng?

Tại sao không ai chịu làm việc thật sự?

Tại sao không có việc cho tôi làm để tôi phải đi ăn mày?

Từ đó sẽ tới các câu hỏi về toàn thể cơ chế quản lý đất nước, về kinh tế, chánh trị, văn hóa.

Nghĩa là đặt câu hỏi về nhà nước: "Tại sao mấy người ăn hại hơn nửa thế kỷ mà còn tiếp tục ngồi đó hô khẩu hiệu bắt tôi hồ hởi hy sinh?" -- Và tiếp theo là câu hỏi về sự lãnh đạo của đảng: "Các ông sai lầm, thất bại trên khắp thế giới rồi, như vậy sao các ông không cởi trói cho nhân dân ra khỏi cái gông xiềng Mác-Lê nin đó đi?"

Khi người ta đặt câu hỏi về các nền tảng chủ thuyết Mác-Lê nin và nhận rõ sự thất bại của nó, người ta không cần lý luận. Người ta có thể cảm thấy trực tiếp, nhìn thấy, nghe thấy, sờ mó thấy. Nhưng những câu trả lời mới thật là đáng sợ. Bởi vì dân đã thấy cảnh các nước Cộng Sản lũ lượt đi "đầu hàng tập thể," chấp nhận nền dân chủ đa nguyên thay chuyên chính vô sản, dùng kinh tế thị trường thay thế kinh tế tập trung chỉ huy. Lúc đó họ sẽ hỏi "Tại sao mang chúng tôi ra làm thí nghiệm suốt bấy nhiêu năm?"

Cuộc thí nghiệm Cộng Sản nào cũng đổ máu, cũng làm chết bao mạng người, và bao gia đình tan nát.

Nhưng cuộc thí nghiệm ở Việt Nam còn có cả chiến tranh, nhất là cuộc chiến Nam Bắc (1960-75). Nếu cuối cùng cả nước lại phải bắt đầu gây lại một nền kinh tế thị trường, phải giao thương với các nước tư bản, nhất là Mỹ, phải nhìn nhận tất cả thành trì "vô sản thế giới" kéo cờ trắng cả rồi, thì suốt 15 năm tang tóc, mấy triệu người chết uổng để làm gì? Mẹ bỏ con, chồng bỏ vợ, hy sinh cho ai? Trong một bài Nguyên Ngọc viết về các nhà văn và nghệ sĩ đã chết trong cuộc chiến Nam-Bắc, có nhắc tới Dương thị Xuân Quý. Hai vợ chồng chị Quý đều bị bắt phải vượt Trường Sơn ra mặt trận để làm văn, khi đứa con của họ vừa mới hơn một tuổi. Vô Quảng Nam được mấy tháng thì chị Quý chết. Trong nhật ký của chị, đã được đăng báo, suốt mấy tháng trời lúc nào chị cũng nhớ đến cháu Ly, khóc vì nhớ con, khóc vì nhớ căn nhà ở phố hàng Bông, Hà Nội. Nguyên Ngọc khi nhắc đến giờ phút chót của người thiếu phụ nhẹ nhàng, thanh tú và nhẫn nhục, can đảm đó, anh tự hỏi trước khi chết chị nghĩ gì. Nguyên Ngọc không nói tới bác và đảng. Anh nghĩ chị Quý chỉ kêu được một tiếng "con ơi!". Khi Nguyên Ngọc viết về chị Quý thì cháu bé đó đã 20 tuổi đầu. Cháu Ly đã đủ lớn để đặt câu hỏi: "Mẹ tôi chết cho ai?" hay chưa?

Những thanh niên mồ côi ở miền Nam bây giờ có thể tự hào nếu cha, anh mình chết vì bảo vệ miền Nam chống cuộc xâm lăng của Cộng Sản. Họ có thể tự nhủ: Nếu hồi đó cha, anh tôi thắng trận thì cả nước sẽ được giàu mạnh, tự do, như bây giờ ở Đài Loan, Đại Hàn. Cha, anh tôi chết, nhưng họ đã làm hết sức của họ.

Còn những thanh niên mồ côi miền Bắc thì sao? Các em phải nhìn ra: "Cha, mẹ tôi chết vì bị lừa! Chúng tôi đói khổ vì các lãnh tụ lầm lẫn, mù quáng, chỉ giỏi lường gạt!"

Đó là một tình cảnh mà các lãnh tụ Cộng Sản Việt Nam nhìn thấy sẽ xảy ra nếu các câu hỏi cứ tiếp tục được nêu lên. Vì vậy họ phải tìm cách ngăn chặn ngay.

Họ phải bảo vệ huyền thoại Hồ Chí Minh, trì hoãn ngày nó sụp đổ, kéo cả lũ đổ theo.

Họ phải lập đi lập lại niềm tin vào giáo điều Mác-Lênin, vì đó là gốc rễ của cái huyền thoại trên.

Họ còn phải tự nhắc nhở cho khỏi quên cái con ngáo ộp gọi là đế quốc Mỹ. Thật là trơ trên, vì chính họ cũng đang ve vãn Mỹ. Trơ trên chẳng khác gì phản ứng của họ trước các biến cố ở Ba Lan. Khi một lãnh tụ Công giáo của phong trào đối lập Đoàn kết (Solidarnosc) lập chính phủ, Hà Nội cuống quít cho các tổ chức "nhân dân" họp, chửi bới rằng đây là một cuộc đảo chính do đế quốc Mỹ giựt giây. Mấy tổ chức tay chân đó còn làm kiến nghị ủng hộ đảng Cộng Sản Ba Lan để chống đế quốc Mỹ can thiệp. Khi mấy người đó mang kiến nghị tới tòa đại sứ Ba Lan, họ đã từ chối không nhận. Cha con bèn lên quay về. Cuối cùng lại gởi điện văn chúc mừng chính phủ mới ở Ba Lan. Rồi tới lượt Hung Gia Lợi, Tiệp Khắc, Đông Đức nữa chứ.

Họ tiếp tục trơ trên như vậy được bao lâu nữa? *Mất người chết trừng trừng không chịu nhắm* buông tha họ hay không?

NGÔ CHÂN VĂN

LƯU VONG, MỘT TÂM THỨC SẮP HẾT

NGUYỄN VĂN SÂM

Lưu vong nếu chỉ được chú ý đến nguyên nghĩa sẽ dẫn chúng ta đi vào các ý niệm chính trị. Trước nhất lưu vong là một cảm thức dễ có nếu đang sống ở ngoài nước, bị tách biệt với quê hương bằng trường hợp bất khả kháng như chúng ta. Vậy chỉ cần nhìn vào sâu lòng mình ta sẽ thấy được dạng thức của ý niệm lưu vong. Đó là tâm trạng *buồn bã* vì dư hương quê cũ thấp thoáng không thể xóa nhòa trong tâm trí, đồng thời lại có sự hiện diện của cảm giác *lạc loài* do sự không thể thân thiết được, cảm thấy tách biệt rạch ròi với vùng đất mới. Từ đấy con người *buồn-lạc* đó lâm vào trạng thái mỏi mệt chán nản, sống bằng hình ảnh quá khứ trong khi bồng bềnh lãng đãng thờ ơ với hoàn cảnh hiện tại. Một đàng không còn nữa nhưng vẫn tác động trên thái độ và cách suy nghĩ. Một đàng hiện có nhưng bị coi như sương khói, chỉ được tiếp nhận hững hờ. Người lưu vong sống vui gượng như tâm trạng người con gái trong thơ TTKh.

Không phải vì tiếc rẻ những thứ của cải vật chất mà một nhà thơ người H'mong, hiện sống ở Hawai nhắc về cái gùi, chiếc chiếu, căn nhà của mình bỏ lại ở xa tít mù khơi bên kia quê hương lẫn trong núi rừng (Vang Xiong Toyed, Phak Khe village). Phải tiếc những gì ẩn tàng trong các thứ tầm thường đó. Thái độ tiếc đó là biểu lộ bề mặt của lưu vong.

Cũng vậy, những vần thơ như đoạn sau đây của Nguyễn Ngọc Thuận hiện diện trong thơ Việt hải ngoại dưới nhiều dạng thức suốt từ 75 tới giờ và sẽ còn kéo dài mãi cho tới ít nhất là đầu thập niên của thế kỷ mới:

Còn đây thoảng chút dư hương
Ngày trôi đất lạ hồn vương gió chờ
Với buồn năm tháng bơ vơ
Với thân mất nước với bờ nhục đau
Với tim úa trổ nụ rầu
Với chiều hoang phế mái đầu tóc phai
Tay buông trắng mỏi mộng đời
Phù vân bóng nổi bên trời bão khô.
(Ngục tù và tâm thức lưu đày, Soi thân, trang 45)

Dĩ nhiên cường độ và biên độ của tâm trạng tùy thuộc tính khí con người. Chấp nhận thực tế, chịu quên hết để vui duyên mới thì cảm thức lưu vong không thể hiện diện được lâu dài trong hồn. Nhưng chuyện đời không dễ dàng như vậy. Lưu vong đối với chính bên trong con người thì là một cảm thức nhưng đối với bên ngoài xã hội thì lại biểu hiện cho một thân phận. Trong trường hợp nầy tâm lý trị liệu hay một bảng thái độ do ta thiết lập để đối đầu với mọi hoàn cảnh nơi trú ngụ cũng không thể giải quyết được. Giọng nói ngoại nhân, dáng dấp khác người luôn luôn tạo nên cái nhìn mắt trắng của đời. Từ đó nó nhắc nhở chúng ta rằng mình thuộc một phần tử không có nước, đang chịu cảnh lang thang ở đậu ăn nhờ. Thân phận nầy phải tế vi, phải nhạy cảm mới thấy vì vài xã hội văn minh đã cấm đoán nó bằng chánh sách không kỳ thị nên nó sẽ xuất hiện ra dưới những dạng thức khó nhìn hơn.

Chàng David Chung nào đó mới đây trên báo chí than phiền thân phận Mỹ gốc Trung Hoa của mình. Chung cho rằng nói anh là kẻ lưu vong như người Việt Nam tỵ nạn ở Mỹ thì không đúng vì anh sanh ra và lớn lên trên đất nước nầy. Anh cũng không có tâm trạng nhớ thương quê hương của giống nòi vì thật sự anh chưa hề thấy vùng đất đai đó nó như thế nào. Anh cũng không có bà con họ hàng nào ở bên đó. Anh không lưu vong mà thật ra lưu vong vì hình như anh không có một quê hương thật sự cho chính mình như bao nhiêu người khác. Anh muốn chấp nhận nơi nầy làm quê hương của chính anh vì đó là một thực tế, nhưng người chung quanh đã không tạo cho anh cảm giác họ chấp nhận điều đó với cõi lòng rộng mở.

Lúc đi lính không quân Mỹ phục vụ trong chiến tranh Việt Nam mỗi lần vào cổng Tân Sơn Nhất anh đều bị quân cảnh chận lại xét hỏi. Luôn luôn anh bị nghi là Việt Cộng giả dạng mặc dù đã trình thẻ quân nhân đàng hoàng. Họ chất vấn anh đủ điều, nhiều khi họ còn cố tình làm nhiều hơn công việc phải làm. Có khi chính người quân cảnh đó tuần trước đã hỏi anh bây giờ lại hỏi những câu cũ. Cử chỉ đó khác hơn là sự trêu chọc của bạn bè. Ở trong trại chúng bạn gọi anh là *gook*, về Mỹ thì bị coi là người tỵ nạn Việt Nam. Cái màu da vàng, cái mũi tẹt, đôi mắt xếch trên người anh kết hợp

lại thành bản án lưu vong anh phải mang trên mình suốt đời.

Nói khác đi, những thứ đó tạo nên thân phận lưu vong mà anh không thể nào gột bỏ tẩy xóa được.

Bản án đó con cái chúng ta sẽ mang và mỗi cá nhân của các thế hệ sau sẽ phải cực lòng đối phó theo cách riêng phù hợp tâm tính và hoàn cảnh mỗi người mặc dù có thể họ thành công ở mặt tài chính, xã hội, văn hóa...

Nhân vật Joe Christmas trong tác phẩm *Light in August* của W. Faulkner mang tâm trạng lưu vong *hình hài* kiểu đó. Anh chàng con hoang da trắng có vài nét da đen nầy luôn luôn bực mình vì thiên hạ cứ hỏi mầy da đen hả khi sống trong vùng da trắng, mầy da trắng hả khi sống trong vùng da đen. Ở đâu người ta cũng như không muốn nhìn nhận anh thuộc về một thành phần với họ. Ngoài cảm thức *lạc loài* anh còn mang thêm cảm thức *bị chối bỏ*, cuối cùng Joe Christmas phản ứng lại xã hội bằng hành động ngông cuồng, giết người đến nỗi sống chui rúc rồi bị giết như một con thú.

Nhà văn nữ Flannery O'Connor, được coi như người viết truyện ngắn hay nhất nước Mỹ của thời cận đại, mới mất gần đây (1964), lúc đi học lớp cao học văn chương Mỹ vì giọng nói miền Nam (Georgia) của bà mà vị giáo sư đã không hiểu nổi bà muốn nói gì. Ông phải bảo bà viết xuống điều muốn nói.. Sách vở không ghi lại nhà văn chuyên vẻ khung cảnh và sinh hoạt miền Nam nước Mỹ nầy lúc đó có mặc cảm lưu vong trên chính quê hương mình không, nhưng chắc chắn rằng khi ta nói mà thiên hạ không hiểu thì *mặc cảm dở ít hơn mặc cảm khác biệt.* Đó chẳng qua là hình thái của cảm thức lạc loài vào một chỗ không phải của mình mà ngôn ngữ chẳng qua chỉ là một cách thế dẫn đến sự khác biệt.

Lưu vong thế hệ thứ nhất chúng ta, khi nghĩ về bạn bè mình ngày xưa giờ đang chịu đựng thảm trạng hồng thủy thường tự mang *mặc cảm bội phản:* mà những trường hợp lưu vong khác ít có:

Bỏ quên đồng đội
nghĩa địa, rừng sâu,
đốt cháy hào hùng ngày xưa chống giặc,
trút bỏ hận thù trĩu nặng trong tim
khoảng tối ngục tù
để được thành người ngoại quốc
bình thường
không tên
với tờ giấy công dân thứ cấp.

Mặc. cảm tự-khoác-lên-mình nầy nặng đối với người nhiều cảm tính, giàu tinh thần trách nhiệm và có thể nói là triệt giảm tới tận cùng đối với người dễ quên, chuộng thực tế.

Nói cho cùng, tất cả cảm thức lạc loài, buồn nản, mặc cảm phản bội, những thành tố của trạng thái lưu vong chỉ có *khi chủ thể cho rằng có.* Nó chỉ tác động được đối với một số đông nhưng không phải luôn luôn có ảnh hưởng đối với tất cả mọi người.

Nhà văn Mai Thảo trong một chuyến viễn du "*gặp măng cụt, chôm chôm, mãng cầu, mua vài trái ăn, thấy đậm đà cái hương vị vườn nhà, đất nhà mười hai năm không gặp, thấy tận cùng và nguyên vẹn cuộc đời lưu vong.*"

Mua ăn không hẳn vì thèm hương vị vật thể của những thứ trái đó. Vị giác chưa chắc đã thích như ta đã thích bằng tất cả thân tâm. Mua ăn vì có sự thôi thúc bên trong cảm nhận ngay khi thấy lại những loại hình tượng trưng cho vài khía cạnh của hương vị quê nhà từng bao nhiêu năm xa cách. Như ta tay bắt mặt mừng với một người nào đó từng biết, từng gặp -- nhưng chưa hẳn đã quen -- ngày trước ở cùng xóm. Mừng vì bắt gặp lại thuở quá khứ của mình. Mua ăn vì những gì tượng trưng ở bên trong các thứ trái đó chứ không hẳn vì chính những thứ trái đó.

Lưu vong là chịu đựng sự mất hút đi những hình dạng thân thuộc của quê hương. Là biết chắc trong lòng mình khó lòng gặp lại chính cái quê hương và những hình ảnh tượng trưng của nó, những nét chấm phá có tính cách gợi lại mảnh vụn của quê nhà, do đó người ta dễ dàng vồ vập, chào đón -- dĩ nhiên là trong cách nhìn trong thái độ đón nhận -- một tà áo dài, một mái tóc xõa, mấy tàu dừa lả ngọn, con đường mòn, đường đê, mảnh ruộng, căn nhà lụp xụp, ghe thuyền chen chúc ở bờ sông... Cái tình, xúc cảm nội tâm ở đây giữ vai trò quan trọng, chuyện giác quan thiệt hết sức khiêm nhường.

Cảm thức lưu vong có thể không hiện diện trong đời sống thường nhật của ta, nhưng luôn luôn ẩn náu đâu đó trong tâm thức và sẽ hiện hình lên khi có dịp. Nhẹ là một nỗi lâng lâng khi đọc một tin trên báo, khi thấy một chuyện dễ được kết luận rằng sanh ra do lòng kỳ thị. Nặng sẽ như người H'mong "chết héo" trong một truyện của Tưởng Năng Tiến, như bà lão nhất quyết kiếm xe về làng Đại Từ của Trần Diệu Hằng, như bà mẹ già nhớ con ở quê, nhớ các cháu vừa bị nạn không ăn cơm được trong truyện "Những miếng ly bể trên sàn nhà..."

Ở tình trạng cảm thức, lưu vong không còn mang ý nghĩa chính trị mà trở thành một trạng thái yếu đuối của tâm hồn, cái tâm trạng tự-quê không thích ứng được với hoàn cảnh thường được tâm lý gia bệnh lý gọi là bệnh do sự va chạm văn hóa, sinh ra vì sự khư khư ôm cái cũ khiến không thể hội nhập. Có thể nói lưu vong là trạng thái *hóa mộc* phần nào đó của nội tâm khiến người ta khó chấp nhận những điều mới.

Mới đây nhờ cuốn sách *Đi tìm cái Ngã ở Ấn Độ và Nhật Bản* tâm lý gia Roland chỉ cho Tây phương thấy tâm lý con người khác nhau tùy theo nền văn hóa mà họ hấp thụ, rồi Giáo sư Arthur Kleimenn của trường y khoa Harvard nhận định rằng "không thể áp dụng tâm lý trị liệu đối với một người đến từ Việt Nam hay El Salvador như áp dụng đối với một bà nội trợ ở Boston." Điều tạo nên

ALVARO DE CAMPOS

Thư tình

Dịch tặng NĐT nhân ngày sinh nhật

Tất cả những lá thư tình đều
Kỳ cục.
Chẳng phải là những lá thư tình nếu chúng không
Kỳ cục.

Vào thời tôi, tôi cũng đá từng viết những lá thư tình
Như những lá thư khác,
Kỳ cục.

Những lá thư tình, nếu thật có ái tình
Hẳn phải là
Kỳ cục.

Nhưng, xét cho cùng,
Chỉ có những kẻ không bao giờ viết
Những lá thư tình
Mới thực là
Kỳ cục.

Ước chi tôi trở lại thời mình đã viết
Mà chẳng hay
Những lá thư tình
Kỳ cục.

Sự thật là hôm nay
Chính những hoài niệm của tôi
Về những lá thư tình ấy
Mới thực là
Kỳ cục.
(Tất cả những lời lẽ tột cùng
Cũng như tất cả những tình cảm tột cùng
Dĩ nhiên là
Kỳ cục.)

DIỄM CHÂU dịch

* Alvaro de Campos là một trong nhiều bí danh của Fernando Pessoa, nhà thơ lớn Bồ dào nha. ND

khác biệt, ông Kleimenn chỉ mới nhắc đến cái quá khứ văn hóa mà thôi, ông chưa thấy được sự quan trọng vô vàn của cảm thức lưu vong, yếu tố vẽ nên sự khác biệt giữa người bản địa và kẻ phải ăn gởi nằm nhờ.

Vậy thì làm sao giải quyết vấn đề lưu vong? Cung đình binh biến hoán vị ở Hà nội. Đảng Cộng Sản Việt Nam tự nhiên hay do sự thúc đẩy nào đó bị giải thể, sao Kim tinh xuống trần ở Việt Nam, nỗ lực tận cùng của toàn thể người Việt hải ngoại sửa con đường đi nhầm lẫn bấy lâu nay của lịch sử Việt Nam.

Tất cả những giải pháp đều nằm bên ngoài con người lưu vong, đó mới là điều bi đát nhất cho thân phận lưu vong chúng ta, bản án vẫn miên viễn áp nặng lên tâm thức mình cho tới khi nào ta lấy lại được phần đất mình đã đánh mất. Có đất, chủ thể trở về với quê hương chữ lưu vong tự nhiên bị giải thể và tình trạng, tâm thức lưu vong... sẽ đương nhiên giải quyết.

Trong hai tháng gần đây mầm giải thể của đảng Cộng Sản dường như ló dạng. Tâm thức lưu vong của người hải ngoại chúng ta chắc chắn sẽ không còn một tâm thức miên viễn.

NGUYỄN VĂN SÂM

NGUYỄN MẠNH TRINH

Nói với con vừa tượng hình

1

Con yêu dấu
có nghe nhịp tim cha
những đêm tối trầm ngâm thao thức
khuya lặng thinh lạnh léo mù không
con đường dài tiếp theo nỗi nhớ.

Có bao giờ con hiểu được
những con sóng bị chận ở bờ đá mỏi mòn
con chim đứng bên trời
chưa tung cánh được vì trời giông bão
văn chương chữ nghĩa tầm thường
ai khiến ai vác thập giá khổ hình
đi trên đường gai nhọn?

Có bao giờ con biết lúc cha tự soi gương
nhìn vào những vết nhăn
của buổi sáng buổi chiều bằn bặt
câu hỏi mình sống để làm gì
cứ hoài hoài mang mang lẩn quẩn

Có bao giờ lòng thành thực
với cuộc đời bị trả giá lỗ lời
tưởng giấc mộng ngày xưa
thành món hàng rao bán
những bài thơ của cha
sao giống trang sức rẻ tiền
để mốt mai trong kỷ niệm
Trang sách bụi dầy
và giấc ngủ ngày thơ
là nét vàng son mờ nhạt.

Có bao giờ con biết ngày xưa
cha -- trái trên cành chín rấm
khói lửa đọa đầy súng gươm gẫy bỏ
sống kiếp người trôi nổi nhọc nhằn
Bài hát mệnh mang
đã bắt đầu từ khi bỏ nước.

2

Con yêu dấu
Tượng hình máu huyết của mẹ, óc não của cha
nghe con máy từng đêm
tưởng bước chân đời dấm nặng
Thở di con
tuổi ân cần nụ cười
nắng bình minh gọi từ mơ hồng biếc.

Cha đi ra bái biển
đắp cát xây lâu dài một đời
nhìn cánh chim bay
thấy biển khơi như lời chúc dứ
chuyện văn chương thơ thẩn
chọn từng câu ngơ ngác canh khuya
bài thơ này cho ai?
-- hay khoảng trống trên cao một vì sao lặng lẽ
Thơ nói một mình
Thơ như cây cầu bước vào thế giới nào chẳng biết
Tuổi mới hơn bốn mươi
mà vốn liếng hành trang đá nặng một đời.
Thơ -- bài thơ tội nghiệp
Rất lắm lời mà chẳng đủ bao nhiêu.

3

Con yêu dấu.
Bao giờ nghe con khóc.
Tiếng oa oa thức dậy cuộc đời
này mắt này môi này da này tóc
-- Tác phẩm mẹ cha.
này khóc này cười
những sáng biếc trưa hồng những ngày những tháng
sẽ đếm dần trong trí óc của cha.
những sốt mọc răng những cơn tiêu chảy
là chặng thời gian con lớn làm người.

Có giấc mơ nào.
Kể cho con trong lời mẹ ru
tiếng hát bâng khuâng
của cơn mưa kỷ niệm.
ngày mối tình nào thành chồng vợ lứa đôi.
ngày nào bỏ nước
ngày nào ngoi lên đứng vững kiếp đời.

Thơ viết trong tâm
ngôn ngữ như da như thịt
như mắt môi như tóc tai
như vắng vặc con
Một nụ cười.

Tháng Giêng, 1990

Cơn thử thách của một nhà văn

Salman Rushdie sẽ đi về đâu với "Quỷ Kinh"

SARAH CRICHTON
LAURA SHAPIRO
VANN PHAN *lược dịch*

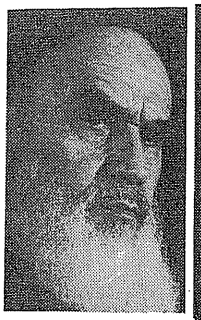

Giáo chủ Khomeni

Marianne Wiggins

Salman Rushdie

Salman Rushdie giờ đây đã trốn tránh được một năm trời rồi, nhờ Ngành Bảo Vệ Đặc Biệt của Cơ quan Tình báo Scotland Yard che chở. Cơn thịnh nộ gây ra vì quyển tiểu thuyết của ông, "Quỷ Kinh" (The Satanic Verses), đã lắng xuống, nhưng nhiều tín đồ Hồi giáo vẫn còn xem quyển sách này mắc tội phỉ báng thần thánh, và bản án tử hình do vị giáo chủ Hồi giáo đưa ra vẫn còn hiệu lực.

Tuần trước, Rushdie đã lên tiếng, lần đầu tiên, trong một cuộc phỏng vấn bằng điện thoại kéo dài 90 phút với các phái viên Sarah Crichton và Laura Shapiro của Tuần báo NEWSWEEK. Ông không thể cho biết các chi tiết về việc bảo vệ an ninh cho ông -- ông đã điện thoại cho NEWSWEEK từ một địa điểm không được tiết lộ vào một thời điểm đã được định trước -- nhưng đã sẵn lòng nói về trạng thái tinh thần và công việc hiện nay của ông. Ông cho thấy sự thoải mái và trầm tư trong khi đề cập tới tình trạng hiểm nguy của mình bằng lối nói bớt cường điệu theo kiểu của người Anh.

"Buổi sáng ra tôi thức dậy, làm việc suốt ngày, và coi nhiều chương trình truyền hình nhạt nhẽo. Chỉ có vậy. ngoại trừ sự kiện rằng tôi vẫn còn có một số vị khách lẳng vẳng quanh mình. Những vị khách có súng," Rushdie cho biết thế về một ngày trong đời của ông lúc này.

Những cột mốc thời gian đáng sợ

*** Ngày 26 tháng Chín, 1988:** *"Quỷ Kinh (The Satanic Verses)* được Nhà xuất bản Viking Penguin phát hành tại Anh quốc. Giới Hồi giáo chỉ trích lên án Rushdie về tội phỉ báng thần thánh, trích dẫn nhiều đoạn trong tiểu thuyết của ông kể lại lịch sử thiêng liêng của Hồi giáo bằng các đoạn văn bôi bác phóng đại về tình dục và những điều hoang tưởng.

*** Ngày 5 tháng Mười, 1988:** Ấn Độ hùa theo những lời la ó của các nước Hồi giáo và cấm không cho sách lưu hành. Mười quốc gia khác mau lẹ theo chân, kể cả Hồi quốc, Ai Cập, Ả Rập Xê-Út và Nam Phi.

*** Ngày 14 tháng Giêng, 1989:** Một đám đông dân Hồi giáo giận dữ đốt một quyển *"Quỷ Kinh"* tại Bradford, Anh quốc.

*** Ngày 12 tháng Hai, 1989:** Tại Islamabad, Hồi quốc, sáu người bị thiệt mạng trong một cuộc bạo động chống Rushdie; ngày hôm sau, một người bị giết và hơn một trăm bị thương trong một vụ bạo động tại Kashmir, Ấn Độ.

*** Ngày 14 tháng Hai, 1989:** Giáo chủ Khomeini kêu gọi xử tử Rushdie và những người xuất bản sách của ông. Ông cùng với vợ là Marianne Wiggins đi trốn.

*** Ngày 15 tháng Hai, 1989:** Người Iran treo giá "đầu của Rushdie" là ba triệu đô la; chỉ trong vòng mấy ngày sau, số tiền thưởng nầy lên tới 5 triệu 200 nghìn đô la.

*** Ngày 16 tháng Hai, 1989:** Hai tiệm sách ở Berkeley, California, bị ném bom lửa.

*** Ngày 3 tháng Sáu, 1989:** Giáo chủ Khomeini chết, bản án lại được đưa ra lần nữa.

*** Ngày 25 tháng Tám, 1989:** Rushdie và vợ công bố rằng họ đã sống ly thân được bốn tuần lễ rồi.

*** Ngày 21 tháng Giêng, 1990:** Các lãnh tụ Hồi giáo ở

Anh quốc tuyên bố rằng trừ phi quyển sách được thu hồi, bằng không họ sẽ tiếp tục "săn lùng" tác giả quyển sách đó.

Nỗi bất an vô tận

Mấy ngày sau khi bản án tử hình của vị giáo chủ Hồi giáo được công bố, Rushdie đã cố gắng làm tình hình bớt căng thẳng bằng cách đưa ra một lời tuyên bố -- "*Tôi luôn luôn không muốn gọi đó là một lời xin lỗi,*" ông đã nói với Tuần báo NEWSWEEK như thế -- trong đó ông nhấn mạnh đến lòng hối tiếc về những gì đã xảy ra. Khomeini vẫn không hề xúc động: "*Bổn phận của mọi người Hồi giáo là tận dụng mọi thứ mình có, kể cả tính mạng và tài sản, để đưa anh ta* (Rushdie) *xuống địa ngục.*" Đồng thời, người Iran đã ra giá cho cái đầu của Rushdie mà số tiền thưởng nầy đã mau chóng lên tới 5 triệu 200 nghìn đô la. Mười ba người bạo động đã bị giết chết ở Bombay, và sáu bảy hiệu sách đã bị đánh bom...

*

Rushdie, năm nay 42 tuổi, đã là một trong các nhà văn nổi bật thuộc thế hệ ông trước khi vị giáo chủ Hồi giáo làm cho "**Quỷ Kinh**" trở thành quyển sách bán chạy nhất thế giới. Tác phẩm "*Con trẻ canh khuya*" *(Midnight's Children),* một tác phẩm đã tưởng cuồng nhiệt về nền độc lập và sự chia rẽ của Ấn Độ, đã đoạt được giải thưởng có uy thế Booker Prize của Anh quốc năm 1981; và tác phẩm *Điều xấu hổ (Shame),* quyển tiểu thuyết thứ ba của ông, là một lời châm biếm sâu xa đối với Hồi quốc. Ông cũng là một khuôn mặt quen thuộc trong giới văn hóa xã hội ở Luân Đôn, lui tới giao du với các thân hữu như Harold Pinter, Antonia Fraser và Fay Weldon...

*

Mùa hè năm rồi, Wiggins đã rời chỗ ẩn của hai người để trở lại cuộc sống công khai của cô. Vì lý do an ninh cá nhân, cô không còn biết tới tung tích của chồng nữa. Vào lúc nầy, sự ra đi của cô được xem như là một cuộc ly thân trong hôn nhân, nhưng trong mấy tuần lễ gần đây cô đã bảo với các thông tín viên rằng cuộc hôn nhân của họ vẫn còn đó.

*

Báo chí Anh quốc vẫn tường thuật những cuộc "phát hiện thấy" Rushdie đều đặn kể từ sau khi ông ẩn dạng. Theo một bài tường thuật được ấn hành rộng rãi hồi mùa Xuân rồi, ông đã đến dự một bữa dạ tiệc tại Oxford, nhưng giữa chừng đã bị cảnh sát lùa đi khi những người Hồi giáo khám phá ra sự có mặt của ông!

*

Suốt trong cuộc khủng hoảng, Rushdie đã được sự ủng hộ của dân chúng thật lớn lao. Cùng lúc đó, vẫn có những tiếng nói được cất lên bày tỏ cảm tình đối với những tín đồ Hồi giáo mà, trong khi họ không hề tán dương bạo lực, cũng đã bị xúc phạm nặng nề vì "**Quỷ Kinh.**" Sáu bảy khuôn mặt tôn giáo, kể cả Đức Hồng Y Giáo Phận Nữu Ước John O' Connor và Giáo chủ Do Thái Giáo Sir Immanuel Jakobovits, cũng than phiền rằng những gì họ đọc thấy đều có tính cách phỉ báng Hồi giáo. Cựu Tổng thống Jimmy Carter cũng biểu lộ cảm tưởng tương tự như thế.

*

Nếu hoàn cảnh cho phép thì Nhà Viking Penguin, nhà xuất bản của Rushdie, đã cho phát hành một ấn bản bìa mỏng quyển "**Quỷ Kinh**" vào mùa Đông nầy rồi. Nhưng nhà xuất bản đó, từng nhận được nhiều lời hăm dọa và theo như người ta cho biết thì đang phải chi tiêu mỗi năm đến ba triệu Mỹ kim tiền bảo vệ an ninh, đã từ chối không chịu tiết lộ họ có dự trù in sách trên bìa mỏng hay không.

Hồi tháng Mười năm ngoái, một bài xã thuyết gây nhiều tranh cãi trên tờ Tuần San *Publishers Weekly,* tờ báo của ngành kỹ thương, đã thúc giục Nhà Viking Penguin hãy quên chuyện in ấn bản bìa mỏng, quả quyết rằng nguyên tắc tự do phát biểu tư tưởng đã bị đảo lộn, và rằng một ấn bản mới của quyển sách chỉ chuốc lấy thêm nhiều bạo lực từ phía những người quá khích, trong khi đó lại chứng tỏ sự coi thường những người Hồi giáo ôn hòa. Tiểu thuyết gia có sách bán chạy nhất John le Carré cũng đã phát biểu chống lại việc in một ấn bản bìa mỏng, chỉ trích Rushdie về cái chủ ý mà mọi người cáo buộc ông là muốn đặt các hiệu sách và các nhân viên nhà xuất bản vào chỗ hiểm nguy. Những người khác trong giới văn học, hầu hết các nhà phát hành sách, thì lại cực lực ủng hộ một ấn bản bìa mỏng. "*Nếu đối xử* "Quỷ Kinh" *khác biệt với các sách khác thì sẽ là một hành động nhượng bộ và một hành vi tai hại đối với quyền tự do ngôn luận,*" Michael A. Bamberger của Tập san *Media Coalition* đã viết như thế để trả lời cho Tuần san *Publishers Weekly.* Gần đây nhất, báo chí Anh quốc đã tường thuật về những bất đồng sâu xa trong vấn đề nầy giữa Rushdie và nhà xuất bản của ông.

Với việc tự lưu đày của tác giả không có triển vọng gì là sắp chấm dứt, người ta đã băn khoăn tự hỏi không biết Rushdie có thể sẽ phải thay đổi gương mặt đi, dọn nhà đến một xứ thật xa, hoặc tạo cho mình một căn cước mới hay không.

(NEWSWEEK, February 12, 1990

VANN PHAN lược dịch)

Nghệ thuật tạo hình

ĐI XEM TRIỂN LÃM VIỆT NAM HÔM NAY CỦA HUỲNH TÂM

LÊ TAM CA

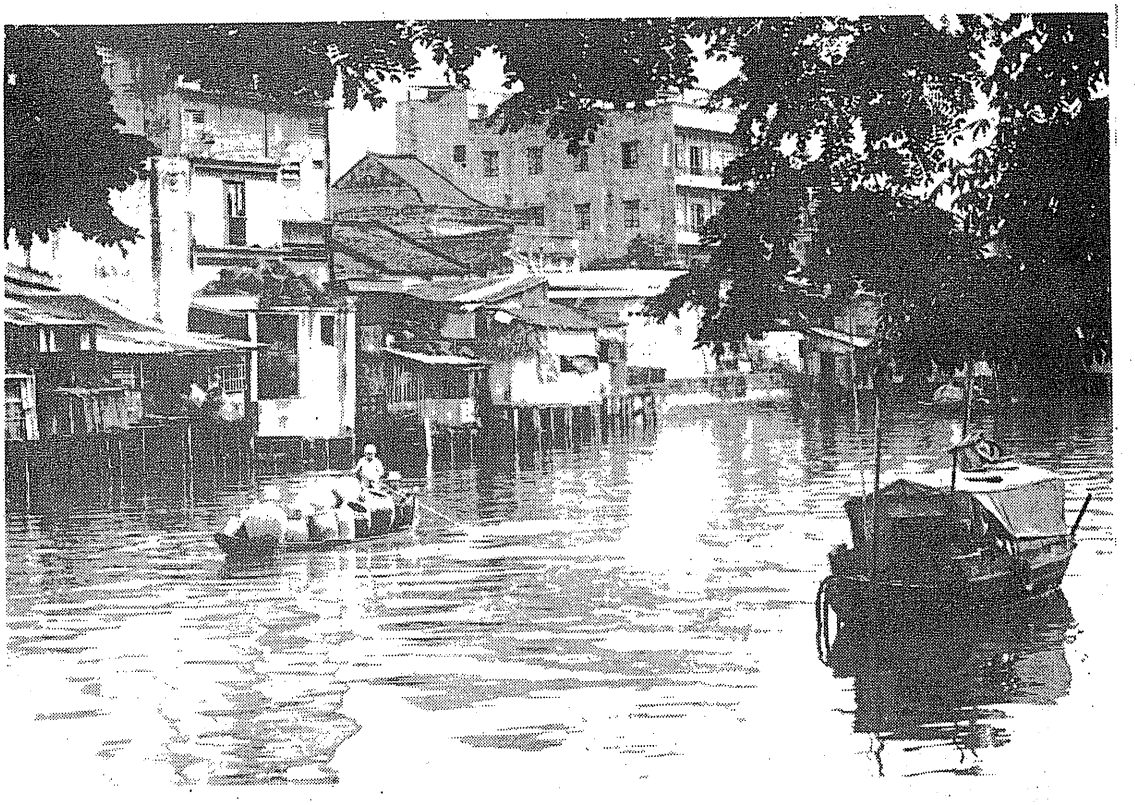

Kinh Tàu Hủ, ảnh Huỳnh Tâm.

LITTLE SAIGON (NV) -- Tết Canh Ngọ, tết Con Ngựa, sinh hoạt nghệ thuật tạo hình rộn rịp hơn hẳn mấy năm qua. Trước Tết, cuộc triển lãm hội họa và đồ họa của năm họa sĩ họ Nguyễn ở Burbank đã làm vòm trời văn học nghệ thuật Nam California rạng rỡ với những mầu đầu, mầu nước, phấn tiên, sơn mài... Ngày ông Táo chầu Trời, và ngày Nguyên Đán, nhà nhiếp ảnh họ Huỳnh từ Paris gửi sang bộ ảnh nghệ thuật 80 tấm, toàn những cảnh và người của quê hương Việt Nam hôm nay. Nhóm bạn trẻ Thư viện Lê Quý Đôn đã tổ chức hai cuộc triển lãm ảnh Huỳnh Tâm trong khu Văn Hóa của hai Hội Chợ -- sinh viên trong khuôn viên đại học Golden West, và Phòng Thương Mại Việt Nam trên phố Bolsa.

Tôi chỉ xem được một cuộc triển lãm vào hôm 20 tháng Giêng 1990 tại Hội Chợ Sinh viên. (May mắn, vì nếu chờ đến cuộc triển lãm thứ hai tôi phải "lỡ tầu," vì trời gió -- thứ gió giật mang tên Santa Ana -- thổi bay cả phòng triển lãm sáng sớm hôm mùng Một Tết!)

*
* *

Phòng ảnh trong khu văn hóa Hội Chợ Sinh Viên có hai phần. Một phần bày ảnh của nhiều nhiếp ảnh gia Việt Nam ở Cali, như Hồ Đăng, Thái Đắc Nhã, Lê Ngọc Minh, Trần Chí Trung, v.v. Những ảnh này (phần lớn là ảnh mầu) đã bày trong nhiều kỳ triển lãm trước đây.

Phần thứ hai dành riêng cho 30 bức đen trắng của Huỳnh Tâm.

Dưới con mắt của một người chơi ảnh nhà nghề thì ảnh họ

Huỳnh có vài lỗi "kỹ thuật" -- như những vết sước, những nốt trăng trên nền đen, ở một số ảnh. Nhưng trước con mắt của người thưởng ngoạn -- lại là người chất chứa tới 15 năm tình hoài hương như đa số khách xem ảnh hôm đó -- thì Huỳnh Tâm đã đưa được người xem về với bãi cát miền Trung, dòng kinh in bóng lá dừa miền Tây, và cả những bờ đường sỏi đá của một Saigon sau mười năm bị nghiến dưới bánh xe xã hội chủ nghĩa.

Người ta càng dễ tha thứ cho những sơ xuất kỹ thuật của nhiếp ảnh gia, cũng như sự "non tay nghề" của các bạn trẻ trong Thư viện Lê Quý Đôn khi "lên khung" không đúng cách một bức ảnh nghệ thuật, khi người ta biết rằng những cuộn phim đã cùng Huỳnh Tâm vượt biển từ Việt Nam năm 1985. Trong lúc vượt biển, Huỳnh Tâm đã bỏ lại, hoặc mất mát trên đường đi, tất cả "đồ tế nhuyễn, của riêng tây" (?), chỉ ôm riết lấy gói phim hàng trăm cuộn.

Ngay khi tới Pháp, còn tạm cư ở một Trung Tâm dành cho người tị nạn ở ngoại ô Paris, Huỳnh Tâm đã gom góp tiền bạc do bạn bè và các mạnh thường quân giúp đỡ, để rửa hết bộ phim thành hàng ngàn tấm ảnh. Nhà nhiếp ảnh 37. tuổi đã lựa ra khoảng 100 tấm, phóng to, và gửi đi triển lãm. Và ngay cuộc triển lãm đầu tiên tại Bièvre, Pháp quốc, ảnh của Huỳnh Tâm đã tạo được chú ý của giới thưởng ngoạn -- người Việt thì tìm tác giả hỏi thăm chuyện bên nhà, hỏi mua ảnh làm kỷ niệm, người Pháp thì tấm tắc khen ảnh đẹp, và ban tổ chức đã trao tặng Huỳnh Tâm một huy chương đồng.

Sau đó, trong năm 1986, ảnh của Huỳnh Tâm được mời triển lãm bẩy lần liên tiếp ở thủ đô và các tỉnh nước Pháp, ở Stuttgart (Đức), Bruxelles (Bỉ).

Tưởng cũng nên biết, trước khi vượt biển, Huỳnh Tâm

Trường Đời, Huỳnh Tâm

cũng đã liều gửi ảnh đi dự nhiều cuộc triển lãm ở Nhật, Ý, Đài Loan và Anh quốc. Kỳ triển lãm nào ảnh Huỳnh Tâm cũng đoạt giải (huy chương vàng, hoặc bạc, hoặc đồng).

Đây là lần đầu tiên ảnh của Huỳnh Tâm được trưng bầy ở Mỹ.

Ba mươi bức đen trắng, hầu hết là phong cảnh hoặc hoạt cảnh, ghi lại những nét đẹp quê hương, hoặc hiện thực của đời sống người dân Việt Nam dưới chế độ xã hội chủ nghĩa.

Như bức *Trường Đời* (hình bìa *Thế Kỷ 21* số 11): một bức ảnh không lời mà "nói" rất nhiều. Nó là lời tố cáo chế độ, và nó cũng là tiếng kêu báo động về một tương lai đất nước, dân tộc trong tiến trình suy thoái: tuổi thơ Việt Nam không được ngồi trên ghế nhà trường -- "ghế" của em là cái thùng đạn đại liên -- và em thay sách vở, bút thước bằng kìm búa, dầu nhớt...

Huỳnh Tâm dùng máy móc để làm nghệ thuật, nhưng sản phẩm của máy móc qua tay Huỳnh Tâm vang động nhịp đập của con tim. (LTC)

Địa chỉ liên lạc:
* Huỳnh Tâm
51 bis rue d'Alsace
92110 Clichy, FRANCE.

Vừa xảy ra, đang nói tới

Kiều Chinh và Hollywood

Nữ tài tử Kiều Chinh đứng trước bích chương ảnh Tom Cruise trong cuốn phim đang gây sôi nổi Born On The Fourth Of July

Cuốn phim Face of Love do hãng International Production thực hiện, sẽ trình chiếu trên hệ thống truyền hình NBC vào ngày 2 tháng Tư 1990, trong đó nữ tài tử Kiều Chinh sẽ giữ vai cố vấn và thủ diễn một vai phụ.

Nữ tài tử điện ảnh Kiều Chinh, qua cuộc điện đàm đã cho *Thế Kỷ 21* biết truyện phim dựa trên một câu chuyện thật của một cựu chiến binh Hoa Kỳ lúc rời Việt Nam vào những ngày tháng cuối 1975 của cuộc chiến, đã để lại một người phụ nữ Việt mang thai. Mười mấy năm sau biến cố 1975, ông Barry Huntoon, người cựu chiến binh này, tình cờ trông thấy bức hình một bé gái lai trên tạp chí Life và đoán rằng đó chính là con gái của mình. Mặc dù lúc đó đã lập gia đình, Barry vẫn bỏ ra hai năm trời để vận động bộ Ngoại Giao Mỹ và chánh quyền Hà Nội để đón bé gái tên Tuyết Mai sang Mỹ đoàn tụ cùng cha.

Do hoàn cảnh thời sự Việt Nam lúc đó không được chính quyền Hà nội cho phép nên Barry Huntoon, chỉ nhìn thấy người phụ nữ mẹ Tuyết Mai từ xa bên ngoài hàng rào phi trường. Ông không đón được người đàn bà này, vì bà còn có một đứa con khác -- của một người chồng khác -- và đứa bé bị bệnh lao, phải ở lại. Một năm sau, Huntoon đón luôn được người mẹ của Tuyết Mai sang. Lúc bấy giờ ông mới khám phá ra bà này không phải là người tình cũ của ông. Và do đó Tuyết Mai đương nhiên không phải là con của Huntoon. Tuy nhiên, sau những sóng gió với hai mẹ con Tuyết Mai, và với vợ là Laura, cuối cùng Huntoon nhận Tuyết Mai làm con nuôi.

Theo ông John Burrows, giám đốc sản xuất của hãng Inter Prod., thì đây là một câu truyện tình trong biến cố chiến tranh Việt nam. Phim nói lên tính cách nhân bản của những con người Mỹ cũng như Việt có dính líu vào cuộc chiến này.

Kiều Chinh với tư cách cố vấn toàn diện cho cuốn phim cho biết các diễn viên đóng vai Tuyết Mai và mẹ Tuyết Mai đều do những người không phải Việt Nam thủ diễn. Tại sao? Bởi vì mặc dù Inter Prod. đã mở một cuộc tuyển lựa tài tử Việt Nam nhưng đã không lựa được người nào. "Vì tất cả không có ai chuyên nghiệp."

Tuyết Mai do Melisa Chan và mẹ Tuyết Mai do Julie Nickson đóng.

Các diễn viên chính như Barry Huntoon và Laura Huntoon do các tài tử Tony Denison và Cheryl Ladd đảm nhận.

Cũng liên quan đến sinh hoạt điện ảnh, Kiều Chinh cho biết cảm nghĩ của cô về cuốn phim đang nổi bật trong tháng qua, một cuốn phim về Việt Nam có tựa đề là *Born on Fourth July* do Tom Cruise đóng vai chính và *Oliver Stone* người đã làm phim Platoon đạo diễn.

"Đó là một cuốn phim rất hay. Tom Cruise đã diễn xuất nhân vật Ron Kovic một cách tài tình. Tôi cũng xúc động về truyện phim, về nghệ thuật của cuốn phim. Nhưng tôi càng cảm động về Ron Kovic bao nhiêu thì tôi càng đau xót gấp ngàn lần hơn khi nghĩ đến những người lính VNCH của chúng tôi. Họ không có cả một chiếc xe lăn để mà di chuyển nữa. Nếu người Mỹ xem phim này lo sợ xót xa đau khổ cho nỗi bất hạnh của Ron Kovic thì tôi càng xót xa đau khổ, khóc thật sự cho nỗi bất hạnh của cả ngàn người lính VNCH chúng ta hơn nhiều."

Kiều Chinh cho biết NBC đang muốn đưa đề tài Việt Nam lên màn ảnh với các cuốn phim có khung cảnh trước chiến tranh, trong chiến tranh và sau chiến tranh Việt Nam.

Đề tài Việt Nam dù sao vẫn còn ăn khách đối với người Mỹ. Vấn đề còn lại là khi nào Hollywood nhận ra phim ảnh của họ vẫn thiếu trung thực về cuộc chiến Việt Nam, về người dân Việt Nam đã phải tranh đấu để giành tự do và độc lập cho quê hương như thế nào.

Khám phá mới: Hồ Chí Minh lại đạo văn

LÊ HOÀNG
Montréal, Canada

Hồ Chí Minh không phải là tác giả tập thơ *Ngục Trung Nhật Ký* như đảng Cộng Sản Việt Nam tìm cách gán ghép. Đó là kết luận của một cuốn sách khảo cứu sắp ra đời của giáo sư Lê Hữu Mục, sau nhiều năm tìm tòi và suy nghĩ. Theo giáo sư Lê Hữu Mục, tác giả thật của tập thơ trên là một người Trung quốc cũng bị tù với Hồ Chí Minh ở khám Victoria, Hồng Kông từ 1932-1933.

Giáo sư Lê Hữu Mục trình bày hai luận cứ chính. Thứ nhất là văn bản và nội dung của những bài thơ, thứ hai là các tài liệu về cuộc đời của Hồ Chí Minh, qua sách vở và phỏng vấn.

Cuốn *Ngục Trung Nhật Ký* (NTNK) được Hà Nội tung ra vào năm 1960, do Văn Học xuất bản. Trong bản in này có in tờ bìa của bản thảo, dưới bốn chữ tựa còn ghi năm 1932-1933. Lần in lại, hàng chữ trên bị xóa đi, thời gian sáng tác sau đó được sửa lại là 1942-1943. Năm 1971 Đặng Thai Mai với tính cách viện trưởng Văn Hóa phụ trách hiệu đính bản dịch NTNK viết thư hỏi cho biết rõ năm nào là đúng. Hồ Chí Minh không trả lời, mà chỉ có ban Tuyên Giáo trả lời Đặng Thái Mai vắn tắt xác nhận năm 1942-43 là đúng.

Sự kiện một tác giả ghi nhầm trên bản thảo về thời gian mình sáng tác rất đáng ngạc nhiên. Do đó chính Đặng Thai Mai đã đặt câu hỏi. Hồ Chí Minh từng bị giam cứu hai lần, lần đầu năm 1932-33 gần một năm, ở Hồng Kông; lần sau là mấy tháng cuối năm 1942 đầu 1943 ở Quảng Tây. Nếu ông là tác giả tập thơ trên, và thơ viết ở Quảng Tây năm 1942-43 thì tại sao ông có thể nhầm mà ghi trên bìa bản thảo thời gian sáng tác là 1932-1933?

Trong một bài của Đặng Thai Mai về "Nghiên cứu và học tập cách viết văn của Hồ Chủ Tịch," viết khi Đặng Thai Mai gần chết, ông đã nêu lên điểm nghi ngờ trên, và kể lại chuyện ông hỏi và được ban tuyên giáo xác nhận như thế nào. Ông còn tỏ ý nghi ngờ về khả năng dùng chữ Hán để làm thơ của Hồ Chí Minh, vì ông tính ra Hồ Chí Minh chỉ theo học chữ Hán được bảy năm, do đó chỉ biết lõm bõm. Câu hỏi được nêu lên, nhưng lúc *Tuyển Tập* Đặng Thái Mai ra đời sau khi ông chết đã cắt bỏ phần câu hỏi này đi.

Theo giáo sư Lê Hữu Mục lối dùng chữ, đặt câu và ý tưởng trong tập thơ chứng tỏ tác giả là một người Tàu. Có bài thơ tác giả than mình bị nghi và gán tội Hán gian. Có bài tác giả viết về ngày vui quốc khánh song thập (10 tháng 10). Cách gieo vần theo luật âm vận của người Tàu, mà một người Việt học chữ Hán không bao giờ dùng. Nội dung các bài thơ cho thấy tác giả là một tay ngang tàng và có vẻ võ biền, đã ở tù lâu năm và dùng nhiều chữ phiên âm tiếng Anh (thí dụ ma đăng là modern) chắc phải là người Hồng Kông, không thể ở Quảng Tây. Tác giả cũng nhớ gia đình, một tình trạng không thích hợp với Hồ Chí Minh.

Nhiều nhận định về văn bản và nội dung cho thấy tác giả tập thơ không phải Hồ Chí Minh, và chỉ có thể là một người Tàu ở Hồng Kông.

Giáo sư Lê Hữu Mục đưa giả thuyết tác giả tập thơ có thể là bạn tù với Hồ Chí Minh ở Hồng Kông. Nhân vật này có tên là già Lý. Trong hai cuốn tự truyện Hồ Chí Minh viết để tự ca tụng mình có nhắc đến nhân vật già Lý. Cuốn *Những mẩu chuyện trong cuộc đời hoạt động của Hồ chủ tịch* ký tên Trần Dân Tiên in năm 1955 và cuốn *Vừa đi đường vừa kể truyện*, ký tên T. Lan, năm 1963, có nhắc đến già Lý rất nhiều. Về cuốn thứ nhất Kiều Phong đã viết một tập bình luận trào lộng là *Chân Dung "Bác Hồ."* Theo các cuốn tự truyện trên, già Lý là một tướng cướp, đã bị tù ở khám Victoria, Hong Kong, sáu năm trước khi gặp Hồ Chí Minh và sau đó lại bị giam bảy năm nữa vì giết một viên cai ngục. Vào khoảng 1932 già Lý đã gần 60 tuổi, do đó có thể ông ta đã chết trong tù. Chắc ông ta đã chết trước năm 1955, khi tập thơ được dịch ra tiếng Việt để tạo cho Hồ Chí Minh thành một thi sĩ.

Giáo sư Lê Hữu Mục còn nhận xét rằng Hồ Chí Minh không bao giờ nhắc đến tập thơ này, trong khi các bài thơ khác của ông được ông nhớ lại một cách trìu mến. Ông không bao giờ nhận mình là tác giả *Ngục Trung Nhật Ký* một cách chính thức, dù lần xuất bản năm 1955, nhà xuất bản Văn Học ghi đã được "sự cho phép của Bác."

Cuốn sách của giáo sư Lê Hữu Mục hoàn tất vào cuối năm 1989 và hiện đang ấn hành. Độc giả khắp nơi sẽ được coi công trình khảo cứu công phu này trong một ngày gần đây. Sau khi Hà Nội thú nhận đã sửa cả ngày chết lẫn di chúc của Hồ Chí Minh, có lẽ sẽ đến ngày mọi người biết rõ cả tập thơ gọi là của "bác" cũng là đồ ngụy tạo. Một vụ đạo văn lớn sẽ được đưa ra trước tòa án dư luận.

Cộng sản Nga chịu thua một nhạc sĩ

Sau 16 năm lưu đầy nhạc sĩ Mstislav Rostropovich và bà vợ đã chánh thức được mời trở lại nước Nga, trong một không khí "vinh quy bái tổ." Năm 1974 trong khi nhà nhạc sĩ chỉ sử dụng trung hồ cầm (violoncelle) nổi tiếng thế giới đang đi trình diễn ở nước ngoài thì chính phủ Nga tuyên bố tước bỏ quyền công dân của ông và vợ ông, bà Galina Vishnevskaya, một ca sĩ giọng soprano. Hai ông bà sống lưu vong từ đó. Khi bắt đầu lưu vong, tính coi muốn chọn sống ở nơi nào, Rostropovich đã chọn Paris làm trú sở chính. Ông nói: "Bao nhiêu thế kỷ rồi, những người lưu vong về chánh trị đều chọn Paris." Tuy nhiên hai vợ chồng ông không chịu nhập tịch nước nào cả. Để giúp ông bà di chuyển khắp nơi trên thế giới dễ dàng, ông hoàng Monaco đã đặc cách cho họ dùng giấy thông hành (hộ chiếu) của Monaco, nhưng thông hành của ông vẫn là "vô quốc tịch" (Stateless).

Rostropovich đã dẫn giàn nhạc Giao hưởng Quốc gia của thủ đô Washington, Mỹ Quốc đi một vòng tròn ba tuần ở Nhật và Nga. Tại Âm nhạc viện Matxcơva, Rostropovich đã điều khiển bài giao hưởng *Pathetique* của Tchaikovsky, ông chọn bài đó vì lần cuối cùng ông điều khiển giàn nhạc ở Nga ông cũng đã cho trình tấu cùng một bài, ở cùng một sân khấu, ngày 10 tháng Mười, 1974.

Khi trở về Matxcơva ông sẽ làm gì? Trước khi lên đường Rostropovich đã trả lời: "Tôi sẽ đi thẳng từ phi trường đến nghĩa trang để thăm mộ các người bạn đã khuất. Rồi tôi sẽ đi bộ ngoài đường phố, suốt đêm. Tôi ở Matxcơva từ năm tôi lên 5 tuổi. Bây giờ lại đi lang thang suốt đêm ở đó, tôi sẽ nhớ lại tất cả các kỷ niệm thời hoa niên."

The Associated Press

Nhạc sĩ Mstislav Rostropovich, phải, trò chuyện với ký giả và nhiếp ảnh viên báo chí khi trở lại Mạc Tư Khoa sau 12 năm bị lưu đày. Bốn năm sau khi ông và vợ bị tước đoạt quyền công dân Xô Viết vì đã chứa chấp nhà văn Aleksandr Solzhenitsyn. Nga đã phục hồi quyền công dân hai vợ chồng nghệ sĩ này vào tháng Hai 1990.

Chuyến trở về của Rostropovich là một cuộc vinh quy, vì chính phủ Liên Xô đã chính thức trả lại quốc tịch cho vợ chồng ông mà họ tước bỏ năm 1974. Ngoài ra những huy chương, phần thưởng của vợ chồng ông bị hủy từ 1978 nay được phục hồi lại. Nhưng đối với Rostropovich những thứ đó đâu quan trọng bằng việc khán giả và thính giả khắp nơi nồng nhiệt đón tiếp hai ông bà. Ngay khi bức tường Bá Linh bị phá bỏ, Rostropovich đã tới ngồi trình tấu ngay chân bức tường mấy liên khúc (suite) viết cho trung hồ cầm của Bach. Những liên khúc này biểu lộ tiếng nói cá nhân và tính chất độc đáo của người nhạc sĩ, xứng đáng là một thông điệp gởi qua bức tường. Thông điệp đó báo cho một chế độ chủ trương áp chế và hủy diệt cá tính biết rằng: Con người, mỗi con người đều quan trọng. Hãy nghe tiếng hồ cầm thủ thỉ.

Chữ và Nghĩa

ĐỖ TỈNH

phụ trách

* *Thế Kỷ 21* số 8 (12-1989) trang 17 có câu: "*Chống lại dân chủ đa nguyên là chước lấy thất bại.*"

Chắc người viết câu này có ý định nói: "chuốc lấy thất bại," vì "chước" lấy thất bại thì không có nghĩa. Chuốc có nghĩa là mua lấy, gánh lấy.

Trong tiếng Việt "chước" có nghĩa như là mẹo (mưu chước, ba mươi sáu chước, chước này là hơn *Kiều).* "Bắt chước" dùng từ chước theo nghĩa đó. "Châm chước" cũng có ý từ cùng một gốc.

* Thế kỷ 21, số 9 (1-1990) viết ở trang 66 "chỉ trong mấy câu chàng đã *khái quát tính cách cốt yếu* của chủ nghĩa Cộng Sản... một cách *chính xác thiên tài.*"

Khái quát thường không dùng như một động từ. Dùng chữ *tóm lược* đúng hơn. *Thiên tài* thường dùng như một danh từ, ở đây đã đem dùng như trạng từ, nghe rất Tây. Có thể viết: "chính xác tuyệt vời," hay "cách chính xác mà chỉ thiên tài mới đạt tới."

Cả câu "khái quát (tóm lược) tính cách cốt yếu của chủ nghĩa Cộng Sản" diễn tả sai ý của người viết. Tác giả chắc định nói Zhivago đã tóm lược các điểm có tính cách cốt yếu của chủ nghĩa Cộng Sản trong vài câu. Nhưng khi viết "tóm lược tính cách cốt yếu của chủ nghĩa CS" ta sẽ hiểu rằng chủ nghĩa Cộng Sản có tính cách cốt yếu (nghĩa là gì?) và mấy câu của Zhivago đã tóm lược tính cách đó.

* *Văn Học* số 45 (11-1989), trang 17 "Tôi... thuở nhỏ có chơi thân với một thằng bạn cùng hẻm, học chung lớp ở trường tên Tiến." Tác giả định viết thằng bạn tên Tiến, nhưng người đọc có thể hiểu lầm trường tên là Tiến.

* *Văn Học* số 45, trang 49 "khi định nói về ngôi làng đó, tôi đã thấy ngay một sự khó khăn để diễn tả." Có lẽ tác giả định nói: thấy việc diễn tả về ngôi làng đó là một sự khó khăn. Nhưng viết như câu trên, người đọc có thể hiểu là: thấy một sự khó khăn của ngôi làng đó để diễn tả cho chúng ta biết về sự khó khăn đó.

* Tất cả câu trích dẫn trên đây, và lời nhận xét, đều nhắm mục đích bảo vệ nghề viết tiếng Việt, khích lệ việc viết tiếng Việt. Người phụ trách không nêu tên tác giả của mỗi câu trích dẫn, và đề nghị quí vị cũng theo lối đó. Trừ khi chính tác giả yêu cầu nêu danh mình.

*** Chuyện vui chữ nghĩa:**

* Trong *Truyện Kiều* có 12 câu dùng chữ *Cứ,* đều với nghĩa khác với chữ *Cứ* dùng ngày nay.

Ngày nay chúng ta viết: cứ nói, cứ làm, với nghĩa là hãy nói, hãy làm, "cứ" là tiếng phụ đứng trước một động từ.

Theo Đào Duy Anh *(Từ Điển Truyện Kiều)* thời Nguyễn Du chữ *cứ* còn là một động từ độc lập, gốc chữ Hán, với nghĩa là dựa vào (thí dụ căn cứ)

Cứ trong mộng triệu mà suy: Dựa vào điềm mộng mà suy

Dạy rằng mộng triệu cứ đâu: mộng triệu không có cơ sở gì

Trăm điều hãy cứ trông vào một ta: hãy dựa trông vào một ta (không nên hiểu lầm là hãy chỉ trông vào một ta)

Nghĩa thứ hai của chữ *cứ* do nghĩa gốc mà ra. *Cứ* nghĩa là theo một quy tắc rõ rệt.

Một là cứ phép gia hình
Một là lại cứ lầu xanh phó về

Những câu khác:

- *Nhập gia phải cứ pháp nhà tao đây*
- *Dạy rằng cứ phép gia hình*
- *Sự mình nàng phải cứ mà gởi thưa*
- *Tiền trăm lại cứ nguyên ngân phát hoàn*
- *Thề sao thì lại cứ sao gia hình.*

* *Trong Thế Kỷ 21,* số 9 trang 86, Lê Tam Ca viết: "Truyện của Bùi Bích Hà là những phù điêu làm nổi bật lên những tâm trạng..." Chữ phù điêu nghĩa là gì? Ông Lê Tam Ca dùng chữ khó khăn. Theo từ điển Phù Điêu là hình nổi, đắp lên hay trạm trên một mặt phẳng (relief). *Việt Nam Tự điển* của hội Khai Trí Tiến Đức và *Hán Việt Từ Điển* của Nguyễn Văn Khôn không có chữ này. Phù là nổi, điêu là khắc, trạm. Gọi là "bản khắc nổi" dễ hiểu hơn, nhưng "phù điêu" nghe sang, có vẻ *Buổi Sáng Một Mình* hơn.

Trong cõi người ta

VƯƠNG CÔNG TỬ

Sưu tầm

Ca dao mới

Từ 1975 ở miền Nam xuất hiện nhiều bài ca dao mới. Các ca dao mới ở miền Bắc lưu truyền từ 1954 cũng đầy rẫy. Chúng ta nên sưu tập các câu ca dao mới này, để đời sau có chứng tích về lòng dân Việt ở cuối thế kỷ 20. Xin kể một đoạn làm thí dụ, các số báo sau xin mời độc giả đóng góp.

Trăm năm trong cõi người ta
Ở đâu cũng được đi ra đi vào
Chậm tiến như ở nước Lào
Người ta cũng được đi vào đi ra
Đen đủi như Ăng Gô La (1)
Người ta vẫn được đi ra đi vào
Hủ lậu như xứ bác Mao
Người ta còn được đi vào đi ra
Độc tài như ở Cuba
Người ta vẫn được đi ra đi vào
Thuộc địa như ở Macao (2)
Người ta cũng được đi vào đi ra
Chỉ riêng ở nước Nam ta
Chẳng ai còn được đi ra đi vào

(Lê Ca sưu tầm)

(1): Angola: cựu thuộc địa Bồ dào Nha, ở Phi Châu, có nội chiến giữa hai phe Cộng Sản và chống Cộng.
(2) Macao: thuộc Trung Quốc, được nhường cho Bồ dào Nha cai trị từ mấy trăm năm, giờ vẫn còn là thuộc địa.

Tản Đà và Tiền

Thi sĩ Tản Đà nổi tiếng là nghèo, nhưng cũng nổi tiếng là coi khinh đồng tiền. Có lần một nhà đại phú từ miền Nam yêu thơ Tản Đà mang tặng thi sĩ 1000 đồng (Tính ra mãi lực và lương bổng, số tiền này tương đương với 50,000 Mỹ kim cho một nhà văn Việt Nam ở Mỹ bây giờ). Tản Đà dùng số tiền đó để đi du lịch, đãi bạn văn chương và uống rượu, một năm thì hết. Cuối đời của Tản Đà, nhà văn Nguyễn Tiến Lãng, thân cận vua Bảo Đại, xin Bảo Đại và hoàng hậu Nam Phương tặng cho Tản Đà 500 đồng. Việc chưa thành thì Tản Đà mất. Nguyễn Tuân kể lại chuyện này, lấy làm mừng rằng thi sĩ may mắn không phải xin tiền của vua!

Bùi Giáng, đàn chó và Huy Cận

Thi sĩ Bùi Giáng so với Tản Đà thì nghèo hơn, ngông hơn và thơ ông cũng mới mẻ như Tản Đà, so với các thi sĩ cùng thời và cùng tuổi. Sau năm 1975 Bùi Giáng sống lang thang ở vỉa hè Sàigòn, miệng la chửi chế độ không sợ ai cả. Nhiều lần ông bị đánh rất đau vì chọc tức cán bộ, công an, nhưng họ không giam giữ ông vì coi ông là điên.

Sống lang bang nhưng Bùi Giáng lại nuôi chó, vì làm bạn với chó tốt hơn bạn với người. Có lúc chó sanh đẻ, Bùi Giáng phải cáng đáng cả một bầy chó con. Không có nhà, không có cả lồng, cũi nuôi chó, Bùi Giáng phải cho đàn chó vào trong bao tải, bằng vải hay bằng ni lông đục lỗ, ôm cả lũ chó đi dạo khắp Sàigòn. Cuối cùng thi sĩ mệt vì chó, phải mang đến nhờ nữ họa sĩ Bé Ký nuôi. Bé Ký bỗng trở thành mẹ nuôi của cả một đàn chó do thi sĩ gởi gấm.

Huy Cận lúc đó là thứ trưởng bộ Văn Hóa, rất thích thơ Bùi Giáng, nhưng hỏi thăm, tìm gặp thì không ai có... địa chỉ. Sau cùng Huy Cận phải nhờ mấy văn nghệ sĩ trong Nam đi tìm Bùi Giáng dẫn đến cho mình được gặp. Nhà thi sĩ lang thang, quần áo xốc xếch, chân đi đất, được bạn mời rượu, rồi đưa vào văn phòng ông quan thứ trưởng. Huy Cận chạy ra chào, và nói: chưa ai sửa thơ tôi, nhưng ông sửa thơ tôi thì tôi thấy rất hay. Tôi rất bái phục.

Huy Cận lại hỏi Bùi Giáng: "Ông có cần tôi giúp đỡ gì không?" Bùi Giáng chỉ trả lời: "Ông làm sao cho chúng nó đừng đánh tôi nữa. Đau quá!" Huy Cận lấy danh thiếp, có chức vụ rõ ràng, viết mấy chữ bảo đảm. Xin các cán bộ, công an, bộ đội nếu bắt ông này thì hãy thả tự do, và yêu cầu không được đánh đập. Bùi Giáng nhét danh thiếp vô túi, lại trở về với lề đường. Mấy bữa sau thì tấm danh thiếp quý báu đó cũng rớt đâu mất.

Viên Công đổi mới kinh tế

Sách *Liệt Tử* kể một chuyện đổi mới kinh tế, chuyện xảy ra từ hơn 2000 năm rồi mà thấy như bữa qua.

Ở nước Tống có người nuôi khỉ rất giỏi, ai cũng khâm phục, tôn là Viên Công (xin đừng in là Viên Cộng). Ông ta nuôi trong nhà tập thể một đàn khỉ, biết rõ tánh từng con; và đàn khỉ cũng hiểu rõ tiếng người. Mỗi ngày Viên Công phát thức ăn cho chúng theo kế hoạch.

Năm đó kinh tế suy thoái, thức ăn không đủ, viện trợ cũng bị cúp bớt. Viên Công muốn bớt phần ăn của khỉ, nhưng sợ chúng phản đối, bèn nghĩ ra một cách đổi mới kinh tế thần diệu. Ông kêu đàn khỉ lại, nói:

"Kể từ bữa nay ta cho chúng bay ăn hạt trái cây, mỗi đứa sáng ba hạt, tối bốn hạt, đủ no không?"

Đàn khỉ nhao nhao lên, kêu không đủ. Tìm cách đổi mới tư duy, hạch toán kinh tế một hồi, Viên Công lại nói:

"Ta sẽ phát hạt trái cây cho bay ăn thay vì ăn cháo; từ nay mỗi đứa buổi sáng được phát bốn hạt, buổi tối ba hạt, chịu không?"

Cả đàn khỉ nghe nói hết sức hài lòng, lạy phục tung hô. (Cam đoan đúng sách của Liệt Tử -- dịch ra tiếng quốc ngữ)

Chuyện của nông dân... Tolstoi

Nếu bạn gửi một truyện ngắn đến *Thế Kỷ 21* cả mấy tháng vẫn không thấy chủ biên Nguyễn Xuân Hoàng hồi âm, thì xin đừng giận. Xin đọc thử câu chuyện dưới đây.

Hồi đầu thế kỷ, một bữa tạp chí *Tư tưởng Nga* nhận được bản thảo một truyện ngắn, của tác giả mới, ký tên: "Người nông dân Semionov." Tòa soạn hẹn tác giả đến thạm khảo trong vòng hai tuần. Đúng hẹn, một ông già đến tòa báo hỏi thăm coi họ nhận đăng truyện của người nông dân Semionov không. Nhân viên tòa soạn cố gắng tiếp ông già cho xong chuyện. Anh nói: "Bác Semionov, chúng cháu thấy không thể nào đăng truyện của bác được." "Tại sao vậy?" "Thưa bác, cách viết của bác còn non và cổ quá đi. Ở tuổi bác mà tập viết văn thì hơi trễ đấy. Thưa bác, trước tới giờ bác đã viết văn hồi nào chưa?" "Có, tôi đã viết, đã xuất bản khá nhiều!"

Ông nhà báo ngạc nhiên, hỏi:

- Xin bác kể cho cháu nghe tên vài cuốn sách của bác coi.

- Chẳng hạn: *Chiến Tranh và Hòa Bình, Anna Karenina* v.v. Thường tôi vẫn ký tên là Leo-Tolstoi.

Bà xử án bằng thơ và không sợ vua

Quý vị có biết bà Nguyễn thị Hinh, người làng (phường) Nghi Tàm, huyện Vĩnh Thuận, bên cạnh Hồ Tây, là ai chăng? Bà thường làm thơ Đường Luật, sống vào đầu thế kỷ 19 -- nói vậy chắc quý vị đã đoán ra rồi? Nếu chưa biết, xin nói thêm: bà là tác giả bài "Thăng Long thành hoài cổ" và "Qua Đèo Ngang!"

Nguyễn thị Hinh là tên của bà Huyện Thanh Quan, vì chồng bà làm tri huyện Thanh Quan. Khi chồng bà làm tri huyện có cô Nguyễn thị Đào nộp đơn xin ly dị chồng vì cả gia đình chồng lẫn người chồng bạc đãi cô. Trong lúc quan huyện đi vắng, bà huyện mở đơn từ ra coi, rồi cảm thương người cùng phận hồng nhan, bà phê vào đơn:

Phó cho con Nguyễn Thị Đào
Nước trong leo lẻo cắm sào đợi ai?
Chữ rằng: Xuân bất tái lai (1)
Cho về kiếm chút kẻo mai nữa già

Ông huyện Thanh Quan đồng ý với bà, xử cho thị Đào được ly dị. Nhà chồng y thị đi kiện quan trên, đút lót hậu, quan trên cách chức ông huyện.

Sau ông huyện Lưu Nguyên Ôn (1804-1847) được triệu vào Huế làm quan ở bộ Hình. Bà Nguyễn thị Hinh nổi tiếng văn chương, vua Minh Mạng mời bà vào làm cô giáo dạy các cung phi học, gọi là Cung Trung Giáo Tập. Một bữa nhà vua lấy bức tranh vẽ cảnh núi sông trên tường làm một câu đối yêu cầu bà giáo đối lại. Vua Minh Mệnh lấy một câu văn cổ đọc rằng:

Quải thư bích thượng, tận thu tứ hải sơn hà
(Treo tranh trên vách, thu hết núi sông trong bốn biển)

Bà giáo Hinh biết ý nhà vua kiêu ngạo, tự coi mình là chủ núi sông bốn biển. Bà đối lại:

Tẩy túc trì trung, dao động cửu thiên tinh đẩu
(Rửa chân trong ao nước, lay động các ngôi sao trên chín tầng trời)

Mang chuyện rửa chân ra đối với chuyện treo tranh là rất nghịch, khá hỗn. Vua nói chuyện dưới mặt đất, bà nói chuyện trên trời, rõ ràng là tỏ ra không sợ, không phục ông vua chút nào.

Một lần vua Minh Mạng viết hai chữ *Phúc* và *Thọ* rất lớn để treo tường, lấy làm đắc ý, ban cho một đại thần. Nhân có bà giáo Hinh, nhà vua hỏi ý kiến về nét ngự bút có đẹp không. Bà giáo phê hai câu: "Phúc tối hậu, Thọ tối trường."

Mới nghe người ta tưởng bà chúc nhà vua "Phúc rất dầy, Thọ rất lâu." Nhưng nghĩ kỹ thì ai cũng biết bà chê chữ Phúc vua viết mập quá, còn chữ Thọ thì dài quá!

(1) Xuân bất tái lai: mùa xuân qua rồi không trở lại.

Sách báo trong tháng

Trong tháng qua Thế Kỷ 21 đã nhận được sách báo và tạp chí của đồng nghiệp và thân hữu. Cám ơn các tác giả và nhà xuất bản. Xin trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc.

Thế Kỷ 21

TRƯỜNG CA LỜI MẸ RU, sách song ngữ Anh-Việt. Nguyên tác tiếng Việt của Trương Anh Thụy, bản dịch tiếng Anh Nguyễn Ngọc Bích. Minh họa Võ Đình. Tủ sách Cành Nam xuất bản. Sách dày 110 trang, đề giá 12 MK.

Đây là một tập thơ, hầu hết làm theo thể lục bát, được sắp xếp theo thứ tự sự việc xảy ra trong một năm (Âm lịch), như lời tác giả trong phần mở đầu viết "dụng ý là để các em có thể dễ dàng theo dõi những diễn tiến hoạt động của Cộng đồng người Việt nơi các em đang sống."

Tập sách như những lời nhắn nhủ âu yếm nhất của một người mẹ Việt Nam dành cho con thơ lớn lên nơi đất khách quê người, cho các em biết quá khứ để bước vào tương lai. "Có như thế," vẫn theo lời tác giả, "một ngày kia, các em mới không bỡ ngỡ xa lạ khi tiếp xúc được với các bạn trẻ ở quê nhà để có thể cùng tiếp tay nhau xây dựng lại một đất nước quang phục trong sự phồn vinh, an bình và kính nể của nhân loại."

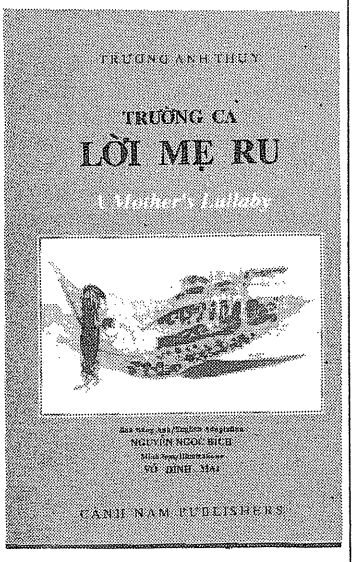

Là con gái duy nhất của hai cụ họa sĩ Tá-Chi Trương Cam Khải và dịch giả Kim Y Phạm Lệ Oanh, tác giả Trương Anh Thụy lớn lên trong một gia đình nho giáo, rất ham mê nghệ thuật Á Đông.

Trường Ca Lời Mẹ Ru là tác phẩm thứ hai sau tập thơ *Của Mưa Gửi Nắng* của bà.

Tập sách còn được sự đóng góp của giáo sư dịch giả Nguyễn Ngọc Bích trong phần tiếng Anh, và họa sĩ Võ Đình Mai giữ phần minh họa.

Một tác phẩm in ấn đẹp và trang nhã do những người rất quan tâm đến giáo dục chăm sóc và thực hiện.

Địa chỉ liên lạc:
Tủ sách Cành Nam
2607 N. Military Rd.
Arlington, VA 22207

NGHĨ VỀ THƠ, tiểu luận của Nguyễn Hưng Quốc, Văn Nghệ xuất bản. Sách dày 216 trang, đề giá 9 MK.

Nghĩ về Thơ là một tác phẩm tập hợp nhiều bài viết của Nguyễn Hưng Quốc đã đăng tải trên các tạp chí *Văn, Văn Học, Thế Kỷ 21...*

Tuy chỉ mới bắt đầu cầm bút từ năm 1986, Nguyễn Hưng Quốc đã chứng tỏ là một nhà phê bình sâu sắc và cẩn trọng. Những bài viết của ông về Thơ qua tác phẩm *Tìm hiểu nghệ thuật thơ Việt Nam* do Quê Mẹ xuất bản năm 1988 và *Nghĩ về Thơ,* do Văn Nghệ xuất bản 1989, cho thấy trong lãnh vực phê bình văn nghệ Việt Nam, vốn là một vùng đất bỏ trống từ những ngày trước 75 ở Sàigon và sau 75 tại hải ngoại,

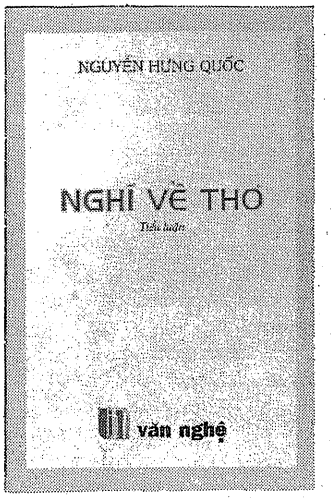

nay đã có người đứng ra chăm sóc khá tận tình.

Khả năng phân tích cao, óc tổng hợp bén, bút pháp gọn rõ, nắm bắt được cốt tủy của vấn đề, Nguyễn Hưng Quốc xứng đáng được xem là một nhà phê bình trẻ tuổi đời nhưng già tuổi nghề và có thẩm quyền nhất hiện nay trong lãnh vực này.

Trong bìa sau cuốn sách nhà xuất bản Văn Nghệ (?) đã giới thiệu Nguyễn Hưng Quốc bằng mấy dòng ngắn, nhưng khá đủ. Sau khi trích dẫn một phân tích của Nguyễn Hưng Quốc về hai câu thơ của Vũ Đình Liên:

Lá vàng rơi trên giấy
Ngoài trời mưa bụi bay

trong đó Nguyễn Hưng Quốc cho biết ông thích đọc câu thơ thứ hai theo giọng Bắc tức là "trời" đọc thành "giời" hơn, [bởi vì *Ngoài* **trời** *mưa bụi bay* thì chỉ có mưa, nhưng *ngoài* **"giời"** *mưa bụi bay* thì không những chỉ có mưa mà còn có cả cơn rét gây gây, se sắt, tái tê nữa], nhà xuất bản viết "Nguyễn Hưng Quốc là người có khiếu thẩm thức đặc biệt về thơ. Ông đọc nhiều, và đọc thơ ai, ông cũng

nắm bắt được cái thần của thơ từng người. Ông cảm thơ với một tâm hồn thơ, nhậy bén nhận ra đâu là thơ đâu không là thơ!... *Nghĩ Về Thơ* không hẳn là một tập tiểu luận phê bình. *Một tập thơ, đúng hơn!*

Có lẽ khó tìm một lời khen nào khác *đúng hơn!*

CON ĐƯỜNG QUA MÙA ĐÔNG, Thế Uyên, do Xuân Thu xuất bản. Sách dày 334 trang, đề giá 11 MK.

Tác phẩm gồm một số bài viết về nhiều sự việc, vấn đề: mùa đông 75 trong trại cải tạo ở chân núi Bà Đen *(Con Đường Qua Mùa Đông)*, nhân bản chúc thư của Hồ Chí Minh nói về bản chúc thư, đúng ra đó là cuốn hồi ký, *Một Cơn Gió Bụi* của học giả Trần Trọng Kim, trong đó cụ Trần ghi lại những hiểu biết, những nhận định về Đảng Cộng Sản cũng như chủ nghĩa Mác-Lê nin *(Chúc Thư của Trần Trọng Kim)*, vấn đề Cao Miên và cuộc tranh chấp giữa hai dân tộc Thái và Việt *(cùng tên)*, tiếng nói và ngôn ngữ sử dụng của hai miền Nam

Bắc sau ngày Saigon thất thủ *(Bể Dâu Trong Tiếng Việt I)* và bàn về sự tồn vong và tương lai của tiếng Việt tại các cộng đồng Việt ở hải ngoại, đặc biệt là tại các quốc gia nói tiếng Anh *(Bể Dâu Trong Tiếng Việt II và III)*, kỷ niệm về các nhà văn *(Võ Phiến và Tôi, Những Khoảng Đường Chung với Doãn Quốc Sĩ)*, về cuộc đời một người viết văn *(Nhìn lại Cuộc Đời Nguyễn Hiến Lê)*, về cuốn sách của một linh mục ngoại quốc, một nhà truyền giáo chân chính *(Dominici Đỗ Minh Trí và Việt Nam Quê Hương Tôi)*, kỷ niệm về một người bạn nay là một tay Cộng Sản ở Huế (Hoàng Phủ Ngọc Tường, Nguyễn Đắc Xuân, Túy Hồng, Trịnh Công Sơn, thầy Đức Nhuận: *Những Người Tự Tuyệt Tình Cốc, Kẻ Sĩ và Thiền Sư)*.

Trước 75, Thế Uyên đã là tác giả, dịch giả của khoảng 15 tác phẩm gồm truyện ngắn, đoản văn, kịch, truyện dài, hồi ký biên khảo.

Sau 75, *Con Đường Qua Mùa Đông* là tác phẩm thứ hai, sau cuốn *Saigòn Sau Mười Hai Năm* của ông. Cả hai cuốn này được viết và in tại Hoa Kỳ. Trong các thể loại văn học mà Thế Uyên sử dụng, có thể nói đây là thể loại mạnh nhất của ngòi bút Thế Uyên. Ông tiếp cận với người đọc, thuyết phục người đọc, bằng những vấn đề mà người đọc đang muốn biết, đang suy nghĩ và đang tìm câu trả lời. Từ *Mười Ngày Phép Của Một Người Lính* đến *Con Đường Qua Mùa Đông*, Thế Uyên vẫn đi tiếp con đường ông đã chọn: nói lên những ý nghĩ về cuộc sống và trình bày những kinh nghiệm sống của chính ông. Người và việc trong các bài viết của Thế Uyên nhiều khi chỉ là cái cớ để làm rõ nét chính tác giả.

HỒI KÝ, tập I, Nguyễn Hiến Lê. Văn Nghệ xuất bản. Sách dày 354 trang. Đề giá 14 MK.

Có thể nói Hồi Ký là thể loại được mùa nhất trong mấy năm gần đây. Mới đây người đọc hải ngoại vừa được thưởng thức cuốn *Hồi Ký Thời Cách Mạng Kháng Chiến* của nhạc sĩ Phạm Duy (đây là cuốn giữa trong toàn bộ năm tập *Thời Thơ Ấu, Thời Vào Đời, Thời Kháng Chiến, Thời Nam Bắc Phân Chia* và *Thời Hải Ngoại)*.

Trước đây, nhà Văn Nghệ cũng đã cho in hai cuốn hồi ký khác cũng của cùng tác giả là *Đời Viết Văn Của Tôi* và *Hồi Ký III* (Tại sao cuốn II in trước cuốn I, không thấy nhà xuất bản giải thích, nhưng ở trang đầu tập sách này nhà xuất bản lưu ý là "trong bộ *Hồi Ký* (của Nguyễn Hiến Lê) người đọc có thể sẽ gặp lại một số điều đã đọc trong cuốn *Đời Viết Văn Của Tôi* của cùng tác giả. Như thế là vì *Đời Viết Văn...* được trích ra từ *Hồi Ký*, những đoạn trích chỉ liên quan đến sự nghiệp trước tác, trong khi *Hồi Ký* bao quát mọi phương diện của đời tác giả."

Dù sao qua bản mục lục ở đầu sách, người đọc có thể lướt thấy hành trình của người cầm bút Nguyễn Hiến Lê (trong Hồi Ký I) đi qua ba giai đoạn: sinh trưởng và học ở Bắc (1912-1934), vô Nam làm việc (1935-1945) và trong chiến tranh Việt-Pháp (1945-1954).

Hồi ký là thể loại văn học (mặc dù nội dung hồi ký ấy có thể không thuộc phạm vi văn học, mà có thể là quân sự chính trị ghi lại sự trưởng thành của một con người, những chặng đường nghiên cứu của một học giả, những kinh nghiệm học tập và sáng tác của một nhà văn... Nói chung là viết về cuộc đời của chính nhân vật xưng tôi.

Trong *Đời Viết Văn Của Tôi* của Nguyễn Hiến Lê, người đọc ưa thích văn học có thể theo dõi con đường học tập và viết lách của một người cầm bút đứng giữa đường mà lề phải là học giả và lề trái là nhà văn.

Giờ đây bước sang một phạm vi rộng lớn hơn: Hồi ký về một cuộc đời của một con người. Một hồi ký như thế trước hết nếu nó không được viết ra bởi

một con người uyên bác thông minh tế nhị, một học giả lừng danh vẽ lại con đường thâm cứu của mình, một nhà quân sự (chính trị) nắm trong tay những bí mật quốc phòng (chính trường) tiết lộ về những biến cố lịch sử trong đó mình có dự phần mà từ trước vẫn còn bị che phủ giấu kín; một nghệ sĩ nổi tiếng mà phần đời tư của họ lẫn vào phần đời công, và mỗi hành vi của họ làm gợn lên những đợt sóng dư luận quần chúng, -- lẫn giữa khen và chê, lên án đả kích hay thán phục --... Hồi ký của Năm Châu, Phùng Há,... tự truyện của Võ Phiến, Mai Thảo, Nguyên Sa... cuộc đời của Kiều Chinh... (Cần lắm, nhưng chưa thấy, chưa có...) Cũng có thể hồi ký của Bảo Đại, những năm tháng của tướng Nguyễn Văn Hinh...

Cái sôi nổi của cuộc đời một nhà báo... cũng là một yếu tố cần thiết.

Nguyễn Hiến Lê trong *Lời Nói Đầu* của *Hồi Ký I* có viết một câu tôi cho là đáng lưu ý về việc viết hồi ký và cho in hồi ký:

"*Năm nay, 1980, gần tới lúc cuối đời, thực hiện xong chương trình biên khảo về Triết học Trung Hoa thời Tiên Tần -- tập cuối cùng: Kinh Dịch, đạo của người quân tử,... -- ... tôi lại viết Hồi Kí* [i ngắn, chữ của ông Lê] *chép được trên bảy trăm trang khổ đánh máy,* **cũng không có ý in thành sách mà chỉ để cho vài người thân đọc" (chúng tôi cho in đậm mấy chữ trên)**

Khi cầm trên tay cuốn *Confessions* của J. J. Rousseau hoặc cuốn *Autobiography* của Bertrand Russell,..., người đọc biết mình đang chờ đợi gì nơi tác giả của tập hồi ký đó. Cũng vậy, ta chờ đợi gì khi mở ra những trang hồi tưởng đời văn học của Võ Phiến, Mai Thảo, đời làm vua thật và vua giấy của Bảo Đại, đời của nhà văn hóa Đào Duy Anh, đời chính trị của một người như Phan Bội Châu, hay vừa văn học vừa chính trị như Nhất Linh... Sự tẻ nhạt không nên làm hồi ký.

Có lẽ tôi thích *Đời Viết Văn Của Tôi* hơn là *Hồi Ký* (của tôi) Tôi là ông Nguyễn Hiến Lê. Tôi không phải là tôi.

NGÔI NHÀ SAU LƯNG VĂN MIẾU tập truyện TRẦN VŨ, Thời Văn xuất bản. Sách dày 254 trang. Giá 10 MK

Trần Vũ là một người viết trẻ, rất trẻ, nhưng là một cây bút già dặn trong chữ nghĩa. Đa dạng trong kỹ thuật, phong phú trong đề tài, sắc sảo trong quan sát, *Ngôi Nhà Sau Lưng Văn Miếu* là tập truyện ngắn đáng được quan tâm nhất trong năm 1990 [mặc dù năm 1990 chỉ mới bắt đầu vào giữa tháng Hai].

Trong một bài trả lời phỏng vấn của tạp chí Thế Kỷ 21 (số hiện đang có trong tay các bạn) Trần Vũ cho biết anh tự thấy không thành công mấy trong việc viết về hội nhập. Đề tài anh viết vẫn là Việt Nam.

Nếu lấy lứa tuổi của Trần Vũ làm mốc thì ở Hoa Kỳ có thể kể đến Nguyễn Hoàng Nam, Hoàng Mai Đạt. Hai cây bút trẻ và cũng rất già dặn này chọn đề tài về cuộc sống xứ người hơn là đào sâu về cuộc sống (nội tâm) của người Việt Nam trên quê hương Việt Nam như Trần Vũ đang chọn.

Sáng tác của Trần Vũ giúp ta thêm tin tưởng văn chương Việt Nam không bao giờ bị gián đoạn dù ở quê nhà hay ở xứ người.

TẠP CHÍ ĐỘC LẬP, số kép 11-12-89 Nguyệt san Thời Sự và Văn Nghệ Việt Nam. Chủ nhiệm Lý Thiện Tâm. Nhà văn Ngô Nguyên Dũng phụ trách phần văn học nghệ thuật và Dương Thạch Chương trông coi phần thời sự chính trị.

Tạp chí "là cơ quan liên lạc văn hóa của người Việt tị nạn tại hải ngoại" được xuất bản từ tháng Tư, 1977 tại Cộng Hòa Liên Bang Đức với mục đích góp phần vào việc phát huy văn hóa, truyền thống Việt Nam, hội nhập người Việt tị nạn tại Cộng Hòa Liên Bang Đức cũng như đấu tranh cho hòa bình và nhân quyền ở Việt Nam.

TẠP CHÍ VĂN XÃ, Số đặc biệt, Tháng Giêng và Hai 1990 Canh Ngọ. Nguyên Hương và Nguyễn Hữu Nghĩa chủ trương.

Trong lời mở đầu của tạp chí, người chủ trương cho biết "*Văn Xã* là một tổ chức của văn giới, qui tụ những người cùng chung lý tưởng, chủ trương dùng văn chương để phụng sự tổ quốc và dân tộc."

Văn Xã số ra mắt dày 164 trang, gồm một số bài thuộc nhiều lãnh vực nghiên cứu khác nhau.

HOÀI BẢO QUÊ HƯƠNG, tập san nghiên cứu chính trị, kinh tế xã hội, giáo dục, văn học số 2, do Hội Cựu Sinh Viên Quốc Gia Hành Chánh chủ trương, và Ngô Đình Hoa làm Tổng Thư Ký. Tạp chí dày 170 trang, đề giá 2.5 MK.

Đã Phát Hành
Khắp Nơi

SA MẠC

Trong ý nghĩ Nguyễn Xuân Hoàng

SA MẠC

Dưới mắt nhìn Nguyễn Xuân Hoàng

SA MẠC

Qua ngòi bút Nguyễn Xuân Hoàng

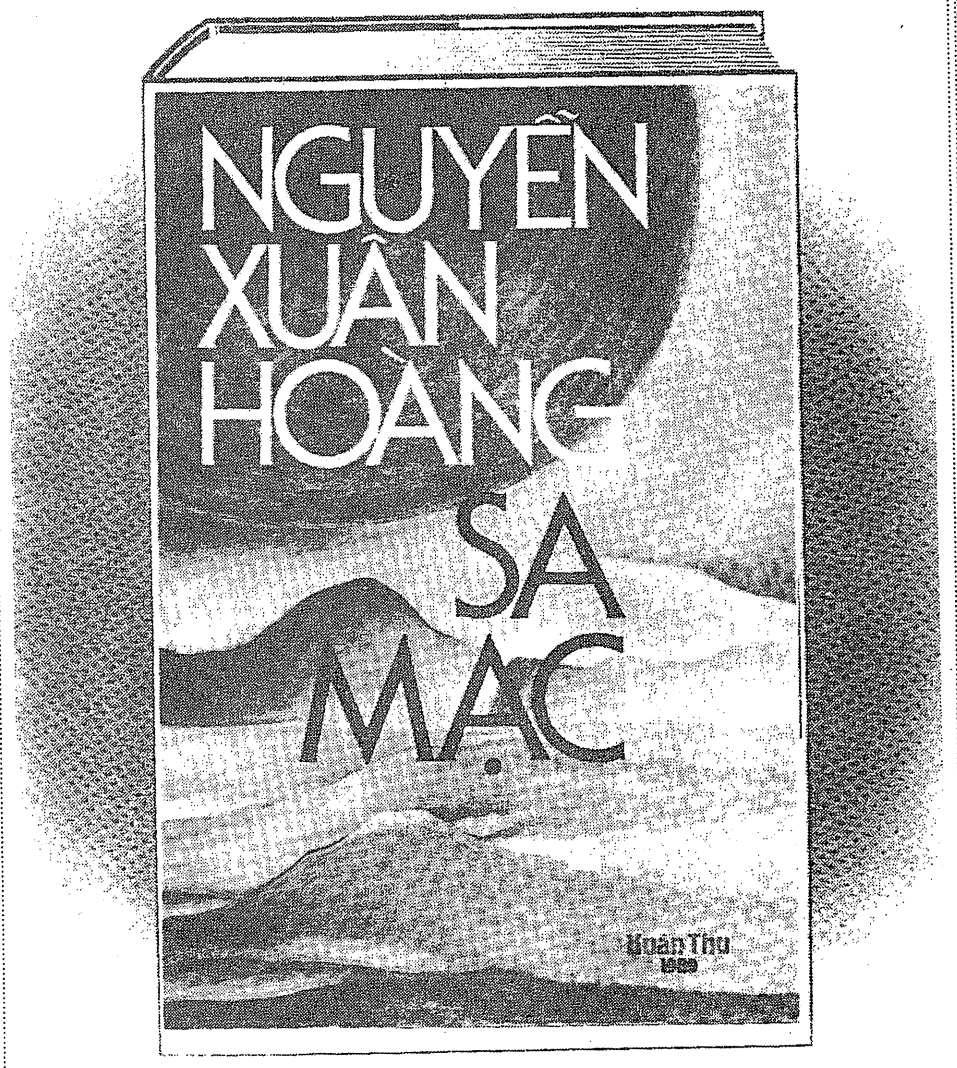

MISSION GRAPHICS

Quality Commercial Printers

11562 Trask Avenue • Garden Grove, • California 92643

IN NHANH
GIÁ HẠ
PHẨM CHẤT TỐT

Nhận in
Kinh Sách - Quảng Cáo
Menu - Giấy Tờ Văn Phòng
Bìa Băng Nhạc
Poster - Video

President:
HOÀI BẢO
(714) 534-0253

Bác Sĩ
NGUYỄN DUY CUNG
Giải Phẫu Thẩm Mỹ

PHÒNG MẠCH:
14441 Brookhurst St. #2
Garden Grove, CA 92643
(góc đường Hazard)
Liên lạc: cô Xuân Uyên (714) 775-3718

Nữ Bác Sĩ Nha Khoa
Nguyễn Thị Ngọc Sương
14265 Brookhurst Street
Garden Grove, CA 92643
Tel: (714) 531-2773

THẾ KỶ 21
14841 Moran St.,
Westminster, CA 92683
(714) 892-9414

PHIẾU MUA BÁO DÀI HẠN

Họ Tên: _____

Địa Chỉ: _____

City: _____ State ____ Zip _____

Điện thoại: _____

Xin đặt mua dài hạn báo **Thế Kỷ 21:**

☐ 6 số báo ☐ 12 số báo ☐ 24 số báo ☐ 36 số báo

Kèm theo đây là check/money order Ngày _____

mang số tiền: $US _____ Ký tên: _____

Giá mua dài hạn:	Bulk Rate (Mỹ)	First Class (Mỹ)	Canada	Các nước khác
6 số báo	$ 12	$ 18	US$ 20	US$ 21
12 số báo	$ 24	$ 36	US$ 40	US$ 42
24 số báo	$ 48	$ 72	US$ 80	US$ 84
36 số báo	$ 72	$ 120	US$ 120	US$ 126

PHÒNG MẠCH BÁC SĨ

VƯƠNG ĐỨC HẬU

M.D., F.A.C.O.G., INC.

DIPLOMATE AMERICAN BOARD OF OB & GYN

14536 Brookhusrt St., Phòng 101 (góc Hazard)
Westminster, CA 92683

Điện Thoại: (714) 531-5505

* Cựu thường trú và tốt nghiệp hậu Đại học Sản Phụ Khoa tại Hollywood Presbyterian Hospital và University of Southern California, Women Hospital Los Angeles
* Bác sĩ chuyên môn Sản Phụ Khoa Việt Nam Board Certified và hành nghề đầu tiên tại California
* Giáo sư Đại học U.C. Irvine, OB-GYN Department.
* Assistant Clinical Professor tại U.C.I Medical Center; khu sản phụ khoa

Với sự cộng tác của

NỮ BÁC SĨ

HỒ THỊ ÁNH NGUYỆT, M.D.

American Board of OB — GYN

Tốt nghiệp Y Khoa Đại Học U.C.L.A.
Tốt nghiệp chuyên môn Sản Phụ Khoa tại University of Texas, Medical Branch — Galveston, Texas.

CHUYÊN MÔN CHỮA TRỊ

SẢN KHOA

* Đỡ đẻ và giải phẫu sanh đẻ.
* Không nhận phá thai.
* Nhận sanh bình thường nếu lần trước bị mổ đẻ (Cesarean Section).
* Giải phẫu cột ống dẫn trứng sau khi sanh.
* Chỉ dẫn phương pháp sinh trai hay gái theo ý muốn.
* Văn phòng có trang bị máy Fetal Monitor Ultrasound tối tân để theo dõi thai kỳ.
* Đẻ không đau theo ý muốn

PHỤ KHOA

* Bệnh đàn bà, Huyết trắng
* Khám bệnh tổng quát phụ nữ
* Kế hoạch hóa gia đình; Cột hoặc đốt ống dẫn trứng.
* Sexual Dysfunction. Nhiễm trùng đường tiểu. Đau khi có kinh nguyệt.
* Kinh nguyệt bất thường; chảy máu bất thường.
* Bệnh hiếm muộn và giải phẫu bằng tia Laser tối tân.
* Giải phẫu bướu tử cung; Sa tử cung; Bướu buồng trứng.
* Truy tầm và chữa trị Ung thư cổ tử cung, Tử cung và Buồng trứng. Truy tầm Ung thư vú
* Giải phẫu sửa nhỏ âm đạo theo ý muốn

ĐẶC BIỆT: Cộng tác với Subspecialists, Giáo sư tại các đại học U.C.I, U.S.C, U.C.L.A. Dùng phương pháp tối tân nhất:
— Cấy trứng - Cấy tinh trùng - Thụ thai ống nghiệm v.v..
— Nối ống dẫn trứng bằng phẫu thuật kính hiển vi để có bầu trở lại (sau khi cột)

XIN VUI LÒNG LẤY HẸN

NGÀY GIỜ KHÁM BỆNH: Thứ Hai — Thứ Sáu: 9:30 AM — 6:30 PM
Thứ Bảy: 9:30 AM — 2:00 PM
Nghỉ Chủ Nhật

Viễn đông
RESTAURANT

Do LÂM QUANG điều hành
Được nổi tiếng trong cộng đồng người Việt
khắp năm châu với các món ăn thuần tuý miền Bắc:

1. *Bún chả "Chợ Đồng Xuân"*
2. *Chả cá Thăng Long*
3. *Bún vịt xáo măng*
4. *Bánh Tôm "Cổ Ngư"*
5. *Bún Bung*
6. *Bún Riêu*
7. *Bún giả cầy*
8. *Bún Thang*
9. *Bún Mộc*
10. *Bánh cuốn "Thanh Trì"*
11. *Bún ốc*
13. *Bánh đúc đậu rán*
14. *Đu đủ bò khô "Viễn Đông"*
15. *Miến gà*
16. *Miến lươn*
17. *Chả giò*

ĐẶC BIỆT: CHẢ CÁ THĂNG LONG
BÚN CHẢ ĐỒNG XUÂN
BÁNH TÔM CỔ NGƯ

VIỄN ĐÔNG I
9684 Westminster
Garden Grove, CA 92644
(714) 539-4614
8:30 AM 8:30 PM

VIỄN ĐÔNG I.
8966 E. Garvey #C-D
Rosemead, CA 91770
(818) 571-6807
9 AM - 9 PM

NHẬN ĐẶT TIỆC TRÀ
Nghỉ ngày Thứ Ba

BROOKHURST FOOT CLINIC
Bác Sĩ
ĐẶNG BỈNH CHÚC
Bác Sĩ Việt Nam duy nhất
Chữa Bệnh về Chân tại Nam Cali

Member California Podiatric Medical Association
Member Academy of Ambulatory Foot Surgeons

Palm Court Plaza
15444 BROOKHURST STREET
WESTMINSTER, CA 92683
(Góc Brookhurst/McFadden - đối diện chợ RALPH'S)

Chuyên Trị Và Giải Phẫu
Tất Cả Những Bệnh Tật
Và Chấn Thương Nơi Chân

Nhận Medical, Medicare và Bảo Hiểm
Nhận đến thăm bệnh tại nhà
Xin gọi điện thoại để lấy hẹn trước
Trường hợp khẩn cấp, xin gọi
(714) 775-5373
GIỜ LÀM VIỆC
Thứ Hai đến thứ Bảy: từ 10 giờ sáng
đến 7 giờ tối
Chủ Nhật: Làm theo hẹn

VĂN PHÒNG LUẬT SƯ VỚI TẦM VÓC QUỐC TẾ
PHỤC VỤ CỘNG ĐỒNG VIỆT NAM

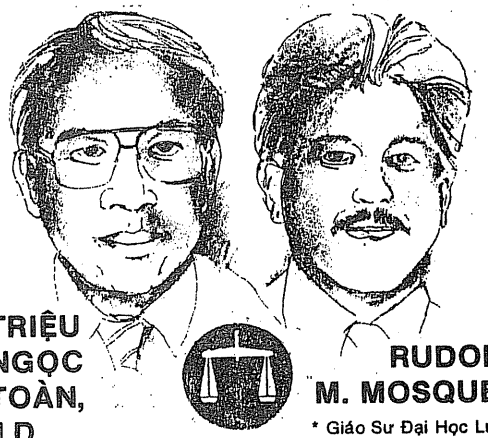

TRIỆU NGỌC TOÀN, J.D.
* Tốt nghiệp Tiến Sĩ Luật Khoa Hoa Kỳ (W.S.U.)
* Giáo Sư 11 Năm Hành Chánh Hoa Kỳ
* Điều Hành Văn Phòng

L.S. RUDOLPH M. MOSQUEDA
* Giáo Sư Đại Học Luật Khoa W.S.U.
* 6 Văn Phòng Đại Diện tại Đông Nam Á
* 5 Văn Phòng tại Orange County, Los Angeles
* Một tổ hợp Luật Sư Chuyên Nghiệp Tai Nạn (P.I.)
* Uy Tín Nhiều Năm Với Các Cộng Đồng Á Châu

- **ĐỀN BỒI THƯỜNG TAI NẠN, THƯƠNG TÍCH**
  - * Vì Xe Cộ:
    - Văn phòng đảm nhận kéo xe, thuê xe, báo cáo DMV
    - Đòi bồi thường tối đa, nhanh chóng
    - Tham khảo miễn phí
  - * Trượt Ngã Siêu Thị
  - * Sơ Xuất Y Tế
- **HÌNH LUẬT**
  - Lái xe say rượu, Trộm cắp siêu thị
  - Các tội Tiểu hình, Đại hình
  - Thiếu nhi phạm pháp
- **LUẬT ĐỊA ỐC:**
- **DI TRÚ, ĐOÀN TỤ:**
- **LUẬT THƯƠNG MẠI:**
- **KHAI KHÁNH TẬN, PHÁ SẢN:**
- **LUẬT GIA ĐÌNH:**
  - Ly dị, cấp dưỡng, chia tài sản
- **DI CHÚC THỪA KẾ**

(714) 892-2154
Giờ làm việc
Thứ 2-7: 10AM-7PM
Chủ Nhật: Theo hẹn.

XIN GỌI ĐỂ QUYỀN LỢI PHÁP LÝ CỦA QUÝ ĐỘC GIẢ ĐƯỢC BẢO VỆ TỐI ĐA

Los Angeles Office
3807 Wilshire Blvd., Suite 500
Los Angeles, CA 90010
Toll Free: **1-800-331-4725**

Westminster Office:
9211 Bolsa Ave., suite 222
Westminster, CA 92683
(Cạnh Siêu Thị 99)

Bộ chữ Việt Nam trên IBM PC & PS2

do VN Labs, nơi đầu tiên chế tạo Computer tiếng Việt (1984) và Bộ Chữ Quốc Tế (1985)

Hệ thống Computer tiếng Việt tối tân nhất thị trường. VN Labs hiện là nơi duy nhất chế tạo Bộ Chữ Việt Nam có thể in các loại phototypesetters và Posterípt printers, ngoài dot matrix và laser printers.

عربي

עִבְרִית

- Đầy đủ mọi áp dụng: viết văn, ấn loát, kế toán, thống kê, truyền tin, giáo dục, vv..
- Dùng trên hầu hết các loại IBM PC & PS2 với MDA, CGA, EGA, MCGA, VGA, PGA, Hercules, Taxan, Genius, vv..
- In tiếng Việt đủ cỡ, đủ kiểu trên các loại dot matrix printers, laser printers, postcript printers, và phototypesetters.
- Dùng tiếng Việt với các software thông dụng trên thị trường: WordPerfect, WordStar, Volkswriter, PC-Write, Microsoft Word, Personal Editor, PFS Professional Write, Dbase, Foxbase, Rbase, Quattro, VP-Planner, Ventura Publisher version 1.1 và 2.0, vv..
- Viết tiếng Việt 'chữ trước, dấu sau', hoặc 'dấu trước, chữ sau' (có thể thay đổi bất cứ lúc nào trong khi dùng software thị trường).

Khả năng của Postcript printers:

Từ một font chính, Postcript printers có thể in ra các cỡ khác nhau từ 2 pts. cho đến 254 pts., tăng từng .1 pts.

Một số loại Postcript printers (Linotype) có thể in đến 1720 dots/in., trong khi HP Laserjet chỉ có thể in 300 dots/in.

Bộ Chữ Việt Nam căn bản	$95
Bộ Chữ Việt Nam và Ventura option (Laserjet)	$195
Bộ Chữ Việt Nam và Ventura option (Postcript)	$295

VISA

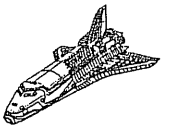

Mastercard

VN Labs

4320 Campus Drive, Suite 290
Newport Beach, CA 92660
Phone (714) 474-6968
FAX (714) 250-8117

Giám Đốc: Việt Nguyễn
Trưởng Ban Marketing: Alan Runfeldt
Trưởng Ban Software: Susan Nguyễn
Cố Vấn Kỹ Thuật: Hiếu Phạm

Đại Diện VN Labs:

LOS ANGELES: BMC (213) 422-4444
ORANGE COUNTY: SIGMA Computers (714) 893-0609
HOUSTON: Computrex (713) 524-5065
DALLAS: Zen Computer (214) 484-8008
UTAH: Altech Computer (801) 282-4252
OREGON: Lake Oswego Computer (503) 636-1541
NEW YORK: Kays International (914) 425-6469
CANADA: Speed Copy (604) 278-8518
AUSTRALIA: Graphics Applications Center 03-347-0548
ISRAEL: Technical Communication 303379
NETHERLANDS: Roth International 18371687
UNITED ARAB EMIRATES: TCS 237241

Tử Vi Computer (Postcript)

Lá Số Tử Vi trọn đời tính bằng Computer. Dầy đủ lời giải trên 12 trang, kèm theo bản An Sao in tuyệt đẹp bằng Bộ Chữ VN Labs trên Postcript printer, do Cosmos Systems thực hiện.

Vui lòng gửi chi tiết tên họ, ngày giờ năm sinh (Âm Lịch hoặc Dương lịch), Nam hoặc Nữ, và kèm theo $20 ngân phiếu hoặc Money Order về địa chỉ:

Cosmos Systems
P.O.box 2482
Mission Viejo, CA 92692
(714) 582-8233

HẸN NHAU Ở

BI/DA sàigòn

44, Avenue d'Ivry 75013 Paris
Centre Commercial Les Olympiades
Tel 45.84.04.85
(Sát nách Las Vegas, cùng từng lầu với Nam Á, Thúy Nga, Phượng Hoàng)

* NHƯ MỘT CHỖ DỪNG CHÂN
để hong ấm hiện tại lưu vong, để thắp sáng kỷ niệm Sàigòn, để hồi tưởng quê hương Việt Nam bằng hương vị đích thực của Mỹ Tho, Bến Tre, Biên Hòa, Lái Thiêu, Tân An...

* NHƯ MỘT CHỖ TÌM LẠI
để thưởng thức tất cả những gì đã thưởng thức sáng tới, trưa qua, chiều về ở vỉa hè, góc phố, quán chợ Sàigòn, Đa Kao, Tân Định, Thị Nghè, Phú Nhuận...

* NHƯ MỘT CHỖ NGỒI LÂU
để uống cà phê đá, nghe nhạc thính phòng và chiêm ngưỡng những đường bay của CƠ trên môi BI...

SAU HẾT VỚI TUỔI TRẺ VÀ
NHỮNG NGƯỜI TÌNH CỦA BI DA

Như một
chỗ thụt bi-da
lý tưởng
của Sàigòn thu nhỏ

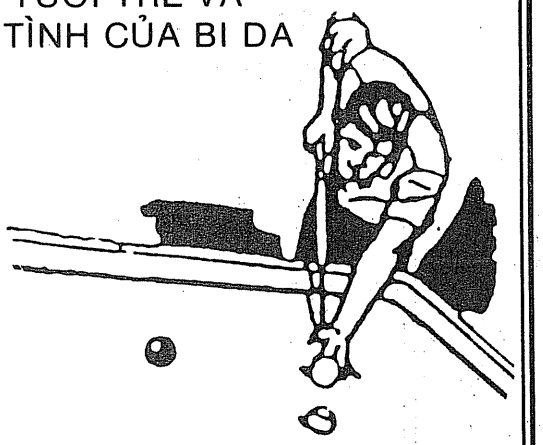

NHỚ CHỢ BẾN THÀNH — KHÔNG CẦN ĐI ĐÂU XA

LITTLE SAIGON
SUPERMARKET
小西貢超級市場

9822 Bolsa Ave., Westminster,
CA 92683 (góc Bolsa và Brookhurst)

714-531-7272

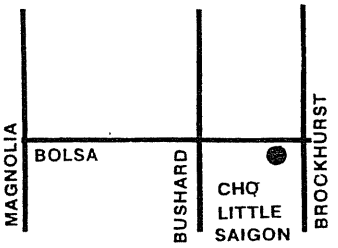

LUÔN LUÔN CÓ HÀNG SALE
...và hàng trăm mặt hàng nhu yếu phẩm do chính chủ nhân tự nhập cảng:

BÁN DƯỚI GIÁ SỈ

SIÊU THỊ LÝ TƯỞNG CỦA NGƯỜI VIỆT
TẠI TRUNG TÂM LITTLE SAIGON

BULK RATE
US POSTAGE PAID
SANTA ANA, CA PERMIT 23

VĂN PHÒNG LUẬT SƯ
EDWARD C. REID

2120 MAIN ST. SUITE 150 HUNTINGTON BEACH, CA 92648

(714) 536-4014

KINH NGHIỆM CHUYÊN MÔN VỀ
TAI NẠN

Xin liên lạc
Văn Phòng Chính:

CÔ NHƯ LAN

(714) 536-4014

- Bất cứ tai nạn gây thương tích nào
- Hồ sơ được theo dõi thường xuyên và giải quyết nhanh chóng
- Chỉ nhận thù lao sau khi được bồi thường

LAW OFFICE OF
EDWARD C. REID

Specializing In Insurance Law With Emphasis On:

PERSONAL INJURY

ACCIDENT * ALL TYPES

- AUTO ACCIDENTS
- MOTORCYCLE ACCIDENTS
- SPORTS INJURIES
- INSURANCE CLAIMS
- UNINSURED MOTORIST CLAIMS
- SLIP AND FALL
- WRONGFUL DEATH
- PRODUCTS LIABILITY

FREE CONSULTATION **NO RECOVERY — NO FEE**

Giá $2.50 MK Ngoài Hoa Kỳ thêm $1.00 MK